VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN TRUNG THÀNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TẠI CÁC TỈNH MIỀN TÂY NAM BỘ

Chuyên ngành **: Luật Hình sự và tố tụng hình sự**
Mã số **: 9 38 01 04**

HÀ NỘI - 2025

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN TRUNG THÀNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN TẠI CÁC TỈNH MIỀN TÂY NAM BỘ

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 9.38. 01.04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. PGS.TS. Phạm Minh Tuyên
2. TS. Đinh Thế Hưng

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

NCS xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu tham khảo và công trình nghiên cứu của các tác giả khác đều được trích dẫn nguồn cụ thể. Kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực, không có sự sao chép, trùng lặp với bất kỳ công trình nào đã công bố.

Nghiên cứu sinh

Trần Trung Thành

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài luận án.....1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....4
4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu.....26
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....5
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án.....6
7. Kết cấu của luận án 7
Chương 1.....8
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....8
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đề tài**.....8**
1.1.1. Các công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về hủy bản án sơ thẩm hình sự **.....8**
1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn áp dụng thủ tục tố tụng đối với hủy bản án sơ thẩm hình sự **.....17**
1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự **.....22**
1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu **.....23**
1.2.1. Những vấn đề nghiên cứu đã được làm rõ và kế thừa 23
1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.....24
Kết luận Chương 1 **.....26**
Chương 2.....28
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM HÌNH SỰ.....28
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của hủy bản án sơ thẩm hình sự **.....28**
2.1.1. Khái niệm hủy bản án sơ thẩm hình sự.....28
2.1.2. Đặc điểm hủy bản án sơ thẩm hình sự 32
2.1.3. Vai trò của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự 34
2.1.4. Ý nghĩa của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự.....36
2.2. Thể chế hóa vấn đề về hủy bản án sơ thẩm hình sự**.....42**

2.2.1. Nhu cầu thể chế hóa vấn đề hủy bản án sơ thẩm hình sự 42
2.2.2. Cơ sở của hủy bản án sơ thẩm hình sự.....44
2.2.3. Căn cứ hủy bản án sơ thẩm hình sự 47
2.2.4. Nguyên tắc hủy bản bản án sơ thẩm hình sự 54
2.2.5. Thẩm quyền hủy bản án án sơ thẩm hình sự.....58
2.2.6. Hậu quả pháp lý của hủy bản án án sơ thẩm hình sự.....65
2.2.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến hủy bản án án sơ thẩm hình sự.....65
Kết luận Chương 2 **.....68**
Chương 3 70
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI CÁC TỈNH MIỀN TÂY NAM BỘ.....70
3.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về hủy bản án sơ thẩm hình sự**.....70**
3.1.1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về huỷ bản án sơ thẩm hình sự theo thủ tục phúc thẩm 70
3.1.2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm.....87
3.1.3. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm.....90
3.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật Việt Nam về hủy bản án sơ thẩm hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ**.....93**
3.2.1. Khái quát về đặc điểm kinh tế - xã hội và tình hình xét xử các vụ án hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.....94
3.2.2. Những hạn chế, bất cập trong thực hiện hủy bản án sơ thẩm hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ và nguyên nhân.....128
Kết luận Chương 3 **.....138**
Chương 4 140
YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VÀ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN CÁC TỈNH MIỀN TÂY NAM BỘ 140
4.1. Yêu cầu đối với hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự**.....140**
4.1.1. Yêu cầu của cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay trong thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự.....140

4.1.2. Yêu cầu về bảo đảm quyền con người trong hủy bản án sơ thẩm hình sự theo Hiến pháp 2013 144

4.1.3. Yêu cầu phòng, chống tội phạm và phòng, chống oan sai trong thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự 145

4.1.4. Yêu cầu thúc đẩy hợp tác quốc tế trong hoạt động xét xử của Việt Nam bảo đảm thực hiện hiệu quả pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự 147

4.2. Giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về hủy bản án sơ thẩm hình sự **.....149**

4.2.1. Hoàn thiện quy định về hủy bản án sơ thẩm hình sự theo thủ tục phúc thẩm**.....149**

4.2.2. Hoàn thiện quy định về hủy bản án STHS theo thủ tục giám đốc thẩm **.....158**

4.2.3. Hoàn thiện quy định về hủy bản án sơ thẩm hình sự theo thủ tục tái thẩm**.....161**

4.3. Giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự **163**

4.3.1. Tăng cường các biện pháp giám sát hoạt động xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm **.....163**

4.3.2. Nâng cao năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự**.....166**

4.3.3. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của người dân **.....171**

Kết luận Chương 4 **.....173**

KẾT LUẬN 175

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
HĐXX	Hội đồng xét xử
HĐXXPT	Hội đồng xét xử phúc thẩm
STHS	sơ thẩm hình sự
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTHS	Tố tụng hình sự
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
VAHS	Vụ án hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
XXST	Xét xử sơ thẩm

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Thực trạng thụ lý và giải quyết các vụ án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ giai đoạn 2014-2024 ..... **98**

Bảng 3.2. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của 13 tỉnh miền Tây Nam Bộ trong xét xử phúc thẩm **100**

Bảng 3.3. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh An Giang **101**

Bảng 3.4. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Bạc Liêu **101**

Bảng 3.5. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Bến Tre **102**

Bảng 3.6. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Cà Mau **103**

Bảng 3.7. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của thành phố Cần Thơ **104**

Bảng 3.8. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Đồng Tháp **105**

Bảng 3.9. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Hậu Giang **105**

Bảng 3.10. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Kiên Giang **106**

Bảng 3.11. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Long An **107**

Bảng 3.12. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Sóc Trăng **108**

Bảng 3.13. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Tiền Giang **109**

Bảng 3.14. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Trà Vinh **110**

Bảng 3.15. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Vĩnh Long **111**

Bảng 3.16. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án giai đoạn 2014-2024 theo 13 tỉnh, thành phố miền Tây Nam bộ **111**

Bảng 3.17. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2018-2024 của 13 tỉnh miền Tây Nam Bộ trong xét xử giám đốc thẩm **113**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Tố tụng hình sự là quá trình tiến hành giải quyết VAHS theo quy định của pháp luật. TTHS Việt Nam chia quá trình giải quyết VAHS thành các giai đoạn TTHS. Mỗi giai đoạn tố tụng do các chủ thể khác nhau thực hiện và có nhiệm vụ khác nhau nhằm thực hiện mục đích của TTHS là ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng, xử lý công mính kịp thời mọi hành vi phạm tội bảo vệ công lý, quyền con người. Xét xử VAHS là giai đoạn trung tâm và quan trọng nhất của hoạt động TTHS mà trong đó, các cấp Tòa án có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật TTHS tiến hành: 1) áp dụng các biện pháp chuẩn bị cho việc xét xử, 2) Đưa VAHS ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm để xem xét về thực chất vụ án, đồng thời trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai và dân chủ của hai bên (buộc tội và bào chữa) phán xét về vấn đề tính chất tội phạm (hay không) của hành vi, có tội (hay không) của bị cáo (hoặc xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm - nếu bản án hay quyết định sơ thẩm đã được tuyên và chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng cáo, kháng nghị hoặc kiểm tra tính hợp pháp và có căn cứ của bản án hay quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm - nếu bản án hay quyết định đó bị kháng nghị) và cuối cùng, tuyên bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật nhằm giải quyết vấn đề TNHS một cách công minh và đúng pháp luật, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục.

Hiến pháp 2013 đã khẳng định: *"Tòa án thực hiện quyền tư pháp; TAND có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân"* [87]. Bên cạnh đó, Hiến pháp 2013 còn quy định các nguyên tắc của tư pháp như: Chế độ XXST, phúc thẩm được bảo đảm (Điều 103); Bản án, quyết định của Toà án phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng, cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành (Điều 106). Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: *"Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của TAND"* [27]. Những quy định nói trên là cơ sở hiến định cho việc xét xử phúc thẩm nói chung và hủy bản án sơ thẩm nói riêng. Để làm được điều này cần thiết xây dựng thủ tục TTHS chặt chẽ, có khả năng phát hiện sai lầm trong hệ thống xét xử; giải quyết nhanh nhất để khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị oan, kịp thời bồi thường vật chất, tinh thần một cách thỏa đáng. Thủ tục xét

xử phúc thẩm và thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm với ý nghĩa khắc phục sai lầm của bản án sơ thẩm sẽ đáp ứng yêu cầu này.

Về lý luận, hủy bản án STHS, các thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm là một vấn đề quan trọng của TTHS đã nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm, cách nhìn nhận khác nhau, chưa hoàn toàn thống nhất về bản chất hủy bản án STHS; chưa thống nhất được căn cứ, thẩm quyền, hậu quả hủy bản án STHS. Vì vậy, nghiên cứu lý luận và thực tiến về hủy bản án STHS là rất cần thiết để bổ sung, phát triển tri thức khoa học pháp lý, thống nhất về quan điểm và định hướng xây dựng, hoàn thiện pháp luật TTHS. Do đó, vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ.

Về thực trạng, thực trạng quy định của pháp luật TTHS về hủy bản án STHS vẫn còn những vẫn đề cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện. Cụ thể hóa Hiến pháp 2013, BLTTHS đã có sửa đổi bổ sung quan trọng làm nền tảng cho XXST của tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm nói chung và hủy bản án STHS nói riêng như bổ sung các nguyên tắc của TTHS, quy định đầy đủ và rõ hơn quyền của người tham gia tố tụng, sửa đổi, bổ sung các quy định về chứng cứ, về thủ tục kháng cáo, kháng nghị, phiên tòa phúc thẩm… Tuy nhiên, thực trạng các quy định hiện nay về hủy bản án sơ thẩm vẫn còn nhiều vướng mắc về thủ tục, căn cứ, chủ thể cũng như xác định rõ hậu quả của hủy bản án sơ thẩm hình sự… Điều đó, đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu cả phương diện lý luận và thực tiễn nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật của Tòa án trong việc hủy bản án sơ thẩm.

Về thực tiễn áp dụng pháp luật, về hủy bản án STHS vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu để đưa ra giải pháp khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện. Thực tiễn thực hiện chỉ đạo của Nghị quyết 49/NQ-TW về cải cách tư pháp, pháp luật và hoạt động của các tòa án cấp phúc thẩm nói chung và việc hủy bản án STHS nói riêng đã được bổ sung, sửa đổi cập nhật, qua đó chất lượng hủy bản án STHS đã được nâng lên. Tuy nhiên, nhìn nhận tổng thể thì vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Điều này không phát huy hiệu quả và ý nghĩa của chế định hủy án sơ thẩm, ảnh hướng tới tính thống nhất trong áp dụng pháp luật của tòa án các cấp, không sửa chữa được hạn chế, sai lầm của bản án STHS mà còn ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Miền Tây Nam Bộ hay còn gọi là các tỉnh Miền Tây hoặc Đồng bằng sông Cửu Long, gồm 13 tỉnh thành phố. Tại TAND hai cấp các tỉnh miền Tây Nam Bộ, công tác xét xử các VAHS trong những năm gần đây cũng đạt được những kết quả đáng

kể góp phần không nhỏ bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự an toàn xã hội [95]. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế, sai lầm trong triển khai thực hiện cần khắc phục đó là vẫn còn tình trạng các vụ án STHS bị tuyên hủy theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm vẫn còn. Ngoài ra, mặc dù vấn đề hủy bản án STHS là rất quan trọng nhưng quy định của BLTTHS (BLTTHS) năm 2015 và một số văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật đối với vấn đề này vẫn chưa thật sự chặt chẽ, chưa đồng bộ, nhất là quy định hủy bản án trong một số trường hợp cụ thể nên đã tạo ra không ít khó khăn, lúng túng cho Tòa án cấp trên khi áp dụng và trong một số ít trường hợp là kẽ hở có thể bị lợi dụng. (Ví dụ: Vụ án bị cáo Nguyễn Phú Ninh phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* được TAND tỉnh Đồng Tháp XXST 02 lần và đều bị TANDCC tại TP.HCM huỷ bản án STHS với nhận định chưa đủ căn cứ kết tội đối với bị cáo Ninh nhưng sau đó TAND tối cao đã kháng nghị và Bản án giám đốc thẩm đã tuyên huỷ bản án Phúc thẩm hình sự của TANDCC tại TP.HCM giữ nguyên bản án STHS của TAND tỉnh Đồng Tháp) [117]. Do vậy, việc bản án hình sự bị hủy làm ảnh hưởng đến công cuộc cải cách tư pháp hiện nay của Việt Nam nói chung, hay kéo dài thời hạn tố tụng không chỉ gây thiệt hại lớn cho ngân sách của nhà nước, xã hội, mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia tố tụng và nhất là có thể làm mất lòng tin của nhân dân vào công lý. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến VAHS bị hủy như do số lượng Thẩm phán còn ít trong khi số lượng VAHS nhiều và phức tạp, trình độ nhận thức của Thẩm phán nhìn chung chưa cao, việc áp dụng pháp luật giữa các cấp Tòa án còn chưa thống nhất… với thực tiễn xét xử và thực trạng pháp luật hiện nay thì việc ban hành bản án, quyết định đúng pháp luật là một vấn đề không đơn giản. Do vậy, vấn đề hạn chế đến mức thấp nhất số lượng án hình sự bị hủy tiến tới không còn án bị hủy nhằm nâng cao chất lượng xét xử các VAHS vẫn đang là vấn đề được Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm. Từ những lý do cấp thiết nêu trên NCS chọn đề tài ***"Hủy bản án sơ thẩm hình sự từ thực tiễn tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ***" làm đề tài Luận án Tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là làm rõ thêm các vấn đề lý luận liên quan đến hủy bản án STHS, phân tích thực trạng của pháp luật Việt Nam về hủy bản án STHS, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về hủy bán án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, chỉ ra những bất cập, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn

thiện pháp luật và bảo đảm thực hiện đúng thủ tục hủy bản án STHS trong giai đoạn tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến hủy bản án STHS qua đó đánh giá được các kết quả nghiên cứu của các công trình trước đó, đề xuất những nội dung tiếp tục nghiên cứu trong luận án;

Thứ hai, hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận về hủy bản án STHS như xây dựng khái niệm, phân tích đặc điểm, đánh giá vai trò, ý nghĩa của hủy bản án STHS; phân tích thể chế hóa bằng pháp luật các vấn đề về hủy bản án STHS. Luận án đi sâu nghiên cứu cơ sở, căn cứ hủy bản án STHS, nguyên tắc hủy bản án STHS, thẩm quyền hủy bản án STHS và hậu quả pháp lý của hủy bản án STHS... qua đó làm nền tảng cho việc nghiên cứu thực tiễn về vấn đề này...

Thứ ba, phân tích, đánh giá tổng thể về thực trạng quy định về thủ tục tố tụng đối với hủy bản án STHS trong pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành, cũng như thực tiễn áp dụng những quy định này trong xét xử của TAND tại các tỉnh Tây Nam Bộ. Kết quả của quá trình phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam về hủy bản án STHS là luận án chỉ ra những bất cập của pháp luật là cơ sở để đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật và một số nguyên nhân của thực trạng này cũng như những hạn chế trong thực tiễn triển khai. Tác giả tổng hợp số liệu liên quan đến hủy bản án STHS ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ, sử dụng kết quả nghiên cứu này để phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện quy định pháp luật hình sự về hủy bản án STHS ở Việt Nam, tập trung vào các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Thứ tư, đề xuất những phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự liên quan đến hủy bản án STHS và giải pháp nhằm bảo đảm hiệu quả áp dụng pháp luật về hủy bản án STHS trong xét xử tại TAND các tỉnh Tây Nam Bộ trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận về hủy bản án STHS, thực trạng pháp luật có liên quan và thực tiễn hủy bản án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Hoạt động hủy bản án STHS là một nội dung nghiên cứu rộng với các vấn đề liên quan từ lý luận, thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật... Trong giới hạn của luận án tiến sĩ chuyên ngành Luật Hình sự và Tố tụng hình sự,

hoạt động hủy bản án STHS được nghiên cứu từ góc độ kết quả xét xử của TAND mà không nghiên cứu việc hủy bản án STHS của Tòa án quận sự. Đồng thời, các đánh giá, phân tích về pháp luật chỉ tập trung ở pháp luật hình sự và TTHS.

Về không gian: Luận án nghiên cứu và sử dụng các dữ liệu, thông tin về hủy bản án STHS của TAND tại các tỉnh Tây Nam Bộ.

Về thời gian: Luận án nghiên cứu các quy định của BLTTHS năm 2015, có so sánh với các thời kỳ trước đó. Dữ liệu, thông tin được thu thập tập trung chủ yếu từ năm 2018 đến nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án nghiên cứu trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Nhà nước về nhà nước và pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền, về cải cách tư pháp, lý luận về lịch sử nhà nước và pháp luật, Hiến pháp, pháp luật hình sự, pháp luật TTHS, thể hiện trong quá trình chỉ đạo, định hướng trong cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra, luận án sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ các luận điểm của luận án cụ thể như:

- Phương pháp hệ thống, phương pháp quy nạp, diễn dịch được NCS sử dụng để nghiên cứu nội dung các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến hủy bản án STHS và pháp luật về hủy bán án STHS. Phương pháp hệ thống được nghiên cứu sinh sử dụng chủ yếu trong chương 1, chương 2, chương 3 của luận án để hệ thống các công trình khoa, các quan điểm khoa học và các bản án điển hình.

- Phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích (case study) các tài liệu nhằm thu thập, tổng hợp số liệu liên quan đến thực trạng và thực tiễn thực hiện hủy bản án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở chương 2 và chương 3 của luận án. Ở chương 2 về lý luận, tác giả sẽ tổng hợp các quan điểm khoa học, ý kiến học giả, quy định của pháp luật, án lệ và văn bản hướng dẫn có liên quan đến huỷ bản án sơ thẩm hình sự; xâu chuỗi, hệ thống hoá các luận điểm lý thuyết để hình thành cơ sở khoa học và khung pháp lý cho việc phân tích thực tiễn, tạo ra bức tranh toàn diện, tránh nhìn nhận rời rạc từng khía cạnh nhỏ lẻ. Ở chương thực trạng, tác giả tổng hợp và phân tích các số liệu, báo cáo, bản án và quyết định giám đốc thẩm, phúc thẩm của Toà án nhân dân tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Khái quát hoá những biểu hiện điển hình, mô hình, xu hướng từ các vụ việc cụ thể, thay vì chỉ dừng ở một vài vụ án đơn lẻ. Rút ra các đặc điểm chung, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của việc huỷ bản án sơ thẩm hình sự trong khu vực nghiên cứu.

- Phương pháp logic được NCS sử dụng xuyên suốt quá trình thực hiện các chương của luận án nhằm tạo sự thống nhất và biện chứng trong quá trình nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hủy bán án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

- Phương pháp thống kê hình sự là phương pháp đặc trưng trong nghiên cứu khoa học hình sự và tố tụng hình sự được NCS sử dụng để nghiên cứu thực tiễn hủy bán án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Cụ thể: So sánh quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam qua các giai đoạn nhằm thấy được sự phát triển, bổ sung và thay đổi trong quy định về căn cứ, thẩm quyền và trình tự huỷ bản án sơ thẩm. Đối chiếu pháp luật Việt Nam với pháp luật một số quốc gia khác hoặc chuẩn mực quốc tế để làm nổi bật đặc thù và hạn chế của hệ thống pháp luật Việt Nam. Phương pháp so sánh được sử dụng trong thực tiễn áp dụng pháp luật như: So sánh tình hình huỷ bản án sơ thẩm giữa các tỉnh miền Tây Nam Bộ (ví dụ: Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Sóc Trăng…) để chỉ ra nơi nào có tỷ lệ huỷ án cao/thấp, loại căn cứ huỷ án phổ biến, cũng như những nguyên nhân đặc thù (do năng lực thẩm phán, do chất lượng điều tra, do yếu tố địa phương). So sánh các vụ án có bản án sơ thẩm bị huỷ với các vụ án không bị huỷ, để làm rõ sự khác biệt trong việc áp dụng pháp luật, đánh giá chứng cứ, bảo đảm quyền bào chữa… Ngoài ra, phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh tình hình huỷ bản án sơ thẩm qua các giai đoạn để thấy xu hướng tăng, giảm và nguyên nhân của sự thay đổi, từ đó dự báo xu hướng, đồng thời xác định trọng tâm của các giải pháp cần hoàn thiện.

Ngoài ra, luận án được nghiên cứu trên cơ sở các chuyên ngành khoa học pháp lý như: Lịch sử pháp luật, lý luận về pháp luật, luật hình sự, luật TTHS, xã hội học pháp luật. Qua đó rút ra những kết luận, đề xuất phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hủy bản án sơ thẩm hình sự từ thực tiễn tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án là một công trình nghiên cứu khoa học có tính hệ thống, toàn diện, chuyên sâu về các quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật TTHS đối với hủy bản án STHS và gắn với thời gian cụ thể từ khi BLTTHS năm

2015 có hiệu lực đến nay. Những đóng góp mới của Luận án được thể hiện chủ yếu như sau:

Ý nghĩa lý luận, kết quả nghiên cứu của luận án đã hệ thống hoá và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về hủy bản án STHS như xây dựng khái niệm, tổng hợp đặc điểm, đánh giá vai trò và ý nghĩa của hủy bản án STHS... qua đó làm nền tảng cho việc nghiên cứu thực tiễn về vấn đề này. Đồng thời, luận án cũng nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện các vấn đề về nhu cầu thể chế hóa vấn đề hủy bản án STHS, Cơ sở, căn cứ hủy bản án STHS, nguyên tắc, thẩm quyền, hậu quả pháp lý của hủy bản án STHS. Luận án nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hủy bản án STHS. Những nghiên cứu về mặt lý luận là nền tảng để phân tích, đánh giá thực trạng quy định pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật.

Ý nghĩa thực tiễn, luận án đánh giá một cách sâu sắc và toàn diện những quy định về thủ tục tố tụng đối với hủy bản án STHS trong pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành, cũng như thực tiễn áp dụng những quy định này trong xét xử của TAND tại các tỉnh Tây Nam Bộ. Trên cơ sở phân tích luật thực định, đối chiếu lịch sử, so sánh pháp luật để từ đó xác định được nguyên nhân và hạn chế của luật thực định cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật. Dựa vào kết quả nghiên cứu, luận án sẽ đề xuất những giải pháp để khắc phục những hạn chế, vướng mắc đó, trong đó luận án đề xuất những giải pháp bảo đảm hủy đúng bản án sơ thẩm hình sự trên cơ sở phân tích các điển hình trong xét xử tại TAND các tỉnh Tây Nam Bộ trong thời gian tới.

6. Kết cấu của luận án

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

Chương 2. Những vấn đề lý luận về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Chương 3. Quy định của pháp luật TTHS về hủy bản án sơ thẩm hình sự và thực tiễn áp dụng tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ

Chương 4. Yêu cầu và giải pháp bảo đảm hủy đúng bản án sơ thẩm hình sự

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đề tài

Các nghiên cứu về thủ tục tố tụng đối với hủy bản án STHS cũng như pháp luật về hủy bản án STHS rất phong phú, đa dạng và nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Qua nghiên cứu các công trình trong nước và nước ngoài có liên quan trực tiếp đến đề tài của luận án, có thể khái quát thành các nhóm sau: (1) Các công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về hủy bản án STHS; (2) Các công trình nghiên cứu về pháp luật hủy bản án STHS; (3) Các công trình nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật về hủy bản án STHS và (4) Các công trình nghiên cứu về hoàn thiện pháp luật về hủy bán án STHS.

1.1.1. Các công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Liên quan đến những nghiên cứu về lý luận, lý thuyết liên quan đến thủ tục huỷ bản bán STHS, có thể kể đến các nghiên cứu sau:

Các nghiên cứu về hủy án sơ thẩm ngoài nước trước hết phải kể đến một số nghiên cứu đã được dịch sang Tiếng Việt như cuốn sách *"Những mô hình TTHS điển hình trên thế giới"*, do Tô Văn Hòa (2012) chủ biên, đã tổng hợp các bài viết, công trình nghiên cứu của GS. Byung-Sun Cho, GS. Liling Yue, GS. William Burnham, TS. Marco Fabri, GS. Richard S. Shine, Jean-Philippe Rivaud nghiên cứu về những mô hình TTHS điển hình, phổ biến trên thế giới là Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ý, Liên bang Nga, Pháp và Trung Quốc với những đặc thù và khác biệt của từng quốc gia trong hệ thống tư pháp hiện nay của họ. Vấn đề huỷ bản án STHS là một thủ tục, chế định được quy định chặt chẽ, thống nhất trong quy định về TTHS của các nước vì ý nghĩa, tầm quan trọng và mức độ ảnh hưởng đến các vấn đề ở các cấp xét xử trong hệ thống [43].

Công trình *"Luật 101, mọi điều bạn cần biết về pháp luật Hoa Kỳ",* của tác giả Jay M. Feiman (2014) do Nguyễn Hồng Tâm, Nguyễn Thị Thanh, Trần Quang Hồng dịch, Nguyễn Đăng Dung và Vũ Công Giao hiệu đính bổ sung. Các công trình này nghiên cứu về nhiều nội dung khác nhau như mô hình TTHS, giới thiệu pháp luật TTHS với những mô hình và đặc thù khác nhau của một số quốc gia trên thế giới, vai trò của Viện công tố trong TTHS được làm rõ và so sánh với các mô hình TTHS khác trên thế giới. Liên quan đến thủ tục phúc thẩm và thẩm quyền hủy bản án STHS trong

TTHS, có một điểm chung nhất đó là pháp luật TTHS của hầu hết các quốc gia đều quy định nguyên tắc xét xử hai cấp và thủ tục, thẩm quyền hủy các bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm được các cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm thực hiện theo đúng quy trình và trình tực của pháp luật TTHS. Tuy nhiên, các nghiên này cho thấy, mô hình TTHS tác động đến thẩm quyền, thủ tục, hậu quả pháp lý của việc hủy bản án STHS [68].

Piter. D Marshall (2011), trong*"Comperative anlysis of the right to appeal"* (Tạm dịch là *"Phân tích so sánh về quyền kháng cáo"*) [127] khẳng định vai trò, tầm quan trọng của kháng cáo, kháng nghị trong việc sữa chữa lỗi *"bảo vệ chống lại sự sai sót của công lý"* trong quá trình thực hiện xét xử của tòa án, tác giả đã đánh giá quyền kháng cáo là quyền quan trọng của bị cáo mà pháp luật TTHS cần phải cung cấp cho họ cơ hội để tiếp cận một quy trình TTHS công bằng để xem xét một cách thận trọng việc kết tội một người đồng thời bài viết cũng chỉ ra những sai sót trong các bản án STHS như: không đánh giá đúng các chứng cứ được cung cấp theo hồ sơ đính kèm; kết tội của tòa án dựa trên định kiến và các chứng cứ bịa đặt mà chưa có sự nghiên cứu và khẳng định; thủ tục XXST không đảm bảo nguyên tắc trình tự công bằng. *Thứ hai,* quy định về kháng cáo, kháng nghị của bên có thẩm quyền sẽ đảm bảo cho các tòa án sơ thẩm sửa chữa những bất cập trong quá trình áp dụng vào những trường hợp cụ thể thông qua đó sẽ hướng dẫn áp dụng nhất quán pháp luật TTHS trong tương lai. Chính vì lẽ đó, hoạt động xét xử phúc thẩm *"cung cấp diễn đàn"* cho việc giải thích, áp dụng đúng đắn pháp luật trong thực tiễn. *Thứ ba,* kháng cáo, kháng nghị và xét xử phúc thẩm có tác dụng đem đến những tiêu chuẩn về tính hợp pháp và công bằng cho hệ thống tư pháp hình sự; đem đến niềm tin của dân chúng đối với công lý khi các Tòa án phán xét trên cơ sở nhất quán và công bằng. Ngoài ra, tác giả cũng đánh giá kháng cáo, kháng nghị và xét xử phúc thẩm là phương pháp giám sát có hiệu quả hoạt động xét xử các tòa án và các thẩm phán buộc họ phải chịu trách nhiệm đối với các phán quyết của mình trong quá trình thực hiện. Trong công trình này, tác giả đề cập đến thủ tục phúc thẩm của các nước Pháp, Đức, Anh, Hà Lan, Australia…

Ở Pháp, Tòa phúc thẩm chịu trách nhiệm phán quyết các kháng cáo đối với các quyết định đưa ra trong các trường hợp đã được tòa sơ thẩm xét xử. Khi một trong các bên không hài lòng với quyết định được đưa trong phiên tòa sơ thẩm, họ có thể *"kháng cáo"* lại quyết định này bằng một tuyên bố được nộp tại cơ quan đăng ký của Tòa án cấp phúc thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án đã đưa ra quyết định nói trên.

Trong khi các tòa sơ thẩm đưa ra *"phán quyết"* thì tòa phúc thẩm đưa ra *"phán quyết"*, có thể xác nhận, sửa đổi hoặc đảo ngược quyết định đầu tiên.

Ở Đức, cả cơ quan công tố và bị cáo đều có quyền yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Nếu kháng cáo về tình tiết của vụ án hoặc áp dụng pháp luật được coi là có cơ sở, thì Tòa án xét xử kháng cáo sẽ hủy bỏ bản án, quyết định về tình trạng của bị cáo. Đặc biệt, theo khoản 2, Điều 328 BLTTHS Đức quy định về trường hợp hủy án STHS: Nếu Tòa án cấp sơ thẩm đã thừa nhận sai thẩm quyền, Tòa án xét xử phúc thẩm sẽ hủy bỏ bản án và chuyển vụ việc cho Tòa án có thẩm quyền để tiếp tục thực hiện theo đúng thủ tục TTHS. Bên cạnh đó, BLTTHS Đức chia kháng cáo thành 2 loại: kháng cáo về sự thật của vụ án và kháng cáo về áp dụng pháp luật để thể hiện rõ khác biệt trong kháng cáo. Nếu một trong các bên nộp đơn *"kháng cáo"* về áp dụng pháp luật đối với bản án STHS và một bên nộp đơn kháng cáo về sự thật của vụ án, thì kháng cáo về áp dụng pháp luật, nếu nộp đúng thời gian và theo hình thức quy định của pháp luật TTHS sẽ được chấp nhận. Trong trường hợp bản án STHS vi phạm pháp luật liên quan đến việc đánh giá hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án xét xử cấp phúc thẩm có thể hủy bỏ bản án STHS. Theo yêu cầu kháng cáo, Tòa án xét xử phúc thẩm về luật có thể giảm nhẹ hậu quả pháp lý khi thích hợp.

Benjamin L Berger (2005), *"Criminal Appeals as Jury Control: An Anglo-Canadian Historical Perspective on the Rise of Criminal Appeals"* (Tạm dịch: *Kháng cáo hình sự như là hình thức kiểm soát bồi thẩm đoàn. Quan điểm lịch sử Anh-Canada về sự gia tăng của các kháng cáo hình sự*) [124] xem xét các cuộc tranh luận ở Anh về việc thiết lập kháng cáo hình sự và đặt các cuộc tranh luận này trong bối cảnh các hình thức kiểm soát Bồi thẩm đoàn. Tác giả chỉ ra rằng sự xuất hiện của kháng cáo hình sự gắn liền với cuộc tranh luận thế kỷ 19 giữa các Thẩm phán Anh và các thành viên của ngành luật về sự yếu kém của việc xét xử bởi Bồi thẩm đoàn và sự cần thiết phải có một phương tiện xét xử mới để sửa lỗi. Tác giả lập luận rằng theo đó, kháng cáo hình sự hiện đại hiểu đúng nhất là cốt lõi, là một cơ chế kiểm soát Bồi thẩm đoàn.

Luận án tiến sĩ luật học: *"Mô hình TTHS Việt Nam và vấn đề áp dụng tố tụng tranh tụng"*, của Nguyễn Thị Thủy (2014) [109], đã nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản liên quan về mô hình TTHS với những tiêu chí khoa học về phân loại các mô hình TTHS hiện hành được triển khai trong lịch sử TTHS của Việt Nam cũng như có những so sánh với các quốc giá khác trên thế giới. Tác giả đã làm rõ lịch sử hình

thành, quá trình phát triển, đặc điểm, đặc trưng cũng như ưu thế, hạn chế của các mô hình TTHS điển hình trên thế giới và xu thế phát triển chung của các mô hình TTHS đó để đối sánh với thực tế của Việt Nam. Tác giả đã xác định và làm rõ những đặc điểm chủ yếu của mô hình TTHS Việt Nam thông qua phân tích các quy định của pháp luật TTHS từ năm 1945 đến nay, đánh giá thực tiễn áp dụng các mô hình TTHS này nhằm xác định những hạn chế, bất cấp cũng như những kết quả đã đạt được trong quá trình áp dụng. Làm rõ những mặt tích cực cũng như hạn chế của mô hình TTHS hiện hành. Làm rõ những yêu cầu của cải cách tư pháp đặt ra đối với việc hoàn thiện mô hình TTHS nước ta. Phân tích, làm rõ những tiền đề và thách thức đối với việc áp dụng các yếu tố của tố tụng tranh tụng trong quá trình cải cách tư pháp, trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị về phương hướng, giải pháp tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mô hình TTHS tranh tụng đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Đồng thời, đề xuất các điều kiện để bảo đảm thể chế và áp dụng tố tụng tranh tụng trong mô hình TTHS nước ta.

Công trình *"Về nguyên tắc tranh tụng trong TTHS"* của tác giả Nguyễn Văn Hiển (2011) [39]. Đây là cuốn sách có nội dung tương đối đầy đủ về nguyên tắc tranh tụng trong TTHS. Tác giả đã đưa ra khái niệm, phân tích nội dung, ý nghĩa, điều kiện đảm bảo thực hiện, nghiên cứu quy định của pháp luật hiện hành cũng như thực tiễn áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong TTHS.

Bài viết *"Các yếu tố tranh tụng trong mô hình tố tụng thẩm vấn truyền thống của Việt Nam"* của Võ Minh Kỳ (2020) [58] cung cấp một góc nhìn tổng quát về mô hình tố tụng truyền thống của Việt Nam và phân tích các yếu tố tranh tụng được quy định trong BLTTHS năm 2015. Đồng thời, tác giả đã chỉ ra các khiếm khuyết bao gồm vấn đề tính công bằng của phiên tòa và quyền con người, từ đó tác giả đã chỉ rõ các yếu tố khắc phục các khiếm khuyết liên quan đến mô hình tố tụng thẩm vấn truyền thông.

Hủy bản án STHS có liên quan chặt chẽ tới nguyên tắc xét xử hai cấp, nguyên tắc đảm bảo giám đốc thẩm và tái thẩm. Bởi lẽ, vấn đề hủy bản án STHS được thực hiện dựa trên nguyên tắc này. Liên quan đến nhóm tài liệu này có các công trình sau đây:

Luận án *"Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS Việt Nam"* của Vũ Gia Lâm (2018) [60] đã nghiên cứu, hệ thống hóa và phân tích, làm rõ những quy định của BLTTHS Việt Nam về nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp XXST và phúc thẩm, đồng thời đối chiếu, so sánh để tìm ra các mâu thuẫn và bất cập trong các quy định đó để làm căn cứ phát triển của hệ thống. Riêng đối với cấp xét xử phúc thẩm tác giả chỉ tập trung

nghiên cứu các quy định của pháp luật về việc phúc thẩm đối với các bản án STHS và vấn đề huỷ bản án STHS được tác giả đề cập ở góc độ là thủ tục của tố tụng của toà phúc thẩm. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã chỉ ra các bước trong quá trình thực hiện thủ tục huỷ bản án STHS theo đúng quy định của pháp luật luật TTHS.

Luận án *"Phúc thẩm trong TTHS"*, của Nguyễn Đức Mai (2004) [69] đã thực hiê nghiên cứu một cách toàn diện có hệ thống về thủ tục phúc thẩm trong TTHS nói chung. Theo tác giả thủ tục xét xử phúc thẩm với tư cách là cấp xét xử thứ hai, xét xử lại nội dung của vụ án nên xét xử phúc thẩm có ý nghĩa quan trọng góp phần sửa chữa những sai lầm về sự việc và vi phạm về pháp luật của Tòa án sơ thẩm, bảo đảm tính thống nhất trong việc áp dụng, thi hành pháp luật, góp phần nâng cao trách nhiệm và chất lượng xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm tránh những sai sót và bảo đảm không bỏ lọt tội phạm nhưng vẫn thể hiện rõ tính khoan hồng của pháp luật của Việt Nam.

Công trình *"Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"*, của Lê Thị Hồng Hạnh (2009) [35] đã nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử, chỉ ra những vướng mắc, mâu thuẫn trong quy định của pháp luật và quá trình áp dụng trong thực tiễn. Vấn đề huỷ bản án hình sự đã được tác giả nghiên cứu trong nội dung về thủ tục về phúc thẩm của TAND, là một nội dung quan trọng nhằm khẳng định tính đúng đắn của hoạt động XXST, qua đó xác định được nguyên nhân của việc đề xuất huỷ bản án.

Công trình *"Quyền sửa bản án sơ thẩm của HĐXXPT theo Luật TTHS Việt Nam"* (2023), của Nguyễn Thị Thủy Tiên (2023) [93] đã phân tích, hệ thống và làm rõ một số vấn đề nhận thức về quyền sửa bản án STHS của HĐXXPT theo Luật TTHS Việt Nam cũng như quy định của pháp luật hiện hành về quyền sửa bản án STHS. Tác giả đã đánh giá thực tiễn về quyền sửa bản án STHS, phân tích những tồn tại hạn chế, bất cấp trong thực tiễn áp dụng quy định đó của HĐXXPT trong giai đoạn 2018-2022. Từ đó, tác giả giả đã kiến nghị giải pháp bảo đảm hiệu quả thực hiện quyền sửa bản án sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật về TTHS.

Bài viết: *"Giới hạn xét xử theo quy định của BLTTHS năm 2015",* của tác giả Trần Văn Hùng (2018) [49] cho rằng: Yêu cầu về giới hạn XXST đối với các VAHS với mục đích là đảm bảo mỗi hành vi khi thực hiện xét xử đều phải trải qua các quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và cũng đảm bảo tối đa quyền bào chữa cho các bị cáo theo đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên, nếu vụ án có phát sinh thủ tục phúc thẩm thì giới hạn XXST chính là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến thẩm quyền xét xử

của Tòa án cấp phúc thẩm. Trên cơ sở giới hạn XXST theo quy định hiện hành, thì việc thực hiện thẩm quyền của HĐXXPT cũng bị ảnh hưởng, bởi vì bản chất của xét xử phúc thẩm là xét xử lại vụ án STHS trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị của các bên có thẩm quyền. Hiện nay, không có điều luật nào quy định về sự phụ thuộc của giới hạn xét xử phúc thẩm theo giới hạn XXST. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 330 BLTTHS năm 2015 thì: *"Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị".* Theo đó, đối tượng của xét xử phúc thẩm chính là vụ án đã được XXST mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật lại phát sinh kháng cáo, kháng nghị. Đây là vấn đề mà khi nghiên cứu về hủy bản án sơ thẩm cần phải giải quyết.

Bài viết *"Một số vấn đề về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm VAHS"* của Đinh Văn Quế (2003) [80], đã có những đánh giá về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án STHS, quyết định của Toà án không chỉ là quyền mà còn là nhiệm vụ của Viện trưởng VKSND trong hoạt động TTHS. Tuy nhiên, thực tiễn công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động TTHS đối với VAHS, có những trường hợp do nắm không chắc các quy định của pháp luật hoặc hiểu không đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình nên có những kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định của Toà án không đúng quy định của BLTTHS dẫn đến VKSND cấp trên phải rút kháng nghị hoặc Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị. Có trường hợp, lẽ ra Viện trưởng VKSND phải ra kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm nhưng lại không kháng nghị; ngược lại có những trường hợp chỉ có thể kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu người tham gia tố tụng không có kháng cáo bản án hoặc quyết định của Toà án cấp sơ thẩm thì lại kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; lại có trường hợp Viện trưởng VKSND kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm chủ yếu là để tỏ thái độ không đồng tình với bản án hoặc quyết định sơ thẩm của Toà án, nhưng sau đó lại rút kháng nghị hoặc đề nghị Viện trưởng VKSND cấp trên rút kháng nghị. Bài viết phân tích cụ thể các căn cứ hợp mà VKSND kháng nghị phúc thẩm trong đó có những căn cứ có thể để Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Các bài viết trên Tạp chí: *"Từ nguyên tắc hai cấp xét xử đến tổ chức của Toà án"*, của Trần Văn Độ (2004) [29] nêu lên khái niệm về hai cấp xét xử, về tổ chức hệ thống Tòa án, quan điểm đổi mới tổ chức Toà án các cấp nhằm thực hiện hiệu quả

nguyên tắc hai cấp xét xử. Nhất là trong công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi phải tổ chức thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử về mặt tổ chức cũng như tố tụng thế nào để hoạt động xét xử của Toà án có hiệu quả; *"Thay đổi trong quan điểm chỉ đạo của Đảng về tổ chức xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm VAHS"*, của tác giả Phạm Văn An (2021) [3] nêu rõ quan điểm chỉ đạo của Đảng về tổ chức xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm VAHS trong tiến trình cải cách tư pháp; *"TAND cấp cao tại Hà Nội nâng cao chất lượng xét xử phúc thẩm và giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm góp phần xây dựng chiến lược cải cách tư pháp tại TAND"*, của tác giả Đặng Thị Thơm (2017) [107] nêu lịch sử hình thành, sự kế thừa, phát triển của TAND cấp cao tại Hà Nội, thực tiễn xét xử phúc thẩm và giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm. Từ đó, đưa ra các giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng xét xử phúc thẩm và giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm góp phần vào công cuộc xây dựng chiến lược cải cách tư pháp trong TAND.

Công trình của Etienne Vergès (2007), *"Procédure pénale, 2e éd., Litec, Paris"* [128] đã phân tích một số quy định trong BLTTHS Cộng hòa Pháp liên quan đến kháng cáo khi các bên có thể kháng cáo toàn bộ bản án (các điều khoản về hình sự và dân sự). Hậu quả của việc kháng cáo, khánh nghị được quy định như sau: *Thứ nhất,* khi chỉ một mình bị cáo kháng cáo giảm nhẹ thì Tòa án cấp phúc thẩm không thể tăng nặng mức án hoặc tăng nặng mức án đã tuyên ở cấp sơ thẩm. *Thứ hai,* về hậu quả của kháng cáo, kháng nghị theo quy định của BLTTHS Pháp quy định các trường hợp hủy án STHS là: Số lượng thẩm phán trong HĐXX không đúng quy định; thẩm phán không tham gia tất cả các phiên xét xử; Tòa án ra quyết định mà không nghe Viện công tố trình bày buộc tội; Quyết định của Tòa án không được đưa ra tại phiên tòa công khai hoặc việc xét hỏi, tranh luận không được tiến hành công khai tại phiên tòa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Quyết định, bản án không có căn cứ hoặc không đủ căn cứ; bỏ sót hoặc không giải quyết yêu cầu của Viện công tố hoặc các bên tham gia tố tụng. Bị cáo phạm trọng tội nhưng hình phạt mà Tòa án quyết định không phải là hình phạt được quy định để áp dụng đối với trọng tội. Bị cáo được tuyên vô tội không có căn cứ pháp luật. Trường hợp này Công tố viên có quyền kháng nghị. Bản án trích dẫn sai các quy định pháp luật. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm có thể hủy án sơ thẩm nếu có căn cứ cho các bị cáo được miễn TNHS. Đặc biệt đối với kháng cáo, kháng nghị về sự vô tội bị cáo không có căn cứ thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể trả vụ án về bên công tố và công tố có thể ra lệnh bắt giữ bị cáo theo đúng quy

định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm cũng hủy bản án STHS nếu có vi phạm về thủ tục tố tụng ở cấp sơ thẩm.

Công trình của James H. McCord (2005), *"Crimnal Law an Procedure For the Paralegal-A systems aproach, 3rd Edition"* [129], (Luật hình sự và TTHS dành cho Trợ lý Luật sư - Cách tiếp cận hệ thống) đã tập trung nghiên cứu làm rõ, phân tích khá toàn diện cả pháp luật hình sự và TTHS của Hoa Kỳ. Theo đó, tác giả cho rằng các căn cứ có thể có kháng cáo trong một VAHS bao gồm lỗi pháp lý, hành vi sai trái của Hội thẩm… thì bị cáo có thể thực hiện quyền kháng cáo. Sai sót pháp lý có thể do chứng cứ được thừa nhận không phù hợp, hướng dẫn của Bồi thẩm đoàn không chính xác hoặc thiếu chứng cứ đủ để đưa ra phán quyết có tội trong trường hợp bị cáo bị kết tội. Đề chấp nhận kháng cáo, Tòa phúc thẩm phải nhận thấy rằng những sai sót này đã ảnh hưởng đến kết quả vụ án đã được cấp sơ thẩm xét xử. Nếu những sai sót không làm thay đổi phán quyết, chúng được coi là vô hại và kết án sẽ có giá trị và trong trường hợp việc kết án cũng có thể bị kháng cáo nếu bị cáo tin tưởng một cách hợp lý rằng HĐXX đã xét xử không đúng thủ tục trong khi nghị án hoặc trong quá trình nghị án hoặc xét xử và thông tin liên lạc không chính đáng giữa Bồi thẩm đoàn và nhân chứng hoặc Luật sư thì các bị cáo thường tiến hành kháng cáo vụ án của họ khi họ cảm thấy rằng họ không được cung cấp đủ quyền tố tụng theo đúng quy định.

Công trình của J.A. Jolowicr (2009), *"Appeal, cassation, amparo and all that: what and why? Cambridge University Press"* [130] (Tạm dịch: Phúc thẩm, giám đốc thẩm, xem xét lại quyết định tư pháp, thủ tục nào và tại sao). Ở cả cấp độ bang và liên bang, mọi người đều có quyền ít nhất một lần kháng án đối với việc bị kết án phạm trọng tội. Việc kháng án dựa trên lý lẽ cho rằng đã có sai phạm về luật trong quá trình xử án. Một sai phạm được coi là vô hại không hủy án nếu việc xảy ra vi phạm không ảnh hưởng lên kết quả của việc xét xử. Tuy nhiên, một sai phạm có thể đảo ngược dẫn tới Tòa phúc thẩm hủy án là một sai phạm nghiêm trọng mà có thể tác động lên phán quyết của thẩm phán hay bồi thẩm đoàn. Chẳng hạn, một sự kháng cáo thành công có thể dựa trên lập luận rằng chứng cứ được chấp nhận một cách không hợp lý tại phiên tòa, rằng chỉ dẫn của thẩm phán cho bồi thẩm đoàn bị bỏ sót. Pháp luật TTHS Hoa Kỳ cũng quy định trường hợp hủy án để tòa cấp thấp hơn xét xử lại.

Bài viết: *"Các cấp độ vi phạm tố tụng",* của tác giả Trần Công Lý (2022) [67], tác giả đặt ra các vấn đề: các cấp có thẩm quyền căn cứ vào đâu để xác định bản án của tòa án cấp dưới đã vi phạm thủ tục TTHS nghiêm trọng hoặc chưa đến mức nghiêm trọng? Bởi vì, lâu nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào của cơ quan

thẩm quyền xác định cụ thể cấp độ vi phạm thủ tục TTHS để tòa án cấp trên sử dụng làm căn cứ hủy hoặc không hủy bản án STHS đã hoặc chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo đúng thủ tục. Chính vì vậy tòa án cấp trên nhiều trường hợp chưa xác đáng trong việc nhận định tòa án cấp dưới có hay không vi phạm thủ tục tố tụng mà không căn cứ tiêu chí cụ thể xác định việc vi phạm thủ tục tố tụng như thế nào thì phải hủy hoặc không hủy án của tòa án cấp dưới. Thực tiễn tham gia tố tụng các VAHS cũng như các vụ án phi hình sự tại Tòa án tỉnh, thành phố; kể cả Tòa phúc thẩm TAND. Đây cũng là vấn đề mà luận án cần giải quyết khi nghiên cứu về hủy bản án sơ thẩm.

Luận án *"Chức năng xét xử trong TTHS Việt Nam"* của Lê Tiến Châu (2008) [17] nghiên cứu toàn diện về chức năng xét xử nói chung trong TTHS, trong đó đề cập một số vấn đề về chức năng xét xử trong xét xử phúc thẩm. Các quy định về thủ tục, các bước cũng như các nội dung về chủ thể thực hiện liên quan đến công tác huỷ bản án STHS đã được tác giả nghiên cứu phân tích và làm rõ. Ngoài ra, tác giả cũng đã chỉ ra được nhưng hạn chế trong quy định liên quan đến căn cứ huỷ bản án sơ thẩm hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2003.

Tác giả Nguyễn Văn Chung (2015), trong nghiên cứu về *"Thủ tục tố tụng tại phiên tòa XXST theo luật TTHS Việt Nam trước yêu cầu của cải cách tư pháp"* [20] đã hệ thống và làm rõ hơn những quy định cụ thể về thủ tục tại phiên tòa STHS trong BLTTHS hiện hành của Việt Nam như thủ tục xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, quy định về chủ thể tham gia phiên tòa sơ thẩm hình sự cũng như các quy định khác tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, từ đó rút ra những tồn tại, hạn chế của các quy định về thủ tục tại phiên tòa STHS trong luật thực định Việt Nam cần khắc phục;

Tác giả Trịnh Quốc Toản (2018), trong công trình *"Nghiên cứu một số quy định đặc thù về thủ tục TTHS đối với pháp nhân trong BLTTHS năm 2015"* [97], đã khẳng định những đặc thù, đặc trưng của pháp luật Việt Nam về TTHS nhằm bảo đảm triển khai hiệu quả chương trình cải cách tư pháp tại Việt Nam. Theo tác giả để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong thời kì mới, Nhà nước Việt Nam lần đầu tiên đã quy định về TNHS của pháp nhân thương mại trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời cũng quy định về thủ tục truy cứu TNHS đối với pháp nhân trong BLTTHS năm 2015. Tác giả bài viết này đã nghiên cứu và phân tích các quy định của BLTTHS năm 2015 về thủ tục TTHS đối với pháp nhân để chỉ ra một số điểm bất cập của chúng, đồng thời đã đề xuất một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định ấy.

Tác giả Phạm Văn Cảnh (2018), *"Thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử phúc thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam"* [14] cho rằng: ở góc độ quy định của pháp luật hiện hành hiện nay liên quan đến các thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hình sự tác giả đã đề cấp đến các quy định, chế định liên quan đến quyết định hủy bản án STHS trên cơ sở thực hiện quy trình các bước trong thủ tục phúc thẩm tại BLTTHS năm 2015. Gắn trực tiếp với các vấn đề liên quan đến bản án, tác giả Hoàng Thị Giang Thanh (2020), *"Quyền sửa bản án sơ thẩm của Tòa án phúc thẩm theo BLTTHS năm 2015"* [101] đã làm rõ khái niệm chung về thẩm quyền sửa bản án STHS của Tòa án cấp phúc thẩm, rút ra đặc điểm, đặc trưng cũng như lịch sử phát triển và so sánh với pháp luật một số nước trên thế giới; hay phân tích đánh giá sâu, làm rõ từng trường hợp, tình huống cụ thể về thẩm quyền sửa bản án STHS của Tòa án cấp phúc thẩm. Đồng thời, tác giả đã tìm hiểu thực tiễn thi hành quy định quyền sửa bản án STHS qua đó đề ra những kiến nghị, giải pháp sửa đổi bổ sung và hoàn thiện quy định pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quyền sửa bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm.

Vũ Gia Lâm (2012), *"Về quyền hủy bản án STHS để điều tra lại hoặc xét xử lại của Tòa án cấp phúc thẩm",* Tạp chí Luật học, số 11 [59]; Phạm Minh Huấn (2022), *"Thẩm quyền của HĐXXPT đối với bản án sơ thẩm theo quy định của BLTTHS năm 2015"* [45] cho thấy nghiên cứu về hủy án STHS trong TTHS Việt Nam đã nhận được sự quan tâm khá đầy đủ, toàn diện của các nhà nghiên cứu cũng như những người làm công tác thực tiễn về TTHS nhằm tìm ra những vấn đề còn bất cập những nội dung cần tiếp tục cần hoàn thiện. Tuy nhiên, các công trình trên đây nghiên cứu thủ tục xét xử các VAHS một cách tổng thể mà chưa đi sâu vào vấn đề cụ thể, đặc biệt là vấn đề áp dụng cụ thể các căn cứ hủy bản án sơ thẩm hình sự ở cấp phúc thẩm, ở thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Mặc dù vấn đề hủy án sơ thẩm hình sự đã được nghiên cứu khá nhiều. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có công trình nghiên cứu một cách sâu sắc, đầy đủ và toàn diện về hủy bản án sơ thẩm hình sự từ thực tiễn tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Tất cả những vấn đề này phải được đặt trong yêu cầu tổng thể về cải cách tư pháp nhằm đề xuất những kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật TTHS, nâng cao hiệu quả XXST, hạn chế tình trạng hủy bản án sơ thẩm hình sự.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn áp dụng thủ tục tố tụng đối với hủy bản án sơ thẩm hình sự

Về thực tiễn áp dụng thủ tục tố tụng đối với huỷ bản án STHS thì các tác giả nghiên cứu chủ yếu ở góc độ chung hoặc gắn với một tỉnh, thành cụ thể nhằm đánh giá hiệu quả triển khai các nội dung liên qua đến nội dung này:

Trong TTHS Vương quốc Anh, các vụ án đơn giản mà tội danh có mức hình phạt dưới 2 năm tù được xét xử ở tòa án sơ cấp (Magistrates' Courts). Các vụ án phức tạp hơn được xét xử ở tòa án Hoàng gia (Crown Courts) [Dẫn theo 14]. Tòa phúc thẩm (Court of Appeal) xét xử phúc thẩm tất cả các vụ án. Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về cơ bản giống như thủ tục phúc thẩm. Đối với các bản án của Tòa án sơ cấp (Magistrates' Courts), bất kỳ người nào đã tham gia tố tụng hoặc những người có quyền lợi liên quan đến quyết định của Tòa án đều có quyền kháng cáo lên Tòa án Hoàng gia (Crown Courts). Kháng cáo không bị hạn chế về vấn đề áp dụng pháp luật hay tình tiết thực tế của vụ án. Người kháng cáo có quyền viện dẫn một bản án hoặc quyết định của Tòa án cấp cao hơn về vấn đề liên quan đến nội dung kháng cáo để làm cơ sở cho kháng cáo của mình. Đối với những vụ án đã xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị dư luận nghi ngờ về tính đúng đắn thì Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thể kiến nghị với Tòa phúc thẩm (Court of Appeal) để xem xét lại. Việc kiến nghị này không có thời hạn, có thể tiến hành vào bất kỳ thời điểm nào. Khi có kiến nghị, Tòa án phúc thẩm sẽ giải quyết giống như trường hợp kháng cáo, kháng nghị sơ thẩm. Đối với các bản án của Tòa Hoàng gia, trường hợp bị cáo được tuyên không phạm tội, cơ quan công tố không có thẩm quyền kháng nghị lên Tòa phúc thẩm (Court of Appeal). Trong trường hợp này, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quyền kiến nghị Tòa phúc thẩm giải thích các vấn đề về áp dụng pháp luật trong vụ án để tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan Công tố khi truy tố các trường hợp tương tự. Cơ quan công tố có quyền kháng nghị đối với các trường hợp mà xét thấy hình phạt Tòa án đã quyết định là quá nhẹ. Bị cáo có thể kháng cáo lên Tòa phúc thẩm (Court of Appeal) nhưng chỉ được chấp thuận nếu Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo hoặc thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm chấp nhận kháng cáo này bằng văn bản. Đạo luật phúc thẩm năm 1995 đã hạn chế bớt những trường hợp được kháng cáo để giảm số lượng kháng cáo lên Tòa phúc thẩm. Việc xét xử tại Tòa phúc thẩm được tiến hành bởi một hội đồng gồm 3 thẩm phán. HĐXX sẽ nghe lập luận của bên buộc tội và bên gỡ tội. Thông thường, Tòa án không triệu tập nhân chứng trừ trường hợp HĐXX có thể chấp nhận kháng cáo, hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo nếu thấy việc kết tội không có căn cứ hoặc không chấp nhận kháng cáo. Thủ tục này có những điểm giống với thủ tục phúc thẩm trong TTHS Việt Nam. Người bị kết

án cũng có thể kháng cáo về hình phạt khi có một trong các căn cứ sau: (i) hình phạt không đúng luật; (ii) hình phạt mà Tòa án quyết định dựa trên những chứng cứ không có thật; (iii) có chứng cứ mới ảnh hưởng tới việc quyết định hình phạt; (iv) hình phạt quá nặng.

Hủy bản án sơ thẩm có liên quan chặt chẽ tới mô hình TTHS. Bởi lẽ thủ tục, thẩm quyền, căn cứ hủy bản án ở các mô hình TTHS có sự khác nhau. Để đưa ra quyết định hủy bản án sơ thẩm Tòa án cấp phúc thẩm cần các chứng cứ được thu thập và kiểm tra công khai tại phiên tòa. Việc chứng minh được các chủ thể tham gia phiên tòa tiến hành trực tiếp, bình đẳng, dân chủ tại phiên tòa khi xét hỏi cũng như tranh luận và từ đó sẽ xác định sự thật của vụ án, tính hợp pháp và có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm. Quá trình này được tòa án thực hiện trên cơ sở chứng cứ được thu thập, thẩm tra tại phiên tòa và cân nhắc, đánh giá của các bên tham gia tố tụng khác nhau thực hiện đúng chỉ đạo của Nghị quyết 49/NQ-TW về Cải cách tư pháp là: Bản án phải dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Chính vì vậy, mô hình tố tụng tranh tụng có liên quan chặt chẽ tới quá trình tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. bên cạnh đó thực tiễn cho thấy, việc hủy bản án sơ thẩm trong thời gian qua chưa có căn cứ bởi không đảm bảo tranh tụng tại phiên tòa. Chính vì vậy, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hủy bản án sơ thẩm cần thiết có kiến nghị về hoàn thiện mô hình tố tụng của nước ta hiện nay. Do đó, việc tham khảo các tài liệu về mô hình tố tụng đối với luận án là cần thiết [Dẫn theo 14].

Công trình nghiên cứu *"Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp",* do tác giả Lê Hữu Thể, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (2013) đồng chủ biên [106], đề cập đến cơ sở lý luận, yêu cầu tổng kết thực trạng thủ tục TTHS; phân tích đánh giá tính hiệu quả, khả năng áp dụng của luật TTHS hiện hành; đề xuất các giải pháp và hướng sửa đổi, bổ sung luật, trong đó có đề xuất đổi mới, hoàn thiện thủ tục trong TTHS nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Công trình *"Hủy bản án sơ thẩm VAHS của TAND cấp huyện từ thực tiễn TAND TP.HCM",* của Hồ Thị Kim Chi (2020) [18]. Trong nghiên cứu của mình tác giả cho rằng hoạt động xét xử các VAHS trong giai đoạn sơ thẩm vẫn chưa đạt được yêu cầu, mục tiêu đề ra vì vẫn còn phát sinh rất nhiều bản án bị Tòa án cấp trên tuyên hủy, sửa theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Mỗi quyết định của Tòa án cấp trên về hủy bản án hay sửa bản án hình sự của Tòa án cấp dưới đều có ý nghĩa, tác động quan trọng đến quá trình giải quyết vụ án hoặc sai sót trong việc áp dụng pháp

luật. Nếu như việc hủy bản án của Tòa án sơ thẩm do có những tình tiết mới phát sinh liên quan đến việc giải quyết vụ án thì việc hủy bản án (trừ trường hợp hủy và đình chỉ vụ án) chủ yếu là nhằm tạo điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp dưới khắc phục những vi phạm pháp luật nghiêm trọng để điều tra, xét xử lại hoặc chỉ để xét xử lại đúng đắn vụ án. Nếu đánh giá việc hủy bản án hình sự ở góc độ liên hệ cùng với hiệu lực thi hành của bản án thì bản án bị hủy thì phải quay trở lại giai đoạn tố tụng trước đó, có thể phải điều tra lại hoặc xét xử lại, do đó làm cho nhiều vụ án phải được xử lý lại, kéo dài thời hạn tố tụng gây thiệt hại không nhỏ đến tiền của của nhà nước, xã hội, quyền lợi của người tham gia tố tụng và nhất là sự thiếu lòng tin của nhân dân vào công lý.

Tác giả Phạm Anh Quân (2020), *"Hủy bản án sơ thẩm hình sự từ thực tiễn TAND cấp cao tại TP.HCM"* [79], đánh giá thực tiễn hoạt động xét xử các VAHS vẫn chưa đạt được yêu cầu, mục tiêu đề ra vì trong thực tế nhiều bản án của tòa án cấp dưới bị Tòa án cấp trên tuyên hủy, sửa theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm vẫn còn xảy ra. Khi Tòa án cấp trên quyết định hủy bản án hay sửa bản án hình sự của Tòa án cấp dưới ít nhiều có ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, tính chất mức độ hành vi vi phạm, cũng như việc xác định lỗi của người bị kết tội. Chính vì vậy, hủy bản án có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nếu như việc hủy bản án của Tòa án cấp dưới chính là việc Tòa án cấp trên không thể khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình áp dụng pháp luật của Tòa án cấp dưới hoặc do có những tình tiết mới phát sinh liên quan đến việc giải quyết vụ án mà ở giai đoạn XXST không có tình tiết đó thì việc hủy bản án (trừ trường hợp hủy và đình chỉ vụ án) chủ yếu là nhằm tạo điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp dưới khắc phục những vi phạm pháp luật nghiêm trọng để tiến hành điều tra, xét xử lại hoặc chỉ để xét xử lại vụ án một cách khách quan và đúng đắn.

Giáp Bá Dự (2016), *"Hủy bản án STHS theo pháp luật TTHS Việt Nam - từ thực tiễn tỉnh Gia Lai"* [25]. Theo tác giả tại tỉnh Gia Lai, công tác xét xử của hệ thống Tòa án nói chung còn nhiều bản án STHS có sai sót, vi phạm thủ tục tố tụng dẫn đến bị cấp phúc thẩm hủy, sửa. Có nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Song, qua nghiên cứu cho thấy, với thực tiễn xét xử và thực trạng pháp luật hiện nay thì việc ban hành bản án đảm bảo đúng pháp luật cả về nội dung, hình thức và trình tự là một vấn đề không đơn giản và vì vậy hằng năm vẫn còn nhiều bản án STHS bị hủy sửa làm ảnh hưởng đến công cuộc cải cách tư pháp, làm giảm độ tin cậy của người dân đối với cơ quan tư pháp.

Phạm Phương Thảo (2018), *"Hủy bản án sơ thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn TP.HCM"* [103], đã chỉ ra thực tiễn thực hiện quyền huỷ bản án sơ thẩm của TAND hai cấp trên địa bàn TP.HCM trong thời gian qua đã nảy sinh các vấn đề cần giải quyết như: Quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm đối với những phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị chưa cụ thể, rõ ràng dẫn đến việc Toà án cấp phúc thẩm không tiến hành xét xử trong những trường hợp cần thiết hoặc đã xét xử cả những phần của bản án lẽ ra phải xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Hay các căn cứ để huỷ bản án sơ thẩm chưa được quy định một cách chi tiết, rõ ràng nên vẫn bị phụ thuộc vào ý chí chủ quan của cơ quan, người tiến hành tố tụng mà chưa được áp dụng một cách thống nhất. Ngoài ra, Bộ luật hình sự năm 2015 mới được ban hành, vì vậy sẽ có nhiều quy định cần được xem xét, sửa đổi để hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Vũ Thị Thanh Tâm (2021), *"Hủy bản án sơ thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn TP.HCM"* [92]. Theo tác giả hoạt động xét xử các vụ án sơ thẩm hình sự vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra. Vì trong thực tế, số lượng bản án STHS bị hủy theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm vẫn nhiều. Việc hủy bản án STHS chủ yếu nhằm tạo điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm khắc phục những vi phạm pháp luật nghiêm trọng, để tiến hành điều tra, xét xử lại vụ án một cách khách quan và đúng pháp luật. Việc Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định hủy bản án hình sự của Tòa án cấp sơ thẩm ít nhiều ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, tính chất mức độ hành vi vi phạm, cũng như việc xác định lỗi của người bị kết tội. Việc để nhiều vụ án phải điều tra, xét xử lại sẽ làm kéo dài thời gian giải quyết các vụ án, không chỉ gây thiệt hại lớn cho ngân sách nhà nước mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia tố tụng, làm mất lòng tin của nhân dân vào công lý.

Bên cạnh đó, có thể kể đến Trần Trung Thành (2011), *"Huỷ bản án STHS ở cấp phúc thẩm - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh [102]. Đinh Văn Quế (2013), *"Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng có tội - những vấn đề lý luận và thực tiễn",* Tạp chí Tòa án, số 8 [84]; Hoàng Thị Liên (2015), *"Xử lý thế nào trong trường hợp tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra lại theo hướng nặng hơn đối với bị cáo"*, Tạp chí dân chủ và Pháp luật, số 5 [62]...

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Ở góc độ đề xuất các giải pháp hoàn thiện các thủ tục và bảo đảm áp dụng đúng các thủ tục về huỷ bản án sơ thẩm hình sự, có thể kể đến một số công trình:

Đinh Văn Quế (2013), *"Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng có tội - những vấn đề lý luận và thực tiễn"* [84]. Trong công trình này ngoài việc nghiên cứu làm rõ một số qui định của pháp luật tố tụng, các tác giả chủ yếu phân tích thực trạng hoạt động, chất lượng, hiệu quả xét xử phúc thẩm của các Tòa án phúc thẩm TAND và từ đó đưa ra một số giải pháp.

Công trình: *"Thực trạng giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm tại TAND- Những vướng mắc và kiến nghị",* Nguyễn Huy Du (2012) [21]. Công trình phân tích cơ sở pháp lý của công tác tiếp nhận và giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm tại TAND và VKSND tối cao; nghiên cứu thực trạng công tác tiếp nhận và giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; chỉ ra nguyên nhân khách quan và chủ quan của thực trạng. Từ đó, đề tài đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm. Ngoài ra, đề tài có đề cập đến thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trong hệ thống pháp luật của một số quốc gia như Singapore, Cộng hòa Liên Bang Đức, Liên Bang Nga, Nhật Bản và Trung Quốc.

Bài viết: *"Hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS về thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại của HĐXXPT"*, của tác giả Hoàng Thị Hiền (2022) [38]. Trong bài viết này, sau khi trình bày các căn cứ tại Bộ luật hình sự và TTHS để Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, tác giả đưa ra một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật về hủy bản án sơ thẩm như: Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể trường hợp nào được xem là *"Vụ án có tính chất nghiêm trọng phức tạp"* để thống nhất áp dụng pháp luật, bản thân Tòa án cấp sơ thẩm không lúng túng khi xác định thành phần HĐXX XXST và HĐXXPT cũng có căn cứ rõ ràng để xác định xem bản án sơ thẩm có thể bị hủy để xét xử lại khi rơi vào căn cứ *"HĐXX sơ thẩm không đúng thành phần"* hay không; cần có văn bản giải thích rõ thuật ngữ *"tội"* trong căn cứ *"Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó phạm tội"*. Tuy nhiên, bài viết chưa đưa ra phương án giải quyết các vướng mắc này.

Trần Văn Hùng (2023), *"Hủy bản án STHS theo quy định của BLTTHS, bất cập và kiến nghị hoàn thiện"* [49] đã có nhiều quy định liên quan đến hủy bản án để điều tra lại, xét xử lại, trong thực tiễn giải quyết việc hủy bản án hình sự có nhiều nguyên

nhân khác nhau trong đó BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế và có nhiều cách hiểu khác nhau. Tác giả đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luận liên quan đến công tác này như: Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp hủy án để xét xử lại *"Có vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng trong giai đoạn XXST"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 358 BLTTHS.

Đề xuất hoàn thiện quy định về quyền hủy bản án sơ thẩm hình sự, tác giả Hoàng Đình Dũng (2021) [24], trong bài viết *"Quyền hủy bản án sơ thẩm để điều tra và đình chỉ vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm",* Tạp chí Tòa án Số 23, Tháng 12-2021. Tác giả đã có những gợi ý hoàn thiện như: bổ sung cụm từ *"việc điều tra, truy tố..."* vào khoản 1, Điều 358 BLTTHS; cần ban hành văn bản giải thích cho việc thế nào là điều tra không đầy đủ; cần ban hành văn bản hướng dẫn thế nào là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và XXST làm căn cứ cho HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại.

Ngoài ra, có thể kể đến bài viết: *"Hoàn thiện một số quy định của BLTTHS về xét xử phúc thẩm theo tinh thần cải cách tư pháp"* (2018) của tác giả Nguyễn Văn Trượng [113]; Lâm Thị Thanh Nhàn (2014), *"Hoàn thiện pháp luật về quy định nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán nhằm nâng cao chất lượng xét xử VAHS trước yêu cầu cải cách tư pháp"*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội [71]...

1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu và tìm hiểu các công trình có liên quan đến vấn đề huỷ bản án sơ thẩm hình sự trong nước và ngoài nước, tác giả tổng kết, rút ra được một số nhận xét, đánh giá về các kết quả nghiên cứu, cụ thể:

1.2.1. Những vấn đề nghiên cứu đã được làm rõ và kế thừa

Nghiên cứu các công trình khoa học trên cho thấy vấn đề hủy bản án STHS đã được các nhà khoa học cũng như những người làm công tác thực tiễn quan tâm nghiên cứu nhiều góc độ khác nhau:

Thứ nhất, phần lớn các công trình khoa học đã làm rõ được cơ sở lý luận của hủy bản án STHS như xác định được các khái niệm, đặc điểm, căn cứ cũng như khẳng định vị trí, vai trò quan trọng và ý nghĩa của hủy bản án STHS. Căn cứ hủy bản án STHS đều dựa trên BLTTHS, Bộ Luật hình sự và ngành luật khác có liên quan đến vụ án để xem xét đánh giá tính có căn cứ trong bản án của Tòa án cấp dưới hay không có căn cứ. Đây được xác định là một biện pháp quan trọng góp phần hạn chế tình trạng sai sót cũng như oan, sai đối với các bản án, quyết định của Tòa án, nhằm đảm

bảo tính đúng đắn trong thực tiễn áp dụng pháp luật, phù hợp với định hướng cải cách tư pháp ở nước ta và xu thế phát triển chung của thời đại trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, hủy bản án có ý nghĩa hết sức quan trọng không những về mặt xã hội mà còn có ý nghĩa về mặt pháp lý và có ý nghĩa trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu đã hệ thống được các quy định của pháp luật TTHS về hủy bản án STHS qua các thời kỳ. Đồng thời, phân tích, bình luận quy định của Luật Tố tụng hình sự về hủy bản án sơ thẩm hình sự. Các công trình đã đánh giá thực tiễn nhằm xác định được một số hạn chế, vướng mắc, qua đó làm rõ các nguyên nhân của những hạn chế, vi phạm trong hủy bản án STHS của cơ quan có thẩm quyền, từ đó rút ra được các bài học kinh nghiệm làm cơ sở để đưa ra các kiến nghị cũng như giải pháp nhằm khắc phục tình trạng huỷ bản án STHS trong TTHS.

Thứ ba, các công trình cho thấy phần lớn đều tập trung vào vấn đề hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS. Ngoài ra, còn có giải pháp đối với cơ quan Tòa án, VKS, CQĐT về việc xây dựng đội ngũ cán bộ Thẩm phán, Kiểm sát viên, điều tra viên có trình độ chuyên môn vững vàng, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp cao và phẩm chất đạo đức tốt. Bên cạnh đó, cũng có công trình đã đề xuất một số giải pháp về kỹ năng quản lý, chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo Tòa án, VKS, CQĐT, nâng cao nghiệp vụ trong việc điều tra, thực hành quyền công tố và xét xử.

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Ngoài các vấn đề đã được nghiên cứu làm rõ, qua tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy còn một số nội dung của các công trình đã được nghiên cứu nhưng chưa thống nhất cần tiếp tục nghiên cứu như: Các công trình khoa học trên chưa mang tính toàn diện, chủ yếu phân tích về lý luận, có đưa ra tình hình thực tiễn nhưng chưa thật sự chú trọng đến thực tiễn áp dụng pháp luật cũng như chưa đánh giá sâu về mối liên hệ, những bất cập khi thực hiện quyền huỷ bản án STHS của Toà án. Chưa đưa ra các bản án điển hình để phân tích, nhận xét, đánh giá và kết luận cụ thể về các tình huống trong thực tiễn hủy bản án STHS. Các vấn đề chưa được rõ trong các công trình nghiên cứu được đề cập ở trên là những vấn đề nghiên cứu sẽ được tiếp tục đặt ra trong Luận án. Trên cơ sở giải quyết các vấn đề nghiên cứu được đặt ra này, Luận án sẽ đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng xét xử các vụ án STHS, hạn chế việc án STHS bị hủy.

Nghiên cứu các công trình khoa học trên cho thấy các nghiên cứu chưa trình bày chuyên sâu về hủy bản án ở các giai đoạn xét xử khác nhau, cũng như chưa đánh giá sâu mối quan hệ giữa áp dụng luật tố tụng và luật nội dung trong quy định về hủy

bản án STHS. Các tài liệu, bài báo khoa học, luận án trên do phạm vi nghiên cứu nên chỉ phân tích, bình luận, giải thích một số vấn đề về hủy bản án mà chưa đi sâu phân tích làm rõ quá trình thực hiện hủy bản án STHS như thế nào, cũng chưa có tài liệu nào đề cập đến hủy bản án STHS từ thực tiễn tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Do đó, việc nghiên cứu đề tài là phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng xét xử các VAHS trong cải cách tư pháp hiện nay. Ngoài ra, có những công trình nghiên cứu vấn đề hủy bản án STHS đã không còn phù hợp so với pháp luật hiện hành và thực tiễn. Do đó, việc nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện vấn đề huỷ bản án sơ thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Qua tổng quan, một số vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, làm rõ gồm:

Thứ nhất, luận án tiếp tục hệ thống hoá và làm sâu sắc hơn lý luận về thủ tục tố tụng đối với hủy bản án STHS như cơ sở của việc áp dụng thủ tục tố tụng đối với hủy bản án sơ thẩm hình sự trong bối cảnh mới của cải cách tư pháp; đối chiếu, so sánh với các quy định của một số quốc gia trên thế giới đó là Trung Quốc, Pháp, Nga, Hoa Kỳ.

Thứ hai, luận án sẽ tiếp tục phân tích, đánh giá lịch sử hình thành và phát triển của thủ tục tố tụng đối với hủy bản án STHS qua các thời kỳ trước năm 2015 và từ năm 2015 tới nay, từ đó làm cơ sở cho các kiến nghị nhằm hoàn hiện các quy định về thủ tục tố tụng đối với hủy bản án STHS.

Thứ ba, luận án tiếp tục thực hiện việc tổng hợp kết quả nghiên cứu còn phân mảnh của các công trình trước để phân tích và chỉ ra những bất cập của quy định pháp luật hình sự liên quan đến hủy bản án sơ thẩm hình sự. Đồng thời, luận án nghiên cứu và phân tích cụ thể những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục TTHS trong VAHS, chủ thể tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng, vi phạm trong đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật, thủ tục tố tụng dẫn đến hủy bản án sơ thẩm hình sự thiếu căn cứ vi phạm nghiêm trọng. Đặc biệt, khi nghiên cứu về thực tiễn áp dụng, luận án tập trung vào địa bàn tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, đây là địa bàn nghiên cứu có tính mới so với các công trình khoa học đã nghiên cứu trước đó.

Thứ tư, luận án phân tích một cách toàn diện thực tiễn thực hiện những quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng đối với hủy bản án STHS sau thời điểm BLTTHS năm 2015 có hiệu lực. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ và phân tích những hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật về thủ tục tố tụng đối với hủy bản án STHS, nhất là tình trạng vi phạm thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, luận án cũng

sẽ phân tích nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc này dưới góc độ chủ quan và khách quan.

Thứ năm, trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án sẽ chỉ ra những yêu cầu hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự và bảo đảm thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự. Luận án sẽ tổng hợp đề xuất những giải pháp để khắc phục những hạn chế, vướng mắc đó, trong đó luận án đề xuất những giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự trong thời gian tới từ thực tiễn các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

1.3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

1.3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Luận án cần giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

Một là, tình hình nghiên cứu hiện nay về hủy bản án STHS như thế nào?

Hai là, hủy bản án STHS dựa trên cơ sở lý luận nào?

Ba là, pháp luật TTHS hiện hành của Việt Nam quy định như thế nào về hủy bản án STHS? Có thay đổi, điều chỉnh gì so với các thời kỳ trước đó?

Bốn là, thực tiễn việc hủy bản án STHS từ thực tiễn hoạt động xét xử của TAND tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ hiện nay như thế nào, có những hạn chế, vi phạm, nguyên nhân của những hạn chế, vi phạm là gì?

Bốn là, để bảo đảm hủy đúng bản án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ cần có những giải pháp nào?

1.3.2. Giả thuyết nghiên cứu

- Đã có nhiều công trình nghiên cứu về hủy bản án STHS, song chưa có công trình luận án nào nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về hủy bản án STHS từ thực tiễn các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

- Lý luận về hủy bản án STHS chưa có sự hệ thống hóa đầy đủ, toàn diện, cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, làm rõ.

- Quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng hủy bản án sơ thẩm hình sự từ thực tiễn tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ hiện nay vẫn còn những bất cập, hạn chế, vướng mắc.

- Cần phải có những giải pháp khoa học nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm hủy đúng bản án STHS cũng như khắc phục những hạn chế việc hủy bán án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Kết luận Chương 1

Hủy bản án STHS là một thuộc thẩm quyền của tòa án cấp phúc thẩm và tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm nhằm phát hiện, sửa chữa, sai lầm trong

áp dụng pháp luật và vi pháp pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và quá trình giải quyết vụ án nói chung đảm bảo quá trình giải VAHS đạt được mục đích của tố tục hình sự là phát hiện chính xác, xử lý kịp thời mọi hành vi phạm tội bảo vệ công lý, quyền con người. Với ý nghĩa như vậy, hủy bản án hình sự được khoa học pháp lý trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu ở các cấp độ, phạm vi khác nhau hình thành hệ thống lý luận về vấn đề này làm cơ sở cho việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật TTHS ở quốc gia. Các nghiên cứu lý luận về hủy bản án STHS tập trung vào lý giải cơ sở lý luận của hủy bản án sơ thẩm đó chính là phương thức sửa chữa sai lầm của quá trình giải quyết VAHS nói chung và quyết định, bản án của tòa án nói riêng. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng tập trung phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam về hủy bản án STHS chỉ ra được những hạn chế, bất cập của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về vấn đề này trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về vấn đề này. Những kết quả nghiên cứu này cần được tổng hợp, đánh giá làm cơ sở tiếp tục nghiên cứu vấn đề này trong TTHS Việt Nam.

Tuy nhiên, qua quá trình tổng quan tài liệu nghiên cứu cho thấy vấn đề hủy bản án STHS cần được tiếp tục làm rõ về lý luận như xây dựng khái niệm đầy đủ về hủy bản án STHS, chỉ ra được các đặc điểm, nội dung, vai trò, ý nghĩa... của nó trong TTHS; phân tích cụ thể những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế bất cập của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp về hủy bản án sơ thẩm nói chung và ở những địa bàn cụ thể riêng.

Chương 2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM HÌNH SỰ

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của hủy bản án sơ thẩm hình sự

2.1.1. Khái niệm hủy bản án sơ thẩm hình sự

2.1.1.1. Khái niệm bản án sơ thẩm hình sự

Bản án là thuật ngữ không mới trong quá trình phát triển của các nền tư pháp trên thế giới và thuật ngữ *"bản án"* được sử dụng lần đầu tiên tại Việt Nam là Sắc lệnh thiết lập các toà án quân sự ngày 13/9/1945. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của ngành toà án cũng như yêu cầu của bối cảnh, đến ngày 03/3/1969, TAND tối cao mới ban hành Thông tư số 1-UB hướng dẫn về cơ cấu bản án và cách viết bản án [13] là cơ sở quan trọng để xác định rõ các quyết định về tuyên bố của toà án trong quá trình xét xử. Bản án đánh dấu sự kết thúc toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cho nên nội dung của nó phải phản ánh những kết quả của phiên tòa và ý kiến phân tích, đánh giá của HĐXX và cần có những quy định rất cụ thể và rõ ràng về quy cách và cấu trúc của bản án. Thẩm phán chủ toạ phiên toà có nhiệm vụ viết bản án theo đúng quy định của pháp luật. Ở một số nước, thuật ngữ bản án chỉ dùng trong trường hợp xét xử VAHS, còn trong việc giải quyết vụ kiện dân sự thì văn bản ghi nhận quyết định của toà án tuyên xử gọi là quyết định của toà án để có sự phân biệt tương đối.

Theo Khoản 1, Điều 260, BLTTHS năm 2015 định nghĩa thì: Tòa án ra bản án nhân danh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam xét xử một vụ án cụ thể và bản án phải có chữ ký của tất cả thành viên của Hội đồng xét xử [90]. Theo Nguyễn Mạnh Hùng (2022), thì bản án là quyết định của Toà án tại phiên toà xác định bị cáo là người có tội hay không có tội, nếu là người có tội thì phạm tội gì, theo quy định của điều luật nào, phải chịu TNHS như thế nào hoặc được miễn hình phạt [47, tr.17]. Quan điểm của tác giả đã nêu rõ được thời điểm bản án được ban hành là tại phiên toà, căn cứ xác định tội phạm nhưng cũng chưa nêu được đặc trưng của bản án thể hiện thẩm quyền xét xử của Tòa án.

Bản án là loại văn bản đặc trưng riêng có và quan trọng nhất của Tòa án. Chỉ Tòa án mới có thẩm quyền ban hành bản án theo trình tự tố tụng chặt chẽ được quy định trong pháp luật tố tụng. Bản án là văn bản ghi nhận phán quyết của Tòa án sau khi xét xử một vụ án. Bản án đánh dấu sự kết thúc toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cho nên nội

dung của nó phải phản ánh những kết quả của phiên tòa và ý kiến phân tích, đánh giá của HĐXX. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ viết bản án.

Ở Việt Nam, trong lĩnh vực hình sự cũng như dân sự đều dùng thuật ngữ chung là bản án. Bản án trong lĩnh vực hình sự gọi là bản án hình sự. Bản án trong lĩnh vực dân sự gọi là bản án dân sự [29]. Bản án hình sự là văn bản ghi nhận phán quyết của Tòa án sau khi xét xử một VAHS hoặc là quyết định của toà án thừa nhận. Dựa vào cấp xét xử và hiệu lực pháp lý của bản án trong hệ thống tố tụng hình sự, người ta phân bản án thành bản án sơ thẩm hình sự và bản án phúc thẩm hình sự.

Dưới góc độ lý luận, *bản án sơ thẩm hình sự có thể hiểu là quyết định xét xử bằng văn bản của Tòa án cấp sơ thẩm sau khi đã tiến hành toàn bộ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nhằm giải quyết vụ án hình sự ở lần xét xử đầu tiên.* Bản án sơ thẩm mang những đặc trưng cơ bản: (i) nó là kết quả của hoạt động xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử sơ thẩm. Bản án STHS là phán quyết của HĐXX, dựa trên kết quả tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm (giữa bên công tố và bên bào chữa). Đây là một văn bản tố tụng quan trọng nhưng chưa có hiệu lực pháp luật ngay và có thể bị kháng cáo hoặc kháng nghị. (ii) là sự cụ thể hóa quyền tư pháp của Nhà nước trong việc áp dụng pháp luật hình sự và tố tụng hình sự để xác định tội phạm, người phạm tội, trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp liên quan; (iii) bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật ngay, vì còn chịu sự kiểm tra, giám sát của các chủ thể tố tụng thông qua quyền kháng cáo, kháng nghị. Đây là một văn bản tố tụng quan trọng nhưng chưa có hiệu lực pháp luật ngay và theo quy định tại BLTTHS, bản án hình sơ sơ thẩm có thể bị bị cáo (người bị kết tội) kháng cáo hoặc VKSND cùng cấp, VKS cấp phúc thẩm trực tiếp kháng nghị nếu cho rằng phán quyết của tòa là quá nặng hay quá nhẹ, không đúng pháp luật; (iv) Khác với bản án, các quyết định khác của Hội đồng xét xử sơ thẩm như quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quyết định yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án chỉ mang tính chất thủ tục, nhằm điều chỉnh hoặc tạm ngừng quá trình tố tụng khi cần thiết. Bản án sơ thẩm có hình thức chặt chẽ, được nghị án và lập thành văn bản đầy đủ, có hiệu lực pháp lý làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên, đồng thời có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trong khi đó, các quyết định khác thường ngắn gọn, không qua nghị án, không làm phát sinh hay chấm dứt trách nhiệm hình sự và chỉ có hiệu lực tạm thời. Như vậy, điểm khác biệt cơ bản giữa bản án sơ thẩm hình sự và các quyết định khác của Hội

đồng xét xử sơ thẩm nằm ở bản chất pháp lý, phạm vi giải quyết, hình thức ban hành, hiệu lực và hậu quả pháp lý mà chúng tạo ra trong quá trình tố tụng.

Về mặt lý luận, bản án sơ thẩm hình sự vừa là phương tiện bảo đảm pháp chế (do thể hiện sự kiểm chứng của Tòa án đối với toàn bộ quá trình điều tra, truy tố), vừa là công cụ bảo vệ quyền con người (khi phán quyết của Tòa án sơ thẩm phải dựa trên nguyên tắc tranh tụng, bảo đảm quyền bào chữa và xét xử công bằng). Như vậy, nghiên cứu bản án sơ thẩm hình sự không chỉ dừng lại ở việc nhận diện hình thức pháp lý của một quyết định xét xử, mà còn phải đặt trong mối quan hệ với chức năng kiểm soát quyền lực, bảo vệ công lý và trật tự pháp luật trong Nhà nước pháp quyền.

2.1.1.2. Khái niệm của hủy bản án sơ thẩm hình sự

Trong khoa học pháp lý hình sự và tố tụng hình sự, khái niệm "hủy bản án sơ thẩm hình sự" là một phạm trù đặc thù, gắn liền với bản chất của cơ chế xét xử hai cấp và cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền. Về phương diện khái niệm, có thể hiểu rằng hủy bản án sơ thẩm hình sự là hoạt động tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm, tái thẩm theo thẩm quyền, nhằm tuyên bố bản án sơ thẩm hình sự không còn giá trị pháp lý, từ đó đặt vụ án trở lại giai đoạn tố tụng thích hợp (điều tra lại, truy tố lại hoặc xét xử lại). Nói cách khác, hủy bản án sơ thẩm hình sự không đơn thuần là một quyết định thủ tục, mà là cơ chế tư pháp quan trọng để bảo đảm tính đúng đắn, khách quan và công bằng của hoạt động xét xử, khắc phục những sai lầm, vi phạm nghiêm trọng của cấp sơ thẩm, đồng thời bảo vệ quyền con người và quyền công dân trong tố tụng hình sự. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, hủy bản án STHS trong TTHS *là một trong những quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm trong quá trình xét xử phúc thẩm vụ án hoặc xét lại bản án của Tòa án cấp sơ thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo thủ tục luật định, nếu xét thấy có căn cứ theo quy định của pháp luật, nhằm hủy bỏ một phần hay toàn bộ bản án STHS đó để điều tra lại, xét xử lại hoặc đình chỉ vụ án.*

Trước hết, xét về bản chất pháp lý, hủy bản án sơ thẩm hình sự là một dạng hoạt động xét xử đặc biệt, trong đó cơ quan có thẩm quyền (chủ yếu là Tòa án cấp phúc thẩm, và trong một số trường hợp là Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm) sử dụng quyền tư pháp để phủ định giá trị pháp lý của bản án sơ thẩm. Giá trị pháp lý ở đây bao gồm cả hiệu lực chứng minh về sự thật vụ án và hiệu lực thi hành pháp luật của bản án. Khi một bản án sơ thẩm bị hủy, điều đó đồng nghĩa với việc Tòa án có thẩm quyền khẳng định rằng phán quyết ở cấp sơ thẩm chưa đáp ứng được yêu cầu pháp luật, chưa bảo đảm tính khách quan, chưa tôn trọng đầy đủ quyền con người trong tố tụng

hoặc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, hủy án chính là biểu hiện rõ nét của cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp trong nội bộ hệ thống Tòa án. Nó phản ánh nguyên tắc rằng quyền xét xử không phải là tuyệt đối, mà cần đặt dưới sự giám sát, kiểm tra nhằm ngăn ngừa lạm quyền, sai lầm hoặc vi phạm pháp luật. Trong việc thực hiện xét xử, không phải lúc nào những bản án hay quyết định của Tòa án cũng hoàn toàn chính xác. Trên thực tế, không ít những bản án quyết định của tòa có những sai sót, gây oan sai, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Do đó, các quy định về hủy bỏ bản án quyết định của Tòa án khi có những sai sót là một biện pháp quan trọng góp phần hạn chế tình trạng oan, sai nhằm đảm bảo tính đúng đắn trong thực tiễn áp dụng pháp luật, phù hợp với định hướng cải cách tư pháp ở nước ta và xu thế phát triển chung của thời đại trong giai đoạn hiện nay.

Tiếp theo, từ góc độ lý luận chung về quyền con người và công lý, khái niệm hủy bản án sơ thẩm hình sự còn gắn với nguyên tắc xét xử công bằng. Hủy bản án hình sự là việc Toà án có thẩm quyền ra quyết định bằng văn bản nhằm chấm dứt hiệu lực thi hành đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực thi hành của Tòa án cấp sơ thẩm khi phát hiện bản án, quyết định đó có sai sót [50]. Một bản án hình sự sơ thẩm, dù được ban hành bởi một cơ quan tư pháp độc lập, nhưng vẫn có thể chứa đựng sai sót trong việc đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền bào chữa, quyền được tranh tụng, quyền tiếp cận công lý của các bên tham gia tố tụng. Nếu không có cơ chế hủy bản án sơ thẩm, các sai lầm đó sẽ trở thành "sự thật pháp lý" áp đặt, gây ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm, xâm hại nghiêm trọng đến công lý và niềm tin của nhân dân đối với tư pháp. Do vậy, hủy bản án sơ thẩm hình sự không chỉ là một thủ tục kỹ thuật, mà còn là một thiết chế bảo đảm công lý, bảo đảm tính nhân văn và tính hợp pháp của hoạt động xét xử.

Xét về mục đích, hủy bản án sơ thẩm hình sự nhằm khắc phục triệt để những vi phạm nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm. Thông thường, căn cứ để hủy án được phân thành nhiều nhóm: (i) hủy để điều tra lại, khi có căn cứ cho rằng cơ quan điều tra, truy tố chưa làm rõ bản chất sự việc, bỏ lọt tội phạm hoặc xác định sai tội danh; (ii) hủy để xét xử lại, khi quá trình xét xử sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, hoặc khi bản án sơ thẩm chứa đựng những sai sót cơ bản mà cấp phúc thẩm không thể tự khắc phục bằng cách sửa án; (iii) hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến phần dân sự hoặc phần hình phạt, nếu có căn cứ cho rằng phần đó giải quyết sai hoặc chưa đúng pháp luật. Việc phân loại này cho thấy hủy án vừa có chức năng "chỉnh sửa" sai lầm thủ tục, vừa có chức năng "bổ sung"

những thiếu sót về nội dung, nhằm bảo đảm rằng vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để và đúng đắn.

Để đảm bảo các bản án đúng quy định của pháp luật, khách quan, toàn diện, đầy đủ và tạo niềm tin của quần chúng nhân dân vào hệ thống Tòa án thì việc hủy các bản án có sai sót là rất cần thiết nhưng cần tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chỉ HĐXX cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm mới có thẩm quyền hủy bản án, quyết định của Tòa án. Tóm lại, tuy còn có ý kiến khác nhưng có thể thấy điểm chung của các quan điểm trên về hủy bản án STHS là thẩm quyền của tòa án cấp phúc thẩm, tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm và tái thẩm. Nội dung của hủy bản STHS là không công nhận phán quyết của của tòa sơ thẩm. Hủy bản án STHS cần dựa trên căn cứ, thủ tục và thẩm quyền theo luật định.

2.1.2. Đặc điểm hủy bản án sơ thẩm hình sự

Hoạt động hủy bản án STHS là thẩm quyền của HĐXX cấp phúc thẩm, tái thẩm và giám đốc thẩm.

Trong cấp phúc thẩm, HĐXX có quyền: Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; Sửa bản án sơ thẩm; Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại; Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án; Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Đối với cấp tái thẩm, HĐXX có quyền: Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị; Hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại; Hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án; Đình chỉ việc xét xử tái thẩm.

Đối với cấp giám đốc thẩm, Hội đồng tái thẩm có thẩm quyền: Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị; Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm bị hủy, sửa không đúng pháp luật; Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại; Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án; Sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; Đình chỉ xét xử giám đốc thẩm [61].

Có thể nhận thấy, các HĐXXPT, tái thẩm và giám đốc thẩm sẽ thực hiện thẩm quyền đối với hủy bản án STHS theo 02 hướng: (1) Hủy bản án để điều tra lại và xét xử lại; (2) Hủy bản án và đình chỉ vụ án. Sự khác biệt là giai đoạn tái thẩm và giám đốc thẩm là hủy các bản án STHS đã có hiệu lực pháp luật.

Bên cạnh thẩm quyền trên, thì đối với các bản án STHS, các Hội động có thể thực hiện quyền sửa bản án theo quy định của pháp luật mà không phải thực hiện hủy bản án.

Trên cơ sở các thẩm quyền của các hội đồng, khái niệm về hủy bản án STHS, đặc điểm của hoạt động hủy bản án STHS thể hiện:

Thứ nhất, hoạt động hủy bản án STHS là một trong những quyền được pháp luật quy định của HĐXXPT, Hội đồng tái thẩm và Hội đồng giám đốc thẩm và được thực hiện khi bị cáo thực hiện kháng cáo, VKS kháng nghị theo quy định về thủ tục TTHS. Đặc điểm này thể hiện rõ bản chất tính nhân văn của pháp luật trên cơ sở nguyên tắc xét xử hai cấp, bảo đảm việc xét xử đúng người, đúng tội, tránh tình trạng án oan, án sai trong quá trình xét xử của Tòa án các cấp.

Thứ hai, hoạt động hủy bản án STHS được thực hiện trên cơ sở các căn cứ theo quy định của pháp luật TTHS. Về bản chất việc thực hiện các thủ tục phúc thẩm, tái thẩm hay giám đốc thẩm đối với các vụ án STHS là khắc phục những sai sót có thể xảy ra trong quá trình thực hiện thủ tục XXST. Chính vì vậy, các thủ tục hủy bản án STHS của Tòa án cấp phúc thẩm, tái thẩm và giám đốc thẩm phải tuân thủ nghiêm các quy định về TTHS. Tuy nhiên, tại mỗi quốc gia khác nhau thì thủ tục này có sự khác biệt phù hợp với hệ thống pháp luật và chế độ chính trị của quốc gia đó nhưng sẽ không nằm ngoài việc hoàn thiện các quy định về TTHS nói chung và quy định về hủy bản án STHS nói riêng [61].

Thứ ba, hoạt động hủy bản án STHS được tiếp cận từ 02 góc độ: *Một là,* hủy bản án theo thẩm quyền của HĐXX cấp phúc thẩm thì đối tượng là các bản án chưa có hiệu lực pháp luật do bị cáo thực hiện kháng cáo, bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Điều này bảo đảm thực hiện theo nguyên tắc xét xử hai cấp sơ thẩm, phúc thẩm. *Hai là,* hủy bản án theo thẩm quyền của Hội đồng tái thẩm và Hội đồng giám đốc thẩm. Nếu xét ở một góc độ nào đó, việc cho phép Hội đồng giám đốc thẩm và tái thẩm vừa được thực hiện quyền hủy bản án mà còn quyền sửa bản án có hiệu lực pháp luật trong một số trường hợp. Chính những đặc điểm này cho thấy Hội đồng giám đốc thẩm được coi như là cấp xét xử thứ ba trong hoạt động TTHS.

Thứ tư, hủy bản án STHS có tính chất rất phức tạp liên quan đến nhiều vấn đề trong pháp luật hình sự và TTHS. Điều này thể hiện là trong quá trình giải quyết một VAHS nói chung và thực hiện thủ tục hủy bản án STHS nói riêng có áp dụng nhiều pháp luật liên quan từ pháp luật hình sự, pháp luật TTHS cho đến pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, việc hủy bản án STHS là việc phủ định kết quả của các phiên

XXST, thể hiện trong quá trình XXST chưa bảo đảm được tính hợp lý, chính xác trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt của tòa án sơ thẩm.

Cuối cùng, việc hủy bản án STHS sẽ dẫn đến việc chấm dứt một phần hoặc toàn bộ bản án hình sự để điều tra lại hoặc hủy bỏ hoàn toàn bản án hình sự đó. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền hủy bản án STHS tùy thuộc vào quy định và yêu cầu thực tiễn mà Tòa án cấp phúc thẩm có thể thực hiện việc xem xét đến các nội dung nằm ngoài kháng nghị, kháng cáo nếu liên quan trực tiếp đến bản ản hình sự đang được xem xét.

2.1.3. Vai trò của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự

Vai trò trọng yếu của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự là khắc phục sai lầm của cấp xét xử sơ thẩm, cụ thể việc hủy bản án STHS thể hiện các vai trò sau:

Thứ nhất, việc hủy bản án sơ thẩm của Toà án đảm bảo cho việc xét xử của Toà án được chính xác, đúng đắn, giúp kịp thời sửa chữa những sai lầm hoặc vi phạm pháp luật mà cấp sơ thẩm mắc phải, nhờ đó mà chất lượng xét xử tại các cấp xét xử được nâng cao [54].

Trong hệ thống tố tụng hình sự, xét xử được coi là hoạt động trung tâm, bởi phán quyết của Tòa án chính là sự khẳng định cuối cùng của Nhà nước về việc một cá nhân có tội hay không có tội, đồng thời quyết định đến việc hạn chế hay bảo đảm các quyền cơ bản của con người. Chính vì vậy, yêu cầu quan trọng hàng đầu đối với hoạt động xét xử là phải chính xác, khách quan, đúng đắn và tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, ở cấp sơ thẩm, do nhiều nguyên nhân khác nhau – từ sự hạn chế về năng lực, điều kiện khách quan cho đến các vi phạm thủ tục hoặc việc áp dụng pháp luật không chuẩn xác – có thể dẫn đến những sai lầm trong bản án. Những sai lầm này nếu không được phát hiện và khắc phục kịp thời sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền con người, làm suy giảm niềm tin của xã hội vào công lý. Chính vì vậy, cơ chế hủy bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm có vai trò như một công cụ pháp lý quan trọng để bảo đảm cho việc xét xử được chính xác và đúng đắn.

Trước hết, việc hủy án thể hiện nguyên tắc "mọi bản án phải dựa trên sự thật khách quan và tuân thủ pháp luật". Khi Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (chẳng hạn như vi phạm quyền bào chữa, bỏ sót người tham gia tố tụng, thành phần Hội đồng xét xử không hợp lệ) hoặc việc áp dụng pháp luật sai lầm (ví dụ định tội danh không chính xác, áp dụng hình phạt trái quy định), thì việc hủy án là cách duy nhất để loại bỏ phán quyết sai trái đó, tránh nguy cơ bản án không hợp pháp trở thành "sự thật pháp lý". Tiếp theo, việc hủy

bản án sơ thẩm còn có vai trò sửa chữa và khắc phục sai lầm kịp thời. Thay vì để một bản án sai kéo dài, gây ra thiệt hại không thể khắc phục cho các bên tham gia tố tụng, quyết định hủy án mở ra cơ hội để vụ án được điều tra lại, xét xử lại một cách toàn diện, khách quan hơn. Điều này vừa bảo đảm quyền con người của bị cáo và những chủ thể liên quan, vừa giúp pháp luật được thực thi một cách chuẩn xác, đúng với bản chất công bằng của nó. Trong một số trường hợp, hủy án cũng đồng nghĩa với việc ngăn chặn kịp thời nguy cơ oan sai – một hậu quả pháp lý mà hệ thống tư pháp luôn phải cảnh giác và hạn chế đến mức thấp nhất.

Thứ hai, hủy bản án sơ thẩm là một trong những hình thức thực hiện quyền năng tố tụng của Toà án đã được pháp luật TTHS quy định.

Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong bộ máy Nhà nước, Toà án là cơ quan thực hiện chức năng chuyên biệt của Nhà nước. Bằng hoạt động xét xử, Toà án phải bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Để thực hiện được nhiệm vụ này, pháp luật TTHS quy định Toà án có quyền hủy bỏ những bản án sơ thẩm không đảm bảo tính hợp pháp hoặc không có căn cứ. Việc quy định về thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm của Toà án là phù hợp quy luật của nhận thức nhằm đảm bảo tính đúng đắn, khách quan của hoạt động xét xử trong quá trình TTHS. Quy định việc hủy bản án STHS thể hiện thái độ thận trọng của Nhà nước trong việc đưa ra phán xét quyết định về nhân thân, về số phận pháp lý, quyền lợi, tài sản và danh dự của những người tham gia tố tụng [56]. Do vậy, việc quy định rõ quyền được kháng cáo của bị cáo đối với bản án và quyết định sơ thẩm là thể hiện rõ tính nhân văn, bảo đảm quyền con người. Bên cạnh đó, việc hủy bản án sơ thẩm của Toà án là để thực hiện theo yêu cầu kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm của chủ thể có thẩm quyền nhằm đảm bảo cho hoạt động xét xử đúng pháp luật, nghiêm minh và kịp thời.

Thứ ba, hủy bản án sơ thẩm hình sự có vai trò quan trọng tăng cường bảo đảm, bảo vệ quyền của những người tham gia tố tụng.

Hủy bản án sơ thẩm đóng vai trò như một cơ chế kiểm soát và sửa sai trong hoạt động tư pháp, khi phát hiện những vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tố tụng của các chủ thể, như quyền bào chữa của bị cáo, quyền tranh tụng của luật sư, quyền trình bày ý kiến và yêu cầu bồi thường của bị hại, hay quyền cung cấp chứng cứ và bảo vệ lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhờ có cơ chế hủy án, những quyền bị bỏ sót hoặc vi phạm ở cấp sơ thẩm được

khôi phục và bảo đảm thực hiện đầy đủ trong quá trình xét xử lại. Hủy bản án sơ thẩm còn có vai trò bảo đảm tính công bằng và khách quan của tố tụng. Khi một bản án sơ thẩm có sai lầm hoặc vi phạm, nếu không bị hủy bỏ, thì quyền của những người tham gia tố tụng sẽ bị xâm hại một cách nghiêm trọng và lâu dài. Việc hủy án tạo cơ hội để họ tiếp tục thực hiện quyền tố tụng trong một quá trình xét xử mới, nơi mọi ý kiến, chứng cứ, quan điểm đều có điều kiện được xem xét đầy đủ và công bằng. Đây chính là cơ chế bảo đảm để mọi cá nhân tham gia tố tụng không bị gạt ra ngoài tiến trình xác định sự thật vụ án.

Ngoài ra, hủy bản án sơ thẩm còn đóng vai trò ngăn ngừa và răn đe các vi phạm thủ tục trong hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Khi thẩm phán, kiểm sát viên hay những người tiến hành tố tụng biết rằng mọi vi phạm có thể dẫn đến việc bản án bị hủy, họ sẽ thận trọng hơn trong việc bảo đảm quyền của các bên. Điều này không chỉ góp phần trực tiếp vào việc bảo vệ quyền lợi của những người tham gia tố tụng trong từng vụ án cụ thể, mà còn nâng cao chất lượng thực hiện quyền tố tụng trong toàn bộ hệ thống tư pháp. Như vậy, vai trò của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự là ở chỗ: nó là công cụ pháp lý trực tiếp để khôi phục và bảo đảm quyền của các chủ thể bị xâm hại trong quá trình tố tụng, là bệ đỡ cho sự công bằng và khách quan trong xét xử, đồng thời là cơ chế phòng ngừa và nâng cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

2.1.4. Ý nghĩa của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự

Thứ nhất, hủy bản án sơ thẩm của Toà án góp phần quan trọng trong việc đảm bảo quyền con người.

Dưới góc độ bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự, việc hủy bản án sơ thẩm hình sự mang ý nghĩa hết sức quan trọng và cần được nhìn nhận như một cơ chế tư pháp đặc thù nhằm bảo vệ công lý. Bản án sơ thẩm là kết quả của giai đoạn xét xử đầu tiên, nơi sự thật khách quan được kiểm chứng lần đầu thông qua hoạt động tranh tụng, đối chất, thẩm tra chứng cứ. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy không phải lúc nào bản án sơ thẩm cũng bảo đảm tính đúng đắn, khách quan và hợp pháp. Những sai lầm trong đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật hay vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng có thể dẫn đến việc kết án oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Khi đó, cơ chế hủy án sơ thẩm trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu để ngăn chặn sự xâm hại quyền con người từ một bản án sai lầm, bảo đảm rằng công lý không bị bóp méo bởi những thiếu sót trong quá trình xét xử.

Ý nghĩa lớn nhất của hủy bản án sơ thẩm là bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội và quyền được xét xử công bằng. Theo chuẩn mực quốc tế và pháp luật quốc gia, mọi người bị buộc tội đều được coi là vô tội cho đến khi có bản án có hiệu lực pháp luật chứng minh sự phạm tội. Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực ngay chính là để bảo đảm quyền kháng cáo, kháng nghị. Nếu bản án đó chứa đựng vi phạm nghiêm trọng, việc hủy án không chỉ phủ định một phán quyết sai lầm mà còn tái khẳng định giá trị của nguyên tắc suy đoán vô tội, bảo đảm rằng không ai bị tước đoạt tự do hoặc bị kết án khi chưa có sự xét xử khách quan, công bằng và đúng thủ tục. Hủy án trong trường hợp này thể hiện rõ tính nhân văn và tính bảo đảm quyền con người của pháp luật tố tụng hình sự.

Ở một bình diện khác, hủy bản án sơ thẩm còn là sự bảo đảm cho quyền được tham gia vào một thủ tục tố tụng hợp pháp. Quyền con người trong tố tụng không chỉ dừng lại ở kết quả phán quyết mà còn gắn chặt với cách thức mà phán quyết đó được đưa ra. Con người có quyền được xét xử công khai, có quyền nhờ luật sư bào chữa, có quyền trình bày và tranh luận bình đẳng với bên buộc tội. Khi những quyền này bị vi phạm ở cấp sơ thẩm, bản án tuyên ra không thể coi là hợp pháp. Cơ chế hủy án cho phép khôi phục lại quyền được tham gia vào một thủ tục đúng đắn, để các bên có điều kiện bình đẳng trong việc chứng minh, bác bỏ hoặc bảo vệ quan điểm của mình. Về phương diện lý luận, đây là cách mà pháp luật bảo đảm quyền tố tụng như một bộ phận không thể tách rời của quyền con người.

Hủy bản án sơ thẩm hình sự cũng là sự cụ thể hóa quyền kháng cáo và quyền được xét xử lại. Trong cơ chế hai cấp xét xử, việc cho phép đương sự kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị chính là sự thừa nhận rằng phán quyết sơ thẩm có thể sai lầm. Hủy án thể hiện rõ ràng nhất giá trị của quyền kháng cáo: khi có căn cứ cho thấy bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng, Tòa án cấp trên không chỉ sửa đổi mà còn có quyền phủ định toàn bộ hoặc một phần bản án đó, trả lại cơ hội được xét xử lại công bằng cho các bên. Như vậy, hủy án không chỉ mang tính kỹ thuật tố tụng mà còn là biểu hiện sinh động của việc Nhà nước pháp quyền bảo đảm cho con người có quyền tiếp cận công lý nhiều lần nếu như quyền lợi hợp pháp của họ bị ảnh hưởng bởi một phán quyết chưa đúng đắn.

Ngoài ra, hủy bản án sơ thẩm hình sự còn có ý nghĩa trong việc bảo đảm quyền được xét xử trong thời hạn hợp lý và quyền được bảo vệ khỏi sự tùy tiện trong áp dụng hình phạt. Một bản án sơ thẩm sai lầm, nếu không bị hủy, sẽ tạo ra hậu quả nặng nề và lâu dài cho người bị kết án, đặc biệt khi bản án đó áp dụng hình phạt tước tự

do. Việc hủy án tạo điều kiện cho một quá trình tố tụng mới, minh bạch hơn, nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh yêu cầu rằng việc hủy phải được áp dụng đúng căn cứ, tránh tình trạng lạm dụng kéo dài quá trình xét xử, làm ảnh hưởng đến quyền con người về thời hạn xét xử hợp lý. Đây là thách thức nhưng cũng là động lực để hệ thống tư pháp ngày càng hoàn thiện, cân bằng giữa bảo đảm quyền lợi của cá nhân và yêu cầu bảo vệ trật tự xã hội.

Thứ hai, hủy bản án sơ thẩm đúng pháp luật sẽ góp phần xây dựng niềm tin của nhân dân vào Nhà nước pháp quyền.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân là quan điểm tư tưởng nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là kim chỉ nam định hướng cho toàn bộ quá trình tổ chức, xây dựng và hoạt động của Nhà nước ta. Một trong những đặc điểm cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam là thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là một nội dung cơ bản của xây dựng Nhà nước pháp quyền. Bởi lẽ, những sai lầm, thiếu sót hoặc vi phạm nghiêm trọng về pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án sẽ làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào các cơ quan tiến hành tố tụng. Với tinh thần thượng tôn pháp luật, cần hủy bỏ những bản án sơ thẩm của Toà án có vi phạm pháp luật để giải quyết lại vụ án một cách chính xác, công bằng, đúng pháp luật [56].

Ý nghĩa của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự còn nằm ở khía cạnh xã hội – pháp lý rộng hơn, đó là củng cố niềm tin của người dân vào công lý. Khi một bản án sai được hủy bỏ, xã hội nhận thấy rằng hệ thống tư pháp có khả năng tự sửa chữa, có cơ chế bảo vệ con người khỏi sự tùy tiện và sai lầm. Điều này góp phần xây dựng niềm tin của công dân vào Nhà nước pháp quyền, nơi quyền con người không chỉ tồn tại trên văn bản hiến pháp và luật pháp, mà được bảo vệ bằng những thủ tục cụ thể, hiệu quả trong đời sống tư pháp hằng ngày. Niềm tin đó không chỉ bảo đảm cho sự ổn định xã hội mà còn là cơ sở để củng cố ý thức thượng tôn pháp luật trong cộng đồng.

Thứ ba, thực hiện quyền hủy bản án sơ thẩm của Toà án trong TTHS là để giải quyết yêu cầu của chủ thể tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Trong hệ thống tố tụng hình sự, quyền hủy bản án sơ thẩm của Tòa án cấp trên không chỉ được thiết kế như một cơ chế tự kiểm soát trong nội bộ ngành tư pháp, mà còn là công cụ pháp lý để đáp ứng yêu cầu của các chủ thể tham gia tố tụng và của chính những người tiến hành tố tụng. Bản án sơ thẩm, với tính chất là phán quyết lần đầu, chưa có hiệu lực ngay, bởi pháp luật thừa nhận khả năng tồn tại những khiếm khuyết về chứng cứ, thủ tục hoặc áp dụng pháp luật. Chính vì vậy, việc trao cho Tòa

án thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm thể hiện quan điểm nhân văn và hợp lý: phán quyết của Tòa án không phải là bất khả xâm phạm, mà có thể được xem xét lại nếu có căn cứ, qua đó bảo đảm rằng quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng được bảo vệ một cách toàn diện.

Đối với bị cáo, việc Tòa án có thể hủy bản án sơ thẩm là sự bảo đảm quan trọng nhất để quyền kháng cáo trở nên thực chất. Trong nhiều trường hợp, bị cáo cho rằng quá trình xét xử sơ thẩm đã vi phạm quyền bào chữa, chứng cứ gỡ tội chưa được thu thập đầy đủ, hoặc bản án áp dụng pháp luật không đúng. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có thể sửa án mà không có quyền hủy, những sai phạm mang tính hệ thống và nghiêm trọng ở cấp sơ thẩm sẽ khó có thể khắc phục. Nhờ có quyền hủy án, bị cáo có cơ hội được xét xử lại trong một quy trình đúng đắn hơn, nơi những chứng cứ bị bỏ sót được bổ sung, những vi phạm thủ tục được sửa chữa và quyền bào chữa được bảo đảm đầy đủ hơn. Như vậy, việc hủy án là sự cụ thể hóa quyền được xét xử công bằng của bị cáo, đồng thời là công cụ ngăn ngừa kết án oan sai.

Đối với bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quyền hủy án của Tòa án cũng có ý nghĩa sâu sắc. Nhiều trường hợp bản án sơ thẩm đã giải quyết không thỏa đáng quyền lợi của họ, ví dụ: phần bồi thường dân sự chưa được xem xét đầy đủ, trách nhiệm của bị cáo đối với hành vi phạm tội chưa được xác định đúng mức, hoặc việc xét xử vi phạm thủ tục dẫn đến việc họ không được tham gia đầy đủ vào quá trình tố tụng. Khi họ thực hiện quyền kháng cáo, Tòa án cấp trên có thể xem xét và hủy bản án sơ thẩm để bảo đảm rằng vụ án được giải quyết lại, quyền lợi của họ được bảo vệ đúng đắn hơn. Dưới góc độ này, hủy án không chỉ phục vụ bị cáo, mà còn bảo đảm sự công bằng cho bị hại và các chủ thể dân sự trong vụ án hình sự.

Đối với Viện kiểm sát và cơ quan tiến hành tố tụng khác, việc Tòa án có quyền hủy bản án sơ thẩm cũng là cách để đáp ứng yêu cầu kiểm sát hoạt động xét xử. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị nếu nhận thấy bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, bỏ lọt người phạm tội, hoặc xử lý hành vi chưa đúng với tính chất và mức độ nguy hiểm. Trong những trường hợp này, hủy án là biện pháp cần thiết để vụ án được điều tra lại hoặc xét xử lại, qua đó bảo đảm không có cá nhân nào thoát khỏi trách nhiệm hình sự khi có hành vi phạm tội. Từ góc độ quản lý tố tụng, quyền hủy án còn cho phép khắc phục những sai sót nghiêm trọng của cơ quan điều tra, truy tố hoặc xét xử sơ thẩm, qua đó nâng cao chất lượng toàn bộ quá trình tố tụng. Điều này không chỉ nhằm bảo vệ công lý, mà còn góp phần giữ gìn sự tôn nghiêm và uy tín của hệ thống tư pháp.

Xét trên bình diện lý luận, có thể khẳng định rằng quyền hủy bản án sơ thẩm của Tòa án là điểm gặp gỡ của hai nhu cầu: nhu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng, và nhu cầu bảo đảm tính đúng đắn, hợp pháp của hoạt động tố tụng mà người tiến hành tố tụng phải chịu trách nhiệm. Đối với chủ thể tham gia tố tụng, hủy án là công cụ để họ bảo vệ mình khỏi những phán quyết sai lầm. Đối với người tiến hành tố tụng, hủy án là cơ chế để kiểm soát, răn đe và khắc phục sai sót, nhằm hướng toàn bộ quá trình tố tụng tới mục tiêu công lý. Tóm lại, việc Tòa án thực hiện quyền hủy bản án sơ thẩm hình sự có ý nghĩa vừa để đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng, vừa để đáp ứng yêu cầu của người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm pháp chế và hiệu quả của quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Thứ tư, hủy bản án là cách thức để Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục các vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm, nhằm bảo vệ pháp chế XHCN, bảo đảm công bằng xã hội, góp phần tạo được lòng tin của người dân vào công lý.

Trong tố tụng hình sự, bản án sơ thẩm là kết quả của toàn bộ quá trình điều tra, truy tố và xét xử lần đầu. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy không ít trường hợp ở cấp sơ thẩm xuất hiện những vi phạm pháp luật nghiêm trọng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng, như việc thu thập chứng cứ không hợp pháp, hạn chế quyền bào chữa của bị cáo, vi phạm quyền tham gia tố tụng của bị hại hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hay áp dụng sai các quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự. Nếu những vi phạm đó không được khắc phục, hậu quả sẽ là các bản án thiếu khách quan, thậm chí kết án oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Chính vì vậy, cơ chế hủy bản án sơ thẩm bởi Tòa án cấp phúc thẩm xuất hiện như một công cụ tất yếu để bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa và công bằng xã hội.

Trước hết, việc hủy bản án sơ thẩm thể hiện rõ chức năng giám đốc thẩm ở cấp phúc thẩm trong cơ chế hai cấp xét xử. Bằng thẩm quyền này, Tòa án cấp phúc thẩm có thể kiểm soát tính hợp pháp và đúng đắn của toàn bộ quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, qua đó kịp thời phát hiện những sai phạm và khắc phục bằng cách buộc phải điều tra lại hoặc xét xử lại. Điều này không chỉ giúp sửa chữa sai lầm trong một vụ án cụ thể, mà còn có tác dụng răn đe, ngăn chặn tình trạng tùy tiện, chủ quan, duy ý chí trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm. Nói cách khác, hủy bản án sơ thẩm là một phương thức bảo đảm cho nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa: mọi

hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng đều phải tuân theo pháp luật, và mọi sự vi phạm pháp luật đều phải được khắc phục bằng biện pháp pháp lý.

Tiếp theo, cơ chế này còn góp phần bảo đảm công bằng xã hội. Một bản án sơ thẩm sai lầm có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng: bị cáo bị oan sai sẽ mất đi quyền tự do, danh dự và nhân phẩm; trong khi đó, người phạm tội thực sự có thể bị bỏ lọt, gây bất bình trong dư luận và ảnh hưởng đến niềm tin xã hội đối với công lý. Khi Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại hoặc điều tra lại, điều đó đồng nghĩa với việc hệ thống tư pháp đang chủ động loại bỏ nguy cơ bất công, trả lại sự công bằng cho các chủ thể bị ảnh hưởng. Công bằng ở đây không chỉ là công bằng giữa bị cáo và bị hại, mà còn là công bằng trong quan hệ giữa Nhà nước và công dân, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội.

Ngoài ra, việc hủy bản án sơ thẩm còn mang ý nghĩa giáo dục và phòng ngừa đối với cơ quan tiến hành tố tụng. Mỗi lần bản án bị hủy do vi phạm pháp luật là một lời cảnh tỉnh, buộc các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm phải nâng cao ý thức trách nhiệm, tôn trọng đầy đủ quyền con người, tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật khi tiến hành tố tụng. Đây chính là cơ chế bảo đảm tính tự hoàn thiện của hệ thống tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nơi công lý không chỉ được tuyên bố trên văn bản, mà phải được thực thi qua từng vụ án cụ thể.

Thứ năm, việc hủy bản án sơ thẩm hình sự, xét về bản chất, không chỉ là một thủ tục tố tụng nhằm khắc phục sai lầm trong một vụ án cụ thể mà còn mang ý nghĩa sâu xa trong cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trong bất kỳ hệ thống tư pháp nào, quyền xét xử của Tòa án luôn được coi là một trong những biểu hiện quan trọng nhất của quyền lực nhà nước. Quyền lực này nếu không được kiểm soát chặt chẽ sẽ dễ dẫn đến tùy tiện, lạm quyền, thậm chí chà đạp lên quyền con người. Trong cơ chế hai cấp xét xử của tố tụng hình sự Việt Nam, quyền hủy bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm chính là một công cụ hữu hiệu để kiểm soát quyền lực tư pháp. Khi Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do phát hiện có vi phạm nghiêm trọng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ, trong việc bảo đảm quyền bào chữa hay áp dụng pháp luật, điều đó khẳng định rằng quyền lực xét xử của cấp dưới không phải là "tối thượng", mà luôn chịu sự giám sát chặt chẽ. Cơ chế này tạo ra vòng phản biện nội bộ trong hệ thống Tòa án, góp phần hạn chế tình trạng lạm quyền, bảo đảm cho hoạt động xét xử diễn ra theo đúng nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Như vậy, việc hủy án sơ thẩm chính là phương thức hiện

thực hóa nguyên tắc quyền lực nhà nước phải được phân công, phối hợp và kiểm soát, kể cả trong chính nhánh quyền tư pháp.

Ý nghĩa thứ hai nằm ở việc tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước và bộ máy tư pháp. Công lý không chỉ cần được thực thi mà còn phải được nhìn thấy là đã được thực thi. Một bản án sơ thẩm sai lầm nếu không bị sửa chữa sẽ gây ra những hệ quả nghiêm trọng: người dân có thể mất niềm tin vào tính công minh của Tòa án, coi Nhà nước như một bộ máy xa rời lợi ích nhân dân. Khi Tòa án cấp trên hủy bản án sơ thẩm và tổ chức xét xử lại, nhân dân sẽ nhận thấy rằng hệ thống tư pháp có khả năng tự điều chỉnh, không để sai phạm của cấp dưới tồn tại. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền, bởi niềm tin xã hội là nền tảng để pháp luật có thể đi vào cuộc sống. Mỗi quyết định hủy án sơ thẩm thể hiện sự công khai thừa nhận sai sót, đồng thời khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ công lý, từ đó góp phần củng cố uy tín của Tòa án và toàn bộ hệ thống chính trị. Ngoài ra, việc hủy án sơ thẩm còn có tác động gián tiếp đối với nhận thức và hành vi của những người tiến hành tố tụng. Một khi biết rằng mọi vi phạm pháp luật đều có thể dẫn đến việc bản án bị hủy, thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên sẽ buộc phải hành động cẩn trọng, tuân thủ chặt chẽ các quy định tố tụng, bảo đảm quyền con người trong toàn bộ quá trình xử lý vụ án. Đây là cách thức vừa phòng ngừa sai sót, vừa nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước. Niềm tin của nhân dân vì thế cũng được củng cố không chỉ ở kết quả cuối cùng của một vụ án, mà còn ở toàn bộ quy trình tố tụng – vốn được tiến hành một cách minh bạch, công bằng và thượng tôn pháp luật.

2.2. Thể chế hóa vấn đề về hủy bản án sơ thẩm hình sự

2.2.1. Nhu cầu thể chế hóa vấn đề hủy bản án sơ thẩm hình sự

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, một trong những yêu cầu cốt lõi là bảo đảm cho hoạt động tư pháp, đặc biệt là hoạt động xét xử hình sự, được tiến hành một cách công bằng, khách quan, đúng pháp luật và tôn trọng tối đa các quyền con người, quyền công dân đã được Hiến pháp ghi nhận. Trong bối cảnh đó, vấn đề hủy bản án sơ thẩm hình sự cần được thể chế hóa rõ ràng, đầy đủ và chặt chẽ trong hệ thống pháp luật tố tụng hình sự. Nhu cầu thể chế hóa xuất phát từ nhiều căn cứ lý luận và thực tiễn, gắn liền với yêu cầu bảo vệ công lý, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa và củng cố niềm tin của nhân dân vào cơ quan tư pháp.

Thứ nhất, việc thể chế hóa vấn đề hủy bản án sơ thẩm hình sự là nhu cầu khách quan nhằm bảo đảm nguyên tắc xét xử hai cấp trong tố tụng hình sự. Theo nguyên tắc này, mọi bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đều có thể bị kháng cáo, kháng nghị và được xét xử lại ở cấp phúc thẩm. Nhưng nếu pháp luật không quy định đầy đủ và cụ thể về trường hợp, căn cứ và thẩm quyền hủy án sơ thẩm, thì nguyên tắc hai cấp xét xử sẽ chỉ tồn tại trên hình thức, khó có điều kiện để phát huy vai trò thực chất. Thể chế hóa vấn đề hủy án sơ thẩm vì vậy là cách thức cụ thể hóa nguyên tắc tố tụng, tạo hành lang pháp lý vững chắc để các Tòa án cấp phúc thẩm có cơ sở áp dụng thống nhất, minh bạch khi xem xét lại vụ án.

Thứ hai, thể chế hóa cơ chế hủy bản án sơ thẩm xuất phát từ nhu cầu bảo đảm quyền con người và quyền công dân trong tố tụng hình sự. Trong thực tế, không ít bản án sơ thẩm bị phát hiện có sai lầm nghiêm trọng về chứng cứ, đánh giá tình tiết, áp dụng pháp luật hoặc vi phạm thủ tục tố tụng, dẫn đến việc quyền bào chữa của bị cáo, quyền yêu cầu bồi thường của bị hại hay quyền trình bày ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị xâm phạm. Nếu không có cơ chế pháp lý rõ ràng về việc hủy án, những quyền này sẽ khó được bảo đảm thực chất. Việc thể chế hóa không chỉ nhằm khẳng định Nhà nước tôn trọng và bảo vệ quyền con người mà còn là công cụ hữu hiệu để hiện thực hóa các quyền này trong đời sống tư pháp. Đây chính là điểm gắn kết giữa yêu cầu nội luật hóa và việc thực hiện các chuẩn mực quốc tế về quyền được xét xử công bằng mà Việt Nam là thành viên.

Thứ ba, thể chế hóa việc hủy bản án sơ thẩm hình sự còn xuất phát từ yêu cầu khắc phục và ngăn ngừa sai lầm tư pháp. Trong hoạt động xét xử, sai lầm là điều khó tránh khỏi, nhưng hệ thống pháp luật phải có cơ chế xử lý để không biến sai lầm cục bộ thành hậu quả lâu dài. Quy định rõ ràng, cụ thể về căn cứ hủy án, thủ tục hủy án và hệ quả pháp lý của việc hủy án sẽ giúp Tòa án cấp phúc thẩm chủ động hơn trong việc loại bỏ những phán quyết không đúng pháp luật, đồng thời định hướng lại hoạt động xét xử của cấp sơ thẩm. Nhu cầu này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh các vụ án hình sự ngày càng phức tạp, có nhiều tình tiết nhạy cảm, dễ dẫn đến tranh luận về tính đúng đắn của bản án. Một cơ chế hủy án rõ ràng sẽ là "bộ lọc pháp lý" để bảo đảm rằng chỉ những bản án thực sự đúng đắn, hợp pháp mới được duy trì.

Thứ tư, việc thể chế hóa hủy bản án sơ thẩm hình sự còn là một yêu cầu từ góc độ kiểm soát quyền lực tư pháp. Trong Nhà nước pháp quyền, quyền lực phải được kiểm soát bằng quyền lực, không một cơ quan hay cá nhân nào có thể tự cho mình quyền tuyệt đối. Nếu bản án sơ thẩm không thể bị hủy hoặc việc hủy án thiếu căn cứ

pháp lý rõ ràng, thì quyền lực của Tòa án cấp sơ thẩm sẽ khó bị kiểm soát hữu hiệu, dễ dẫn tới tùy tiện, thậm chí lạm quyền. Khi pháp luật quy định chặt chẽ về hủy án, Tòa án cấp sơ thẩm sẽ buộc phải tuân thủ nghiêm túc pháp luật, nâng cao chất lượng xét xử, tránh tình trạng làm việc hình thức hay coi nhẹ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng. Do vậy, nhu cầu thể chế hóa ở đây chính là nhu cầu xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ trong hệ thống Tòa án, bảo đảm mọi hoạt động xét xử đều đặt dưới khuôn khổ của pháp luật.

Thứ năm, thể chế hóa vấn đề hủy bản án sơ thẩm hình sự còn có ý nghĩa thiết thực trong việc củng cố niềm tin của nhân dân vào hệ thống tư pháp và Nhà nước. Một bản án sai lầm nếu không được kịp thời hủy bỏ sẽ để lại dư luận xấu trong xã hội, làm dấy lên nghi ngờ về sự công bằng của Tòa án, từ đó ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào công lý và pháp luật. Ngược lại, khi pháp luật có cơ chế hủy án rõ ràng, minh bạch và được vận dụng nhất quán, thì nhân dân sẽ thấy rằng Nhà nước luôn có khả năng tự sửa chữa sai lầm, không dung túng cho bất công. Điều này không chỉ nâng cao uy tín của Tòa án mà còn khẳng định tính nhân văn, tiến bộ của hệ thống pháp luật Việt Nam.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng nhu cầu thể chế hóa việc hủy bản án sơ thẩm hình sự không phải là yêu cầu mang tính hình thức mà là một đòi hỏi tất yếu, khách quan, gắn liền với yêu cầu hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thể chế hóa vấn đề này giúp tạo dựng hành lang pháp lý thống nhất, minh bạch, bảo đảm cho việc hủy án được tiến hành đúng đắn, khách quan, đồng thời nâng cao chất lượng xét xử, bảo vệ quyền con người và củng cố niềm tin xã hội đối với công lý. Đây là nền tảng quan trọng để hệ thống tư pháp Việt Nam tiếp tục cải cách theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và gần gũi với người dân hơn.

2.2.2. Cơ sở của hủy bản án sơ thẩm hình sự

2.2.2.1. Cơ sở lý luận của hủy bản án sơ thẩm hình sự

Thứ nhất, xuất phát từ mục đích của TTHS: Về bản chất TTHS có mục đích, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, cơ sở khoa học của thực hiện thủ tục hủy bản án STHS còn căn cứ vào những sai phạm, khuyết điểm trong việc xử lý VAHS của cấp sơ thẩm thể hiện trong việc sai sót về nội dung pháp luật được áp dụng cũng như trong quá trình tố tụng. Chính vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ thực hiện quyền hủy bản án STHS theo

quy định nếu nhận thấy các vấn đề sai phạm, sai sót ở Tòa án sơ thẩm. Chế định hủy bản án STHS trong TTHS còn xuất phát từ nhu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong quá trình giải quyết VAHS bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội tránh oan sai. Về bản chất, trong quá trình thực hiện TTHS nói chung và trong giai đoạn phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm thì quyền con người luôn được bảo đảm trong suốt quá trình giải quyết VAHS. Chính vì thế, ngay cả trong trường hợp vụ án hình sự đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành thì nếu có kháng cáo, kháng nghị theo đúng quy định thì tòa án có thẩm quyền sẽ xem xét nghiên cứu bảo đảm không để xảy ra những sai sót dẫn đến oan sai đối với người dân.

Thứ hai, xuất phát từ nguyên tắc xét xử hai cấp của TTHS. Thực tiễn hoạt động hủy bản án STHS là một thủ tục trong giai đoạn xét xử của cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Hoạt động này là kết quả của quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án trên cơ sở đơn kháng cáo, kháng nghị của bị cáo, qua đó tổ chức xét xử theo đụng quy định của pháp luật tố tụng ở cấp phúc thẩm bảo đảm đủ căn cứ (sai sót trong tố tụng, căn cứ vào nội dung pháp luật hình sự về vụ án) để HĐXX cấp phúc thẩm, Hội đồng giám đốc thẩm, Hội đồng tái thẩm có thể đưa ra quyết định hủy bản án STHS. Mặt khác, để bảo đảm các cơ sở để không xảy ra những sai sót trong quá trình tố tụng cũng như bảo đảm tính nhân văn của pháp luật về tố tụng trong xét xử các VAHS cần thực hiện theo nguyên tắc hai cấp. Khi đó, nếu bản án STHS bị kháng cáo, kháng nghị theo đúng quy định của pháp luật thì vụ án được xét xử phúc thẩm cũng như các cấp khác [67]. Như vậy, để giải quyết một vụ án STHS một cách chính xác, phù hợp với điều kiện thực tiễn thì có thể phải thông qua một hay nhiều cấp tùy vào tính chất và thủ tục kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của VKS có thầm quyền. Thông qua những kỹ năng, căn cứ vào các quy định HĐXXPT, giám đốc thẩm, tái thẩm có thể thực hiện thủ tục hủy bản án STHS khi đủ điều kiện.

2.2.2.2. Cơ sở chính trị - pháp lý

Hiến pháp 2013 cùng với việc ghi nhận quyền tư pháp là một loại quyền lực nhà nước, là việc khẳng định cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong đó với tư cách là một quyền lực trong bộ ba quyền lực nhà nước đặt ra vai trò kiểm soát quyền lực của quyền tư pháp và kiểm soát chính quyền tư pháp bằng các cơ chế khác nhau. Theo đó, Tòa án thông qua chức năng xét xử thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Như vậy nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người là 2 bổ sung được đánh giá rất cao của Hiến pháp 2013

về Tòa án và quyền tư pháp. Hai điểm mới quan trọng này cho thấy sự đột phá trong nhận thức cũng như trong hiến định về quyền tư pháp. Hiến pháp 2013 đã đặt ra các nguyên tắc mới hoặc làm mới các nguyên tắc làm nền tảng cho hoạt động xét xử nói riêng và thực hiện quyền tư pháp nói chung. Trước hết là nguyên tắc *"Tranh tụng trong xét xử được đảm bảo"*. Tranh tụng trong tố tụng là vấn đề được đề cập trong khoa học pháp lý từ lâu và Nghị quyết về Cải cách tư pháp cũng chỉ đạo cần cải cách quy trình tố tụng theo hướng *"mở rộng tranh tụng"*.

Quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự là hai cơ sở pháp lý trực tiếp và quan trọng của hủy bản án sơ thẩm hình sự. Trong đó, Bộ luật Hình sự là cơ sở pháp lý nội dung để xem xét tính đúng đắn của việc định tội, quyết định hình phạt, còn Bộ luật Tố tụng hình sự là cơ sở pháp lý hình thức để đảm bảo việc xét xử đúng trình tự, thủ tục. Khi bản án sơ thẩm có sai lầm về nội dung hoặc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thì việc hủy bản án sơ thẩm là cần thiết và có căn cứ pháp lý từ hai bộ luật này.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật hình sự được hoàn thiện trên cơ sở của Hiến pháp và các điều ước quốc tế sẽ là cơ sở quan trọng bảo đảm việc hủy bản án STHS đúng pháp luật và hướng đến giải quyết được các hạn chế, sai sót trong thực hiện pháp luật TTHS.

Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng xác định: *"Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị"* [27]. Nghị quyết số 27-NQ/TW là sự cụ thể hóa và phát triển Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; là sự tổng kết sâu sắc về lý luận và thực tiễn vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Đây là Nghị quyết chuyên đề, chuyên sâu về nhà nước pháp quyền, đã đề cập một cách toàn diện, hệ thống về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, từ khái niệm, các đặc trưng cơ bản, quan điểm chỉ đạo, đến các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp. Nghị quyết số 27-NQ/TW đánh giá qua 37 năm đổi mới đất nước, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, cả về lập pháp, hành pháp và tư pháp.

2.2.2.3. Cơ sở thực tiễn của hủy bản án sơ thẩm hình sự

Việc hủy bản án STHS còn căn cứ vào những trường hợp thực tiễn đã xảy ra trong quá trình thực hiện các bản án STHS, những vấn đề kháng cáo, kháng nghị trong thực tiễn. Những sai lầm trong áp dụng pháp luật hình sự đối với các vụ án hoặc

những khiếm khuyết trong quá trình TTHS đã ảnh hưởng rất lớn đến tính chất và việc triển khai thực hiện các bản án STHS. Từ thực tiễn, nhà nước cần có những quy định về thực hiện các thủ tục hủy bản án để Tòa án cấp phúc thẩm có thể kiểm tra, xác định rõ căn cứ và tính hợp pháp của bản án do Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định. Đồng thời, chính điều này đã khắc phục những vi phạm trong áp dụng pháp luật cũng như trong tố tụng đối với VAHS.

Bên cạnh đó, từ thực tiễn chứng minh dù ở nhiều quốc gia có nền tư pháp phát triển thì những sai sót trong xét xử các VAHS vẫn còn tồn tại. Chính vì vậy, việc giải quyết những sai phạm khiếm khuyết trên cần có những quy định cụ thể và hầu hết các quốc gia đề có cách thức tương đồng về vấn đề này. Điển hình như: Quy tắc TTHS liên bang Hoa Kỳ năm 1967 quy định thẩm quyền của Tòa án phúc thẩm trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đên bản án STHS nếu có kháng cáo của bị cáo; BLTTHS Trung Quốc và BLTTHS Hàn Quốc đều có những quy định chặt chẽ trong thẩm quyền của tòa án cấp phúc thẩm trong giải quyết những sai sót trong tố tụng và áp dụng pháp luật nội dung của tòa cấp sơ thẩm… Có thể nhận thấy, tuy cơ cấu tổ chức của hệ thống tòa án ở các quốc gia có khác nhau do yêu cầu về nền tảng chính trị, nhưng luật TTHS của các quốc gia đều có quy định cụ thể liên quan đến thủ tục hủy bản án STHS là thẩm quyền chỉ dành cho Tòa án cấp phúc thẩm quyết định đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm khi có những căn cứ xác định, hợp lý về có vi phạm pháp luật nội dung hoặc pháp luật tố tụng trong việc giải quyết vụ án.

2.2.3. Căn cứ hủy bản án sơ thẩm hình sự

Về bản chất căn cứ hủy bản án STHS là cơ sở ban hành văn bản pháp quy về hủy bản án STHS của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhằm xác định rõ nội dung và quá trình xử lý các thủ tục liên quan đến hủy bản án STHS.

2.2.3.1. Căn cứ vào nội dung quy định của pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Thứ nhất, không có sự việc phạm tội.

Thông tin về tội phạm là không chính xác, hoàn toàn không có sự việc xảy ra như thông tin mà các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận hoặc có sự việc xảy ra nhưng sự việc đó không có dấu hiệu của tội phạm. Ví dụ như một người không thực hiện hành vi phạm tội, mà Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc kết án người đó phạm tội, sai lầm này có thể do CQĐT hoặc VKS trong quá trình điều tra, cũng có thể do Tòa án. Việc VKS truy tố không đúng người, đúng tội, nhưng quá

trình xét xử HĐXX không căn cứ vào kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa để làm căn cứ kết án dẫn đến làm oan người vô tội.

Thứ hai, hành vi không cấu thành tội phạm.

Trong khoa học luật hình sự, để một hành vi của con người được coi là tội phạm thì phải thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, bao gồm: khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan. Chỉ khi tất cả các yếu tố này hội tụ thì hành vi đó mới bị coi là tội phạm và người thực hiện mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Chính vì vậy, bất kỳ hành vi nào không đáp ứng đủ các dấu hiệu cấu thành của một tội phạm cụ thể thì hành vi đó được xác định là không cấu thành tội phạm. Hành vi không cấu thành tội phạm là hành vi của người hoặc pháp nhân nào đó không thỏa mãn các dấu hiệu pháp lý của một cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS [29].

- Hành vi không cấu thành tội phạm có thể do không có tính nguy hiểm cho xã hội. Luật hình sự Việt Nam quan niệm tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật Hình sự và do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi. Như vậy, nếu hành vi xảy ra trong đời sống nhưng mức độ nguy hiểm quá thấp, không đáng kể, hoặc chưa đủ mức để bị coi là tội phạm, thì hành vi đó không phải là tội phạm. Ví dụ: một người lỡ gây trầy xước nhẹ tài sản của người khác trong mức độ thiệt hại quá nhỏ, chưa đạt ngưỡng hình sự, thì hành vi này có thể chỉ xử lý bằng chế tài dân sự hoặc hành chính chứ không cấu thành tội phạm.

- Hành vi không cấu thành tội phạm có thể do thiếu yếu tố pháp lý của cấu thành tội phạm. Mỗi tội phạm trong Bộ luật Hình sự đều có cấu thành cụ thể. Nếu hành vi của người thực hiện không thỏa mãn một hoặc nhiều dấu hiệu đó thì không coi là tội phạm. Chẳng hạn, để cấu thành tội trộm cắp tài sản, phải có hành vi chiếm đoạt tài sản một cách lén lút. Nếu một người chỉ "mượn tạm" tài sản của người khác trong thời gian ngắn, không có mục đích chiếm đoạt, thì hành vi này không thỏa mãn dấu hiệu mặt khách quan của tội trộm cắp, do đó không cấu thành tội phạm.

- Hành vi có thể không cấu thành tội phạm do có căn cứ loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội. Bộ luật Hình sự Việt Nam quy định một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự như: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, hoặc thi hành mệnh lệnh của cấp trên. Trong các trường hợp này, hành vi tuy gây thiệt hại, nhưng do bản chất xã hội tích cực hoặc không có lỗi của chủ thể, nên không bị coi là tội phạm. Ví dụ: một người trong tình

thế cấp thiết phá cửa nhà để cứu người trong đám cháy, hành vi này gây thiệt hại về tài sản nhưng không cấu thành tội phạm.

- Hành vi có thể không cấu thành tội phạm do người thực hiện không có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc chưa đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Nếu một đứa trẻ 10 tuổi lấy tài sản của người khác thì hành vi đó khách quan có dấu hiệu của tội trộm cắp, nhưng do chưa đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không cấu thành tội phạm. Trong trường hợp này, hành vi có thể được xem xét bằng các biện pháp giáo dục, chứ không phải chế tài hình sự.

Như vậy, hành vi không cấu thành tội phạm là hành vi tuy xảy ra trên thực tế, có thể gây thiệt hại, nhưng không thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của một tội phạm theo quy định trong Bộ luật Hình sự. Việc xác định đúng hành vi không cấu thành tội phạm có vai trò hết sức quan trọng trong thực tiễn xét xử, nhằm tránh việc hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính; đồng thời bảo đảm nguyên tắc "chỉ xử lý hình sự đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ đáng kể". Đây cũng là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa và tinh thần nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam.

Thứ ba, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS.

Một trong những điều kiện tiên quyết để cá nhân phải chịu trách nhiệm hình sự là người đó đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS). Độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự phản ánh khả năng nhận thức, năng lực làm chủ hành vi và mức độ phát triển tâm sinh lý của cá nhân trong xã hội. Chính vì vậy, trường hợp một người có hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì pháp luật không coi hành vi đó là tội phạm, đồng thời cá nhân thực hiện cũng không bị áp dụng chế tài hình sự. Theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý như: giết người, hiếp dâm, cướp tài sản, cướp giật tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản… Còn đối với người dưới 14 tuổi, pháp luật xác định họ hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm hình sự, dù hành vi có thể gây ra những hậu quả nguy hại cho xã hội. Nội dung quy định này phản ánh rõ quan điểm nhân đạo và khoa học của luật hình sự. Một người chưa đủ 14 tuổi thường chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm lý, nhận thức; khả năng phân biệt đúng – sai, thiện – ác còn hạn chế; đồng thời khả năng kiểm soát hành vi chưa ổn định. Vì vậy, nếu coi những hành vi do họ gây ra là

tội phạm và áp dụng hình phạt thì sẽ đi ngược lại bản chất của hình phạt – vốn nhằm răn đe, cải tạo và giáo dục người phạm tội trên cơ sở họ có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Về bản chất, hành vi nguy hiểm cho xã hội do người chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện có thể biểu hiện tương tự như hành vi tội phạm: trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, thậm chí tước đoạt tính mạng người khác. Tuy nhiên, vì người thực hiện chưa đủ tuổi luật định, hành vi đó không bị coi là tội phạm và không đặt ra trách nhiệm hình sự. Thay vào đó, Nhà nước và xã hội áp dụng các biện pháp xử lý thay thế phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, như giáo dục tại cộng đồng, giáo dục trong trường học, quản lý, giám sát của gia đình, hoặc trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Đây là cách thức pháp luật hình sự thể hiện sự kết hợp giữa tính nghiêm minh và tính nhân đạo: vẫn bảo vệ xã hội trước nguy cơ tái phạm, nhưng đồng thời không tước bỏ cơ hội phát triển bình thường của trẻ em. Ngoài ra, việc quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự còn có ý nghĩa phòng ngừa xã hội. Thay vì tập trung vào trừng trị, pháp luật khuyến khích việc giáo dục, cải tạo trẻ em thông qua các biện pháp mang tính hỗ trợ và định hướng, nhằm giúp trẻ em nhận thức rõ sai lầm, khắc phục hậu quả và tái hòa nhập cộng đồng. Đây là cơ sở để đảm bảo quyền trẻ em theo Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời phù hợp với chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước ta.

Thứ tư, hết thời hiệu truy cứu TNHS: Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do BLHS quy định cho phép cơ quan có thẩm quyền được tiến hành các hoạt động truy cứu TNHS đối với người phạm tội, khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu TNHS. Việc xác định được đã hết thời hiệu truy cứu TNHS là căn cứ không khởi tố VAHS. Đây là một chế định thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước, xuất phát từ quan điểm cho rằng nếu sau một khoảng thời gian dài người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, đã hòa nhập trở lại cộng đồng thì việc tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không còn cần thiết. Về bản chất, chế định hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự phản ánh sự kết hợp giữa yêu cầu trừng trị và nhân đạo. Một mặt, Nhà nước vẫn kiên quyết xử lý đối với hành vi phạm tội trong khoảng thời hạn luật định. Mặt khác, nếu qua một thời gian dài mà người phạm tội không còn nguy hiểm, họ đã thích nghi với đời sống xã hội thì việc khơi lại trách nhiệm hình sự không còn nhiều ý nghĩa, thậm chí có thể đi ngược với mục đích giáo dục, cải tạo của luật hình sự. Đây cũng là cơ chế nhằm bảo đảm sự ổn định xã hội và khuyến khích người phạm tội tự cải tạo, tránh tái phạm.

Thứ năm, tội phạm đã được đại xá: Đại xá là một biện pháp khoan hồng đặc biệt của Nhà nước, do Quốc hội quyết định mà nội dung của nó là tha hoàn toàn đối với hàng loạt người phạm tội đã phạm một hoặc một số loại tội phạm nhất định. Văn bản đại xá thường được ban hành khi có sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng của đất nước và có hiệu lực đối với những tội phạm xảy ra trước và khi văn bản đại xá đó được ban hành. Tội phạm đã được đại xá là căn cứ để không khởi tố VAHS. Nội dung quan trọng là: khi tội phạm đã được đại xá thì trách nhiệm hình sự được loại trừ hoàn toàn. Đây là một căn cứ đặc biệt để miễn trách nhiệm hình sự, khác với miễn trách nhiệm hình sự thông thường (dựa vào sự chuyển biến tình hình, người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ…). Với đại xá, yếu tố cá nhân của người phạm tội không được xem xét riêng biệt, mà họ đương nhiên được hưởng lợi ích pháp lý nhờ quyết định chung của Quốc hội. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đại xá không đồng nghĩa với việc hành vi không còn là tội phạm về mặt pháp luật. Về lý luận, hành vi vẫn có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm và vẫn nguy hiểm cho xã hội, nhưng do có quyết định đại xá nên Nhà nước từ bỏ quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đó. Điều này phản ánh tính nhân đạo và linh hoạt trong chính sách hình sự, đồng thời khẳng định vai trò tối cao của Quốc hội trong việc quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước.

Thứ sáu, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác: Mục đích của việc áp dụng TNHS và hình phạt đối với người phạm tội là nhằm giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Do vậy, trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà xác định được người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải ra quyết định không khởi tố VAHS, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.

2.2.3.2. Căn cứ vào sai lầm, vi phạm pháp luật trong tố tụng hình sự

Việc hủy bản án STHS căn cứ vào những sai sót, khuyết điểm trong thực hiện thủ tục TTHS ở cấp sơ thẩm:

Thứ nhất, người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật: Quyết định đình chỉ vụ án là quyết định tố tụng do VKS đưa ra trong giai đoạn truy tố và do Tòa án quyết định trong giai đoạn xét xử làm chấm dứt hoạt động tố tụng giải quyết vụ án. Chính vì vậy, đối với những vụ án đã có quyết định đình chỉ vụ án của Tòa án thì nghiễm nhiên quyết định đó đã có hiệu lực pháp luật và trong trường hợp này các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

không được khởi tố, điều tra, truy tố hay xét xử đối với họ. Khi đã xác định được người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật, thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không được khởi tố VAHS, trừ trường hợp họ thực hiện một hành vi khác mà luật hình sự qui định là tội phạm.

Thứ hai, tội phạm mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố: Khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại là một trong những quy định của pháp luật TTHS nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại. Tuy nhiên, trong thực tiễn có những trường hợp việc khởi tố VAHS để truy cứu trách nhiệm người thực hiện hành vi phạm tội có thể gây thêm những tổn thất khác cho bị hại so với việc không khởi tố VAHS như gây thêm những tổn thất về tinh thần, làm lộ bí mật đời tư của bị hại, phá vỡ sự tha thứ, hòa giải và thỏa thuận bồi thường giữa các bên… Chính vì vậy, pháp luật TTHS quy định đối với một số trường hợp tội phạm xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người hoặc xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, không phải là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không phải là rất lớn hoặc đặc biệt lớn, không có tình tiết định khung tăng nặng thì việc khởi tố vụ án chỉ có thể được thực hiện khi có yêu cầu khởi tố của bị hại hoặc người đại diện của họ.

Thứ ba, cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm: Có nhiều dạng bỏ lọt tội phạm khác nhau, chẳng hạn VKS truy tố bị cáo ba tội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo hai tội; các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can (bị cáo) đã thực hiện cấu thành một tội hoặc nhiều tội khác nhưng VKS không truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm không thể xét xử các hành vi mà VKS không truy tố… Đối với trường hợp bỏ lọt người phạm tội (có người đồng phạm khác hoặc có người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can hoặc đã khởi tố bị can nhưng được đình chỉ điều tra.) việc giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm cũng tương tự như đối với trường hợp bỏ lọt tội phạm [36]. Như vậy có thể thấy, trong quá trình điều tra, CQĐT đã điều tra không đầy đủ (vi phạm trong việc lập biên bản hiện trường, thu giữ vật chứng, nhận định tội danh.), bỏ lọt tội phạm, quá trình kiểm sát điều tra, Kiểm sát viên thụ lý vụ án không phát hiện ra những sai sót, vi phạm trên để khắc phục, Toà án cấp sơ thẩm trước và trong khi xét xử cũng không phát hiện, làm rõ. Những sai sót trong quá trình điều tra, truy tố vụ án, dẫn tới khi bản án bị kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm phát hiện thấy những vi phạm trên của bản án sơ thẩm; Quan điểm xử

lý vụ án và mức hình phạt đối với các bị cáo giữa hai ngành Kiểm sát và Toà án trong một số tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt trong vụ án vẫn chưa thống nhất.

Thứ tư, việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được: người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền hủy bản án STHS để Tòa án cấp sơ thẩm xem xét lại theo trình tự sơ thẩm kết án người đó phạm tội. Nếu một người đã bị khởi tố nhưng trong quá trình điều tra, truy tố CQĐT hoặc VKS đã đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với người đó mà khi XXST Tòa án cấp sơ thẩm cũng thấy có căn cứ xác định người đó phạm tội thì VKS không được kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Nếu tại phiên tòa sơ thẩm, qua xét hỏi và tranh luận, VKS thấy việc đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án đối với một người rõ ràng là không đúng pháp luật và Tòa án cấp sơ thẩm không có kiến nghị phục hồi điều tra thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật VKS sẽ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm để hủy bản án sơ thẩm hoặc quyết định phục hồi điều tra để truy tố người mà CQĐT hoặc VKS đã đình chỉ (nếu việc điều tra không ảnh hưởng đến các bị cáo khác trong cùng vụ án).

Thứ năm, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử để xảy ra vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Ở đây các cơ quan tiến hành tố tụng đã không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu của các bước trong quá trình giải quyết vụ án, cũng có thể vì thiếu các tài liệu chứng cứ mà đánh giá sai các tình tiết vụ án dẫn đến việc xác định sai sự thật vụ án cũng như tính khách quan và toàn diện của vụ án đó. Những vi phạm thuộc các trường hợp trên đều coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và phải được điều tra, truy tố lại hoặc xét xử lại nên Tòa phúc thẩm phải hủy án sơ thẩm; còn những vi phạm ngoài phạm vi khái niệm này thì được coi là những vi phạm tố tụng không nghiêm trọng và chỉ thực hiện việc kiến nghị sửa chữa, khắc phục như vi phạm về thời hạn điều tra, thời hạn xét xử… cũng là vi phạm tố tụng nhưng không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

Thứ sáu, người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó phạm tội. Trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo không có tội nhưng HĐXXPT xác định có căn cứ cho rằng người đó có tội thì không được sửa bản án sơ thẩm mà phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, bảo đảm quyền kháng cáo của bị cáo đối với việc bị tuyên là có tội. Nếu tiến hành sửa bản án cấp sơ thẩm và tuyên bị cáo có tội thì bản án phúc thẩm này đương nhiên có hiệu lực pháp luật và xem bị cáo là người có tội. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thì đồng thời bị

cáo không có quyền kháng cáo bản án phúc thẩm coi như mất đi quyền bào chữa của mình và bị xem là phạm tội. Do đó khi có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội, HĐXXPT có quyền hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Thứ bảy, miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ. Trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm miễn TNHS, miễn hình phạt không có căn cứ thì HĐXXPT không được sửa bản án sơ thẩm mà phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, bảo đảm quyền kháng cáo của bị cáo đối với việc bị áp dụng TNHS, áp dụng hình phạt. Trong trường hợp áp dụng biện pháp tư pháp không có căn cứ, nếu HĐXXPT xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp tư pháp thì sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 357, BLTTHS chứ không cần phải hủy bản án để xét xử lại.

2.2.4. Nguyên tắc hủy bản án sơ thẩm hình sự

Nguyên tắc cơ bản của TTHS là các quan điểm, có tính chất làm nền tảng, định hướng và chi phối mọi hoạt động TTHS. Hủy bản án sơ thẩm là một hoạt động tố tụng quan trọng thuộc thẩm quyền của tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Do đó, nó bị chi phối bởi các nguyên tắc cơ bản của TTHS. Trong hệ thống các nguyên tắc của TTHS, có một số nguyên tắc mang tính chi phối trong quá trình xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm và quyết định hủy bản án của TAND cấp có thẩm quyền. Mặc dù, hiện nay Bộ luật TTHS không quy định riêng về các nguyên tắc hủy bản án sơ thẩm hình sự mà chỉ quy định những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, dựa trên những đặc điểm đặc thù của hủy bản án sơ thẩm hình sự và các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự có thể đưa ra các nguyên tắc hủy bản án sơ thẩm hình sự như sau:

2.2.4.1. Nguyên tắc suy đoán vô tội trong thực hiện thủ tục hủy bản án án sơ thẩm hình sự của tòa án

Cội nguồn của nguyên tắc suy đoán vô tội có từ thời La-mã cổ đại khi người ta cho rằng trách nhiệm chứng minh thuộc về bên tố cáo và chỉ áp dụng trong tố tụng dân sự [46]. Tư tưởng này chỉ thực sự trở thành nguyên tắc pháp luật khi khi cách Cách mạng tư sản Pháp dành thắng lợi đánh một dấu mốc trong cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ của nhân loại để bảo vệ quyền con người, cùng với đó là đòi hỏi ngày càng gay gắt của xã hội: Cần phải có biện pháp hạn chế, chống lại sự chuyên quyền, độc đoán xâm phạm thô bạo quyền con người trong TTHS từ phía nhà nước. Giá trị của suy đoán vô tội được xem xét ở hai phương diện: phương diện chứng minh và

phương diện đối xử. Ở phương diện chứng minh cần bắt đầu từ vấn đề cơ bản nhất là bản chất của TTHS đó là quá trình nhận thức về sự thật của vụ án.

Theo Từ điển Tiếng Việt, suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc của nền tố tụng dân chủ, theo đó người bị buộc tội được suy đoán vô tội trong khi việc phạm tội của người đó chưa được chứng minh theo trình tự luật định và chưa được xác định bởi phán quyết đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án [75].

Nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế như Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966. Nguyên tắc này cũng được ghi nhận trong Hiến pháp 2013 tại khoản 1, Điều 31 như sau: *"Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật"* [87].

Nguyên tắc này đảm bảo cho việc chứng minh tội phạm được chính xác và khách quan, từ đó bảo vệ công lý, công bằng và tránh được oan sai. Bởi lẽ những người tiến hành tố tụng sẽ không thể vô tư, khách quan khi thu thập, đánh giá các chứng cứ nếu như trong đầu họ đã mặc nhiên coi người bị buộc tội là người phạm tội. TNHS là chế tài cao nhất áp dụng với những cá nhân, pháp nhân có hành vi vi pháp pháp luật nghiêm trọng, vì vậy nếu sự thật của vụ án bị che lấp bởi những định kiến, suy nghĩ cảm tính, chủ quan của những người tiến hành tố tụng thì thiệt hại đối với người bị kết tội oan là rất lớn.

Nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi bất cứ tội phạm nào cũng phải được chứng minh theo trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS quy định. Quá trình chứng minh tội phạm được thực hiện từ khi có tố giác, tin báo về tội phạm và thông qua các thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tiến hành các hoạt động điều tra, kết thúc điều tra đề nghị truy tố, truy tố bằng bản cáo trạng và tiến hành xét xử, điều tra công khai tại phiên tòa. Nếu có căn cứ để kết tội thì Tòa án sẽ ra bản án kết tội. Trong trường hợp, bản án kết tội không bị kháng cáo, kháng nghị thì bản án đó có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp bản án kết tội có kháng cáo hoặc kháng nghị thì bản án đó chưa có hiệu lực pháp luật và vụ án bắt buộc phải được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày HĐXX tuyên án.

2.2.4.2. Nguyên tắc chế độ xét xử hai cấp đảm bảo thực hiện hủy bản án án sơ thẩm hình sự theo đúng thẩm quyền

Xét xử hai cấp là một nguyên tắc tiến bộ được áp dụng phổ biến trên thế giới và nhiều quốc gia. Theo đó, bản án, quyết định sơ thẩm (xét xử lần thứ nhất) nếu có kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn luật định thì được chuyển lên Tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại (xét xử lần thứ hai – phúc thẩm), trong những trường hợp nhất định bản án STHS có thể được Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ yêu cầu điều tra lại hay hủy bỏ và đình chỉ vụ án. Nguyên tắc chế độ xét xử hai cấp này nhằm khắc phục những sai sót, khiếm khuyết trong thực hiện xét xử của cấp sơ thẩm.

Đồng thời, thực hiện nguyên tắc xét xử hai cấp có ý nghĩa đảm bảo cho bản án, quyết định của Tòa án được phán quyết thận trọng, khách quan, chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật; đảm bảo cho Tòa án cấp phúc thẩm giám sát hoạt động xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, khắc phục sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, của cá nhân. Nếu xảy ra những sai sót trong tố tụng cũng như theo quy định của pháp luật thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể thực hiện thủ tục hủy bản án STHS theo quy định.

Trong mối liên hệ với việc hủy bản án sơ thẩm hình sự, nguyên tắc hai cấp xét xử giữ vai trò then chốt. Hủy bản án sơ thẩm là một trong những thẩm quyền quan trọng của Tòa án cấp phúc thẩm khi xét thấy bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật hoặc chưa làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Nếu không có chế độ hai cấp xét xử, thì bản án sơ thẩm sẽ có hiệu lực ngay sau khi tuyên và không thể bị hủy bỏ, sửa đổi, từ đó tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến những bản án oan, sai, bỏ lọt tội phạm hoặc xử lý không đúng người, đúng tội. Nguyên tắc hai cấp xét xử cũng tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm thực thi cơ chế hủy bản án sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật. Thứ nhất, nó mở ra cơ hội cho những người tham gia tố tụng (bị cáo, bị hại, đương sự khác) được thực hiện quyền kháng cáo, từ đó yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm và đặt vấn đề hủy bản án nếu có căn cứ. Thứ hai, nguyên tắc này cũng trao quyền kháng nghị cho Viện kiểm sát – cơ quan giữ vai trò giám sát hoạt động tư pháp – để kịp thời yêu cầu hủy bỏ bản án sơ thẩm trái pháp luật, góp phần bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật. Thứ ba, nó xác lập trách nhiệm cho Tòa án cấp phúc thẩm trong việc giám sát, kiểm tra và sửa chữa sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm thông qua quyền hủy bản án, qua đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động xét xử. Ngoài ra, việc gắn kết giữa nguyên tắc hai cấp xét xử và cơ chế hủy bản án sơ thẩm hình sự còn có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa và công bằng xã hội. Thực tiễn xét xử cho thấy, không ít vụ án hình sự đã được phát hiện sai lầm ở cấp sơ thẩm và chỉ được khắc phục nhờ quyết

định hủy bản án để điều tra hoặc xét xử lại. Điều này chứng minh rằng chế độ hai cấp xét xử chính là "hàng rào pháp lý" bảo đảm mọi bản án hình sự được ban hành đều phù hợp với pháp luật, phản ánh đúng sự thật khách quan và bảo vệ được quyền con người, quyền công dân.

2.2.4.3. Nguyên tắc đảm bảo tranh tụng trong xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm đối với vụ án ơ thẩm hình sự

Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng nói chung trong xét xử các VAHS có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có cơ sở, điều kiện bình đẳng giống nhau trong việc thu thập, củng cố đầy đủ các chứng cứ, tài liệu, tạo cơ sở, căn cứ vững chắc cho việc truy tố, buộc tội và đưa ra các ý kiến tranh tụng nhằm bảo vệ quyền lợi cho cá nhân, tổ chức, cũng như qua đó giúp chứng minh các tỉnh tiết đúng đắn, khách quan của VAHS.

Đối với hủy bản án STHS thì việc tuân thủ nguyên tắc tranh tụng giúp tòa án cấp phúc thẩm có thể xác định rõ những căn cứ quan trọng, những chứng cứ xác đáng, hợp lý để đưa ra những quyết định trong thẩm quyền về hủy bản án STHS theo đúng quy định của pháp luật về hủy bản án hình sự. Nguyên tắc trên cũng thể hiện rõ tính nhân văn, khách quan của pháp luật trong việc bị cáo, người bào chững có thể đưa ra nhưng luận chứng bảo vệ mình và chứng minh mình vô tội bên cạnh những hoạt động của tòa án nhằm xác thực thông tin minh chứng liên quan đến bản án nhằm đưa ra quyết định có hủy bản án STHS theo quy định của pháp luật hay không?

Trong mối liên hệ với việc hủy bản án sơ thẩm hình sự, nguyên tắc đảm bảo tranh tụng trong xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm đối với vụ án sơ thẩm hình sự được thể hiện ở chỗ: cơ chế tranh tụng chính là căn cứ quan trọng để Tòa án cấp trên nhận diện những sai lầm trong quá trình xét xử sơ thẩm. Thông qua việc tranh luận công khai, các bên có thể chỉ ra những vi phạm trong thu thập chứng cứ, áp dụng pháp luật, vi phạm quyền của người tham gia tố tụng hoặc sai sót trong việc đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm. Khi phát hiện những vi phạm đó có tính chất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến bản chất vụ án hoặc quyền con người, quyền công dân, Tòa án cấp trên có thể đưa ra quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại theo đúng quy định.

2.2.4.4. Nguyên tắc độc lập xét xử của thẩm phán, hội thẩm trong các phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm

Trong việc thực hiện thủ tục hủy bản STHS theo đúng quy định khi có đầy đủ căn cứ liên quan thì Tòa án các cấp có thẩm quyền cần bảo đảm thực hiện theo đúng

nguyên tắc độc lập xét xử của thẩm phán, hội thẩm trong các phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm…

Việc áp dụng nguyên tắc này trong các phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm nhằm bảo đảm tính khách quan, công bằng của các quyết định do Tòa án đưa ra, đề cao trách nhiệm và tính tự chủ của Thẩm phán và Hội thẩm, bảo đảm chất lượng của hoạt động xét xử cũng như tính chính xác trong tuyên hủy bản án STHS nếu đủ căn cứ pháp luật. Tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm thể hiện trong mối quan hệ của họ và Tòa án với các cơ quan, với những người khác, trong quan hệ với các cấp xét xử.

Thẩm phán và Hội thẩm độc lập khi xét xử trong các phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm có nghĩa là khi tiến hành xét xử họ không bị lệ thuộc vào những ý kiến của những cơ quan, tổ chức, người có chức vụ quyền hạn hay một người nào đó, không phụ thuộc vào ý kiến của những cơ quan, những người tiến hành và tham gia tố tụng. Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập với nhau. Thẩm phán và Hội thẩm là thành viên của HĐXX độc lập với nhau trong việc nghiên cứu hồ sơ, xem xét đánh giá chứng cứ và đưa ra các kết luận về sự việc phạm tội và người thực hiện tội phạm, không lệ thuộc vào quan điểm, chính kiến của thành viên khác trong HĐXX. Để bảo đảm sự độc lập của Hội thẩm trong khi xét xử.

2.2.5. Thẩm quyền hủy bản án án sơ thẩm hình sự

2.2.5.1. Thẩm quyền hủy bản án án sơ thẩm hình sự theo thủ tục phúc thẩm

Mục đích của việc xét xử phúc thẩm là nhằm kiểm tra lại tính hợp pháp, tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, sửa chữa những sai lầm và vi phạm của toà án sơ thẩm nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất pháp luật. Việc xét xử phúc thẩm chỉ phát sinh khi có kháng cáo của những người có quyền kháng cáo hoặc kháng nghị của VKSND. HĐXXPT chỉ xét xử đối với phần bản án bị kháng cáo, kháng nghị. Phần còn lại không bị kháng cáo, kháng nghị chỉ được xem xét nếu có điểm cần được giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Khi xét xử, toà án cấp phúc thẩm có quyền bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm theo hướng nặng hơn hoặc nhẹ hơn; huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại. Bản án và quyết định của toà án cấp phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên [69].

Sau khi bản án, quyết định sơ thẩm được tuyên thì bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật ngay mà còn một thời hạn để các đương sự có thể kháng

cáo, VKS có thể kháng nghị. Nếu có kháng cáo hoặc kháng nghị đối với bản án, quyết định sơ thẩm thì tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp sẽ tiến hành xét xử lại vụ án. Thủ tục xét xử lại vụ án này được gọi là phúc thẩm.

Việc phúc thẩm bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục những sai lầm có thể có trong những bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của tòa án, bảo đảm bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cũng như các lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà. Thông qua phúc thẩm, tòa án cấp phúc thẩm có thể kiểm tra hoạt động xét xử của tòa án cấp sơ thẩm, qua đó có thể rút kinh nghiệm, hướng dẫn công tác xét xử, bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất trong hoạt động xét xử tại các tòa án. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ hủy án sơ thẩm để tiến hành điều tra lại khi xác định rằng việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ, chưa chính xác mà những thông tin, tài liệu thu thập chưa đầy đủ đó sẽ ảnh hưởng đến quá trình xác định sự thật vụ án, không đảm bảo tính khách quan của hoạt động xét xử, còn nếu Tòa án cấp phúc thẩm xác định không ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án thì không được hủy bản án sơ thẩm [69]. Ngoài căn cứ cho rằng Tòa án sơ thẩm còn có nhiều tình tiết chưa điều tra, chứng minh chính xác, khách quan, cụ thể thì việc hủy bản án sơ thẩm còn phải bảo đảm điều kiện là Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, còn nếu Tòa án cấp phúc thẩm có khả năng bổ sung các căn cứ, tài liệu, chứng cứ mới thì bản án sơ thẩm không bị hủy mà Tòa án cấp phúc thẩm phải bổ sung. Ví dụ: nếu trong giai đoạn XXST bị cáo không có biểu hiện mắc bệnh tâm thần, nhưng trong quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo lại có biểu hiện tâm thần. Trong trường hợp này Tòa cấp phúc thẩm phải trưng cầu giám định để xác định năng lực TNHS của bị cáo, chứ không lấy lý do này để hủy án sơ thẩm.

Qua đó có thể thấy thủ tục hủy bản án theo cấp phúc thẩm có ý nghĩa hết sức quan trọng, là quá trình Tòa án cấp phúc thẩm đưa ra phán quyết bằng bản án nhằm chấm dứt việc thi hành đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực để giải quyết một phần hoặc toàn bộ vụ án khi phát hiện vụ án đó có những tình tiết, những căn cứ chưa đầy đủ, chưa chính xác hay đưa ra bản án, quyết định có sai sót.

Xét xử phúc thẩm là một giai đoạn TTHS nhằm kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định của Toà án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS quy định. Đối với quyền kháng nghị, VKS cùng cấp, VKS cấp phúc thẩm trực tiếp có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Đối tượng của kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm là bản án sơ

thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Đây là một dấu hiệu quan trọng để phân biệt xét xử phúc thẩm với các thủ tục xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; đối tượng của thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là những bản án đã có hiệu lực pháp luật. Xuất phát từ tính chất của xét xử phúc thẩm là việc Toà án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại vụ án của Toà án cấp sơ thẩm nên cần làm rõ Toà án nào được XXST và Toà án nào được xác định là Toà án cấp phúc thẩm.

Khi xét xử phúc thẩm, HĐXXPT sẽ thẩm tra, xem xét, đánh giá một cách toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ phát sinh tại phiên toà phúc thẩm để kiểm tra tính hợp pháp, có căn cứ và đúng đắn đối với bản án của Toà án cấp sơ thẩm. Trong phạm vi xét xử phúc thẩm, HĐXX có quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm nếu bản án này có căn cứ và đúng pháp luật; trường hợp phát hiện có những sai sót, vi phạm thì HĐXXPT có quyền sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, có một số trường hợp Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm không phải do vi phạm mà do có tình tiết mới sau khi XXST. Như vậy, việc hủy bản án sơ thẩm của Toà án trước hết dựa trên cơ sở của nguyên tắc hai cấp xét xử.

Trong TTHS, xét xử phúc thẩm VAHS góp phần quan trọng vào việc giải quyết đúng đắn, khách quan VAHS; bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân. Thông qua việc xét xử phúc thẩm, Toà án cấp phúc thẩm sẽ hướng dẫn cho các Toà án cấp sơ thẩm trong việc nhận thức và áp dụng đúng đắn, thống nhất pháp luật, nâng cao chất lượng xét xử các VAHS. Nếu phát hiện có những thiếu sót, sai lầm mà không thể khắc phục tại phiên toà, gây ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án hay có những vi phạm nghiêm trọng về mặt thủ tục tố tụng thì HĐXX mới hủy bản án sơ thẩm của Toà án để điều tra, truy tố và xét xử lại hoặc hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Tóm lại: HĐXXPT có quyền hủy bản án và quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị khi có căn cứ theo quy định của pháp luật.

2.2.5.2. Thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm hình sự theo thủ tục giám đốc thẩm

Giám đốc thẩm là một thủ tục đặc biệt được áp dụng khi bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị phát hiện có những vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án. Thủ tục giám đốc thẩm có nhiệm vụ giải quyết, khắc phục hậu quả do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án gây ra. Các vi phạm pháp luật nghiêm trọng này có thể là vi phạm nghiêm

trọng khi tiến hành thủ tục tố tụng hoặc có sự sai lầm nghiêm trọng khi áp dụng luật nội dung. Những vi phạm pháp luật nghiêm trọng này có thể dẫn đến việc kết luận trong bản án hoặc quyết định không đúng với thực tế khách quan của vụ án, dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc ra phán quyết giải quyết vụ án [70].

Khác với xét xử phúc thẩm, thủ tục giám đốc thẩm *"không xét xử con người mà xét xử các bản án… kiểm tra các thẩm phán có vận dụng đúng pháp luật trong khi xét xử"* [70]. Đối tượng của giám đốc thẩm là những bản án, quyết định của Tòa án giải quyết vụ án chứ không phải chính vụ án; đồng thời, các bản án, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Với nhiệm vụ cơ bản trên, giám đốc thẩm là thủ tục có ý nghĩa quan trọng trong TTHS bên cạnh các thủ tục khác. Giám đốc thẩm bảo đảm việc xử lý vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Với việc đưa ra các phương án giải quyết theo luật định, giám đốc thẩm bảo đảm quyền con người trong TTHS, bảo đảm sự tồn tại của nguyên tắc pháp chế trong nhà nước pháp quyền.

Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong bản án thì báo cho những người có thẩm quyền để xem xét việc kháng nghị. Trước đây, Chánh án TAND cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Chánh án TAND; Viện trưởng VKSND cấp cao, Viện trưởng VKS quân sự trung ương, Viện trưởng VKSND tối cao là các chủ thể được quyền xem xét bản án hoặc quyết định bị đề nghị, nếu có căn cứ cho rằng bản án đó có vi phạm pháp luật thì chủ thể có thẩm quyền sẽ trực tiếp ban hành văn bản kháng nghị, đây là căn cứ làm phát sinh thủ tục giám đốc thẩm VAHS.

Khi Tòa án nhân dân cấp cao không còn theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân sửa đổi năm 2025, thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm hình sự theo thủ tục giám đốc thẩm được tập trung tại Tòa án nhân dân tối cao đối với tất cả các loại án khi có quyết định kháng nghị của người có thẩm quyền theo tố tụng hình sự qui định. Trước đây, cùng với TAND tối cao, TAND cấp cao cũng có thẩm quyền giám đốc thẩm đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh trong phạm vi quản hạt. Tuy nhiên, sau khi bỏ cấp tòa này, cơ chế giám đốc thẩm được tinh gọn lại, nhằm thống nhất và tập trung hơn trong việc xem xét, đánh giá các sai lầm nghiêm trọng về pháp luật hoặc tố tụng đã xảy ra ở bản án sơ thẩm và phúc thẩm. Việc tập trung thẩm quyền giám đốc thẩm tại TAND tối cao có ưu điểm là bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật trên phạm vi cả nước, đồng thời nâng cao tính chuẩn mực của các phán quyết; song cũng đặt ra thách thức lớn là khối lượng công việc dồn về một cấp duy nhất, nguy cơ quá tải, kéo dài thời gian giải quyết. Điều này đòi hỏi

pháp luật tố tụng hình sự cần được hoàn thiện hơn nữa, vừa để nâng cao chất lượng xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, giảm nhu cầu hủy án, vừa để bảo đảm thủ tục giám đốc thẩm phát huy vai trò khắc phục sai lầm tư pháp một cách hiệu quả.

Trong giai đoạn giám đốc thẩm, phần lớn các phiên tòa không được tiến hành công khai do tính chất đặc biệt của thủ tục này, chính vì vậy trong các buổi làm việc của phiên tòa giám đốc thẩm cũng có thể vắng mặt những người tham gia tố tụng, bị cáo, người bị hại, luật sư. Mà chỉ có các Thẩm phán trong HĐXX và đại diện VKS. Qua đó có thể thấy rằng hủy bản án trong giai đoạn giám đốc thẩm là việc Hội đồng giám đốc thẩm ra phán quyết bằng văn bản nhằm chấm dứt việc thi hành đối với bản án đã có hiệu lực pháp luật ở giai đoạn xét xử trước đó để giải quyết lại một phần hoặc toàn bộ vụ án khi phát hiện một phần hoặc toàn bộ bản án đó có sai sót. Những bản án sơ thẩm của Toà án không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật, vì những nguyên nhân khác nhau đều có thể xảy ra thiếu sót, sai lầm trong công tác giải quyết. Để đảm bảo tính pháp chế XHCN, tính thống nhất cũng như sự ổn định chặt chẽ của Nhà nước và pháp luật thì những bản án đó vẫn cần phải được kháng nghị để xem xét lại. Thủ tục xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật là thủ tục giám đốc thẩm.

Nhìn nhận tổng thể, Toà án cấp phúc thẩm chỉ xét xử lại những vấn đề, nội dung đã được Toà án cấp sơ thẩm giải quyết, nhưng có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Còn giám đốc thẩm không phải là một cấp xét xử mà là một thủ tục tố tụng đặc biệt để kiểm tra tính có căn cứ của bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, đối tượng của giám đốc thẩm không phải là các VAHS mà chỉ là các bản án thể hiện kết quả xét xử của các Toà án đối với các vụ án đó.

2.2.5.3. Thẩm quyền hủy bản án án sơ thẩm hình sự theo thủ tục tái thẩm

Tái thẩm là một thủ tục đặc biệt trong TTHS, theo đó bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật được xem xét lại trên cơ sở kháng nghị của người có thẩm quyền khi phát hiện có những tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định của Tòa án mà Tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó. Cũng giống như phiên tòa giám đốc thẩm, đa phần các phiên tòa tái thẩm tiến hành mà không có mặt những người tham gia tố tụng, bị cáo, bị hại, luật sư. Mà chỉ có các Thẩm phán trong HĐXX và đại diện của VKS. Tính công khai của phiên tòa tái thẩm cũng bị hạn chế. Mục đích cuối cùng của quyết định tái thẩm do Hội đồng tái thẩm thành lập nhằm xác định tính hợp pháp hay không hợp pháp của bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm.

Việc hủy bản án của Tòa không có nghĩa là trong mọi trường hợp toàn bộ nội dung trong bản án bị kháng nghị đều bị hủy bỏ. Việc hủy một phần hay toàn bộ bản án phụ thuộc chủ yếu vào tình tiết mới được VKS xác minh làm căn cứ kháng nghị tái thẩm có ý nghĩa như thế nào đối với phán quyết mà Tòa án đã tuyên. Như vậy, Hội đồng tái thẩm quyết định hủy một phần hay toàn bộ bản án để điều tra, xét xử lại từ cấp nào tùy thuộc vào tình tiết mới được phát hiện, xuất hiện ở thời điểm nào của quá trình tố tụng và có ảnh hưởng như thế nào đến bản án đang xem xét.

Tóm lại, hủy bản án trong giai đoạn tái thẩm là việc Hội đồng tái thẩm ra phán quyết bằng văn bản nhằm chấm dứt việc thi hành đối với bản án đã có hiệu lực pháp luật để giải quyết lại một phần hoặc toàn bộ vụ án khi phát hiện một phần hoặc toàn bộ bản án đó có sai sót.

Thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm đều là thủ tục xét lại bản án của Toà án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, dựa trên tính chất của các căn cứ xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật tương ứng để phân biệt hai thủ tục này. Theo đó, tái thẩm là xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật của Toà án nhưng bị kháng nghị vì có tính tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi nội dung của bản án mà Toà án không biết được khi ra bản án quyết định đó. Như vậy, nếu quyết định giám đốc thẩm xác định có hay không có vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án (tính hợp pháp) thì quyết định tái thẩm chỉ xác định bản án của Toà án đã có hiệu lực pháp luật có phù hợp với những tình tiết khách quan hay không (tính có căn cứ).

Thủ tục tái thẩm tồn tại song hành cùng thủ tục giám đốc thẩm và có những đặc điểm giống với giám đốc thẩm. Đối tượng thuộc thẩm quyền xem xét của cả hai thủ tục này đều là những bản án của Toà án cấp sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị; cơ quan nào có thẩm quyền giám đốc thẩm thì chính cơ quan đó có thẩm quyền tái thẩm; Hội đồng tái thẩm cũng có thẩm quyền giống thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm, đó là: Giữ nguyên bản án đã có hiệu lực pháp luật; hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại; hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án; đình chỉ xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Mục đích của giám đốc thẩm và tái thẩm là để khắc phục những sai lầm trong công tác xét xử. Như vậy, giữa giám đốc thẩm và tái thẩm có những điểm tương đồng về đối tượng, thẩm quyền và mục đích xem xét.

Tuy nhiên, quy định thủ tục tái thẩm nói chung và quyền hủy bản án sơ thẩm của Hội đồng tái thẩm nói riêng là để sửa chữa những sai lầm trong bản án sơ thẩm của Toà án đã có hiệu lực pháp luật do những yếu tố khách quan làm ảnh hưởng đến

hoạt động nhận thức của những người tiến hành tố tụng, còn giám đốc thẩm là để giải quyết những vấn đề vi phạm pháp luật nghiêm tọng trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, quyền hủy bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm khác quyền hủy bản án sơ thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm ở những điểm sau:

Thứ nhất, về cơ sở phát sinh. Khác với phúc thẩm và giống với giám đốc thẩm, cơ sở phát sinh quyền hủy bản án sơ thẩm theo thủ tục tái thẩm là kháng nghị tái thẩm của Viện trưởng VKSND cấp cao trở lên, những người tham gia tố tụng không được quyền kháng cáo như thủ tục phúc thẩm. Nếu quyền kháng nghị giám đốc thẩm được pháp luật quy định cho cả Chánh án TAND cấp cao và Viện trưởng VKSND cấp cao trở lên thì quyền kháng nghị tái thẩm chỉ có Viện trưởng VKSND cấp cao trở lên, bởi lẽ, để xem xét bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật theo trình tự tái thẩm được đúng đắn, có căn cứ thì cần thiết phải điều tra, xác minh và xem xét các tỉnh tiết mới được phát hiện nên pháp luật TTHS quy định chỉ có Viện trưởng VKSND cấp cao hoặc Chánh án TAND cấp cao trở lên mới có thẩm quyền kháng nghị theo trình tự tái thẩm.

Thứ hai, căn cứ để kháng nghị tái thẩm cũng khác với phúc thẩm và giám đốc thẩm. Căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm là những vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, còn căn cứ để kháng nghị tái thẩm là các tỉnh tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án mà Toà án không biết được khi ra bản án.

Về *"tình tiết mới được phát hiện":* Pháp luật TTHS quy định căn cứ kháng nghị tái thẩm là *"tình tiết mới được phát hiện"* chứ không phải là *"tình tiết mới xuất hiện"*. Tình tiết mới được phát hiện phải là tình tiết đã có vào lúc Tòa án giải quyết vụ án mà Tòa án và đương sự đã không thể biết được. Những tình tiết mới phát sinh sau khi Tòa án giải quyết vụ án thì không phải là căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm. Bên cạnh đó, tình tiết mới được phát hiện phải là những tình tiết quan trọng liên quan đến vụ án, làm cho bản án đã có hiệu lực pháp luật không hợp pháp, không có căn cứ. Đối với những tình tiết tuy mới được phát hiện nhưng không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật giữa các đương sự, không có mối quan hệ nhân quả đối với quyết định của Tòa án tái thẩm thì cũng không là căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm.

Những tình tiết mới được phát hiện làm căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm phải là những tình tiết Tòa án muốn xác định được phải qua quá trình xem xét lại. Những tình tiết đã có sẵn trong hồ sơ vụ án, Tòa án không đánh giá sử dụng hoặc

những tình tiết đã có vào lúc Tòa án giải quyết vụ án nhưng do sai lầm nên tòa án không phát hiện được, không yêu cầu đương sự cung cấp thì không được coi là tình tiết mới.

2.2.6. Hậu quả pháp lý của hủy bản án án sơ thẩm hình sự

Bất kỳ hoạt động TTHS nào đều dẫn đến những kết quả nhất định, việc hủy bản án STHS sẽ có những hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật TTHS của từng quốc gia. Về bản chất hủy bản án, quyết định của Tòa án là việc Tòa án có thẩm quyền ra quyết định bằng văn bản nhằm chấm dứt hiệu lực thi hành đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực thi hành của Tòa án cấp dưới khi phát hiện bản án, quyết định đó có sai sót dẫn đến quyết định giải quyết xét xử không đúng người, đúng tội hoặc không khách quan.

Hậu quả pháp lý đầu tiên là việc hủy bản án STHS của tòa án sẽ chấm dứt hiệu lực thi hành đối với bản án đã có hiệu lực thi hành của Tòa án cấp dưới khi phát hiện bản án đó có sai sót. Bản án hoặc quyết định của Tòa án khi phát hiện là đã phạm phải những sai sót sẽ bị kháng cáo, kháng nghị theo luật định và được Toà án có thẩm quyền xem xét lại. Bản án hoặc quyết định có thể bị hủy căn cứ vào tính chất bản án, quyết định đó và hậu quả của bản án, quyết định đó gây ra đối với các đương sự. Chỉ HĐXX cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm mới có thẩm quyền hủy bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm.

2.2.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến hủy bản án án sơ thẩm hình sự

Thứ nhất, sự hoàn thiện của các quy định pháp luật liên quan đến hủy bản án án STHS. Điều này được thể hiện thông qua tính toàn diện của các quy định pháp luật liên quan đến hủy bản án STHS. Tiêu chí này được hiểu là sự đầy đủ của các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động hủy bản án STHS, đặc biệt là hoạt động tố tụng liên quan đến hủy bản án STHS tại các phiên phúc thẩm, giám đốc thẩm… Tính thống nhất được thể hiện ở chỗ các quy định pháp luật thống nhất không mâu thuẫn, chồng chéo trong quy định hủy bản án STHS. Các quy định pháp luật phải tạo thành một hệ thống chặt chẽ, không tự mâu thuẫn, chồng chéo lẫn nhau. Thêm vào đó, các văn bản hướng dẫn thi hành luật không được mâu thuẫn với đạo luật là các căn cứ, các quy định trong cùng một văn bản không được trái ngược hoặc triệt tiêu nhau khi thực hiện thẩm quyền hủy bản án STHS…

Thứ hai, việc thực hiện nguyên tắc độc lập của các cấp tòa án trong thực hiện thẩm quyền hủy bản án án sơ thẩm hình sự. Tòa án với tư cách cơ quan thực hiện quyền tư pháp, Tòa án thông qua chức năng xét xử thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công

lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Theo đó, độc lập tư pháp được xem xét ở 3 góc độ: Độc lập của quyền tư pháp, độc lập của Tòa án và độc lập của Thẩm phán. Việc hủy đúng bản án STHS cần có hệ thống quy định pháp luật chặt chẽ về tổ chức và hoạt động Tòa án. Khi xây dựng pháp luật, cần bảo đảm cho Tòa án thoát ly một cách cao nhất có thể sự ràng buộc, lệ thuộc, chi phối dưới bất kỳ hình thức nào của các thiết chế khác như: thiết chế chính trị, hành chính, tài chính, tổ chức – cán bộ mà có thể ảnh hưởng tới lĩnh vực tổ chức và hoạt động của Tòa án.

Thứ tư, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật bảo đảm cho hoạt động tố tụng trong thực hiện hủy bản án án STHS. Hoạt động xét xử của Tòa án phúc thẩm, giám đốc thẩm không thể được tiến hành nếu không có cơ sở vật chất và các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ qua đó có thể ảnh hưởng đến thực hiện thẩm quyền hủy bản án STHS trong thủ tục TTHS. Cơ sở vật chất, kỹ thuật là điều kiện khách quan gắn liền với trụ sở Tòa án, phòng xét xử, phòng làm việc, máy móc, hệ thống công nghệ thông tin, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ khác. Trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, thế giới đang bước vào cuộc cách mạng công nghệ 4.0 thì cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật lại càng đóng vai trò quan trọng trong việc xét xử của Tòa án các cấp. Vì vậy, muốn tăng cường năng lực xét xử cho Tòa án phúc thẩm, giám đốc thẩm thì không thể không tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho TAND.

Thứ năm, vai trò kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân. Trong lĩnh vực hình sự, VKSND thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm đảm bảo cho việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự đúng pháp luật. Đặc biệt, chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự có quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời với chức năng thực hành quyền công tố. Trong quá trình thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, nếu VKSND phát hiện vi phạm thì có quyền kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu cơ quan, cá nhân khắc phục vi phạm. Đây là sự khác biệt so với các phương thức kiểm tra, giám sát của cơ quan thanh tra chủ yếu là kiến nghị về các biện pháp xử lý cho các cơ quan quản lý vì bị ràng buộc và chế ước trong chức năng của cơ quan quản lý cùng cấp. Bên cạnh đó, so với chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp hướng tới nhằm đảm bảo pháp luật được tuân thủ nghiêm chỉnh và thống nhất, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân. Chính vì vậy, việc thực hiện kiểm sát hoạt động tư pháp

của VKSND hiệu quả sẽ bảo đảm việc tránh những sai sót trong xét xử, bảo đảm quyền lợi của các bên qua đó giảm thiểu việc thực hiện hủy bản án STHS.

Thứ sáu, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật. Để việc hủy bản án sơ thẩm hình sự được tiến hành đúng đắn, toàn diện và có căn cứ, yếu tố quyết định chính là phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật, đặc biệt là Thẩm phán, Kiểm sát viên và Điều tra viên. Đây là những người trực tiếp tham gia vào quá trình xem xét, đánh giá và đưa ra quyết định có ý nghĩa sống còn đối với số phận pháp lý của bị can, bị cáo cũng như sự công bằng trong xã hội. Có thể thấy, phẩm chất đạo đức của cán bộ áp dụng pháp luật đóng vai trò là nền tảng, là "kim chỉ nam" chi phối mọi hành vi nghề nghiệp trong hoạt động tư pháp. Trong quá trình xem xét bản án sơ thẩm, việc hủy hay giữ nguyên bản án đòi hỏi cán bộ tư pháp phải có tinh thần liêm chính, công tâm, khách quan và dũng cảm trong việc bảo vệ sự thật và công lý. Nếu người cán bộ thiếu bản lĩnh chính trị, bị chi phối bởi lợi ích cá nhân, mối quan hệ xã hội hoặc chịu tác động của tiêu cực, thì quyết định hủy bản án sơ thẩm có thể bị lệch lạc, dẫn đến việc làm sai lệch bản chất vụ án. Một thẩm phán có đạo đức nghề nghiệp sẽ luôn tuân thủ nguyên tắc "chỉ tuân theo pháp luật", không để cảm tính hay áp lực bên ngoài tác động đến phán quyết của mình. Do đó, phẩm chất đạo đức không chỉ bảo đảm cho tính khách quan của việc áp dụng pháp luật mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào nền công lý. Trên thực tế, không ít vụ án bị hủy bản án sơ thẩm do phát hiện sự thiếu trung thực trong thu thập chứng cứ, sự thiên vị hoặc vi phạm quyền bào chữa của bị cáo, phản ánh rõ nét tác động tiêu cực khi cán bộ tư pháp thiếu đạo đức nghề nghiệp.

Bên cạnh phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn là yếu tố quyết định trực tiếp đến chất lượng của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự. Việc xác định có hủy bản án hay không đòi hỏi người cán bộ áp dụng pháp luật phải có trình độ chuyên môn vững vàng, khả năng phân tích chứng cứ, nắm vững quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự. Một cán bộ có năng lực chuyên môn yếu kém có thể đánh giá sai chứng cứ, hiểu sai bản chất hành vi phạm tội hoặc không nhận ra vi phạm tố tụng nghiêm trọng, từ đó dẫn đến việc giữ nguyên một bản án sai hoặc hủy án một cách thiếu căn cứ. Ngược lại, cán bộ có kiến thức pháp lý sâu rộng, có khả năng tư duy phản biện và lập luận chặt chẽ sẽ giúp đảm bảo rằng việc hủy bản án sơ thẩm chỉ được thực hiện khi thật sự cần thiết và có căn cứ pháp lý vững chắc. Họ không chỉ phải am hiểu pháp luật, mà còn phải có kỹ năng thực hành tư pháp – từ nghiên cứu

hồ sơ, phân tích tình tiết, đến việc tham gia phiên tòa và ra quyết định – tất cả đều đòi hỏi sự chính xác, khoa học và cẩn trọng cao độ. Trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay, việc nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ tư pháp có ý nghĩa then chốt trong việc hạn chế tình trạng hủy án do lỗi chủ quan của người tiến hành tố tụng.

Ngoài ra, yếu tố phẩm chất và năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật còn ảnh hưởng đến tính minh bạch và uy tín của hệ thống tư pháp. Một quyết định hủy bản án sơ thẩm đúng đắn không chỉ góp phần khắc phục sai lầm của cấp sơ thẩm mà còn là minh chứng cho sự nghiêm minh và công bằng của pháp luật. Ngược lại, nếu việc hủy án bị lạm dụng hoặc thực hiện không có căn cứ rõ ràng, sẽ tạo ra dư luận tiêu cực, ảnh hưởng đến niềm tin của công chúng vào công lý và tính ổn định của bản án. Vì vậy, người cán bộ áp dụng pháp luật phải luôn đặt lợi ích của công lý lên trên hết, thấu hiểu rằng mỗi quyết định của mình không chỉ tác động đến một vụ án cụ thể mà còn phản ánh uy tín của cả hệ thống tư pháp. Như vậy, có thể khẳng định, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn của cán bộ áp dụng pháp luật có mối quan hệ mật thiết và tác động trực tiếp đến chất lượng, tính khách quan và tính đúng đắn của việc hủy bản án sơ thẩm hình sự. Một đội ngũ tư pháp có đạo đức trong sáng, có trình độ chuyên môn cao, bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng sẽ là yếu tố bảo đảm quan trọng để các quyết định hủy án được đưa ra trên cơ sở pháp lý vững chắc, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào công lý và nâng cao uy tín của nền tư pháp Việt Nam trong thời kỳ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Kết luận Chương 2

Trong quá trình tiến hành tố tụng việc một bản án bị hủy được xem là cơ sở, điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng xem xét, thu thập, đánh giá lại những tài liệu, chứng cứ đang có. Qua đó xác định được những vấn đề còn thiếu sót, tồn đọng, dẫn đến việc vụ án đó bị Tòa án tuyên hủy để điều tra lại, xét xử lại hay đình chỉ vụ án. Đối tượng bị hủy có thể là bản án chưa có hiệu lực pháp luật hoặc đã có hiệu lực pháp luật và hậu quả pháp lý là chấm dứt hiệu lực thi hành để giải quyết lại một phần hoặc toàn bộ nội dung trong quyết định của bản án do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên.

Vì vậy, việc làm rõ khái niệm về hủy bản án, thẩm quyền hủy bản án của Tòa án cấp phúc thẩm sẽ là cơ sở để áp dụng các quy định pháp luật trong thực tiễn TTHS

của Tòa án các cấp, đồng thời xác định việc hủy bản án đối với Tòa án cấp sơ thẩm có đúng trình tự, thủ tục và chức năng do pháp luật TTHS quy định hay không và ảnh hưởng của quyết định đó như thế nào đến quá trình giải quyết vụ án cũng như để đảm bảo quyền lợi của người bị buộc tội trong vụ án. Đồng thời, quyết định hủy bản án cũng là cơ sở và tiền đề cùng với các hoạt động tố tụng khác góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra, tạo nền tảng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, thực hiện quản lý và điều chỉnh đất nước bằng pháp luật.

Chương 3
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI CÁC TỈNH MIỀN TÂY NAM BỘ

3.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về hủy bản án sơ thẩm hình sự

3.1.1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về huỷ bản án sơ thẩm hình sự theo thủ tục phúc thẩm

3.1.1.1. Huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại

Hủy bản án sơ thẩm hình sự để điều tra lại hoặc xét xử lại là việc HĐXXPT hủy toàn bộ bản án sơ thẩm hình sự để tiến hành lại giai đoạn tố tụng điều tra lại vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác, đảm bảo quyền kháng cáo, kháng nghị. Theo quy định tại Điều 27 BLTTHS năm 2015, chế độ XXST, phúc thẩm được đảm bảo là một trong những nguyên tắc cơ bản của toà án Việt Nam với nội dung: *"Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật này… Bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm…"* [90].

Xét xử phúc thẩm VAHS là một chế định quan trọng được quy định trong BLTTHS Việt Nam. Việc áp dụng quy định về xét xử phúc thẩm đã góp phần thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử, giúp toà án cấp phúc thẩm kiểm tra lại tính có căn cứ và hợp pháp của bản án STHS, kịp thời sửa chữa những sai lầm, khắc phục vi phạm pháp luật của toà án cấp sơ thẩm, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng có quyền và lợi ích pháp lý liên quan đến vụ án. Việc nghiên cứu, làm rõ những vấn đề về huỷ bản án STHS đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại trong giai đoạn xét xử phúc thẩm là quan trọng và cần thiết. Bởi vì, thực tiễn áp dụng các quy định về xét xử phúc thẩm cũng đã bộc lộ hạn chế nhất định trong các quy định của BLTTHS, làm cho việc áp dụng gặp khó khăn và ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của hoạt động xét xử phúc thẩm. Việc nghiên cứu các quy định về vấn đề này nhằm xác định rõ những quy định mới trong BLTTHS năm 2015 so với quy định trước đây có những tiến bộ và mặt hạn chế nào cần hoàn thiện và bổ sung. Mỗi giai đoạn tố tụng từ khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử đều cực kỳ quan trọng chuỗi hoạt động nhằm chứng minh sự thật vụ án của các cơ quan

có thẩm quyền. Giai đoạn xét xử phúc thẩm nằm trong chuỗi hoạt động xét xử cũng vậy. Mỗi quyết định trong giai đoạn này đều mang tính chất quyết định cho vụ án. Vậy nên, việc nghiên cứu những quy định về huỷ bản án STHS đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại là một phần rất quan trọng trong quá trình nghiên cứu của NCS.

A. Huỷ bản án STHS để điều tra lại

Huỷ bản án STHS để điều tra lại là quyết định của toà án cấp phúc thẩm trực tiếp phủ nhận hoàn toàn bản án STHS nhưng cũng đồng thời gián tiếp phủ nhận hoàn toàn kết quả của hoạt động điều tra. Bởi lẽ, nguyên nhân dẫn đến việc bản án STHS bị huỷ là do những sai lầm, thiếu sót trong giai đoạn điều tra, nếu phải điều tra lại có nghĩa là các hoạt động điều tra trước đó không hợp pháp hoặc kết luận về vụ án của CQĐT là không có căn cứ nên phải "điều tra lại" từ đầu. Khi vụ án bị huỷ để điều tra lại thì vụ án sẽ được tiến hành lại từ đầu theo thủ tục chung như quy định tại Khoản 1 Điều 360 BLTTHS năm 2015.

Thẩm quyền này nhằm bảo vệ nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. HĐXXPT ra quyết định hủy bỏ toàn bộ bản án, yêu cầu điều tra lại do có những thiếu sót trong quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, tránh việc xét xử oan, sai, hay bỏ lọt tội phạm.

Theo Khoản 1 Điều 358 BLTTHS năm 2015 quy định: *"HĐXXPT hủy bản án STHS để điều tra lại trong các trường hợp: a) Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án STHS; b) Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; c) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố"* [90].

Như vậy, căn cứ thứ nhất để HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm đề điều tra lại đó là khi có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm. Việc HĐXXPT cho rằng cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm xuất phát từ kháng cáo của bị cáo, bị hại, đương sự hoặc kháng nghị của VKS hoặc cũng có thể xuất phát từ đánh giá của HĐXXPT qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án.

Về căn cứ để HĐXXPT hủy bản án STHS để điều tra lại. Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án STHS. Đây là quy định mới được BLTTHS năm 2015 quy định so với trước đây. Quy định này nhằm khắc phục vướng mắc hiện nay do Tòa án

cấp phúc thẩm không có đầy đủ thẩm quyền trong việc hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật nên phải kiến nghị Tòa án cấp trên kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, làm kéo dài vụ án không cần thiết. BLTTHS năm 2015 mở rộng thẩm quyền huỷ bán án để điều tra lại của HĐXXPT như vậy là hợp lý.

Việc điều tra không đầy đủ là trường hợp kết quả điều tra của cấp sơ thẩm không xác định đầy đủ những vấn đề chứng minh theo Điều 85 BLTTHS năm 2015 và những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn VAHS. Do đó, tòa án không có đủ cơ sở xác định sự thật khách quan để kết luận đối với vụ án. Để chứng minh cho những vấn đề nêu trong Điều 85 BLTTHS năm 2015 thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định. Việc điều tra không đầy đủ dẫn đến việc xác định không đúng sự thật khách quan của vụ án, hoặc chưa đủ chứng cứ để kết luận có tội hay không đánh giá định mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội… Tòa án cấp phúc thẩm chỉ hủy bán án sơ thẩm để điều tra lại trong trường hợp nếu VKS cấp phúc thẩm không thể điều tra bổ sung được và ở tại phiên tòa phúc thẩm cũng không thể làm sáng tỏ được.

Về *"Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố"* đây là căn cứ mới mà BLTTHS năm 2015 đã bổ sung so với BLTTHS 2003. Cũng như căn cứ đầu tiên, quy định này nhằm khắc phục vướng mắc trước đây do Tòa án cấp phúc thẩm không có đầy đủ thẩm quyền trong việc hủy án nên phải kiến nghị Tòa án cấp phúc thẩm kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, làm kéo dài vụ án không cần thiết. BLTTHS năm 2015 mở rộng thẩm quyền huỷ bán án để điều tra lại của HĐXXPT. Căn cứ này cũng là một trong những căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm tuy nhiên quy định tại BLTTHS năm 2015 có điểm mới là những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử phải dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án thì mới được xem là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm. Quy định này nhằm khắc phục những sai lầm có thể có của cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm trong quá trình giải quyết vụ án nhằm tạo ra sự chặt chẽ trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố rất đa dạng có thể tước bỏ hoặc hạn chế quyền của những người tham gia tố tụng ở các giai đoạn tố tụng này hoặc làm tòa án xét xử không khách quan, không đúng pháp luật hoặc thiếu căn cứ như:

- Không có yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại đối với các vụ án chỉ được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.

- Kết luận giám định vẫn do giám định viên lần đầu tiến hành.

- Thu giữ, niêm phong hoặc bảo quản vật chứng không đúng thủ tục tố tụng quy định.

- Dùng nhục hình, ép cung, bức cung khi lấy lời khai bị can, bị cáo.

- Hoạt động thu thập chứng cứ đã không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (không thỏa mãn thuộc tính hợp pháp của chứng cứ). Theo quy định tại khoản 2 Điều 87 BLTTHS thì những chứng cứ này sẽ không được dùng để giải quyết vụ án.

Hoặc có vụ án, BLTTHS quy định phải có yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại (trường hợp người bị hại là người chưa thành niên hoặc có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần) mới được khởi tố, điều tra nhưng CQĐT vẫn tiến hành khởi tố, điều tra vụ án khi không có yêu cầu; không yêu cầu cử người bào chữa cho bị can trong các trường hợp luật quy định bắt buộc phải có người bào chữa, do đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của bị can trong trường hợp bị can, người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn (mời) người bào chữa (trường hợp bị can bị khởi tố điều tra về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình hoặc bị can là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần). Theo tôi, tất cả vi phạm này là nghiêm trọng khi nó dẫn đến hậu quả xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi của bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự… hoặc làm cho vụ án bị xét xử sai ở cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, HĐXXPT không thể tự mình khắc phục được hoặc nếu có đưa ra quyết định để sửa chữa những vi phạm đó thì cũng đồng nghĩa với việc HĐXXPT đã vi phạm quy định của pháp luật. Chúng tôi cho rằng mọi vi phạm pháp luật nghiêm trọng đều phải được sửa chữa, khắc phục bằng cách thức phù hợp, nếu trong giai đoạn điều tra phát hiện ra những vi phạm nghiêm trọng thì cần phải sửa chữa, khắc phục trong chính giai đoạn tố tụng này. Vì vậy, trong trường hợp này, HĐXXPT phải ra quyết định huỷ bản án STHS để điều tra lại.

Xuất phát từ việc tổ chức, hoạt động của các cơ quan quyền lực Nhà nước nói chung và trong hoạt động tố tụng nói riêng đều dựa trên sự phối hợp – chế ước lẫn nhau, giai đoạn trước là điều kiện, tiền đề của giai đoạn sau, giai đoạn sau sẽ kiểm tra, đánh giá kết quả của giai đoạn trước. Tòa án xét xử dựa trên kết quả kết quả điều tra, truy tố, nên nếu kết quả điều tra không đầy đủ, không hợp pháp thì dẫn đến bản án của Tòa án không đảm bảo thiếu tính căn cứ. Mặt khác, trong bối cảnh mô hình tố tụng nước ta vẫn thiên về thẩm vấn, trong khi điều kiện, phương tiện thu thập chứng

cứ khi có tội phạm xảy ra của CQĐT và người tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn do trình độ chuyên môn nghiệp vụ của không ít điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn nhiều hạn chế thì những sai lầm trong việc thu thập chứng cứ, điều tra xét hỏi làm sáng tỏ các tỉnh tiết của vụ án chưa thể khắc phục. Do đó, BLTTHS năm 2015 tiếp tục quy định Tòa án cấp phúc thẩm có quyền hủy bản án STHS để điều tra lại là cần thiết, nhằm tạo điều kiện cho tòa án cấp phúc thẩm kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án STHS, qua đó khắc phục những sai lầm trong công tác xét xử, đảm bảo thi hành bản án khi đưa ra thi hành đều đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế tình trạng oan sai. Tuy nhiên, quy định quyền hủy bản án để điều tra lại như hiện nay có điểm hạn chế, đó là Tòa án phải chịu trách nhiệm bảo đảm về thủ tục tố tụng cũng như trách nhiệm xác định kết quả điều tra đủ để chứng minh tội phạm thay cho CQĐT, VKS, nếu tòa án không phát hiện để trả hồ sơ yêu cầu CQĐT điều tra bổ sung thì bản án STHS sẽ bị hủy ở Tòa án cấp phúc thẩm và trong trường hợp này lỗi chính dẫn đến bản án STHS bị huỷ thuộc cơ quan Toà án sơ thẩm. Nhưng cũng có nhiều trường hợp Tòa án đã thực hiện việc trả hồ sơ nhiều lần để yêu cầu điều tra bổ sung nhưng CQĐT, VKS không khắc phục được và giữ nguyên quyết định truy tố nên Tòa án buộc phải xét xử, khi bản án bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy vì lý do những yêu cầu điều tra của Tòa án chưa được làm rõ. Khi giải quyết sơ thẩm lại, CQĐT, VKS vẫn không khắc phục và bản án STHS tiếp tục bị hủy thêm lần nữa khi có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Để khắc phục tình trạng này, thiết nghĩ cần có thêm những quy định mang tính chế ước khi thực hiện việc hủy bản án để điều tra lại nhằm nâng cao trách nhiệm của CQĐT, VKS trong việc tuân thủ các trình tự thủ tục tố tụng, hạn chế tình trạng điều tra phiến diện, không đầy đủ dẫn đến oan sai trong công tác xử lý tội phạm. [41, tr.28].

b. Huỷ bản án STHS để xét xử lại

Huỷ bản án STHS để xét xử lại là quyết định của HĐXXPT trực tiếp phủ nhận hoàn toàn kết quả xét xử ở cấp sơ thẩm để xét xử lại vụ án từ đầu theo thủ tục chung mà không cần phải điều tra lại các lí do huỷ bản án STHS không xuất phát từ hoạt động của các giai đoạn tố tụng trước đó. Căn cứ để HĐXXPT ra quyết định huỷ bản án STHS để xét xử lại quy định tại khoản 2 Điều 358 BLTTHS như sau: *"HĐXXPT hủy bản án STHS để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành phần HĐXX mới trong các trường hợp: a) HĐXX sơ thẩm không đúng thành phần mà Bộ luật này quy định; b) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn XXST; c) Người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội;*

d) Miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ; đ) bản án STHS có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp HĐXXPT sửa bản án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này" [90].

Trường hợp thứ nhất, HĐXX sơ thẩm không đúng thành phần mà Bộ luật này quy định.

So với BLTTHS 2003 quy định này không mới mà chỉ tách từ điểm a Khoản 1 Điều 250 BLTTHS 2003 để cho rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng. Theo Khoản 1 Điều 254: *"HĐXX sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm. Trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì HĐXX sơ thẩm có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Đối với vụ án có bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân, tử hình thì HĐXX sơ thẩm gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm"* [90].

Thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng luật định có thể là một trong những trường hợp sau:

- HĐXX không đủ thành phần 5 thành viên khi xét xử bị cáo về tội theo khung hình phạt là tù chung thân, tử hình;

- Trong thành phần HĐXX không có hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên khi xét xử bị cáo là người chưa thành niên;

- Thẩm phán hoặc hội thẩm nhân dân đã hết nhiệm kỳ nhưng chưa được bổ nhiệm lại;

- Thành viên của HĐXX không phải là thẩm phán hoặc hội thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm;

- Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm và Thư ký Tòa án thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng trong vụ án [90].

Trường hợp thứ hai: Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn XXST.

Căn cứ này chỉ đề cập một loại vi phạm quy định của BLTTHS đã được xác định trong Điều 1 Bộ luật này: BLTTHS quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ trong vụ án hình sự; nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân; hợp tác quốc tế trong TTHS.

Theo nội dung nêu trên, có thể thấy rằng BLTTHS không chỉ quy định về thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án mà còn có nhiều quy định khác và để bảo đảm pháp chế trong tố tụng, các quy định này phải tuân thủ triệt để khi áp dụng để tiến hành các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Về cơ bản, khái niệm *"thủ tục tố tụng"* hiện nay được hiểu là cách thức tiến hành các hoạt động tố tụng, vì vậy vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng là trường hợp BLTTHS quy định bắt buộc phải tiến hành hoặc tiến hành theo thủ tục tố tụng đó nhưng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bỏ qua hoặc thực hiện không đúng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan, toàn diện [90].

Vi phạm thủ tục tố tụng nói chung và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nói riêng là căn cứ huỷ bản án STHS để xét xử lại chỉ là một trong các vi phạm quy định của BLTTHS, vì ngoài các vi phạm về thủ tục tố tụng, trong giai đoạn XXST còn có thể xuất hiện những vi phạm khác ở mức độ khác nhau. Những vi phạm đó cũng có thể làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử, tính có căn cứ và hợp pháp của bản án STHS mà khi phát hiện ra cần phải sửa chữa, khắc phục. Ví dụ: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của TAND nhưng lại được truy tố, xét xử tại toà án quân sự hay ngược lại thì được coi là vi phạm thẩm quyền xét xử theo đối tượng; nếu toà án cấp sơ thẩm (TAND cấp huyện và toà án quân sự khu vực) xét xử vụ án thuộc thẩm quyền của toà án cấp sơ thẩm (TAND cấp tỉnh và Toà án quân sự cấp quân khu) là vi phạm thẩm quyền xét xử theo sự việc. Theo quy định của BLTTHS, dù vụ án đã được đưa ra xét xử mới phát hiện vi phạm thì vẫn phải chuyển cho toà án có thẩm quyền xét xử chứ không thể vẫn tiến hành xét xử như trong trường hợp vi phạm thẩm quyền xét xử khác (thẩm quyền theo lãnh thổ).

Trong trường hợp vụ án đã được XXST (đã có bản án) và bản án STHS sai thẩm quyền đó bị kháng cáo, kháng nghị và khi xét xử phúc thẩm, HĐXXPT phát hiện vi phạm này thì có thể coi là trường hợp vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền xét xử và cần huỷ bản án để XXST lại ở toà án có thẩm quyền nhằm thực hiện đúng nguyên tắc hai cấp xét xử và quy định về thẩm quyền xét xử của các cấp toà án khác nhau. Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi cho rằng tất cả vi phạm về thủ tục tố tụng hoặc cơ cấu thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng luật hay vi phạm thẩm quyền xét xử. dẫn đến hậu quả xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi của bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự. hoặc làm cho vụ án bị xét xử sai ở cấp sơ thẩm đều gọi chung là

vi phạm nghiêm trọng pháp luật TTHS và là căn cứ huỷ bản án STHS để xét xử lại với thành phần HĐXX mới.

Bên cạnh đó, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cũng có thể là một trong những trường hợp như: Vi phạm nghiêm trọng quyền bào chữa của bị cáo như Tòa cấp sơ thẩm không yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa cho bị cáo là người chưa thành niên hoặc có người có nhược điểm về tâm thần thể chất; bị cáo bị xét xử về tội có khung hình phạt cao nhất đến từ hình… Xử vắng mặt bị cáo hoặc người bào chữa cho bị cáo trong những trường hợp pháp luật không cho phép [90].

Trường hợp thứ ba: Người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội

Khi áp dụng căn cứ này trong thực tiễn có thể xuất hiện hai trường hợp sau:

Một là, người được toà án cấp sơ thẩm tuyên là không có tội nhưng bản án tuyên vô tội đó bị người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên hoặc có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần kháng cáo hay bị VKS kháng nghị yêu cầu toà án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo theo hướng có tội (kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng, hướng không có lợi cho bị cáo). Khi xét xử phúc thẩm, HĐXX xét thấy yêu cầu của kháng cáo, kháng nghị là có căn cứ để thực hiện đúng nguyên tắc hai cấp xét xử (đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo, quyền kháng cáo bản án STHS), HĐXXPT không được sửa bản án STHS tuyên bị cáo không phạm tội theo hướng kết tội (từ không có tội thành có tội) mà phải ra quyết định huỷ bản án STHS để XXST lại từ đầu. Và như vậy, nếu tại phiên toà sơ thẩm xét xử lại, bị cáo bị kết tội thì họ có quyền kháng cáo bản án kết tội đó để được bảo vệ quyền lợi của mình tại cấp xét xử thứ hai là cấp phúc thẩm.

Hai là, người được toà án cấp sơ thẩm tuyên là không có tội nhưng chỉ có bị cáo được tuyên không có tội đó kháng cáo bản án với yêu cầu huỷ phần lí do bản án STHS tuyên là họ không có tội (kháng cáo, kháng nghị theo hướng giảm nhẹ, hướng có lợi cho bị cáo). Ví dụ: Người được toà án cấp sơ thẩm tuyên là không có tội với lí do (căn cứ) quy định tại khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015 là hành vi của họ không cấu thành tội phạm nên kháng cáo yêu cầu toà án cấp phúc thẩm huỷ phần lí do tuyên họ không có tội quy định tại khoản 2 Điều luật này là *"hành vi không cấu thành tội phạm"* và thay vào đó là áp dụng căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 157 BLTTHS năm 2015 *"không có hành vi phạm tội"* để chứng tỏ sự *"trong sạch"* của mình cũng như tránh những hệ lụy do họ vẫn có nguy cơ phải chịu các hình thức trách nhiệm pháp lí khác. Trong trường hợp này, nếu xác định toà án cấp sơ thẩm xét xử không

đúng, hành vi của bị cáo cấu thành tội phạm và cần thiết phải ra bản án kết tội bị cáo thì HĐXXPT cũng không thể ra quyết định huỷ bản án STHS để xét xử vụ án lại theo hướng kết tội bị cáo được vì chỉ có duy nhất kháng cáo theo hướng giảm nhẹ của bị cáo.

Ngoài ra, nội dung của kháng cáo trong trường hợp này không đề cập toàn bộ bản án STHS mà chỉ đề cập một phần của bản án này, đó là phần lí do ra bản án tuyên vô tội. Vì vậy, theo quy định tại Điều 343 BLTTHS năm 2015 thì phần bản án STHS tuyên bị cáo vô tội đã có hiệu lực pháp luật (do không bị kháng cáo, kháng nghị). Do đó, về nguyên tắc HĐXXPT chỉ có thể xem xét để huỷ bỏ phần lí do tuyên vô tội đó của toà án cấp phúc thẩm mà không thể huỷ toàn bộ bản án STHS tuyên bị cáo vô tội đó được. Trong trường hợp này, để đảm bảo nguyên tắc xác định sự thật của vụ án, bảo đảm quyền lợi của bị cáo cũng như thực hiện đúng nguyên tắc hai cấp xét xử, HĐXXPT chỉ có thể ra quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên phần lí do của bản án STHS tuyên bị cáo vô tội (thực chất cũng là giữ nguyên bản án STHS) và đề nghị những người có thẩm quyền kháng nghị bản án STHS đó để xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm. Nếu bản án STHS này bị kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng xác định bị cáo có tội thì theo đúng trình tự tố tụng và các nguyên tắc TTHS hiện hành khi xét lại bản án tuyên bị cáo không phạm tội này, nếu xác định kháng nghị là có căn cứ (người được tuyên là không phạm tội là người đã phạm tội), hội đồng giám đốc thẩm sẽ ra quyết định huỷ bản án STHS đã có hiệu lực pháp luật đó để XXST lại từ đầu. Tại phiên toà XXST này, HĐXX sơ thẩm sau khi đánh giá lại toàn bộ các căn cứ buộc tội đã đầy đủ mới có thể ra bản án kết tội bị cáo được và nếu không đồng ý với bản án của toà án cấp sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án đó để được bảo vệ quyền lợi của mình một lần nữa ở cấp phúc thẩm.

Trường hợp thứ tư: Miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ.

Tại Điều 29 BLHS năm 2015, các căn cứ miễn TNHS được quy định như sau: *"1. Người phạm tội được miễn TNHS khi có một trong những căn cứ sau đây: a) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; b) Khi có quyết định đại xá.*

2. Người phạm tội có thể được miễn TNHS khi có một trong các căn cứ sau đây: a) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; b) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử,

người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa; c) Người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận.

3. Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn TNHS, thì có thể được miễn TNHS" [90].

So với quy định tại Điều 25 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 29 BLHS năm 2015 đã quy định về căn cứ miễn TNHS theo hướng chi tiết hơn và cụ thể hơn rất nhiều. Cụ thể, khoản 1 Điều 29 BLHS năm 2015 quy định người phạm tội được miễn TNHS khi có một trong hai căn cứ sau:

Thứ nhất, khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Thứ hai, khi có quyết định đại xá. Như vậy, gặp hai trường hợp này, cơ quan tố tụng bắt buộc phải miễn TNHS cho người phạm tội.

Khoản 2 Điều 29 BLHS năm 2015 quy định người phạm tội có thể được miễn TNHS (không bắt buộc) khi có một trong ba căn cứ:

Thứ nhất, khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Thứ hai, khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa.

Thứ ba, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận. Riêng căn cứ thứ ba này, cần hết sức chú ý đến các liên từ *"và"* mà nhà làm luật đã *"sắp xếp"* một cách rất khoa học, theo hướng khi áp dụng vào thực tiễn phải bảo đảm sự chặt chẽ các *"điều kiện"* được đặt ra. Như vậy, khi gặp một trong ba trường hợp này, cơ quan tố tụng có thể được miễn TNHS cho người phạm tội.

Một trường hợp khác mà cơ quan tiến hành tố tụng cũng có thể miễn TNHS được quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015, đó là: Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức

khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn TNHS.

Như vậy, nếu Tòa án cấp sơ thẩm miễn TNHS không theo những căn cứ quy định tại Điều 29 BLHS năm 2015 thì Tòa án cấp phúc thẩm sẽ hủy bản án để xét xử lại theo đúng thủ tục.

Ngoài các căn cứ trên, để tạo cơ sở pháp lý cho HĐXXPT có đầy đủ quyền hạn trong việc hủy bản án STHS để xét xử lại, tránh trường hợp phải y án sơ thẩm, sau đó kiến nghị giám đốc thẩm, làm cho vụ án kéo dài không cần thiết, BLTTHS năm 2015 còn bổ sung thêm căn cứ *"bản án STHS có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp HĐXXPT sửa bản án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"* [90].

Để đảm bảo cho việc hủy bản án STHS là có căn cứ và hợp pháp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc khắc phục những vi phạm, sai lầm của bản án STHS, khi hủy bản án STHS để điều tra lại hoặc xét xử lại, Tòa án cấp phúc thẩm phải chấp nhận hoặc bác bỏ cũng như không quyết định trước điều khoản của BLHS và hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng nhằm đảm bảo sự độc lập xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm.

3.1.1.2. Hủy bản án sơ thẩm hình sự và đình chỉ vụ án

Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án là trường hợp hi hữu, ít khi xảy ra khi thực hiện thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm. Khi thực hiện thẩm quyền này, HĐXXPT cần phải xác định được thân phận pháp lý của bị can, bị cáo. Đó là việc tuyên bị cáo không có tội rồi mới ra quyết định đình chỉ vụ án. Nếu bị cáo có tội, nhưng việc quy kết TNHS vào thời điểm đó không có ý nghĩa nữa, thì HĐXXPT ra quyết định đình chỉ vụ án. Theo đó, tại Điều 359 BLTTHS năm 2015 quy định: *"Hủy bản án STHS và đình chỉ vụ án: 1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 của Bộ luật này thì HĐXXPT hủy bản án STHS, tuyên bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án. 2. Khi có một trong các căn cứ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 157 của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án STHS và đình chỉ vụ án"* [90].

Quy định của BLTTHS năm 2015 không khác so với quy định tại điều 251 BLTTHS 2003, chỉ tách thành 2 khoản để dễ hiểu và dễ áp dụng. Như vậy, tùy thuộc vào căn cứ khác nhau như đã viện dẫn trong điều luật mà Tòa cấp phúc thẩm sẽ hủy bản án STHS, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án hoặc hủy án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Thứ nhất, về hủy bản án STHS, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án: Để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử và nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Tòa án cấp phúc thẩm không có quyền sửa bản án STHS và tuyên bố bị cáo có tội, Ngược lại, khi xét xử phúc thẩm, nếu có căn cứ cho rằng: *"Không có sự việc phạm tội; Hành vi không cấu thành tội phạm"* thì tòa án phúc thẩm hoàn toàn có quyền hủy bản án STHS, đồng thời trực tiếp quyết định về mặt nội dung của vụ án bằng việc tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Về điểm: *"Không có sự việc phạm tội"*

Điểm này được hiểu là không xảy trong thực tế sự việc mà có thể coi là tội phạm. Tuy nhiên, vấn đề khởi tố hay không khởi tố được đặt ra trước cơ quan có trách nhiệm đấu tranh với tội phạm và có thẩm quyền khởi tố VAHS bởi có sự tố giác của công dân, hoặc có tin báo của cơ quan, tổ chức về sự việc mà họ cho là tội phạm, có thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong đó theo sự đánh giá của các cơ quan này là đã có hành vi phạm tội. Những điều đó diễn ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Có thể do nhầm lẫn của người tố giác, có thể do khinh suất khi tiếp nhận thông tin của cơ quan đã báo tin đến các cơ quan có thẩm quyền, mặc dù có sự việc xảy ra nhưng sự việc đó không có dấu hiệu tội phạm. Cũng có thể do vu khống, giả tạo. Đặc biệt có những trường hợp, những hiện tượng mà không thể phân biệt tội phạm hay không phải tội phạm nếu không có kiến thức chuyên môn về khoa học hình sự như có người chết, nhưng không có các tội phạm có liên quan như bức tử, giúp đỡ người khác tự sát, không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng. [40, tr.209].

Như vậy, trường hợp không có sự việc phạm tội:

Một là, có sự việc xảy ra trên thực tế nhưng sự việc đó không phải là tội phạm, không phải do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra;

Hai là, hoàn toàn không có sự việc xảy ra mà do nguồn tin chỉ là giả mạo, không thật.

Vì vậy, khi xác định không có sự việc phạm tội, thì không được khởi tố VAHS.

Về điểm: *"Hành vi không cấu thành tội phạm"*

Cấu thành tội phạm là tổng hợp các dấu hiệu cần và đủ của tội phạm được quy định một cách chặt chẽ trong Bộ luật hình sự. Chỉ những hành vi có đầy đủ các dấu hiệu đó mới bị coi là tội phạm. Bất cứ một hành vi nào dù gây ra những thiệt hại nhất định nhưng nếu không có hoặc không đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm thì cũng không phải là tội phạm và người thực hiện hành vi đó không thể bị truy cứu TNHS.

Trường hợp này được hiểu là đã có hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra, nhưng hành vi đó không có đủ những dấu hiệu cấu thành một tội phạm cụ thể nào quy định trong Bộ luật hình sự. Về mặt hình thức có thể có những hành vi có một số dấu hiệu giống như tội phạm, thậm chí có một số dấu hiệu đã được quy định trong cấu thành tội phạm cụ thể nào đó trong Bộ luật hình sự, nhưng không đầy đủ. Để xác định là có tội phạm cụ thể nào đó, hành vi được xem xét phải có đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành một tội phạm trong một điều luật cụ thể của Bộ luật hình sự hiện hành. Trong thực tế, có thể những hành vi giống như tội phạm như thế đã được thực hiện một cách không có lỗi, hoặc có hậu quả xấu gây ra cho xã hội nhưng không đáng kể, hoặc số lượng tài sản chiếm đoạt, hay thiệt hại chưa đạt đến mức điều luật của Bộ luật hình sự quy định về tội phạm đó. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi tuy về hình thức có dấu hiệu cấu thành tội phạm cụ thể nhưng tính chất mức độ nguy hiểm không đáng kể thì không phải là tội phạm. Hành vi đã có những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội như sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, thi hành mệnh lệnh, bắt giữ người phạm tội, những rủi ro trong nghiên cứu khoa học… thì không thể bị khởi tố về hình sự.

Tóm lại, khi mà hành vi hoặc là không có lỗi, hoặc là gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại cho xã hội không đáng kể; hoặc là hành vi được thực hiện không phải bởi những chủ thể mà Bộ luật hình sự quy định có thể là chủ thể của tội phạm đó, hoặc đã có những tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, thì có căn cứ để không khởi tố VAHS.

Thứ hai, HĐXXPT hủy bản án STHS và đình chỉ vụ án:

Khi có một trong các căn cứ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 157 của BLTTHS năm 2015 thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án STHS và đình chỉ vụ án. Đối với căn cứ tại khoản 1 và khoản 2 của điều 157 là Không có sự việc phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm vì Tòa án cấp sơ thẩm đã làm oan nên tòa án cấp phúc thẩm phải ra tuyên bố họ không phạm tội để minh oan cho họ đồng thời đình chỉ vụ án. Đối với các căn cứ còn lại thì các hành vi đó là các hành vi phạm tội được quy định trong BLHS, có dấu hiệu cấu thành tội phạm nên tòa án cấp sơ thẩm không làm oan họ tuy nhiên do các yếu tố khách quan như: độ tuổi chịu TNHS, hết thời hiệu truy cứu TNHS.Việc điều tra, truy tố và xét xử là trái với chính sách hình sự của Nhà nước ta. Do đó, đối với các trường hợp này thì vụ án phải được đình chỉ dù đang ở giai đoạn tố tụng nào.

Trường hợp: Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS

Tuổi chịu TNHS của một người là căn cứ quan trọng để khởi tố về hình sự đối với hành vi của họ và truy cứu TNHS đối với người đó. Theo quy định tại Điều 12 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm; người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy chưa đến tuổi chịu TNHS được hiểu chính xác là chưa đến tuổi chịu TNHS đối với những loại tội phạm cụ thể. Theo quy định tại Điều 157 của BLTTHS và Điều 12 của Bộ luật hình sự hiện hành, khi hành vi nguy hiểm cho xã hội do người chưa đủ 14 tuổi thực hiện là có căn cứ không được khởi tố VAHS.

Cũng theo quy định tại các điều luật vừa nêu, nếu hành vi nguy hiểm cho xã hội do người chưa đủ 16 tuổi thực hiện mà hành vi đó không phải là tội phạm rất nghiêm trọng, tức là chưa đến mức gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt quy định đối với hành vi phạm tội ấy là đến mười lăm năm tù, thì cho dù hành vi đó có được thực hiện một cách cô ý, cũng có căn cứ đê không khởi tố VAHS. Người chưa đủ 16 tuổi, có hành vi gây nguy hại rất lớn cho xã hội, được quy định trong Bộ luật hình sự là tội phạm rất nghiêm trọng mà mức cao nhất của khung hình phạt quy định đối với hành vi phạm tội ấy là đến mười lăm năm tù, nhưng đó là hành vi được thực hiện một cách vô ý, thì cũng có căn cứ để không khởi tố VAHS. Tuổi của người chịu TNHS được khẳng định trên cơ sở giấy khai sinh (bản gốc), sổ đăng ký khai sinh và các bằng chứng xác thực khác. Các giấy tờ phản ánh ngày sinh của người đang bị xem xét vấn đề truy cứu TNHS phải đủ độ tin cậy. Nếu có nghi ngờ thì phải trưng cầu giám định về tuổi.

Trường hợp: Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật.

Hành vi phạm tội của một người sau khi đã có bản án có hiệu lực của Toà án tức là đã được phán quyết. Khi hành vi của một người đã được Toà án nhân danh Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam phán quyết và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật, thì cũng có nghĩa là công lý về vấn đề và sự kiện pháp lý làm phát sinh các quan hệ TTHS ban đầu đã được xác lập. Đó là căn cứ để không khởi tố VAHS. Quyết định đình chỉ vụ án có thể là văn bản của VKS hoặc Toà án nhằm chấm dứt việc tiến hành tố tụng đối với VAHS.

Trong quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử VKS phải quyết định việc đình chỉ vụ án khi có đủ căn cứ luật định và quyết định đó có hiệu lực pháp luật ngay (Điều 248 BLTTHS). Trong quá trình thực hiện các hoạt động TTHS, thực tế có thể có nhận thức khác nhau từ phía các cơ quan có thẩm quyền tố tụng ngay từ giai đoạn khởi tố VAHS đối với sự kiện pháp lý đã diễn ra. Tuy nhiên, VKS là cơ quan thay mặt Nhà nước, kiểm sát việc tuân thủ pháp luật, và theo quy định của pháp luật, quyết định đúng thẩm quyền của VKS đình chỉ đối với những hành vi áp dụng pháp luật của pháp nhân và thể nhân nào đó phải được thi hành nghiêm chỉnh. Quyết định của VKS đình chỉ vụ án là căn cứ không khởi tố VAHS.

Toà án là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, là cơ quan duy nhất được quyền ra bản án, nhân danh Nhà nước để quyết định bị cáo có phạm tội hay không, bị áp dụng hình phạt hay không, hình phạt gì và các biện pháp tư pháp. Thông qua nghiên cứu hồ sơ vụ án hoặc qua XXST mà Toà án đi đến quyết định đình chỉ vụ án đối với hành vi nào đó hoặc với những người nào đó (Điều 281 và 282, BLTTHS năm 2015) thì dù các cơ quan có thẩm quyền khởi tố VAHS có nhất trí hay không và có phát hiện những tình tiết mới nào đó thì cũng phải thi hành. Và đó là căn cứ không khởi tố VAHS.

Ngoài ra, thực tế có thể xảy ra những trường hợp mà người có hành vi phạm tội sau khi đã bị truy cứu TNHS, và đã được xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật, có thể phát sinh những sự đánh giá nào đó về chính hành vi đã được xét xử, cả những tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ TNHS nhưng tuyệt nhiên, điều đó không thể là căn cứ để phát sinh bất cứ những quan hệ TTHS nào. Trường hợp khác, người có hành vi phạm tội sau khi đã bị truy cứu TNHS, và đã được xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật, do di trú đi nơi khác, sau thời gian dài, bị lãng quên, khi người này xuất hiện trở lại, có những người do nhầm lẫn mà tố giác họ về hành vi phạm tội trong quá khứ, thậm chí có thể nêu ra những tình tiết mới về hành vi đã được xét xử (mà không phải là một tội phạm khác) thì bản án đã có hiệu lực pháp luật chính là căn cứ không được khởi tố VAHS.

Theo khoản 1, Điều 255, BLTTHS, những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, bao gồm: những bản án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo trình tự phúc thẩm; những bản án và quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; những quyết định của Tòa án giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Ngoài những bản án của Tòa phúc thẩm, hay Tòa Giám đốc thẩm hoặc tái thẩm có hiệu lực ngay, thì sau 15 ngày kể từ ngày Tòa sơ thẩm quyết định hoặc tuyên án, hoặc từ ngày bị cáo được giao bản án STHS, hoặc bản án STHS được niêm yết mà các chủ thể có quyền kháng cáo (quy định tại các khoản 1, 2, 6, Điều 331, BLTTHS năm 2015) không có kháng cáo, hoặc VKS trong vòng 15 ngày từ ngày tuyên án không kháng nghị, thì bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Những quy định vừa nêu là nhằm tránh tình trạng một hành vi bị truy cứu TNHS nhiều lần, hoặc việc truy cứu không đủ căn cứ pháp lý dẫn đến những vi phạm quyền con người, quyền công dân, thiệt hại cho Nhà nước và xã hội.

Trường hợp: Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS

Điểm này hoàn toàn phù hợp và nhằm thực hiện quy định tại Điều 27, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về thời hiệu truy cứu TNHS. Theo quy định hiện hành thì những người có hành vi phạm tội nhưng đã qua những thời hạn nhất định nếu không bị truy cứu TNHS (không phải do người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã) thì không bị truy cứu TNHS. Thời hiệu truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi phạm tội nào đó được hiểu là thời hạn mà quy định về truy cứu TNHS đối với những hành vi phạm tội cụ thể của người đó còn hiệu lực áp dụng. Thời hạn đó được tính từ ngày phạm tội.

Theo quy định tại Điều 27, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì không truy cứu TNHS, đối với những trường hợp hành vi phạm tội đã chấm dứt ở thời điểm mà thời gian trôi qua đã là:

- Năm năm đối với các tội phạm ít nghiêm trọng;
- Mười năm đối với tội nghiêm trọng;
- Mười lăm năm đối với các tội rất nghiêm trọng;
- Hai mươi năm đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Tuy nhiên, luật quy định, nếu trong thời hạn nói trên, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã thì thời gian trốn tránh không được tính vào thời hiệu; thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra tự thú hoặc bị bắt giữ. Đồng thời, nếu trong thời hạn đó, người phạm tội lại phạm tội mới mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù từ 1 năm trở lên thì thời gian đã qua không được tính thời hiệu và thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày phạm tội mới.

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Do vậy, căn cứ không khởi tố VAHS vì "đã

hết thời hiệu truy cứu TNHS" không áp dụng đối với với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Trường hợp: Tội phạm được đại xá.

Đối với những tội phạm được đại xá thì không được khởi tố VAHS. Đại xá đối với những tội phạm nhất định là quyết định của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Hình thức và mức độ đại xá được nêu rõ trong văn bản về đại xá. Trong văn bản đại xá có thể công bố vô tội, phóng thích hoặc miễn TNHS, hình phạt đối với một loại, hoặc một số loại can phạm nào đó. Có căn cứ để không khởi tố vụ án đối với những hành vi phạm tội được nêu trọng văn bản đại xá, kể cả những hành vi đã xảy ra trước khi văn bản đại xá được ban hành. Những vụ án đã được khởi tố, điều tra, truy tố hay đang xét xử đều được đình chỉ.

Trường hợp: Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.

Việc khởi tố vụ án sẽ dẫn đến khởi tố bị can, truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Hình phạt sẽ được áp dụng đối với người phạm tội nhằm giáo dục, cải tạo họ. Vì thế, khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác, thì có căn cứ không khởi tố VAHS, bởi việc khởi tố đã không cần thiết nữa. Một vấn đề nữa cần lưu ý, điều luật không quy định riêng trường hợp: không có yêu cầu khởi tố VAHS của người bị hại là một căn cứ độc lập không được khởi tố VAHS.

Bởi vì, trong trường hợp có căn cứ như quy định tại Điều 155, BLTTHS năm 2015 (chỉ khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất), thì điều đó cũng được hiểu là nhà làm luật đặt ra đối với trường hợp này phải có đến hai điều kiện mới được khởi tố, chứ không phải quy định có căn cứ không khởi tố VAHS. Bản chất của quy định này là khi có yêu cầu của người bị hại thì đủ căn cứ. Như vậy, bản thân hành vi phạm các tội nói ở khoản 1 Điều 155 đã là căn cứ để CQĐT, VKS xem xét việc khởi tố, chứ không phải là căn cứ không khởi tố VAHS. Tuy nhiên, luật quy định điều đó chưa đủ mà cần có thêm yếu tố người bị hại yêu cầu khởi tố.

Hoặc trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên toà sơ thẩm thì vụ án phải được đình chỉ. Quyết định đình chỉ vụ án của VKS là căn cứ để không khởi tố VAHS. Nhưng điểm này đã được quy định trong khoản 4,

của Điều 157 này (người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật).

Trường hợp có căn cứ để xác định người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, CQĐT, VKS hoặc Toà án vẫn có thể tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án. Trong trường hợp đó không có căn cứ để không khởi tố VAHS.

3.1.2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm

3.1.2.1. Huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án

Điều 392 BLTTHS năm 2015 quy định: Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này. Những căn cứ quy định tại Điều 157 BLTTHS năm 2003 chính là những căn cứ không được khởi tố VAHS và căn cứ để hủy bản án và đình chỉ vụ án ở cấp phúc thẩm theo quy định tại điều 359 BLTTHS năm 2015 nhưng do những nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan dẫn đến sai lầm trong nhận thức nên các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn tiến hành điều tra, truy tố, xét xử để kết án bị cáo. Nếu bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không trải qua cấp phúc thẩm hoặc nếu có nhưng tòa án cấp phúc thẩm vẫn quyết định theo hướng có tội thì bản án quyết định đó của Tòa án bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Trong tám căn cứ không được khởi tố VAHS quy định tại Điều 157 thì căn cứ thứ nhất (không có sự việc phạm tội) và căn cứ thứ hai (hành vi không cấu thành tội phạm) có tính chất khác biệt so với các căn cứ được quy định từ khoản 3 đến khoản 8. Những căn cứ quy định từ khoản 3 đến khoản 8 Điều 157 là những căn cứ nặng về mặt khách quan, ít phụ thuộc hoặc không phụ thuộc vào sự xem xét, đánh giá của các cơ quan và người tiến hành tố tụng. Ngược lại, căn cứ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015 là những căn cứ nặng về yếu tố chủ quan, phụ thuộc nhiều vào việc xem xét, đánh giá của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Có hành vi VKS cho rằng đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng Toà án lại cho rằng chưa đủ yếu tố. Trong trường hợp này, nếu ở giai đoạn chuẩn bị xét xử thì thẩm phán được phân công chủ toạ phiên toà có quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Nếu VKS không điều tra bổ sung, vẫn giữ quan điểm là có tội thì Toà án không được đơn phương ra quyết định đình chỉ vụ án mà phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trên cơ sở xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên toà, nếu HĐXX thấy không có sự việc phạm tội hoặc hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm thì phải ra bản án tuyên

bố bị cáo vô tội. Trường hợp bị cáo bị Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố là có tội nhưng Toà án cấp phúc thẩm thấy không có tội thì cũng phải ra bản án tuyên bố bị cáo vô tội. Như vậy, khi một người bị VKS buộc tội, truy tố trước Toà án bằng bản cáo trạng, nếu không có tội thì Toà án phải tuyên bố bị cáo không có tội bằng một bản án; hoặc nếu bản án STHS tuyên bố bị cáo phạm tội thì khi không có sự việc phạm tội hay hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm, Toà án cấp phúc thẩm cũng phải ra bản án, huỷ bản án STHS, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án (Điều 359). Trong khi đó, Điều 392 BLTTHS năm 2015 quy định cả trường hợp nếu Hội đồng giám đốc thẩm thấy không có sự việc phạm tội hoặc hành vi của người bị kết án không cấu thành tội phạm (khoản 1, khoản 2 Điều 157) đều chỉ ra quyết định huỷ bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án. Việc chỉ ra quyết định huỷ bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án, chấm dứt tố tụng đối với vụ án bằng thủ tục đơn giản, mức độ công khai hạn hẹp, không khẳng định sự vô tội của người bị kết án theo tôi là không thoả đáng, không đảm bảo sự công bằng giữa trường hợp huỷ án và đình chỉ vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng làm oan người vô tội với các trường hợp khác, không tạo cơ sở đầy đủ để khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kết án, đồng thời chưa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Bên cạnh đó, từ thực tiễn công tác giám đốc thẩm còn nảy sinh trường hợp, đối với những tội phạm mà BLTTHS năm 2003 quy định về việc khởi tố phải có yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng đã tiến hành khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử khi không có yêu cầu của họ thì phải giải quyết như thế nào. Để giải quyết vấn đề còn vướng mắc trên, BLTTHS năm 2015 khi ban hành, ngoài giữ 7 căn cứ không khởi tố VAHS quy định tại điều 107 BLTTHS 2003 thì còn bổ sung thêm quy định không khởi tố VAHS đối với những tội phạm thuộc quyền yêu cầu khởi tố của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại. Theo đó, căn cứ không được khởi tố VAHS quy định tại khoản 8 Điều 157 BLTTHS năm 2015 như sau: *"Tội pham quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố."* [53]. Việc bổ sung thêm căn cứ mới cho Hội đồng giám đốc thẩm phát hiện ra những tội phạm được quy định là phải có yêu cầu khởi tố của người bị hại hoặc người đại diện của họ nhưng cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử khi không có yêu cầu nhưng BLTTHS 2003 lại không quy định cho Hội đồng giám đốc thẩm có quyền hủy bản án và đình chỉ vụ án.

3.1.2.2. Huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại

Điều 391, BLTTHS năm 2015 quy định: *"Hội đồng giám đốc thẩm hủy một phần hoặc toàn bộ bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 371 của Bộ luật này. Nếu hủy để xét xử lại thì tùy trường hợp, Hội đồng giám đốc thẩm có thể quyết định xét xử lại từ cấp sơ thẩm hoặc cấp phúc thẩm"* [90]. Các căn cứ tại Điều 371 chính là các căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm bao gồm: kết luận trong bản án của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án; có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

Thứ nhất, huỷ bản án STHS đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại

Việc hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại được thực hiện trong trường hợp có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án. Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được hiểu là trong quá trình điều tra, truy tố xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trình tự thủ tục do BLTTHS quy định, những vi phạm này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án; xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng. Ví dụ như do không thu thập đầy đủ chứng cứ, dẫn đến việc ra bản án không đúng pháp luật, làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Thứ hai, huỷ bản án STHS đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại

Việc hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại được thực hiện trong trường hợp kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khác quan của vụ án. Đây là trường hợp Tòa án đưa ra phán quyết không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án được thể hiện trong hồ sơ vụ án hoặc qua tranh tụng tại phiên tòa như bỏ qua các tỉnh tiết gỡ tội hoặc định tội, không xem xét đến các tỉnh tiết tăng nặng giảm nhẹ dẫn đến việc ra kết luận trong bản án, quyết định bị sai lệch, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xác định bị cáo có tội hay không có tội, nếu có tội thì sẽ là tội gì, mức hình phạt như thế nào. Hoặc có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, ví dụ như xác định sai tội danh, phán quyết của Tòa án không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, bỏ sót những người tham gia tố tụng. Nếu hủy bản án để xét xử lại thì tùy trường hợp, Hội đồng

Giám đốc thẩm có thể quyết định xét xử lại từ cấp sơ thẩm (nếu cả hai bản đều có sai lầm) hoặc cấp phúc thẩm (nếu bản án sơ thẩm đã xét xử đúng nhưng bản án phúc thẩm lại cải sửa, dẫn đến sai lầm, cần phải hủy đi để xét xử lại).

3.1.3. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm

Theo quy định tại Điều 397 BLTTHS năm 2015 thì: *"Tái thẩm là xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng bị kháng nghị vì có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó"* [90]. Để xem xét theo thủ tục tái thẩm thì trước hết bản án của Tòa án phải có hiệu lực pháp luật, nhưng phát hiện có tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định mà Tòa án không biết được khi ra bản án hoặc quyết định đó và phải có quyết định kháng nghị tái thẩm của người có thẩm quyền.

Theo quy định tại Điều 402 BLTTHS năm 2015 thì Thẩm quyền của Hội đồng tái thẩm gồm: không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị; hủy bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại; hủy bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án; đình chỉ việc xét xử tái thẩm. Như vậy, đối với việc hủy bản án của tòa án cấp sơ thẩm thì Hội đồng tái thẩm vẫn có quyền hủy bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại và quyền hủy bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.

3.1.3.1. Huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại

Căn cứ pháp lý để thực hiện quyền hủy bản án STHS đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại theo thủ tục tái thẩm là kháng nghị tái thẩm của chủ thể có thẩm quyền do có sự xuất hiện của các tỉnh tiết mới mà những tình tiết này có thể làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án hay quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà Tòa án không biết được khi ra bản án hoặc quyết định đó. Do đó, các tình tiết được xác định là căn cứ để kháng nghị tái thẩm cũng là căn cứ được áp dụng khi thực hiện quyền hủy bản án để điều tra lại hoặc xét xử lại theo thủ tục tái thẩm. Theo quy định tại điều 398 BLTTHS năm 2015: Bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi có một trong các căn cứ:

Thứ nhất, có căn cứ chứng minh lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời dịch của người phiên dịch, bản dịch thuật có những

điểm quan trọng không đúng sự thật. Về lời khai của người làm chứng: hầu hết các VAHS đều có người làm chứng và lời khai của người làm chứng trong nhiều vụ án là hết sức quan trọng trong việc giải quyết đúng đắn vụ án. Tuy nhiên, nhiều trường hợp, người làm chứng lại khai báo không đúng những tình tiết khách quan của vụ án. Có nhiều nguyên nhân khác nhau như sợ bị trả thù hoặc vì động cơ, mục đích khác dẫn đến việc người làm chứng khai có thể không đúng với sự thật khách quan. Trong thực tiễn xét xử, một số vụ án có nhiều người làm chứng có lời khai không thống nhất, thậm chí là mâu thuẫn với nhau về cùng một vấn đề, nhưng không phải cứ phát hiện lời khai của người làm chứng không đúng về một tình tiết nào đó của vụ án là kháng nghị tái thẩm, mà chỉ khi phát hiện lời khai không đúng của người làm chứng là điểm quan trọng có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật mới là căn cứ để kháng nghị tái thẩm

Về kết luận giám định: để có căn cứ xác định TNHS đối với người phạm tội hoặc giải quyết vấn đề dân sự trong VAHS, thì kết luận giám định của cơ quan chuyên môn là cơ sở pháp lý rất quan trọng trong việc giải quyết đúng đắn vụ án. Không phải mọi VAHS đều có kết luận giám định mà chỉ có một số vụ án về một số tội phạm bắt buộc phải có kết luận giám định của cơ quan chuyên môn như: kết luận giám định về nguyên nhân chết người, mức độ thương tích trong các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe; hay kết luận giám định về chất ma túy… Nếu sau khi bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện kết luận giám định có những điểm quan trọng không đúng sự thật, có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định đó thì phải kháng nghị tái thẩm.

Về lời dịch của người phiên dịch: theo quy định tại Điều 29 BLTTHS năm 2015 thì *"Tiếng nói và chữ viết dùng trong TTHS là tiếng Việt. Người tham gia tố tụng có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, trong trường hợp này cần phải có người phiên dịch"* [90]. Như vậy, trong quá trình giải quyết VAHS, nếu bị can, bị cáo hoặc những người tham gia tố tụng khác là người nước ngoài hoặc người dân tộc mà họ không sử dụng được tiếng Việt thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm cử người phiên dịch tham gia tố tụng. Lời dịch của người phiên dịch bao gồm cả lời dịch trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa và lời dịch trong các tài liệu hoặc đồ vật có chữ viết không phải là tiếng Việt. Trong trường hợp này lời dịch của người phiên dịch là rất quan trọng để giải quyết đúng đắn vụ án. Tuy nhiên, cũng giống như lời khai của người làm chứng, chỉ khi phát hiện lời dịch không đúng của người phiên dịch có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định đã

có hiệu lực pháp luật thì mới kháng nghị tái thẩm. BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm 2 căn cứ mới đó là: *"Kết luận định giá tài sản, bản dịch thuật có những điểm quan trọng không đúng sự thật"* [90].

Trong Bộ luật Hình sự có rất nhiều tội danh quy định yếu tố giá trị tài sản bị xâm phạm (hư hỏng, huỷ hoại, chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép…) là một trong những dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Vì vậy, việc xác định giá trị tài sản bị xâm phạm có ý nghĩa quan trọng và mang tính bắt buộc để xác định hành vi xâm phạm về tài sản có phải là tội phạm hay không. Bên cạnh đó, việc định giá tài sản còn là căn cứ để xác định khung hình phạt; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội khi lượng hình và xác định mức bồi thường cho người bị thiệt hại. Nếu kết luận định giá tài sản có những điểm quan trọng không đúng sự thật thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án. Khắc phục hạn chế, thiếu sót trước đây của BLTTHS 2003 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung căn cứ trên trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn tái thẩm là hoàn toàn hợp lý để kịp thời khắc phục những sai lầm nếu có ở các giai đoạn tố trước đó.

Thứ hai, có tình tiết mà điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm do không biết được mà kết luận không đúng làm cho bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không đúng sự thật khách quan của vụ án. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người tiến hành tố tụng trên sẽ đưa ra kết luận của họ dựa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ các tài tiệu, chứng cứ của vụ án. Nếu kết luận của những người tiến hành tố tụng không đúng sẽ dẫn đến kết quả oan sai. Tuy nhiên, kết luận không đúng của những người tiến hành tố tụng trên phải thỏa mãn điều kiện là họ không biết được khi ra kết luận đó.

Thứ ba, vật chứng, biên bản về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, biên bản hoạt động tố tụng khác hoặc những chứng cứ, tài liệu, đồ vật khác trong vụ án bị giả mạo hoặc không đúng sự thật.

Theo quy định tại Điều 86: *"Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án"* [90]. Việc thu thập chứng cứ phải theo đúng quy định tại Điều 88 BLTTHS năm 2015. Về chủ thể giả mạo chứng cứ có thể là người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hoặc các cơ quan, tổ chức xã hội và mọi công dân. Việc đưa vật chứng, chứng cứ giả mạo vào hồ sơ vụ án có thể do cố ý hoặc vô ý của những người trên, làm cho Tòa án không biết dẫn đến việc kết luận sai

về vụ án. Theo quy định của BLTTHS thì trong quá trình giải quyết VAHS, một số hoạt động tố tụng bắt buộc phải được lập biên bản, theo đúng trình tự, thủ tục và thành phần tham gia như: biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, biên bản thu thập vật chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản đối chất, biên bản phiên tòa… Nếu sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mới phát hiện ra biên bản về các hoạt động tố tụng nói trên hay những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án bị giả mạo hoặc không đúng sự thật, có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định đó thì phải kháng nghị tái thẩm.

Thứ tư, những tình tiết khác làm cho bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không đúng sự thật khách quan của vụ án. Đây là quy định mở để dự liệu cho những tình tiết mới khác có thể phát sinh, nhưng không thuộc một trong những căn cứ kháng nghị tái thẩm nêu trên. Tuy nhiên, chỉ có những tình tiết mới khác có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án đã có hiệu lực pháp luật mới là căn cứ kháng nghị tái thẩm.

3.1.3.2. Huỷ bản án sơ thẩm hình sự đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 402 BLTTHS năm 2015: Thẩm quyền của Hội đồng tái thẩm: Hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.

BLTTHS không quy định căn cứ để hội đồng tái thẩm tuyên hủy bản án có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án. Trong quy định tại phần thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm và xét lại bản án STHS theo thủ tục giám đốc thẩm đều có quy định căn cứ để tòa án có thẩm quyền tuyên bố đình chỉ vụ án. Từ quy định về các căn cứ đình chỉ vụ án được quy định khi vụ án giải quyết trong các giai đoạn tố tụng trước đó cũng như thực tiễn áp dụng có thể nhận thấy các căn cứ không khởi tố vụ án quy định tại Điều 157 BLTTHS năm 2015 cũng là các căn cứ để hội đồng tái thẩm tuyên bố hủy bản án hoặc quyết định bị kháng nghị và đình chỉ vụ án. Việc thừa nhận đây là các căn cứ để hội đồng tái thẩm đình chỉ vụ án đều được các nhà nghiên cứu thừa nhận. Tuy nhiên, khác với các thủ tục trên thì để hủy bản án STHS đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ Hội đồng tái thẩm phải căn cứ vào vẫn đề cơ bản đó là có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án mà Tòa án không biết được khi ra bản án đó.

3.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật Việt Nam về hủy bản án sơ thẩm hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ

3.2.1. Khái quát về đặc điểm kinh tế - xã hội và tình hình xét xử các vụ án hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ

3.2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Tây Nam Bộ

Vùng Tây Nam Bộ hay còn gọi là Vùng đồng bằng sông Cửu Long là cực nam của Việt Nam. Theo Nghị quyết số 202/2025 ngày 12/06/2025 đã được Quốc hội thông qua có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 thì đồng bằng sông Cửu Long bao gồm: 01 thành phố trực thuộc trung ương là thành phố Cần Thơ (được sáp nhập từ tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang và Thành phố Cẩn Thơ) và 5 tỉnh: tỉnh Tây Ninh (được sáp nhập từ tỉnh Long An và Tây Ninh), tỉnh Đồng Tháp (được sáp nhập từ tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp), tỉnh Vĩnh Long (được sáp nhập từ tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long), tỉnh An Giang (được sáp nhập từ tỉnh Kiên Giang và An Giang), tỉnh Cà Mau (được sáp nhập từ tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau). Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2019, Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng có tổng diện tích các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lớn nhất Việt Nam (40.548,2 km²) và có tổng dân số toàn vùng là 17.273.630 người. Khu vực các tỉnh miền Tây Nam Bộ giữ vị thế hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và trong giao thương với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), tiểu vùng sông Mê Kông. Miền Tây Nam Bộ ở ngay bên trái của vùng Đông Nam Bộ. Còn lại miền Tây giáp Campuchia ở phía Bắc, giáp vịnh biển Thái Lan ở phía Tây và giáp biển Đông ở phía Đông Nam [116].

Đặc điểm kinh tế - xã hội của miền Tây Nam Bộ có mối quan hệ trực tiếp đến đời sống người dân, phương thức sản xuất, cơ cấu lao động, và đồng thời cũng ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình tội phạm cũng như thực tiễn xét xử hình sự. Chính vì vậy, khi nghiên cứu về việc hủy bản án sơ thẩm hình sự, không thể tách rời bối cảnh kinh tế - xã hội của vùng đất này.

Về đặc điểm kinh tế, Tây Nam Bộ là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước, nổi tiếng với lúa gạo, thủy sản và cây ăn trái. Nền kinh tế khu vực này trong nhiều thập niên chủ yếu dựa vào nông nghiệp truyền thống, với tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế còn khá cao so với mặt bằng chung cả nước. Sản lượng và xuất khẩu lúa gạo, trái cây và thủy sản chiếm tỷ trọng lớn so với cả nước; đời sống người dân ngày càng được nâng cao, tỷ lệ nghèo giảm, khả năng tiếp cận y tế, giáo dục, nước sạch, điện… của người dân được cải thiện. Năm 2021, dù chịu ảnh hưởng lớn của dịch bệnh COVID-19, tốc độ tăng GRDP nông nghiệp vùng ĐBSCL đạt 1,6%; giá trị gia tăng ngành nông nghiệp của vùng chiếm 32,2% GRDP toàn vùng và

chiếm 31,37% GDP ngành nông nghiệp cả nước. Đồng bằng sông Cửu Long luôn đứng đầu cả nước về gạo, tôm nước lợ, cá tra và trái cây, với 24,51 triệu tấn thóc (chiếm 55,4% tổng sản lượng cả nước); 0,78 triệu tấn tôm (83,51%); 1,472 triệu tấn cá tra (chiếm 98% tổng sản lượng cá tra cả nước) và 4,3 triệu tấn trái cây (chiếm 60% tổng sản lượng trái cây cả nước [116]. Chính sự phụ thuộc lớn vào nông nghiệp khiến đời sống người dân phần nào bấp bênh, dễ bị tác động bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và biến động thị trường. Tình trạng di cư lao động, đặc biệt là lao động phổ thông từ miền Tây lên các tỉnh công nghiệp như Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai diễn ra phổ biến. Hệ quả là nhiều địa phương miền Tây Nam Bộ có tỷ lệ thất nghiệp, bán thất nghiệp hoặc thiếu việc làm khá cao, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với cả nước. Đây là những yếu tố dễ phát sinh mâu thuẫn xã hội, tội phạm hình sự, đặc biệt là các tội phạm liên quan đến trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, hay tội phạm về ma túy trong quá trình vận chuyển, trung chuyển từ biên giới Campuchia. Thực tế cho thấy, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, không ít vụ án hình sự phát sinh từ những nguyên nhân xã hội gắn với đời sống mưu sinh của người dân.

Bên cạnh đó, đặc điểm địa bàn sông nước, kênh rạch chằng chịt, giao thông đường bộ chưa đồng bộ, nhiều vùng còn khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công, dịch vụ pháp lý cũng ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng hình sự. Thời gian qua, nhiều công trình hạ tầng quan trọng được xây dựng như cầu vượt các sông lớn: Mỹ Thuận, Cần Thơ, Rạch Miễu, Vàm Cống, Cao Lãnh, Đầm Cùng, Năm Căn… đã tạo ra mạng lưới giao thông tốt hơn. Nhưng so với yêu cầu "giao thông đi trước mở đường", thì hạ tầng vùng này vẫn đang yếu kém [116]. Cơ quan tiến hành tố tụng tại một số địa phương miền Tây Nam Bộ thường gặp trở ngại trong việc thu thập chứng cứ, xác minh nhân thân, lấy lời khai nhân chứng hoặc tiến hành các hoạt động điều tra khác. Khi điều kiện điều tra ban đầu chưa đầy đủ, có thể dẫn đến tình trạng kết luận vội vàng, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, và hệ quả là bản án sơ thẩm đôi khi không đảm bảo tính khách quan, buộc cấp phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm phải hủy để xét xử lại. Điều này cho thấy, chính điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của vùng có thể gián tiếp làm tăng nguy cơ hủy bản án sơ thẩm.

Về mặt xã hội, dân cư miền Tây Nam Bộ đa dạng, ngoài người Kinh chiếm đa số, còn có đông đảo đồng bào Khmer, Hoa, Chăm sinh sống. Cụ thể, tổng dân số của các tỉnh trong vùng là 23.640.531 người, chiếm 21% dân số cả nước khiến cho nơi đây có nguồn nhân lực lao động vô cùng dồi dào. Cà Mau là tỉnh có dân số ít nhất so

với 6 tỉnh, thành phố còn lại trong vùng với 2.606.672 người. Còn An Giang là tỉnh có số lượng đông dân với 4.952.238 người và mật độ dân số ở Cà Mau lại cao nhất trong vùng. Hầu hết dân số ở miền Tây Nam Bộ đa số là người Kinh, một số ít là người dân tộc thiểu số là người Khmer sống chủ yếu ở Trà Vinh, Sóc Trăng và người Chăm. Một số ít người Hoa sống ở Kiên Giang và Trà Vinh. Toàn vùng hiện có 17 trường đại học, 11 trường đại học công lập và 6 trường ngoài công lập; 26 trường cao đẳng và 30 trường trung cấp chuyên nghiệp; 12 trường cao đẳng nghề, 38 trường trung cấp và 129 trung tâm dạy nghề. Bên cạnh thực trạng nghèo, thì còn là *"vùng trũng"* trong bản đồ Giáo dục và Đào tạo của cả nước. Toàn vùng mới đạt tỉ lệ 167 sinh viên/vạn dân so cả nước đạt 277 sinh viên/vạn dân. Hiện có khoảng một phần tư dân số đang học tại một cơ sở Giáo dục – Đào tạo và dạy nghề. Song, tỉ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, chỉ khoảng 36% và lao động qua đào tạo nghề mới đạt 28% là một trong những vùng có tỉ lệ thấp của cả nước. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng trường học, xóa đói giảm nghèo, dạy nghề, giải quyết việc làm, đào tạo nghề lao động nông thôn, tín dụng chính sách, xây dựng nông thôn mới… đã được triển khai có hiệu quả. Nhưng cũng cần thẳng thắn nhìn nhận, còn nhiều bất cập trong cơ chế, chính sách và thực thi, nên trình độ dân trí trong vùng còn thấp chưa đáp ứng như cần phát triển [116].

Như vậy, sự đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ và tín ngưỡng tạo nên nét phong phú của vùng, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức trong công tác xét xử hình sự. Một số vụ án có bị cáo, bị hại hoặc nhân chứng là người dân tộc thiểu số với trình độ tiếng Việt hạn chế, nhận thức pháp luật chưa cao. Trong quá trình tố tụng, nếu cơ quan tiến hành tố tụng không chú ý đầy đủ đến quyền được trợ giúp pháp lý, quyền được phiên dịch, quyền bào chữa của họ thì dễ dẫn đến vi phạm thủ tục tố tụng, từ đó trở thành căn cứ để cấp trên hủy án. Thực tiễn cho thấy, nhiều bản án sơ thẩm bị hủy không chỉ vì sai sót trong áp dụng pháp luật nội dung, mà còn do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chẳng hạn như không có luật sư hoặc người bào chữa tham gia trong trường hợp bắt buộc, không đảm bảo quyền dịch thuật cho người dân tộc, hoặc việc lấy lời khai chưa đúng quy định. Những sai sót này phản ánh phần nào tác động từ đặc thù xã hội của miền Tây Nam Bộ.

Mặt khác, tình trạng dân trí còn chênh lệch, tỷ lệ người dân sống ở nông thôn cao, khả năng tiếp cận thông tin pháp luật hạn chế khiến việc hiểu và thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quá trình tố tụng của họ chưa đầy đủ. Nhiều bị cáo, bị hại hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nắm được quy định, không khiếu nại hoặc

kháng cáo kịp thời, dẫn đến khi vụ án được xem xét ở cấp trên thì mới phát hiện ra những thiếu sót nghiêm trọng ở cấp sơ thẩm, buộc phải hủy án. Điều này khác biệt với các khu vực đô thị lớn, nơi người dân có điều kiện tiếp cận dịch vụ pháp lý tốt hơn và ý thức pháp luật cao hơn.

Một yếu tố khác cần lưu ý là tình hình tội phạm ở miền Tây Nam Bộ cũng có những đặc thù. Ngoài các tội phạm phổ biến như trộm cắp, cố ý gây thương tích, đánh bạc, vùng biên giới An Giang, Kiên Giang, Long An còn nổi lên tình trạng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, ma túy qua biên giới. Đặc điểm "nông thôn – biên giới – sông nước" vừa rộng vừa phức tạp khiến hoạt động phạm tội có tổ chức, xuyên quốc gia diễn biến khó lường. Trong nhiều vụ án, chứng cứ thu thập chủ yếu từ lời khai, hoặc từ việc bắt quả tang trên sông nước, dẫn đến hạn chế trong củng cố hồ sơ. Khi hồ sơ chưa vững chắc, việc xét xử sơ thẩm dễ mắc sai lầm, bị hủy để điều tra, xét xử lại. Ngoài ra, cần thấy rằng đội ngũ cán bộ tư pháp ở một số tỉnh miền Tây Nam Bộ còn thiếu và chưa đồng đều về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xét xử. Khối lượng án hình sự ngày càng tăng, trong khi cơ sở vật chất và nguồn lực hỗ trợ còn hạn chế, có thể dẫn đến áp lực công việc lớn, xử lý vụ án nhanh để giải quyết tồn đọng. Từ đó, nguy cơ sai sót, bỏ lọt chứng cứ hoặc áp dụng sai pháp luật cũng cao hơn. Những hạn chế này phản ánh tác động gián tiếp của điều kiện kinh tế - xã hội đối với chất lượng xét xử sơ thẩm.

Tóm lại, đặc điểm kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Tây Nam Bộ có ảnh hưởng rõ rệt đến thực tiễn xét xử hình sự, trong đó có tình trạng hủy bản án sơ thẩm. Kinh tế còn nhiều khó khăn, dân trí chưa đồng đều, đặc thù địa lý – dân cư phức tạp, cùng với hạn chế về nguồn lực tư pháp đã tạo nên những thách thức trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Chính những yếu tố đó góp phần lý giải vì sao ở một số địa phương miền Tây Nam Bộ, tỷ lệ án sơ thẩm bị hủy để điều tra, xét xử lại có xu hướng cao hơn.

3.2.1.2. Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ

Nghiên cứu thực tiễn tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ cho thấy năng lực thực thi của hệ thống Tòa án phúc thẩm, giám đốc thẩm là cơ sở khách quan để hoàn thành chức năng xét xử các vụ án STHS bị kháng cáo, kháng nghị.

Thứ nhất, tổ chức bộ máy, thẩm quyền xét xử của các Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các vụ án STHS trên địa bàn các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Tòa án các tỉnh miền Tây Nam Bộ cũng như bất kỳ một cơ quan, tổ chức nào, muốn thực hiện được các chức năng, nhiệm vụ của mình cần có một bộ máy với cơ

cấu tổ chức phù hợp và được Nhà nước trao cho một thẩm quyền nhất định. Hệ thống TAND đã trải qua nhiều lần thay đổi, cải cách về tổ chức, hoạt động và mỗi lần thay đổi về tổ chức, hoạt động thì thẩm quyền xét xử nói chung và thẩm quyền xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm đối với các VAHS nói riêng đều được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của xã hội và đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn và nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn của các tỉnh miền Tây Nam Bộ cũng như quá trình hội nhập của đất nước.

Thứ hai, chuẩn mực đạo đức, năng lực và kỹ năng xét xử của Thẩm phán, HĐXX cấp phúc thẩm, Hội đồng giám đốc thẩm của tòa án nhân dân các cấp: Chuẩn mực đạo đức, năng lực và kỹ năng của Thẩm phán là yếu tố có tác động lớn đến chất lượng xét xử của cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm cũng như thực hiện thủ tục hủy bản án STHS. Ngay cả khi các nguồn lực của Tòa án được bảo đảm, quy định về thủ tục TTHS đầy đủ, Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác thực hiện tốt việc tranh tụng thì hoạt động xét xử cũng như thực hiện thủ tục hủy bản án sơ thẩm hình sự vẫn có thể xảy ra những sai sót, khuyết điểm nếu Thẩm phán, HĐXX cấp phúc thẩm, Hội đồng giám đốc thẩm không đáp ứng yêu cầu về năng lực, kỹ năng xét xử và không tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với thủ tục hủy bản án STHS theo quy định của pháp luật. Năng lực chuyên môn của đội ngũ thẩm phán hiện nay của TAND các cấp trên địa bàn các tỉnh miền Tây Nam Bộ được đánh giá một phần thông qua trình độ đào tạo, phản ánh việc chủ thể thực hiện hủy bản án STHS có đủ kiến thức, kỹ năng pháp lý cần thiết để thực hiện công tác xét xử. Tuy nhiên, xã hội và pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ xã hội luôn vận động, đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với việc hủy bản án của chủ thể thực hiện hủy bản án STHS, do vậy năng lực chuyên môn của chủ thể thực hiện hủy bản án STHS còn cần được thể hiện qua việc duy trì và củng cố kiến thức, bồi dưỡng năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cũng như kiến thức xã hội. Ở khía cạnh này, việc đánh giá có thể được thực hiện dựa trên việc theo dõi các chủ thể thực hiện hủy bản án STHS tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, tự cập nhật những thay đổi của pháp luật, của tình hình đời sống kinh tế, chính trị xã hội trong nước và quốc tế.

Cùng với việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn thì kỹ năng xét xử là yếu tố quan trọng để bảo đảm chất lượng hoạt động xét xử của chủ thể thực hiện hủy bản án STHS. Kỹ năng xét xử phản ánh khả năng của chủ thể thực hiện hủy bản án STHS trong việc áp dụng cách thức, phương pháp cần thiết để giải quyết vụ

án. Các thao tác nghiệp vụ mà chủ thể thực hiện hủy bản án STHS phải thực hiện bao gồm: kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án; kỹ năng thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ; kỹ năng điều hành phiên tòa; kỹ năng điều hành tranh tụng tại phiên tòa; kỹ năng áp dụng pháp luật trong xét xử; kỹ năng viết bản án; kỹ năng giao tiếp và tương tác với người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng khác… Kỹ năng xét xử của chủ thể thực hiện hủy bản án STHS được phản ánh thông qua cảm nhận của các bên tham gia tố tụng và những người có mặt tại phiên tòa rằng Thẩm phán đã chuẩn bị và nghiên cứu vụ án một cách cẩn thận, có khả năng điều hành phiên tòa theo đúng trình tự luật định, tự tin thực hiện nhiệm vụ xét xử và hành xử một cách công bằng, khách quan.

Miền Tây Nam bộ đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển nền kinh tế - xã hội của đất nước, đây là khu vực đứng đầu cả nước về sản xuất lúa gạo. Đặc biệt các tỉnh miền Tây Nam bộ có 4 tỉnh có đường biên giới tiếp giáp với Campuchia được gọi là tuyến biên giới Tây Nam bộ giáp Campuchia. Trong những năm qua tình hình tội phạm về ma tuý và các loại tệ nạn xã hội như: vận chuyển hàng cấm qua biên giới, đánh bạc, mại dâm, buôn lậu… phát triển mạnh gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn biên giới nói chung, trật tự an toàn xã hội ở các tỉnh miền Tây Nam bộ nói riêng [95].

Những đặc điểm trên là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch cho khu vực miền Tây Nam bộ nhưng đồng thời cũng là địa bàn trung chuyển mà các đối tượng phạm tội về vận chuyển ma tuý, hàng cấm…và các tệ nạn khác lợi dụng để thực hiện tội phạm. Theo số liệu báo cáo của công an các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Tây Nam Bộ giai đoạn 2014-2024, có 115.210 VAHS, trong đó có 96.331 vụ được giải quyết chiếm 83,61% [95].

Bảng 3.1. Thực trạng thụ lý và giải quyết các vụ án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ giai đoạn 2014-2024

Năm	**Tổng số vụ**		**Số vụ án đã giải quyết**		**Số vụ còn lại**		**Chuyển hồ sơ, đình chỉ và trả lại hồ sơ**	
	Vụ	*Bị cáo*	*Vụ*	*Bị cáo*	*Vụ*	*Bị cáo*	*Vụ*	*Bị cáo*
2014	11.140	18.813	9.361	15.191	1.058	2.124	721	1.498
2015	10.429	17.750	8.802	14.204	966	1.915	661	1.631
2016	9.481	14.900	7.961	12.010	923	1.546	597	1.344
2017	9.192	13.738	7.548	10.875	982	1.689	662	1.174

Năm	Tổng số vụ		Số vụ án đã giải quyết		Số vụ còn lại		Chuyển hồ sơ, đình chỉ và trả lại hồ sơ	
	Vụ	*Bị cáo*	*Vụ*	*Bị cáo*	*Vụ*	*Bị cáo*	*Vụ*	*Bị cáo*
2018	9.127	14.095	8.004	11.863	609	1.177	514	1.055
2019	9.578	14.866	8.524	12.620	582	1.168	472	1.078
2020	10.209	16.266	8.485	12.829	1.220	2.288	504	1.149
2021	11.251	18.909	8.695	13.382	1.950	4.109	606	1.418
2022	11.258	20.559	9.234	16.035	1.375	2.699	649	1.825
2023	11.563	21.041	9.635	16.882	1.416	3.035	512	1.124
2024	11.982	21.668	10.082	17.331	1.157	2.983	743	1.354
Tổng	**115.210**	**178.620**	**96.331**	**153.222**	**12.238**	**24.733**	**6.641**	**14.650**

Nguồn Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Qua bảng 3.1 cho thấy các năm 2014, 2021, 2022 là những năm có nhiều VAHS được thụ lý và giải quyết, trong khi đó các năm 2017, 2018 thì ít hơn. Qua công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy khu vực Tây Nam bộ cho thấy phần lớn đây là địa bàn trung chuyển, tiêu thụ ma túy và càng ngày càng phức tạp là do: Vị trí địa lý của khu vực này có đường biên giới dài tiếp giáp Campuchia như Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ, đường không thuận lợi, nối liền các tỉnh miền Trung, miền Đông và TP. Hồ Chí Minh; Địa hình khu vực biên giới bằng phẳng, đất liền đất, sông liền sông, cư dân hai nước qua lại thăm thân, xâm canh, lao động, sản xuất, trao đổi mua bán diễn ra thường xuyên.

Bên cạnh đó, tội phạm về ma túy luôn tìm cách để trốn tránh, đối phó với các lực lượng chức năng, triệt để khai thác các tuyến biên giới, cung đường mới để vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy, ít bị kiểm soát hơn so với tuyến biên giới phía Bắc giáp Trung Quốc, miền Trung giáp Lào… Vì vậy, để công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung có hiệu quả trên khu vực Miền Tây Nam bộ đòi hỏi phải chú ý đến các yếu tố này để xây dựng các giải pháp phù hợp trong phòng ngừa, điều tra, xét xử các loại tội phạm nói chung, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn về ma tuý nói riêng.

3.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ

3.2.2.1. Khái quát về thực trạng hủy bản án sơ thẩm hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ

Trong giai đoạn từ 2014-2024, số lượng bản án STHS bị Tòa án cấp cấp phúc thẩm tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ tuyên hủy với tỷ lệ tương ứng được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.2. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của 13 tỉnh miền Tây Nam Bộ trong xét xử phúc thẩm

Năm	**Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm**	**Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:**		**Trong đó**					
				Hủy bản án để điều tra lại		**Hủy bản án để xét xử lại**		**Hủy bản án để đình chỉ vụ án**	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	2.239	85	1,90%	49	57,65%	31	36,47%	5	5,88%
2015	2.003	54	1,35%	32	59,26%	21	38,89%	1	1,85%
2016	1.664	88	2,65%	45	51,14%	41	46,59%	2	2,27%
2017	1.529	62	2,03%	28	45,16%	16	25,81%	18	29,03%
2018	1.302	104	4,00%	78	75,00%	23	22,12%	3	2,88%
2019	1.591	135	4,25%	103	76,30%	22	16,30%	10	7,41%
2020	1.553	167	5,38%	110	65,87%	30	17,96%	27	16,17%
2021	1.206	140	5,81%	74	52,86%	39	27,86%	27	19,29%
2022	1.769	196	5,54%	93	47,45%	71	36,22%	32	16,33%
2023	1.693	151	4,52%	77	50,99%	69	45,70%	5	3,31%
2024	1.959	184	4,11%	117	63,59%	33	17,93%	34	18,48%
Tổng	**18.408**	**1.366**	**3,71%**	**806**	**59,00%**	**396**	**28,99%**	**164**	**12,01%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Trên cơ sở số liệu trên nhận thấy: tình trạng Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án STHS để điều tra, xét xử lại hoặc đình chỉ vụ có sự biến động liên tục tăng giảm khác nhau qua từng năm, nhưng nhìn chung số vụ án STHS được thụ lý do kháng cáo, kháng nghị và được tòa phúc thẩm tại 6 tỉnh, thành (trước đây là 13 tỉnh, thành phố) tại miền Tây Nam bộ thụ lý có xu hướng giảm. Tuy nhiên, với 18.408 vụ án được phúc thẩm trên 117.210 vụ án sơ thẩm được xét xử chiếm 15,83% là tương đối nhiều. Điều này dẫn đến tình trạng kéo dài thời gian giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người, quyền công dân. Tỷ lệ bản án bị hủy chiếm 3,71% trong tổng số vụ án đưa ra xét xử phúc thẩm, trong đó, hủy bản án để điều tra lại chiếm tỷ lệ cao nhất (59,00%), nguyên nhân là do giai đoạn điều tra, truy tố để xảy ra vi phạm nhiều hơn trong giai đoạn XXST [117].

Nghiên cứu dữ liệu cụ thể về hủy bản án STHS trong xét xử cấp phúc thẩm của TAND các tỉnh miền Tây Nam bộ cho thấy:

(1) Tỉnh An Giang

Bảng 3.3. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh An Giang

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	119	1	0,42%	0	0,00%	1	100,00%	0	0,00%
2015	104	1	0,48%	1	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2016	83	6	3,62%	3	50,00%	3	50,00%	0	0,00%
2017	89	1	0,56%	0	0,00%	1	100,00%	0	0,00%
2018	73	10	6,85%	10	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2019	104	4	1,93%	1	25,00%	0	0,00%	3	75,00%
2020	87	9	5,17%	5	55,56%	1	11,11%	3	33,33%
2021	90	7	3,89%	0	0,00%	0	0,00%	7	100,00%
2022	91	19	10,44%	11	57,89%	0	0,00%	8	42,11%
2023	132	5	2,11%	0	0,00%	2	40,00%	3	60,00%
2024	124	10	2,51%	3	30,00%	0	0,00%	7	70,00%
Tổng	**1.096**	**73**	**3,33%**	**34**	**46,57%**	**8**	**10,96%**	**31**	**42,47%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Trong giai đoạn nghiên cứu, tỉnh An Giang có 1.096 VAHS được xét xử phúc thẩm chiếm 6,04% tổng số vụ án phúc thẩm được xét xử tại khu vực Tây Nam bộ, trong đó năm 2014, 2015, 2019 và 2023, 2024 là những năm có tỷ lệ xét xử phúc thẩm cao nhất. Với 3,33% số vụ án STHS bị hủy thấp hơn tỷ lệ 3,82% chung của cả khu vực cho thấy An Giang đã và đang cố gắn nghiêm túc trong triển khai hoạt động xét xử và cải cách liên tục công tác tư pháp bảo đảm xét xử nghiêm minh và đúng theo pháp luật tố tụng hiện hành [117].

(2) Tỉnh Bạc Liêu

Bảng 3.4. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Bạc Liêu

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	167	8	2,40%	5	62,50%	3	37,50%	0	0,00%
2015	139	4	1,44%	2	50,00%	2	50,00%	0	0,00%
2016	94	13	6,92%	1	7,69%	11	84,62%	0	0,00%
2017	98	7	3,57%	5	71,43%	0	0,00%	2	28,57%
2018	78	17	10,90%	8	47,06%	9	52,94%	0	0,00%
2019	90	36	20,00%	27	75,00%	9	25,00%	0	0,00%
2020	101	22	10,89%	13	59,09%	9	40,91%	0	0,00%
2021	91	5	2,75%	4	80,00%	0	0,00%	1	20,00%
2022	112	14	6,25%	0	0,00%	14	100,00%	0	0,00%
2023	102	7	3,43%	2	28,57%	2	28,57%	3	42,86%
2024	106	17	6,91%	15	88,23%	2	11,77%	0	0,00%
Tổng	**1.186**	**147**	**6,26%**	**92**	**62,58%**	**61**	**5,12%**	**6**	**4,08%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

So sánh với tỉnh An Giang thì Bạc Liêu có số VAHS được xét xử cao hơn với 1.186 vụ án và tỷ lệ vụ án vị hủy tương đối cao và gấp gần 2 lần so với tỷ lệ vụ án STHS của miền Tây Nam bộ với 6,26% tập trung chủ yếu vào hủy bản án để điều tra lại hoặc xét xử lại [117].

(4) Tỉnh Bến Tre

Bảng 3.5. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Bến Tre

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	167	7	2,10%	6	85,71%	1	14,29%	0	0,00%
2015	168	1	0,30%	0	0,00%	1	100,00%	0	0,00%
2016	123	14	5,69%	1	7,14%	13	92,86%	0	0,00%
2017	99	2	1,01%	1	50,00%	0	0,00%	1	50,00%
2018	78	4	2,57%	1	25,00%	4	100,00%	0	0,00%
2019	98	0	0,00%	0	-	0	-	0	-

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2020	125	15	6,00%	10	66,67%	3	20,00%	2	13,33%
2021	104	6	2,89%	2	33,33%	3	50,00%	1	16,67%
2022	138	7	2,54%	4	57,14%	0	0,00%	3	42,86%
2023	97	3	1,55%	2	66,67%	0	0,00%	1	33,33%
2024	101	5	2,45%	5	10,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng	**1.298**	**64**	**2,48%**	**32**	**50,00%**	**25**	**43,10%**	**7**	**10,94%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Kết quả tại bảng 3.5 cho thấy, mặc dù tỷ lệ số vụ án STHS được thụ lý và xét xử phúc thẩm tương đối cao với 1.298 vụ án chiếm 7,22% nhưng tỷ lệ vụ án bị hủy tương tối thấp với 2,48% thấp hơn tỷ lệ chung của cả miền Tây Nam bộ là 3,82% [117].

(4) Tỉnh Cà Mau

Bảng 3.6. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Cà Mau

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	229	13	2,84%	13	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2015	199	22	5,53%	14	63,64%	7	31,82%	1	4,55%
2016	150	21	7,00%	20	95,24%	1	4,76%	0	0,00%
2017	160	3	0,94%	2	66,67%	0	0,00%	1	33,33%
2018	147	11	3,74%	9	81,82%	0	0,00%	2	18,18%
2019	192	14	3,65%	12	85,71%	2	14,29%	0	0,00%
2020	113	4	1,77%	3	75,00%	0	0,00%	1	25,00%
2021	116	53	22,85%	25	47,17%	28	52,83%	0	0,00%
2022	167	37	11,08%	15	40,54%	18	48,65%	4	10,81%
2023	136	2	0,74%	0	0,00%	2	100,00%	0	0,00%
2024	152	18	5,92%	14	77,78%	2	11,11%	2	11,11%
Tổng	**1.758**	**198**	**5,63%**	**127**	**64,14%**	**60**	**30,30%**	**11**	**5,55%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Cũng giống tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau có tỷ lệ VAHS được xét xử tương đối cao với 1.748 vụ án chiếm 9,76% trong đó số vụ án bị hủy là 5,15% và tập trung chủ yếu hủy để điều tra lại với 62,90% [117].

(5) Thành phố Cần Thơ

Bảng 3.7. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của thành phố Cần Thơ

Năm	**Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm**	**Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:**		**Trong đó**					
				Hủy bản án để điều tra lại		**Hủy bản án để xét xử lại**		**Hủy bản án để đình chỉ vụ án**	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	190	3	0,79%	1	33,33%	2	66,67%	0	0,00%
2015	141	2	0,71%	1	50,00%	1	50,00%	0	0,00%
2016	172	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2017	150	1	0,34%	1	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2018	123	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2019	150	2	0,67%	2	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2020	158	3	0,95%	1	33,33%	0	0,00%	2	66,67%
2021	101	15	7,43%	7	46,67%	0	0,00%	8	53,33%
2022	93	7	3,77%	2	28,57%	0	0,00%	5	71,43%
2023	84	14	8,33%	12	85,71%	0	0,00%	2	14,29%
2024	95	5	2,63%	2	40,00%	1	20,00%	2	40,00%
Tổng	**1.457**	**52**	**1,78%**	**29**	**55,77%**	**4**	**7,69%**	**19**	**3,65%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Cần Thơ là thành phố trực thuộc trung ương là đô thị trung tâm của khu vực miền Tây Nam bộ, trong giai đoạn 2014-2024 thành phố đã xét xử 1.457 VAHS ở cấp phúc thẩm, trong đó có 52 vụ án chiếm 1,78% vụ án bị hủy, tỷ lệ thấp so với mặt bằng chung của các tỉnh miền Tây Nam bộ là 3,82% [117]. Có thể nhận thấy trong thời gia qua công tác cải cách tư pháp của thành phố Cần Thơ được triển khai hiệu quả việc kháng cáo, kháng nghị mặc dù cao nhưng những sai phạm của cấp sơ thẩm hoặc những thiếu sót trong quá trình điều tra là ít xảy ra qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy tư pháp của thành phố.

(6) Tỉnh Đồng Tháp

Bảng 3.8. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Đồng Tháp

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	203	19	4,68%	5	26,32%	14	73,68%	0	0,00%
2015	242	7	1,45%	5	71,43%	2	28,57%	0	0,00%
2016	211	6	1,42%	5	83,33%	1	16,67%	0	0,00%
2017	187	6	1,61%	0	0,00%	2	33,33%	4	66,67%
2018	119	4	1,68%	0	0,00%	4	100,00%	0	0,00%
2019	167	23	6,89%	17	73,91%	3	13,04%	3	13,04%
2020	187	4	1,07%	1	25,00%	0	0,00%	3	75,00%
2021	103	4	1,94%	4	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2022	205	11	2,69%	5	45,45%	1	9,09%	5	45,45%
2023	172	9	2,62%	5	55,55%	2	22,22%	2	22,22%
2024	194	8	2,06%	1	12,50%	2	25,00%	5	62,50%
Tổng	**1.990**	**101**	**2,54%**	**47**	**46,53%**	**31**	**30,69%**	**23**	**22,77%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn 2014-2024 với 1.990 vụ án STHS có kháng cáo, kháng nghị được tòa phúc thẩm của tỉnh thụ lý xét xử chiếm 10,97% là tương đối cao so với 12 tỉnh, thành còn lại thuộc khu vực miền Tây Nam bộ, điều này tạo nên gánh nặng cho hệ thống tư pháp của tỉnh. Tuy nhiên, số VAHS bị hủy để điều tra lại, xét xử lại hoặc đình chỉ chiếm tỷ lệ tương đối thấp chỉ 2,54% so với 3,82% chung của toàn vùng [117].

(7) Tỉnh Hậu Giang

Bảng 3.9. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Hậu Giang

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	114	12	5,27%	10	83,33%	0	0,00%	2	16,67%
2015	123	1	0,41%	1	100,00%	0	0,00%	0	0,00%

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2016	96	9	4,69%	7	77,78%	2	22,22%	0	0,00%
2017	68	3	2,21%	2	66,67%	0	0,00%	1	33,33%
2018	69	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2019	86	3	1,75%	1	33,33%	0	0,00%	2	66,67%
2020	54	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2021	90	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2022	111	24	10,81%	1	4,17%	23	95,83%	0	0,00%
2023	69	8	5,80%	6	75,00%	2	25,00%	0	0,00%
2024	78	11	7,05%	7	63,64%	2	18,18%	2	18,18%
Tổng	**958**	**71**	**3,71%**	**35**	**49,29%**	**29**	**40,85%**	**7**	**9,86%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Tỉnh Hậu Giang là địa phương mới được thành lập, trong giai đoạn nghiên cứu TAND tỉnh đã xét xử 958 VAHS, trong đó có 71 vụ án được Tòa tuyên hủy chiếm 3,71% thấp hơn so với 3,82% của cả khu vực miền Tây Nam bộ [117].

(8) Tỉnh Kiên Giang

Bảng 3.10. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Kiên Giang

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	300	2	0,34%	0	0,00%	2	100,00%	0	0,00%
2015	237	3	0,64%	3	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2016	172	2	0,58%	0	0,00%	2	100,00%	0	0,00%
2017	163	4	1,23%	3	75,00%	0	0,00%	1	25,00%
2018	182	11	3,02%	8	72,73%	3	27,27%	0	0,00%
2019	124	9	3,63%	1	11,11%	6	66,67%	2	22,22%

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2020	113	15	6,64%	0	0,00%	13	86,67%	2	13,33%
2021	72	3	2,09%	0	0,00%	0	0,00%	3	100,00%
2022	138	8	2,90%	6	75,00%	0	0,00%	2	25,00%
2023	162	28	8,64%	6	21,43%	21	75,00%	1	3,57%
2024	149	35	11,74%	11	31,43%	14	40,00%	10	28,57%
Tổng	**1.812**	**120**	**3,31%**	**38**	**31,67%**	**61**	**50,83%**	**21**	**17,50%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Tỉnh Kiên Giang cũng giống tỉnh Đồng Tháp, mặc dù là địa phương có số vụ án STHS bị kháng cáo, kháng nghị tương đối cao và được TAND tỉnh xét xử phúc thẩm là 1.812 vụ, trong đó có 120 vụ án được Tòa tuyên hủy. Nhưng sự khác biệt của tỉnh Kiên Giang là tỷ lệ vụ án STHS bị Tòa phúc thẩm tuyên hủy để xét xử lại chiếm tỷ lệ cao với 6,62% khác với các tỉnh trên [117].

(9) Tỉnh Long An

Bảng 3.11. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Long An

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	240	4	0,84%	2	50,00%	1	25,00%	1	25,00%
2015	243	2	0,41%	2	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2016	183	6	1,64%	5	83,33%	0	0,00%	1	16,67%
2017	156	15	4,81%	12	80,00%	0	0,00%	3	20,00%
2018	111	38	17,12%	34	89,47%	3	7,89%	1	2,63%
2019	167	27	8,09%	27	100,00%	0	0,00%	0	0,00%

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2020	155	33	10,65%	26	78,79%	0	0,00%	7	21,21%
2021	122	15	6,15%	10	66,67%	2	13,33%	3	20,00%
2022	230	38	8,26%	31	81,58%	5	13,16%	2	5,26%
2023	142	32	11,21%	27	84,38%	2	6,25%	3	9,38%
2024	143	35	12,24%	31	88,57%	1	2,86%	3	8,57%
Tổng	**1.892**	**245**	**6,47%**	**207**	**84,49%**	**14**	**31,11%**	**24**	**9,80%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Kết quả từ Bảng 3.11 cho thấy tỉnh Long An có tỷ lệ vụ án STHS bị Tòa án phúc thẩm của tỉnh hủy tương đối cao với 6,47%, đa phần tập trung vào hủy để điều tra lại nhằm cung cấp đầy đủ chứng cứ và thông tin để định tội danh và quyết định hình phạt [117].

(10) Tỉnh Sóc Trăng

Bảng 3.12. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Sóc Trăng

Năm	Tông số vụ án xét xử phúc thẩm	Tông số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	101	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2015	77	3	1,95%	2	66,67%	1	33,33%	0	0,00%
2016	57	4	3,51%	1	25,00%	3	75,00%	0	0,00%
2017	76	4	2,63%	1	25,00%	1	25,00%	2	50,00%
2018	76	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2019	84	3	1,79%	1	33,33%	2	66,67%	0	0,00%
2020	110	2	0,91%	0	0,00%	0	0,00%	2	100,00%
2021	83	6	3,62%	0	0,00%	6	100,00%	0	0,00%
2022	126	6	2,38%	0	0,00%	6	100,00%	0	0,00%

Năm	Tông số vụ án xét xử phúc thẩm	Tông số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2023	125	1	0,40%	0	0,00%	0	0,00%	1	100,00%
2024	131	9	3,05%	6	66,67%	2	22,22%	1	11,11%
Tổng	**1.046**	**38**	**1,82%**	**11**	**29,95%**	**21**	**55,26%**	**6**	**15,79%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Nghiên cứu dữ liệu của VKSND tỉnh Sóc Trăng đối với các vụ án STHS có kháng cáo, kháng nghị và được TAND tỉnh thụ lý giải quyết cho thấy có 38 vụ án được Tòa tuyên hủy chiếm 1,82%, tương đối thấp so với các tỉnh, thành còn lại của khu vực miền Tây Nam bộ [117].

(11) Tỉnh Tiền Giang

Bảng 3.13. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Tiền Giang

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	198	7	1,77%	5	71,43%	0	0,00%	2	28,57%
2015	156	4	1,28%	1	25,00%	3	75,00%	0	0,00%
2016	160	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2017	125	11	4,40%	1	9,09%	7	63,64%	3	27,27%
2018	100	2	1,00%	2	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2019	128	9	3,52%	9	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2020	131	41	15,65%	35	85,37%	5	12,20%	1	2,44%
2021	69	20	14,50%	19	95,00%	0	0,00%	1	5,00%
2022	140	11	3,93%	7	63,64%	2	18,18%	2	18,18%
2023	134	37	13,80%	1	2,70%	35	94,59%	1	2,70%
2024	119	23	9,66%	14	60,87%	7	30,43%	2	8,69%
Tổng	**1.460**	**154**	**5,27%**	**89**	**57,79%**	**53**	**34,41%**	**12**	**7,79%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Kết quả tại bảng 3.13 cho thấy tỷ lệ số bản án STHS bị hủy của TAND tỉnh Tiền Giang tương đối cao so với trung bình chung của cả khu vực miền Tây Nam Bộ với 5,27% [117].

(12) Tỉnh Trà Vinh

Bảng 3.14. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Trà Vinh

Năm	**Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm**	**Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:**		**Trong đó**					
				Hủy bản án để điều tra lại		**Hủy bản án để xét xử lại**		**Hủy bản án để đình chỉ vụ án**	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	69	1	0,73%	0	0,00%	1	100,00%	0	0,00%
2015	66	0	0,00%	0	-	0	-	0	-
2016	62	7	5,65%	2	28,57%	5	71,43%	0	0,00%
2017	68	3	2,21%	3	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2018	60	1	0,84%	1	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2019	58	3	2,59%	3	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2020	52	8	7,69%	7	87,50%	1	12,50%	0	0,00%
2021	32	2	3,13%	1	50,00%	0	0,00%	1	50,00%
2022	112	11	4,91%	10	90,91%	0	0,00%	1	9,09%
2023	86	2	1,16%	2	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2024	101	8	3,96%	8	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng	**766**	**46**	**3,01%**	**37**	**80,43%**	**7**	**15,22%**	**2**	**4,35%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Trong giai đoạn 2014-2024, tỉnh Trà Vinh chỉ có 766 VAHS được Tòa án phúc thẩm của tỉnh xét xử, trong đó năm 2022 là năm có nhiều vụ án được xét xử phúc thẩm nhất với 112 vụ. Tỷ lệ tuyên hủy bản án STHS của Tòa phúc thẩm là 3,01% với 46 vụ án, tập trung chủ yếu nhằm điều tra lại với 80,43% [117].

(13) Tỉnh Vĩnh Long

Bảng 3.15. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2014-2024 của tỉnh Vĩnh Long

Năm	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2014	140	8	2,86%	2	25,00%	6	75,00%	0	0,00%
2015	108	4	1,85%	0	0,00%	4	100,00%	0	0,00%
2016	101	1	0,50%	0	0,00%	0	0,00%	1	100,00%
2017	90	2	1,11%	2	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2018	86	6	3,49%	5	83,33%	1	16,67%	0	0,00%
2019	145	2	0,69%	2	100,00%	0	0,00%	0	0,00%
2020	167	10	3,00%	4	40,00%	2	20,00%	4	40,00%
2021	133	4	1,51%	2	50,00%	0	0,00%	2	50,00%
2022	104	3	1,44%	1	33,33%	2	66,67%	0	0,00%
2023	136	10	3,67%	8	80,00%	0	0,00%	2	20,00%
2024	98	8	4,08%	5	62,50%	3	37,50%	0	0,00%
Tổng	**1.308**	**58**	**2,22%**	**31**	**53,45%**	**18**	**31,03%**	**9**	**15,52%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Tương tự tỉnh Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long cũng có tỷ lệ vụ STHS bị hủy tương đối thấp với 2,22%, trong đó Tòa tuyên hủy để điều tra lại là 31 vụ, xét xử lại là 18 vụ và đình chỉ là 9 vụ [117].

Dữ liệu tổng hợp giai đoạn từ năm 2014-2024 của cả 13 tỉnh thuộc miền Tây Nam Bộ:

Bảng 3.16. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án giai đoạn 2014-2024 theo 13 tỉnh, thành phố miền Tây Nam bộ

Địa phương	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
An Giang	1.096	73	3,33%	34	46,57%	8	10,96%	31	42,47%
Bạc Liêu	1.186	147	6,26%	92	62,58%	61	5,12%	6	4,08%
Bến Tre	1.298	64	2,48%	32	50,00%	25	43,10%	7	10,94%
Cà Mau	1.758	198	5,63%	127	64,14%	60	30,30%	11	5,55%
Cần Thơ	1.457	52	1,78%	29	55,77%	4	7,69%	19	3,65%

Địa phương	Tổng số vụ án xét xử phúc thẩm	Tổng số bản án bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:		Trong đó					
				Hủy bản án để điều tra lại		Hủy bản án để xét xử lại		Hủy bản án để đình chỉ vụ án	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
Đồng Tháp	1.990	101	2,54%	47	46,53%	31	30,69%	23	22,77%
Hậu Giang	958	71	3,71%	35	49,29%	29	40,85%	7	9,86%
Kiên Giang	1.812	120	3,31%	38	31,67%	61	50,83%	21	17,50%
Long An	1.892	245	6,47%	207	84,49%	14	31,11%	24	9,80%
Sóc Trăng	1.046	38	1,82%	11	29,95%	21	55,26%	6	15,79%
Tiền Giang	1.460	154	5,27%	89	57,79%	53	34,41%	12	7,79%
Trà Vinh	766	46	3,01%	37	80,43%	7	15,22%	2	4,35%
Vĩnh Long	1.308	58	2,22%	31	53,45%	18	31,03%	9	15,52%
Tổng	**18.027**	**1.367**	**3,79%**	**809**	**59,18%**	**392**	**28,67%**	**178**	**13,02%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Tổng hợp kết quả nghiên cứu thủ tục hủy bản án STHS trong giai đoạn phúc thẩm của TAND các tỉnh miền Tây Nam bộ cho thấy:

- Các địa phương có tỷ lệ Tòa án phúc thẩm tuyên hủy bản án nhiều nhất là Bạc Liêu, Long An, Cà Mau và Tiền Giang và các địa phương có tỷ lệ thấp là Cần Thơ, Sóc Trăng, Vĩnh Long.

- Việc hủy bản án STHS để điều tra lại chiếm tỷ lệ cao nhất với 809/1.367 tương ứng 59,18%; tiếp đến là hủy để xét xử lại với 392/1.367 vụ tương ứng 28,67% và cuối cùng là đình chỉ vụ án với 178 vụ tương ứng 13,02%.

- Về cơ cấu tội phạm, do không có số liệu thống kê về tội danh thường hay bị hủy nhưng qua nghiên cứu hơn 100 bản án thu thập được trong giai đoạn từ 2014 đến 2024, nhận thấy các vụ án hủy để điều tra, xét xử lại hoặc đình chỉ vụ án chủ yếu thuộc nhóm tội về trật tự xã hội, trong đó tội *"Cố ý gây thương tích"* chiếm tỷ lệ cao nhất (16,4%), tiếp theo là tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* (14,9%); *"Trộm cắp tài sản"* (13,2%); *"Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"*

(9,6%); *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* (4,3%); *"Đánh bạc"* (3,9%); *"Cướp tài sản"* (3,6%) [95].

- Về hủy bản án STHS trong phiên tái thẩm thì trong giai đoạn nghiên cứu chỉ vào năm 2019 có 01 vụ án xảy ra tại tỉnh Tiền Giang được TAND cấp cao tại TP.HCM xét xử và tòa đã tuyên Hủy bản án STHS để điều tra lại. Tương tự, năm 2020 có 01 vụ tại tỉnh Đồng Tháp cũng được TAND cấp cao tại TP.HCM thụ lý giải quyết và tòa đã tuyên hủy để điều tra lại.

- Đối với hủy bản án STHS tại các tỉnh Miền Tây Nam Bộ trong giám đốc thẩm:

Bảng 3.17. Số bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại và đình chỉ vụ án từ năm 2018-2024 của 13 tỉnh miền Tây Nam Bộ trong xét xử giám đốc thẩm

Năm	**Tổng số vụ án xét xử giám đốc thẩm**	**Tổng số bản án STHS bị hủy (toàn bộ và một phần), trong đó:**		**Trong đó**					
				Hủy bản án STHS để điều tra lại		**Hủy bản án STHS để xét xử lại**		**Hủy bản án hình sự để đình chỉ vụ án**	
		Vụ	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*	*Vụ*	*Tỷ lệ*
2018	23	15	65,22%	11	73,33%	4	26,67%	0	0,00%
2019	24	22	91,67%	6	27,27%	16	72,73%	0	0,00%
2020	27	17	62,96%	10	58,82%	7	41,18%	0	0,00%
2021	42	25	59,52%	5	20,00%	20	80,00%	0	0,00%
2022	20	10	50,00%	2	20,00%	8	80,00%	0	0,00%
2023	24	13	54,17%	7	53,85%	6	46,15%	0	0,00%
2024	31	19	61,29%	12	63,16%	7	36,84%	0	0,00%
Tổng	**191**	**121**	**63,35%**	**53**	**43,80%**	**68**	**56,20%**	**0**	**0,00%**

Nguồn: Vụ Tổng hợp Toà án nhân dân tối cao

Kết quả tại bảng 3.17 cho thấy: Trong 191 vụ án được Tòa án cấp cao TP.HCM thụ lý trên địa bàn các tỉnh miền Tây Nam bộ có 121 vụ án được Tòa án tuyên hủy chiếm 61,88%. Trong đó, tuyên hủy để xét xử lại chiếm tỷ lệ cao nhất với 56,2%, tiếp đến là tuyên hủy để điều tra lại với 43,8% [117].

Có thể nói, trong giai đoạn vừa qua sau khi sắp miền Tây Nam Bộ còn 06 tỉnh, thành phố trên cơ sở 13 tỉnh Tây Nam Bộ cũ và tỉnh Tây Ninh, cụ thể: Vĩnh Long (Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh); Đồng Tháp (Đồng Tháp và Tiền Giang); An

Giang (An Giang và Kiên Giang); Cà Mau (Cà Mau và Bạc Liêu); Thành phố Cần Thơ (Cần Thơ, Hậu Giang và Sóc Trăng) và Tây Ninh (Tây Ninh và Long An). Việc sáp nhập này tác động trực tiếp đến hệ thống tư pháp trên địa bàn các tỉnh.

Việc sắp xếp, tinh gọn hệ thống Tòa án, đặc biệt là việc bỏ cấp TAND cấp huyện và thành lập TAND khu vực, có thể mang lại nhiều tác động tích cực như nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm tải công việc cho Tòa án cấp trên, và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong việc tiếp cận công lý. Tuy nhiên, cũng có thể phát sinh một số khó khăn trong quá trình chuyển đổi, như việc thay đổi địa giới hành chính, điều chỉnh thẩm quyền xét xử, và ảnh hưởng đến đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án. Căn cứ triển khai việc sắp xếp hệ thống Tòa án: (1) Luật số 81/2025/QH15 ngày 24/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024; (2) Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; (3) Nghị quyết số 85/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa Phúc thẩm, cục, vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao. Với một bộ máy tinh gọn hơn, việc quản lý và giám sát hoạt động của các tòa án có thể trở nên hiệu quả hơn. Việc sáp nhập các tòa án cấp huyện thành tòa án khu vực cũng tạo điều kiện để chuyên môn hóa đội ngũ thẩm phán và cán bộ tư pháp, từ đó nâng cao chất lượng xét xử. Ngoài ra, việc tinh giản bộ máy hành chính có thể giúp giảm các thủ tục không cần thiết, giúp tòa án tập trung hơn vào nhiệm vụ chính là xét xử và giải quyết các vụ việc.

3.2.2.2. Các trường hợp điển hình của hủy bản án sơ thẩm hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ

Kết quả hủy bản án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ để điều tra lại hoặc xét xử lại

** Huỷ bản án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTHS*

Tại điểm o, khoản 1 Điều 4 BLTTHS năm 2015 đã đưa ra khái niệm *"Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là việc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình xét xử sơ thẩm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định và đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án"*

[90]. Khái niệm này đã chỉ rõ 4 đặc điểm về vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gồm:

- Phải có hành vi không thực hiện những quy định bắt buộc trong BLTTHS khi tiến hành tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

- Có hành vi thực hiện nhưng thực hiện không đúng theo trình tự, thủ tục đã quy định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

- Các hành vi trên phải xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự…

- Việc bỏ qua hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ thủ tục làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan toàn diện (như đối với các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc bị truy tố ở khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bắt buộc phải chỉ định Luật sư, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng đã không thực hiện tức là đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền bào chữa của bị can, bị cáo được pháp luật quy định).

Những vi phạm thuộc các trường hợp trên đều được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và phải được điều tra, truy tố lại hoặc xét xử lại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm phải hủy bản án STHS; còn những vi phạm ngoài phạm vi khái niệm này thì được coi là những vi phạm tố tụng không nghiêm trọng và chỉ thực hiện việc kiến nghị sửa chữa, khắc phục (ví dụ: vi phạm về thời hạn điều tra, thời hạn xét xử… cũng là vi phạm tố tụng nhưng không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng). Có thể nói vi phạm này xảy ra là do thiếu sót trong công tác kiểm tra của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có trách nhiệm của VKS, vị phạm này thể hiện thông qua hai vụ án sau:

Vụ án 01: P.N.N phạm tội "Cố ý gây thương tích" xảy ra tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Tại bản án số 35/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định tuyên bố bị cáo P.N.N phạm tội "Cố ý gây thương tích", hành vi của bị cáo P.N.N bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội "Cố ý gây thương tích" là có căn cứ. Tuy nhiên, theo kết luận giám định thì tỷ lệ thương tật của bị hại là 18%, do vật tày gây nên nhưng án sơ thẩm chưa phân tích, kết luận được thương tích của chị P có phải do vật này gây ra hay không. Án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 134 BLHS để xét xử bị cáo P.N.N là chưa phù hợp vì chưa làm rõ dép da bittas có phải là hung khí nguy hiểm hay không. Án sơ thẩm cho rằng bị cáo P.N.N đi thẳng vào phòng nắm tóc chị P để đánh. Hành vi đó là hành vi côn đồ nhưng án sơ

thẩm không nêu và nhận định trong bản án. Án sơ thẩm cũng chưa xem xét tính đồng phạm của vụ án liên quan đến A, Q. Mặt khác, quá trình điều tra các lời khai do điều tra viên B.V.P và cán bộ N.V.C tiến hành làm việc nhưng tại phiên tòa bị cáo, bị hại, những người làm chứng đều cho rằng chưa được làm việc với điều tra viên Thương lần nào dẫn đến quyền lợi của bị cáo, bị hại bị thiệt hại. Xét thấy, vụ án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có mâu thuẫn trong việc xác định kết quả giám định, truy tố, xét xử và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung [95].

Vụ án 02: D.V.K, V.V.P, T.V.S phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* xảy ra tại huyện Thanh Bình. Hành vi của các bị cáo D.V.K, V.V.P, T.V.S bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng của anh T.C.L và Công ty trách nhiệm hữu hạn A vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Ngoài ra, gia đình của bị cáo Sơn thuộc hộ cận nghèo nhưng án sơ thẩm chưa xem xét tình tiết này cho bị cáo. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo dẫn đến thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật nên cần phải hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình để cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung [95].

Vụ án 03: Bị cáo V.T.K về tội "Cố ý gây thương tích" và "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và N.Q.N về tội "Cố ý gây thương tích". Nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy Tòa án sơ thẩm và Tòa án cập phức thẩm xác định thương tích rách giác mạc mắt ohair của ông Lương Quốc Tuấn (tỷ lệ 38%) là do nhóm của N.Q.N gây ra. Tuy nhiên, CQĐT không khởi tố đối với N.D.B, L.V.N và 02 đối tượng còn lại trong nhóm của N với vai trò đồng phạm là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội. Đồng thời CQĐT không ra quyết định tách vụ án để tiếp tục xử lý hành vi của B, Nh và 02 đối tượng trên theo quy định tại Điều 170 Bộ luật TTHS là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Như vậy, quá trình điều tra vụ án, CQĐT chưa tiến hành điều ta chứng minh hết những vấn đề cần chứng minh trong vụ án, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tiến hành đối chất, thực nghiệm điều tra và tách vụ án, dẫn đến kết luận trong các bán án của Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không phù

hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm và hủy toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm số 72/2024/HS-PT ngày 19/9/2024 của TAND thành phố Cần Thơ và Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của TAND quận Ninh Kiều [95].

Vụ án 04: Bị cáo D.V.P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" xảy ra trên địa bàn quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy bị cáo D.V.P có những hành vi khách quan trực tiếp thay đổi hình ảnh của người khác trên giấy tờ, tài liệu do cơ quan Nhà nước cấp sau đó thay vào giấy tờ có hình ảnh của người khác nhằm mục đích thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. D.V.P thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; xâm phạm khách thể là chế độ quản lý hành chính về các loại giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do đó hành vi này của D.V.P đã cấu thành tội "Sửa chữa tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 340, Bộ luật Hình sự. Kết hợp với các nội dung khác liên quan, tòa án đã hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 01/7/2024 của TAND thành phố Cần Thơ [95].

** Huỷ bản án do việc điều tra, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ (Điều 85 BLTTHS)*

Do việc thu thập vật chứng tại cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, việc điều tra không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, do đó Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án STHS để điều tra lại để đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Vụ án 05: T.H.T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* xảy ra tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Nội dung vụ án thể hiện: Năm 2016, khi chuẩn bị thi Đại học và Trung học Công an thì anh Q nói với anh TT khả năng sẽ khó thi đậu vào ngành Công an. Do biết bị cáo T.H.T có mối quan hệ quen biết nhiều người nên anh TT cho số điện thoại của bị cáo để Q liên lạc để nhờ vả công việc với 100 triệu đồng (đưa trước 70 triệu đồng và sau khi có kết quả là 30 triệu đồng), sau khi có kết quả không như mong muốn, anh Q có yêu cầu đòi lại số tiền 70 triệu đồng nhưng bị cáo T.H.T đã không trả lại và có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2019/HS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã quyết định tuyên bố: Bị cáo T.H.T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo T.H.T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành hình phạt tù. Ngày 15 tháng 8 năm 2019, bị cáo T.H.T có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo T.H.T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản" theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết nào mới có cơ sở để xem xét cho bị cáo ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết. Việc bị cáo T.H.T yêu cầu anh TT có trách nhiệm trả lại cho bị cáo số tiền 70.000.000 đồng, án sơ thẩm tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định, khi bị cáo Tâm có đơn yêu cầu là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm [95].

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T.H.T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo T.H.T có yêu cầu giám định chữ ký, các chữ "T.T.T" dưới mục "người nhận" trên biên nhận ngày 27/6/2016. Thế nhưng, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm không trưng cầu giám định chữ ký, các chữ "T.T.T" dưới mục "người nhận" trên biên nhận này ở cơ quan giám định cao hơn theo yêu cầu của bị cáo Tâm mà tiếp tục truy tố bị cáo với quan điểm cho rằng: … "trong trường hợp này giám định chữ viết và chữ ký trong biên nhận của N.T.T chỉ xác định vai trò đồng phạm của N.T.T chứ không ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của T.H.T". Cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án với nhận định (BL304) "không có tài liệu, chứng cứ chứng minh anh TT là người chủ mưu, đề xuất" mà chưa xem xét anh TT có đồng phạm với bị cáo hay không trong khi đã có kết quả giám định là có sự mâu thuẫn trong việc đánh giá chứng cứ. Căn cứ vào điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Vụ án 06: L.T.P và N.V.D phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án HSST số 26/2023/HS-ST ngày 11/4/2023 của TAND thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy, trong quá trình điều tra cấp sơ thẩm kết án bị cáo L.T.P và N.V.D đồng phạm về tội cố ý gây thương tích nhưng chưa điều tra để xác định việc anh T bị thương tích thì bị cáo L.T.P và N.V.D có thỏa thuận với nhau hay không, hành vi của các bị cáo cố ý do bực tức (đột xuất) hay do dự mưu, trường hợp có đồng phạm thì vai trò của từng bị cáo chưa được điều tra xác định rõ ràng. Do việc

điều tra không đầy đủ, tại cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Vì vậy, TAND tỉnh Vĩnh Long đã tuyên hủy toàn bộ Bản án HSST số 26/2023/HS-ST của TAND thị xã Bình Minh để điều tra lại [95].

Vụ án 07: H.N.T và P.X.B phạm tội "Dùng nhục hình" theo Bản án HSST số 22/2018/HSST ngày 27/7/2018 của TAND tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu Hồ sơ vụ án cho thấy: Trong quá trình điều ra, truy tố và xét xử vụ án này đã có sai phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, quá trình thu thập chứng cứ có nhiều thiếu sót, không đầy đủ và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, chưa thực nghiệm lại hiện trường để chứng minh hành vi dùng nhục hình có sự chứng kiến của người làm chứng nhằm chứng minh hành vi gây thương tích của các bị cáo dẫn đến bị hại chết. Những vi phạm thiếu sót này đã ảnh hưởng lớn đến việc giải quyết khách quan, toàn diện và đúng đắn vụ án, vì vậy TAND cấp cao TP. HCM đã tuyên Hủy toàn bộ bản án HSST số 22/2018/HSST ngày 27/7/2018 để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật. Có thể nói Vụ "Dùng Nhục hình" của bị cáo H.N.T và P.X.B mặc tòa án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng việc thực nghiệm lại là không thể tiến hành vì hiện trường vụ án đã không còn tại thời điểm xét xử phúc thẩm và việc hủy Bản án STHS trả hồ sơ về xét xử sơ thẩm lại cũng không thể thay đổi tội danh hoặc có căn cứ các bị cáo vô tội vì hành vi vi phạm nghiệp vụ của các bị cáo dẫn đến hậu quả chết người đã xảy ra nhưng TAND cấp cao TP.HCM vẫn tuyên hủy Bản án STHS với nhận định theo hướng chưa đủ chứng cứ kết tội đối với bị cáo. Hậu quả đã làm vụ án bị kéo dài, mất rất nhiều thời gian, công sức, tiền bạc của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng [96].

Trong qua trình thực hiện điều tra, truy tố, xét xử VAHS, các cơ quan theo thẩm quyền đã tiến hành tố tụng phải chứng minh: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không? Thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội? Ai là người thực hiện hành vi phạm tội? có lỗi hay không có lỗi? do cố ý hay vô ý? Có năng lực TNHS hay không? Mục đích, động cơ phạm tội? Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo? Và những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo? Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra?... Đây là những câu hỏi cần bảo đảm được thực hiện nhằm không bỏ sót những vấn đề cần chứng minh cho quá trình xét xử vụ án.

** Huỷ bản án do xác định sai tư cách người tham gia tố tụng hoặc sai sót trong giải quyết trách nhiệm bồi thường thiệt hại*

Vụ án 08: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định: Tuyên bố bị cáo N.P.Q phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Nghiên cứu Hồ sơ vụ án cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xếp sai tư cách tham gia tố tụng đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được quy định tại các Điều 62, Điều 65 và Điều 66 Bộ luật Tố tụng hình sự. Vụ án gây thiệt hại về giá trị tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự, nhưng trong quá trình hoạt động điều tra cũng chưa làm rõ được cả 02 xe có mua bảo hiểm hay không? Trách nhiệm bồi thường của Cơ quan bảo hiểm như thế nào? Tại Điều 601 Bộ luật dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trong đó có bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra có xác định trách nhiệm bồi thường, nhưng do quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm chưa làm rõ được nên chưa có căn cứ để quyết định. Tòa án Phúc thẩm đã tuyên: Huỷ toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp [95].

Những vi phạm trong việc xác định tư cách người tham gia TTHS, không đưa đầy đủ nguyên đơn, bị đơn dân sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan vào tham gia TTHS xảy ra khá phổ biến trong các vụ án STHS bị hủy và tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ thường xảy ra nhiều ở các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cố ý gây thương tích… Việc cơ quan có thẩm quyền xác định sai tư cách tham gia quá trình tố tụng thường thể hiện như nhầm lẫn giữa nguyên đơn và bị hại; nguyên đơn, bị đơn với người có quyền, nghĩa vụ liên quan; nhầm lẫn giữa bị hại với người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Nhiều VAHS không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng vào quá trình giải quyết VAHS như không đưa chủ phương tiện, Công ty bảo hiểm tham gia tố tụng trong các vụ án liên quan đến va chạm giao thông. Việc xác định sai tư cách người tham gia tố tụng hoặc không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng vào quá trình giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng rất lớn tới việc giải quyết khách quan toàn diện vụ án, cũng như ảnh hưởng tới quyền nghĩa vụ của các đương sự, ví dụ khi xác định sai người bị hại thành người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng tới quyền kháng cáo về hình phạt của họ đối với bị cáo và làm thiệt hại cho họ khi quyết định về phần bồi thường.

** Hủy bản án do sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng các quy định của bộ luật hình sự*

- *Truy tố, xét xử không đúng tội danh*

Những vi phạm này thường xảy ra ở những tội phạm có dấu hiệu đặc trưng gần giống nhau như giết người với giết người trong trạng thái bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích hoặc các tội phạm về kinh tế như tội lừa đảo và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Vi phạm loại này thể hiện thông qua hai vụ án cụ thể sau:

Vụ án 09: N.N.Q.E và Q.V.H phạm tội *"Cố ý gây thương tích"* xảy ra tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Nội dung vụ án thể hiện: Bị cáo Q.V.H khai nhận dùng tay đánh vào vùng hạ sườn phải của anh N một cái rồi vào mùng ngủ với ông K và ông H; còn bị cáo N.N.Q.E khai nhận dùng chân tay đánh anh N làm anh N té ngồi xuống đất, lúc này N.N.Q.E lấy cục gạch ông còn nguyên cầm tay phải đánh từ trên xuống chéch từ phải qua trái vào vùng đầu của anh N, bị cáo cầm miếng gạch men định đánh tiếp nhưng thấy vùng đầu của anh N chảy máu nên bị cáo lấy xe mô tô chạy đến Công an xã nhưng không trình báo mà quay lại chổ anh N đang ngồi gục trước thềm ba nhà ông K rồi bỏ đi về nhà ngủ. Bị cáo khai nhận về ý thức chủ quan do nóng giận vì bị anh N đánh nên đánh trả thù chứ không mong muốn tước đoạt sinh mạng của anh N, còn việc anh N tử vong là ngoài ý muốn của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo thừa nhận cục gạch ống là hung khí nguy hiểm, nếu sử dụng đánh vào vùng đầu sẽ rất nguy hiểm dễ dẫn đến tử vong nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Mặc khác, bản thân bị cáo khai nhận, sau khi đánh anh N, bị cáo thấy đầu anh N chảy máu và ngồi gục tại chổ nhưng bị cáo không chở anh N đi cấp cứu hoặc nhờ ông K, ông H, bị cáo Q.V.H đưa đi mà bị cáo bỏ đi, sau đó bị cáo quay lại thấy anh N vẫn ngồi gục ở đó nhưng bị cáo lại bỏ mặt rồi đi về nhà ngủ. Điều này chứng tỏ rằng về mặt khách quan bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đánh vào vùng trọng yếu, vùng nguy hiểm của con người rồi bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, dẫn đến anh N tử vong. Hành vi của các bị cáo N.N.Q.E và Q.V.H có dấu hiệu phạm tội *"Giết người"*, nhưng còn nhiều tình tiết mà án sơ thẩm chưa điều tra thu thập, xác minh làm rõ. Do đó, xét thấy người đại diện hợp pháp cho bị hại kháng cáo yêu cầu chuyển tội danh từ tội *"Cố ý gây thương tích"* sang tội *"Giết người"* là có cơ sở chấp nhận. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy toàn bộ án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành để điều tra, truy tố, xét xử lại [95]. Qua nội dung vụ án này có thể thấy các cơ quan tiến hành tố tụng đã vội vàng kết luận tội danh "Cố ý gây thương tích" đối với các bị cáo N.N.Q.E và Q.V.H. Tuy nhiên, qua phân tích có thể thấy việc định tội danh có sai lầm trong nhận thức áp dụng pháp luật hình sự, vi phạm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật nên Tòa án Tỉnh ĐT đã hủy

toàn bộ bản án để trả hồ sơ về điều tra xét xử lại theo thủ tục chung. Tương tự vụ án này còn có một số vụ án xảy ra tại địa bàn tỉnh khác cũng là nguyên nhân dẫn đến hủy bản án STHS.

Vụ án 10: Bị cáo D.B.C, B.A.T, N.T.Đ, N.T.T phạm tội "Cố ý gây thương tích" xảy ra tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của các bị cáo dùng vỏ chai bia và dao tự chế là những hung khí nguy hiểm liên tích đánh, chém vào vùng đầu của bị hại, là vùng trọng yếu trên cơ thể con người. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại nhưng vẫn thực hiện rất quyết liệt, bất chấp hậu quả xảy ra. Việc bị hại L không chết là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ cầu thành tội "Giết người" theo quy định. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm và phúc thẩm chưa đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dẫn đến điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" là không đúng tội danh mà các bị cáo đã thực hiện, có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật. Do đó, cần phải hủy toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 05/12/2023 của TAND thành phố Cần Thơ và Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 13/9/2023 của TAND quận Ô Môn [95].

Vụ án 11: Bị cáo T.T.P phạm các tội "Giết người", "Cố ý gây thương tích", "Gây rối trật tự công cộng" theo Bản án HSST số 37/2022/HS-ST ngày 08/9/2022 của TAND tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kháng cáo được TAND cấp cao tai TP. HCM thụ lý và xét xử phúc thẩm. Sau khi thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định, TAND cấp cao TP. HCM đã không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T.T.P, giữ nguyên bán án HSST của TAND tỉnh Đồng Tháp. Vụ án của bị cáo T.T.P được TAND tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm sau đó TAND cấp cao tại TP.HCM nhận định bị cáo T.T.P không phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" nhưng sau đó TAND tối cao có Bản án Giám đốc thẩm số 01/2024/HS-GĐT ngày 29/01/2024 hủy bản án phúc thẩm hình sự của TAND cấp cao tại TP.HCM, qua đó xác định bị cáo T.T.P phạm tội "Gây rối trật tự công cộng". Lý do hủy án do quan điểm vận dụng pháp luật TTHS của TAND cấp cao tại TP.HCM nhận định tội "Gây rối trật tự công cộng" đã thu hút vào 2 tội "Giết người" và "Cố ý gây thương tích" nên bị cáo T.T.P không phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" là không đúng vì tội "Gây rối trật tự công cộng" xâm phạm khách thể khác hai khách thể của tội "Giết người" và "Cố ý gây thương tích", cụ thể: khách thể của tội "Gây rối trật tự công cộng" là xâm phạm nội quy, quy tắc, điều lệ… về trật tự ở những nơi công cộng. Tội phạm xâm phạm trực tiếp đến trật tự

chung, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc của cuộc sống ảnh hưởng đến hoạt động bình thường ở những nơi công cộng. Trong khi đó, khách thể của tội "Giết người" và "Cố ý gây thương tích" là quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của con người nên TAND tối cao hủy theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm hình sự của TAND cấp cao tại TP. HCM là đúng pháp luật và có căn cứ. Nguyên nhân hủy bản án do hiện nay còn tồn tại tình trạng cùng một vụ án nhưng nhiều cấp Tòa án còn có nhiều quan điểm khác nhau trong áp dụng pháp luật. Mặt khác, pháp luật hình sự và TTHS hiện nay và các Nghị quyết của Hội đồng thẩm pháp hướng dẫn áp dụng pháp luật TTHS và BLHS cũng chưa hướng dẫn cụ thể trường hợp nào thì nhiều tội phạm được thu hút thành một tội cũng như trường hợp nào phải tách riêng từng tội nên dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong áp dụng pháp luật [96].

Vụ án 12: Bị cáo D.T.N phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", V.V.K và T.T.T.M phạm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng". TAND cấp cao tại TP.HCM đã xét xử phúc thẩm và tuyển hủy Bán án HSST số 25/2018/HS-ST ngày 26/9/2018 của TAND tỉnh Đồng Tháp để điều tra lại. Nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy việc TAND cấp cao tại TP.HCM nhận định cùng một hành vi thiếu trách nhiệm trong thời gian làm giám đốc, D.T.N bị xét xử hai bản án về cùng một tội danh, hành vi thiếu trách nhiệm xảy ra đan xen lẫn nhau cùng một thời điểm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của D.T.N. TAND tối cao nhận định hành vi thiếu trách nhiệm của D.T.N bị xét xử 02 lần là do thiếu trách nhiệm trong quản lý, để xảy ra việc "tham ô tài sản" của H.V.K và để xảy ra việc "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" của V.V.K, T.T.T.M. Vì vậy, hành vi này là độc lập và ở 02 vụ án khác nhau nên việc tách vụ án không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện vụ án. Đồng thời, khi HĐXX sơ thẩm đã tổng hợp hình phạt buộc D.T.N phải chấp hành không vượt khung hình phạt theo quy định của pháp luật hình sự, nên không được coi là bất lợi cho bị cáo và cũng không phải là một hành vi mà D.T.N bị xét xử 02 lần. Căn cứ vào những nhận định trên, Hội đồng Giám đốc thẩm của TAND tối cao đã tuyên hủy Bản án HSPT số 397/2019/HS-PT ngày 17/7/2019 của TAND cấp cao tại TP.HCM để xét xử phúc thẩm lại theo hướng như bản án STHS đã được xét xử trước đó bị hủy (Hội đồng Giám đốc thẩm TAND tối cao không thể giữ nguyên bản án STHS được vì nhiều nội dung của quyết định của bản án PTHS trước đó của TAND cấp cao tại TP.HCM đã được thi hành nên cần phải xét xử phúc thẩm lại nhằm giải quyết toàn diện, triệt để vụ án).[96].

- *Bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội*

Đây là vi phạm xảy ra khá nhiều trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, được thể hiện ở việc các cơ quan tố tụng đánh giá chứng cứ không đúng, không đầy đủ, toàn diện, dẫn đến bỏ lọt hành vi phạm tội, bỏ lọt người phạm tội, nhất là bỏ lọt những hành vi đi liền với nhau cấu thành nhiều tội phạm khác nhau hoặc nhiều người đồng phạm cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng chỉ truy tố, xét xử một tội hoặc xử lý người chủ mưu, người thực hành, bỏ lọt các đồng phạm khác.Vi phạm loại này thể hiện thông qua hai vụ án cụ thể sau:

Vụ án 13: N.V.U và H.T.T phạm tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* xảy ra tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Nội dung vụ án thể hiện: Để có tiền tiêu xài trả nợ và trả nợ cá nhân, N.V.U và H.T.T bàn bạc với nhau thông qua mạng xã hội mua 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với mục đích vay tiền, thế chấp quyền sử đất giả nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* là có căn cứ. Tuy nhiên, án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo N.V.U và H.T.T, về *tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, với số tiền chiếm đoạt 115.000.000 đồng gồm (90.000.0000 đồng chiếm đoạt của anh N.T.T và 25.000.0000 đồng chiếm đoạt của anh H.L.Q.T). Việc cấp sơ thẩm nhận định từ năm 2020 đến năm 2021 các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp vay của anh N.T.T 90.000.000 đồng là đúng. Trong vụ án này, do các bị cáo sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức chiếm đoạt số tiền 510.000.000 đồng, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cấu thành tình tiết định khung theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là chưa đúng quy định của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, đây là vụ án có đồng phạm, trong đó H.T.T là người có vai trò thực hành tích cực. Bị cáo là người đứng tên các giấy CNQSDĐ giả, ký tên vào các biên nhận vay tiền và các tờ thoả thuận…nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* với vai trò là đồng phạm thứ yếu là chưa phân hoá vai trò của bị cáo trong vụ án. Từ đó quyết định hình phạt chưa nghiêm, không mang tính giáo dục phòng ngừa. Ngoài ra, án hình sự sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, 17, 38, 54, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H.T.T 01 năm tù là chưa đúng quy định của pháp luật. Bởi bị cáo Thuý chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, nhưng xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt là chưa đúng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự. Từ phân tích trên, nhận thấy bản án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ, mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, căn cứ Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án tỉnh Đồng Tháp tuyên huỷ Bản án sơ thẩm số: 42/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh để điều tra, truy tố, xét xử theo thẩm quyền [95].

Vụ án 14: Bị cáo H.B.C và một số bị cáo khác phạm tội *"Đánh bạc"* và tội *"Tổ chức đánh bạc"* xảy ra tại huyện Lai Vung. Nghiên cứu bán sơ thẩm đã xét xử bị cáo H.B.C về các tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc"; các bị cáo khác về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm áp dụng pháp luật chưa đầy đủ nên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân đã ban hành kháng nghị số 11 ngày 23/4/2019, kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm, áp dụng thêm Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự vào phần quyết định của bản án đối với 13 bị cáo phạm tội đánh bạc có tính chất đồng phạm; áp dụng thêm Điều 38 Bộ luật hình sự vào phần quyết định của bản án để tuyên hình phạt tù đối với các bị cáo N.H.H, H.H.H và P.V.L; áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự vào phần quyết định của bản án để tuyên hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt về tội đánh bạc đối với bị cáo H.B.C. Nhận thấy kháng nghị nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận ngày 25/01/2018 đã trực tiếp tham gia đánh bạc tại nhà H.B.C gồm nhiều người. Hôm đó, H.B.C tham gia đặt 02 bàn, mỗi bàn 100.000 đồng; H mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc; D mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc và đặt khoảng 30 bàn, các bị cáo còn lại mỗi bị cáo đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng… Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Vấn đề này trong giai đoạn điều tra không chứng minh được và cấp sơ thẩm chưa xem xét xử lý. Mặt khác, bị cáo N.H.H khai đã trực tiếp đánh bạc 02 ván với L.D.K (đá ngang) bằng hình thức chọn mặt xí ngầu, mỗi ván bắt 100.000 đồng, kết quả thua 02 ván, hiện N.H.H đã đưa tiền cho L.D.K xong. L.D.K khai nhận đã có 01 tiền sự, bị xử phạt hành chính về hành vi đá gà, nộp phạt ngày 22/12/2017 nhưng cấp sơ thẩm không xử lý vì cho rằng không đủ định lượng là bỏ lọt tội phạm. Xét thấy án sơ thẩm đã có vi phạm về áp

dụng pháp luật không đầy đủ, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung để điều tra, xét xử theo thủ tục chung [95].

Vụ án 15: Bị cáo T.Q.A.Đ và T.N.D.P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" xảy ra tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy những dấu hiệu đồng phạm của bị cáo Đ và P khi có nhiều đối tượng đã tham gia vào quá trình giúp sức tích cực cho các bị cáo vi phạm pháp luật hình sự. Cấp sơ thẩm nhận định rằng quá trình điều tra, các đối tượng trên không biết việc bị cáo Đ và P cấu kết với nhau nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Đồng thời, cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng giúp sức là có dấu hiệu bỏ sót người phạm tội và giải quyết vụ án chưa triệt để. Từ những phân tích ở trên, Hội đồng XXPT xét thấy, cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và áp dụng chưa đúng tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận kháng nghị của VKSND, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 19/4/2024 của TAND thành phố Cần Thơ [95].

** Xác định sai khung hình phạt, cho hưởng án treo, tổng hợp hình phạt và quyết định hình phạt trong vụ án không đúng*

Việc xác định sai khung hình phạt thường gặp là bị cáo phạm vào khung nhẹ nhưng xét xử ở khung nặng hơn hoặc ngược lại. Vi phạm loại này thể hiện thông qua **Vụ án 16:** P.N.H phạm tội *"Giết người"* xảy ra tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Nội dung vụ án thể hiện việc P.N.H và vợ N.T.C xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân (trong thời gian trên chị N.T.C đã có tình cảm với anh T.T.P) nên dẫn đến hành vi giết người theo Bản án HSST số 46/2022/HS-ST ngày 28/12/2022 của TAND tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu hồ sơ cho thấy hành vi của P.N.H sử dụng dao sắc nhọn đâm nhiều nhát vào nơi xung yếu trên cơ thể bị hại, có nguy cơ cao làm tử vong. Hành vi phạm tội của bị cáo không phải do bộc phát do lỗi nghiêm trọng của nạn nhân mà bị cáo đã có sự chuẩn bị hung khí, khi thực hiện hành vi phạm tội rất manh động, côn đồ và cố tình thực hiện tội phạm đến cùng cho đến khi chị N.T.C bị bị cáo đâm nhiều nhát nằm bất động trên sàn nhà bị cáo mới dừng lại. Vị bị hại không bị tử vong là do được cấp cứu kịp thời, nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi trên của bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội có tính chất côn đồ", đây là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của BLHS năm 2015 nhưng chưa được cơ quan

điều tra tiến hành tố tụng. Do đó, TAND cấp cao tại TP.HCM đã tuyên hủy Bản án HSST của TAND tỉnh Đồng Tháp [96].

Có những vụ tòa án cấp trên hủy có căn cứ, đúng qui định của pháp luật nhưng cũng rất nhiều vụ tòa cấp trên hủy chưa thuyết phục vì khi trả hồ sơ về xét xử hoặc điều tra lại không thay đổi bản chất vụ án và có nhiều vụ hủy sai bản án của tòa án cấp dưới buộc tòa án cấp dưới phải làm văn bản kiến nghị chánh án TAND tối cao xét xử Giám đốc thẩm hủy bản án của TAND cấp cao tại TP.HCM (Trường hợp bị cáo T.T.P) hoặc xét xử lại vẫn không thay đổi bản chất như ban đầu làm cho việc hủy bản án trở nên không cần thiết, gây ảnh hưởng uy tín của tòa án cấp dưới làm mất niềm tin của người dân vào Công lý (như vụ Lạm dụng TNCĐTS của bị cáo Lê Thanh Hải, Vụ án "Lợi dụng chức vụ quyền hạn" của các bị cáo Dương Thành Nĩ, Võ Văn Khôi, Trương Thị Tuyết Mai trong sai phạm trong quản lý tài chính tại Bệnh viện đa khoa Tháp Mười, vụ án "Giết người" của bị cáo Trần Tấn Phúc, vụ "Dùng nhục hình" của bị cáo MXB và HNT….)

3.2.2. Những hạn chế, bất cập trong thực hiện hủy bản án sơ thẩm hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ và nguyên nhân

3.2.2.1. Những bất cập, hạn chế trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về hủy bản án STHS

Thứ nhất, đối với quy định *"Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm"* thuộc trường hợp hủy án để điều tra lại quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 358, BLTTHS nếu tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhưng VKS vẫn giữ nguyên truy tố, tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử theo thẩm quyền và giới hạn của việc thì giải quyết còn có các quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất: Vẫn hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Quan điểm thứ hai: Tùy trường hợp, cụ thể:

Nếu trong trường hợp cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, nhưng do giới hạn của việc xét xử, tòa án chỉ xét xử những bị cáo những hành vi… mà VKS đã truy tố, thì tòa án phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm mà chỉ kiến nghị CQĐT, VKS tiếp tục điều tra, truy tố tội phạm và người phạm tội bị bỏ lọt. Nếu trong trường hợp để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn. Do tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhưng VKS vẫn giữ nguyên tội danh thì theo giới hạn của việc xét xử (mới) lẽ ra, tòa án cấp sơ thẩm có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó, nên trường hợp này, tòa án phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm (nếu có kháng cáo, kháng nghị tăng nặng).

Nếu kháng cáo hoặc kháng nghị yêu cầu áp dụng khung hình phạt khác nặng hơn hoặc tội danh khác nặng hơn, nhưng vẫn thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp khu vực hoặc tòa án quân sự khu vực, thì tòa án cấp phúc thẩm có quyền áp dụng khung hình phạt hoặc tội danh nặng hơn đó để xét xử bị cáo. Nhưng nếu khung hình phạt nặng hơn hoặc tội danh nặng hơn đó thuộc thẩm quyền XXST của TAND cấp tỉnh hoặc tòa án quân sự cấp quân khu, thì tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của TAND cấp khu vực hoặc tòa án quân sự khu vực rồi chuyển hồ sơ cho VKS cùng cấp để VKS làm lại cáo trạng và tòa án cấp tỉnh XXST lại cho đúng thẩm quyền. Như vậy, nếu kháng cáo hoặc kháng nghị yêu cầu áp dụng tội danh khác nặng hơn, nhưng vẫn thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp khu vực hoặc tòa án quân sự khu vực, thì tòa án cấp phúc thẩm có quyền áp dụng tội danh nặng hơn đó để xét xử bị cáo trên cơ sở bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nặng hơn đó.

Tuy nhiên, hướng dẫn này có còn phù hợp với quy định của BLTTHS hiện hành nữa không? Theo quy định tại Điều 358 BLTTHS về hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại, HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại trong các trường hợp có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm. Bên cạnh đó, HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành phần HĐXX mới trong trường hợp có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn XXST.

Như vậy, đối với quy định *"Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm"* thuộc trường hợp hủy án để điều tra lại quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 358 BLTTHS vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau, vì vậy, cần có văn bản hướng dẫn thi hành để trong thực tiễn áp dụng thống nhất để thay thế thông tư liên tịch số 01/TTLT/TANDTC – VKSNDTC, ngày 08/12/1988 của TAND và VKSND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong BLTTHS.

Thứ hai, về quy định *"Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn XXST"* quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 358 BLTTHS hủy bản án hình sự để xét xử lại. Theo quy định tại Điểm o, Khoản 1, Điều 4 BLTTHS đã giải thích khái niệm có vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử nhưng đây là giải thích chung không có quy định giải thích cụ thể các sai sót bị xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn XXST và cũng chưa đề ra tiêu chí phân biệt ranh giới giữa vi phạm nghiêm trọng với vi phạm chưa tới mức

nghiêm trọng. Chính vì vậy, việc hiểu cụ thể về vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của tòa án cấp sơ thẩm còn có những ý kiến khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn XXST là việc Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai phạm về mặt thủ tục tố tụng dẫn đến việc giải quyết xét xử vụ án không tuân thủ những quy định của pháp luật TTHS làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các thành phần tham gia tố tụng.

Quan điểm thứ hai cho rằng: Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử là những vi phạm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật của vụ án không chính xác hoặc xâm phạm đến quyền tố tụng của những người tham gia tố tụng.

Như vậy, việc BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành không giải thích rõ cụm từ *"Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn XXST"* đã làm cho việc hiểu và áp dụng pháp luật gặp khó khăn, lúng túng, thiếu thống nhất giữa các địa phương, các cấp tòa, ảnh hướng đến chất lượng trong phán quyết của bản án phúc thẩm, giám đốc thẩm. Vì vậy, cần ban hành văn bản hướng dẫn về căn cứ này để trong thực tiễn áp dụng thống nhất.

Thứ ba, Căn cứ kháng nghị *"Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật"* cũng là căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, chỉ khác ở chỗ bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật là bản án chưa có hiệu lực pháp luật còn kháng nghị giám đốc thẩm là bản án đã có hiệu lực pháp luật. Sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, trước hết là những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS, BLTTHS, sau đó là áp dụng pháp luật nói chung có liên quan như Bộ luật dân sự, Luật Giao thông đường bộ, Luật Giám định tư pháp… Tuy nhiên, căn cứ vào đâu để xác định bản án của tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng hoặc chưa đến mức nghiêm trọng? Hiện nay, vẫn chưa có văn bản pháp luật nào của cơ quan có thẩm quyền xác định cụ thể cấp độ vi phạm thủ tục tố tụng để tòa án cấp phúc thẩm dùng làm căn cứ hủy hoặc không hủy bản án của tòa án cấp sơ thẩm đã hoặc chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Chính vì vậy, tòa án cấp phúc thẩm chủ quan nhận định tòa án cấp sơ thẩm có hay không vi phạm thủ tục tố tụng mà không căn cứ tiêu chí cụ thể xác định việc vi phạm thủ tục tố tụng như thế nào thì phải hủy hoặc không hủy án của tòa án cấp sơ thẩm. Cần có văn bản giải thích rõ các trường hợp được xem là "có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật" và hướng dẫn cụ thể trong các trường hợp đó thì trường hợp nào Toà án cấp trên được quyền sửa bản án sơ thẩm, trường hợp nào phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Thứ tư, bị cáo kháng cáo bản án STHS, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo nhưng VKS đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về tội nặng hơn, vấn đề này thực hiện như thế nào?

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 342 BLTTHS, trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, VKS ra quyết định kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Mặt khác, theo quy định tại Điều 348 BLttHS, tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với vụ án mà người kháng cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, VKS rút toàn bộ kháng nghị. Việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trước phiên tòa do thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định, tại phiên tòa do HĐXX quyết định. Đối chiếu với quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 358 BLTTHS, HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm trong trường hợp: *"Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra lại về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm"* [53]. Như vậy, quyền quyết định có hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về tội nặng hơn hay không theo quan điểm của VKS thuộc về HĐXX, do đó, có hai trường hợp xảy ra:

Một là, HĐXX chấp thuận quan điểm của VKS, quyết định hủy bản án sơ thẩm để khởi tố, điều tra lại về tội nặng hơn. Lúc này, dù bị cáo có xin rút kháng cáo, HĐXXPT cũng không chấp thuận. Việc hủy bản án sơ thẩm để khởi tố, điều tra lại về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 358 BLTTHS.

Hai là, HĐXXPT không chấp thuận quan điểm của VKS và quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm khi bị cáo xin rút kháng cáo theo quy định tại Khoản 1, Điều 348 BLTTHS. Việc đình chỉ xét xử phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 348 BLTTHS. Để giải quyết vấn đề này theo tôi cần hiểu rõ để phân biệt khái niệm kháng cáo và kháng nghị. Kháng cáo là một trong những cơ sở pháp lý làm phát sinh thủ tục xét xử phúc thẩm VAHS, nhưng trước hết kháng cáo là quyền tố tụng quan trọng, được pháp luật TTHS Việt Nam ghi nhận và bảo đảm thực hiện để những chủ thể có quyền kháng cáo được thể hiện sự không đồng tình của mình đối với phán quyết của tòa án trong bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

Kháng nghị là hành vi tố tụng của người có thẩm quyền, thể hiện việc phản đối toàn bộ hoặc một phần bản án, quyết định của tòa án với mục đích bảo đảm cho việc xét xử được chính xác, công bằng, đồng thời, sửa chữa những sai lầm trong bản án, quyết định của tòa án. Việc kháng nghị dẫn đến có thể làm bất lợi hoặc không bất lợi

cho bị cáo. Như vậy, xét về mặt bản chất kháng cáo và kháng nghị là hai hoạt động đối lập nhau trong một số trường hợp nhất định, bị cáo kháng cáo nhằm bảo vệ cho chính mình còn kháng nghị của VKS bên cạnh tránh các sai sót trong quá trình giải quyết vụ án, hoạt động kháng nghị nếu đề nghị tăng hình phạt, áp dụng tình tiết tăng nặng… lại làm bất lợi cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm khi bị cáo rút kháng cáo nghĩa là bị cáo từ bỏ quyền của mình mà đối tượng của phiên tòa phúc thẩm là kháng cáo của bị cáo không còn thì về nguyên tắc phải đình chỉ, còn việc có căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội nặng hơn thuộc trường hợp kháng nghị của VKS nhưng VKS không thực hiện quyền này nên HĐXXPT không ra quyết định hủy bản án STHS để điều tra lại về tội nặng hơn.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo tòa án cấp phúc thẩm có hủy bản án STHS khi VKS đề nghị hủy bản án sơ thẩm để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn hay không? Trong thực tiễn đối với trường hợp này chưa có văn bản hướng dẫn thi hành.

Thứ năm, một số bất cập của quy định pháp luật tại Điều 358, Điều 345, Điều 330, Điều 357, Điều 391, Điều 392… của BLTTHS năm 2015 dẫn đến hạn chế, vướng mắc trong hủy bản án sơ thẩm hình. Chẳng hạn, tại điểm d khoản 2 Điều 358 LTTHS năm 2015 còn qui định trường hợp: "Áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ" là căn cứ để HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm là không hợp lý; Điều 345 quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, song hiện còn hạn chế quyền của bị cáo, người bào chữa và kiểm sát viên khi đưa ra yêu cầu, chứng cứ mới. Thực tiễn cho thấy nhiều vụ án bị hủy do Tòa án cấp phúc thẩm không được xem xét đầy đủ chứng cứ mới phát sinh; Sự trùng lặp giữa căn cứ sửa bản án sơ thẩm về *"áp dụng điều, khoản của Bộ luật Hình sự về tội nặng hơn"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015 và căn cứ hủy bản án sơ thẩm để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm" quy đinh tại điểm a khoản 1 Điều 358 BLTTHS năm 2015… Một số quy định còn chưa rõ ràng dẫn đến tình trạng áp dụng tùy nghi giữa các cấp Tòa án, trong khi có một số quy định còn chồng chéo, thiếu tính thống nhất.

3.2.2.2. Những vi phạm, sai lầm trong hủy bản án sơ thẩm hình sự tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ

Bên cạnh những kết quả trong việc áp dụng pháp luật về hủy bản án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam bộ thì vẫn còn những vi phạm, sai lầm liên quan đến áp dụng pháp luật cần được hoàn thiện:

Thứ nhất, những vi phạm, sai lầm trong hoạt động TTHS tại cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm

Trong quá trình xét xử ở giai đoạn phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm có một số vi phạm, sai lầm. Trước hết, ở cấp phúc thẩm, nhiều sai sót thường xuất phát từ việc thẩm tra, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, dẫn tới quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm khi bản án đó còn nhiều dấu hiệu vi phạm thủ tục hoặc thiếu căn cứ pháp lý. Ở một số vụ án tại các địa phương vùng Tây Nam Bộ, có trường hợp hội đồng xét xử phúc thẩm chưa kịp thời bổ sung chứng cứ mới do luật sư, bị cáo, bị hại cung cấp, dẫn đến việc bản án phúc thẩm không thực sự phản ánh khách quan bản chất sự việc. Thêm vào đó, có khi việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm bị rút gọn quá mức, nặng về hình thức, chưa bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo và quyền được bảo vệ lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng. Bên cạnh đó, có những sai lầm thuộc về việc áp dụng pháp luật, chẳng hạn định tội danh chưa chuẩn xác, áp dụng khung hình phạt chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi, hoặc bỏ sót tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong một số vụ án STHS được Tòa án phúc thẩm thực hiện thủ tục hủy bản án còn sai sót dẫn đến những kháng nghị của VKS… Điều này thể hiện: Có những tội danh mà cơ quan tiến hành tố tụng cấp phúc thẩm xác định không đúng thường là: Cố ý gây thương tích; cưỡng đoạt tài sản; tàng trữ trái phép chất ma túy; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức… Bởi thực tế, hành vi khách quan mà các bị cáo thực hiện có dấu hiệu của tội danh nặng hơn như: Giết người; cướp tài sản; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tham ô tài sản; giả mạo trong công tác… Trong một số vụ án bị hủy bản án STHS, bị cáo thường thực hiện nhiều hành vi khách quan, xâm phạm nhiều khách thể khác nhau, nhưng cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm, phúc thẩm đã đánh giá không đúng, thiếu toàn diện đối với tính chất của các hành vi khách quan, hoặc chỉ chú trọng đến hành vi gây ra hậu quả nên bỏ sót hành vi khách quan có dấu hiệu của một tội phạm khác.

Một số trường hợp việc xác định tình tiết định khung hình phạt chưa chuẩn xác, thể hiện hành vi phạm tội của bị cáo phải bị truy cứu TNHS ở khung hình phạt nặng hơn, nhưng do cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm, phúc thẩm đánh giá không chính xác, thiếu toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án hoặc có vi phạm trong hoạt động tố tụng, dẫn đến xác định không đúng tuổi, đặc điểm nhân thân của bị cáo; định giá tài sản hoặc kết luận về tỉ lệ thương tật không đúng; đánh giá không đúng tính chất của hành vi phạm tội; thiếu sót trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ, dẫn đến

đánh giá các tỉnh tiết khách quan không chính xác, không đảm bảo toàn diện, nên đã kết án các bị cáo ở khung hình phạt nhẹ hơn, khiến việc giải quyết vụ án không triệt để, không đúng quy định của pháp luật, quyết định của Tòa án về mức độ TNHS và trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo không tương xứng với tính chất của hành vi phạm tội, không phản ánh toàn bộ bản chất của vụ án.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của VKS các cấp vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như: Một số vi phạm của Tòa án chưa được VKS phát hiện để thực hiện quyền kháng nghị; Một số bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm nhưng VKS chậm xem xét, quyết định nên thời hạn kháng nghị đã hết; Số lượng kháng nghị của VKS còn chiếm tỉ lệ thấp so với số bản án, quyết định bị sửa, hủy. Chất lượng kháng nghị của một số VKS chưa đạt yêu cầu, dẫn đến không ít trường hợp VKS phải rút kháng nghị hoặc Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của VKS. Một số kháng nghị chưa phân tích rõ vi phạm của bản án sơ thẩm, một số kháng nghị, phần quyết định không phù hợp với phần phân tích, nhận định hoặc kháng nghị chỉ đề cập đến vi phạm của bản án một cách chung chung, không thuyết phục…

Ở cấp giám đốc thẩm, vốn là thủ tục nhằm xem xét lại những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị phát hiện có vi phạm nghiêm trọng, những sai lầm lại thường liên quan đến việc đánh giá tính chất của vi phạm. Thực tiễn miền Tây Nam Bộ cho thấy, có khi hội đồng giám đốc thẩm xác định chưa thật rõ ràng ranh giới giữa vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng với vi phạm không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, dẫn đến việc hủy án hoặc giữ nguyên bản án đều thiếu thuyết phục. Một số trường hợp còn cho thấy sự chậm trễ trong khâu phát hiện và xử lý, khi bản án có dấu hiệu oan sai nhưng phải mất nhiều năm mới được đưa ra xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của nhân dân vào công lý. Ngoài ra, một số quyết định giám đốc thẩm ở khu vực này chưa được giải thích đầy đủ, thiếu lập luận chặt chẽ, khiến dư luận khó đồng thuận và dễ nảy sinh khiếu nại tiếp diễn.

Đối với thủ tục tái thẩm, sai lầm phổ biến nhất là việc đánh giá chứng cứ mới chưa khách quan, dẫn đến bỏ qua cơ hội làm sáng tỏ sự thật khách quan. Chẳng hạn, có vụ án tại một tỉnh miền Tây Nam Bộ, sau khi có kết luận giám định mới mâu thuẫn với chứng cứ cũ, nhưng hội đồng tái thẩm lại cho rằng chứng cứ này không mang tính quyết định, từ đó bác đơn đề nghị tái thẩm, làm hạn chế quyền tiếp cận công lý của người bị kết án. Một số trường hợp khác, khi chấp nhận tái thẩm, hội đồng xét xử

lại chưa làm rõ đầy đủ căn cứ pháp lý để hủy bản án, dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết lại vụ án ở cấp dưới.

Thứ hai, chất lượng xét xử của Tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm còn một số hạn chế

Thực trạng cho thấy, ngoài những bản án bị Tòa án tuyên hủy là có căn cứ, đúng pháp luật, vẫn còn một số bản án Tòa án tuyên hủy không có căn cứ, cụ thể: Một số trường hợp có đủ căn cứ kết tội bị cáo nhưng do nhận thức và áp dụng pháp luật không đúng dẫn đến Tòa án nhận định, đánh giá không toàn diện, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ khách quan của vụ án từ đó tuyên bị cáo không phạm tội, VKS đã kháng nghị và Tòa án các cấp đã xử lại tuyên bị cáo có tội hoặc hủy án để xét xử lại. Một số vụ án khi giải quyết mặc dù cấp sơ thẩm có vi phạm, thiếu sót nhất định, nhưng về cơ bản việc điều tra thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm đã đầy đủ và những vi phạm, thiếu sót này có thể khắc phục bởi quyền sửa án của HĐXXPT. Tuy nhiên, HĐXXPT không sửa bản án mà lại hủy bản án để cấp sơ thẩm xét xử lại, làm kéo dài thời gian giải quyết đối với vụ án, gây khó khăn cho địa phương; hay đối với những vụ án xảy ra đã lâu, hiện trường, các dấu vết, chứng cứ để lại trên thực tế đã không còn tồn tại vào thời điểm xét xử phúc thẩm, nên việc hủy bản án để điều tra xác định lại hiện trường, thu thập các dấu vết, chứng cứ này là hoàn toàn không thể thực hiện được trên thực tế nhưng cấp phúc thẩm vẫn quyết định hủy bản án yêu cầu điều tra thực hiện các vấn đề trên là hoàn toàn không phù hợp.

Như vậy, chất lượng xét xử của các phiên phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ thời gian qua tuy đã có những chuyển biến tích cực, song vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế bắt nguồn từ chính năng lực, trình độ chuyên môn và những điều kiện hoạt động còn bất cập của tòa án trong khu vực. *Ở cấp phúc thẩm,* không ít vụ án cho thấy hội đồng xét xử chưa thật sự làm rõ toàn diện các tình tiết, chứng cứ mới được đưa ra, dẫn đến việc quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm dù vẫn tồn tại dấu hiệu vi phạm tố tụng hoặc sai sót trong việc áp dụng pháp luật. Nguyên nhân quan trọng xuất phát từ việc một số thẩm phán, kiểm sát viên còn hạn chế về kỹ năng phân tích chứng cứ, chưa quen với việc xử lý những tình huống pháp lý phức tạp, đặc biệt trong các vụ án có yếu tố mới phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm. *Ở thủ tục giám đốc thẩm,* vốn đòi hỏi sự nghiên cứu sâu, độc lập và bản lĩnh nghề nghiệp cao, thực tiễn miền Tây Nam Bộ cho thấy không ít trường hợp hội đồng giám đốc thẩm đánh giá chưa thật chuẩn xác mức độ nghiêm trọng của vi phạm, có khi nặng tay trong việc hủy án, nhưng cũng có lúc lại quá thận trọng, dẫn đến giữ nguyên bản án

đã có hiệu lực dù còn dấu hiệu oan sai. Điều này phản ánh sự chưa đồng đều về năng lực giữa các thẩm phán cấp cao trong khu vực, đồng thời cũng cho thấy áp lực tâm lý khi phải xem xét lại một bản án vốn được coi là "chung thẩm", từ đó dễ dẫn tới sự dè dặt, thiếu quyết đoán. *Đối với thủ tục tái thẩm,* hạn chế rõ nhất chính là việc đánh giá chứng cứ mới còn thiếu thuyết phục, nhiều khi thẩm phán không đủ bản lĩnh để công nhận chứng cứ mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án, dẫn tới bác đơn đề nghị tái thẩm trong khi vụ việc thực tế còn nhiều điểm chưa sáng tỏ.

Thêm vào đó, cơ sở vật chất, điều kiện nghiên cứu hồ sơ và khối lượng án lớn cũng làm giảm chất lượng xét xử, khi thời gian dành cho mỗi hồ sơ không đủ để nghiên cứu chuyên sâu, nhất là với những vụ án phức tạp liên quan đến nhiều người, nhiều tội danh. Bên cạnh năng lực cá nhân của thẩm phán, việc thiếu cơ chế giám sát, đánh giá thường xuyên cũng khiến một số sai sót lặp lại mà không được rút kinh nghiệm kịp thời.

Thứ ba, công tác tổng kết thực tiễn chưa được chú trọng. Các vụ án STHS được Tòa án phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm tuyên hủy để điều tra lại hoặc xét xử lại chưa được tổng kết, phân tích để rút ra những vấn đề cần khắc phục từ công tác nghiệp vụ đến công tác quản lý, chỉ đạo; việc triển khai thực hiện chuyên đề nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm của một số Toà án, VKS, CQĐT kém hiệu quả. Những vi phạm, thiếu sót trong hoạt động tố tụng đã được thông báo rút kinh nghiệm nhiều lần, tuy nhiên những vi phạm thiếu sót này vẫn tiếp tục lặp lại ở một số địa phương tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ dẫn đến những hạn chế, sai lầm trong thực hiện thủ tục hủy bản án STHS.

3.2.2.3. Nguyên nhân của những sai lầm, hạn chế

Các vi phạm, sai lầm trong thực hiện hủy bản án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam bộ xuất phát từ các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, vấn đề nhận thức của các chủ thể về thực hiện thủ tục hủy bản án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam bộ chưa cao. Trong nội bộ các cơ quan hoạt động tư pháp tại các tỉnh miền Tây Nam bộ, việc huỷ bản án STHS được nhìn nhận một cách khá nặng nề ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động tố tụng liên quan đến vấn đề này. Ví dụ: Theo quy định của TAND tối cao, các Thẩm phán có án bị huỷ đến một tỷ lệ nhất định do lỗi chủ quan thì bị tạm đình chỉ xét xử hoặc xem xét không bổ nhiệm lại… đã tác động không nhỏ đến kết quả xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm do Thẩm phán *"sợ án bị huỷ"*...

Thứ hai, năng lực của các chủ thể tham gia vào quá trình tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm

Trình độ nhận thức và kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ điều tra viên, Kiểm sát viên và thẩm phán ảnh hưởng rất lớn đến kết quả giải quyết hồ sơ vụ án. Một số Kiểm sát viên trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên toà thường quá chú trọng chức năng thực hành quyền công tố như xác định tội danh, bảo vệ Cáo trạng và quan điểm truy tố, mà xem nhẹ chức năng kiểm sát xét xử dẫn tới có nhiều trường hợp có vi phạm tại phiên toà (như thời hạn tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần HĐXX khi có người chưa thành niên phạm tội…) nhưng không phát hiện ra, để kịp thời yêu cầu HĐXX khắc phục, hoãn phiên toà hoặc có kháng nghị phúc thẩm nếu vụ án đã được xét xử.

Đối với Thẩm phán, kỹ năng điều khiển phiên tòa còn hạn chế. Một số Thẩm phán không chịu tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp và kỹ năng xét xử, tự thỏa mãn với trình độ, bằng cấp hiện có nên còn nhiều lúng túng, bị động khi phải xử lý tình huống thực tiễn xét xử tại phiên tòa hoặc ra quyết định trái với quy định pháp luật và vi phạm nghiêm trọng trình tự tố tụng. Vẫn còn những Thẩm phán thiếu bản lĩnh chính trị, thiếu ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống nên đã có các hành vi vi phạm trong thực hiện công vụ, thậm chí vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự.

Thực trạng hiện nay trình độ, năng lực, cái tầm và cái tâm của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư vẫn chưa đồng đều, chưa làm hết trách nhiệm được giao. Cơ chế tiền lương và các chế độ đãi ngộ còn quá thấp so với nhiệm vụ được giao, số lượng án mà Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết hàng năm ngày càng quá tải, vì vậy Nhà nước cần phải tính đến lộ trình cải cách tiền lương cho công việc đặc thù, tổ chức nhiều hơn nữa việc tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng.

Thứ ba, việc phối hợp liên ngành trong TTHS đối với các vụ án được xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm còn hạn chế. Qua nghiên cứu các vụ án mà Tòa án các tỉnh miền Tây Nam Bộ bị tuyên hủy cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện tốt công tác phối hợp liên ngành để giải quyết án hình sự, nhất là các vụ án có khả năng bị huỷ, tránh trường hợp kéo dài việc giải quyết không cần thiết. Tuy nhiên, cũng không ít các vụ án, hoạt động phối hợp này đã không được thực hiện tố, nhất là Toà án không phát hiện vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thiếu chứng cứ quan trọng… để yêu cầu CQĐT, VKS khắc phục kịp thời trước khi mở phiên toà sơ

thẩm; VKS không chấp nhận quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ hoặc bỏ lọt tội phạm, truy tố oan người không phạm tội…

Thứ tư, hiệu quả của hoạt động hủy án phụ thuộc không chỉ vào năng lực chuyên môn của cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn chịu tác động lớn từ trình độ hiểu biết và ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ, cũng như của người dân tham gia tố tụng. Do đó, những hạn chế trong việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật là nguyên nhân làm giảm hiệu quả thực hiện hủy bản án sơ thẩm hình sự. Việc thiếu hiểu biết pháp luật, nhận thức không đầy đủ về trình tự, thủ tục tố tụng và quyền hạn của các chủ thể là một trong những nguyên nhân phổ biến dẫn đến các sai sót trong xét xử sơ thẩm, khiến bản án bị hủy. Khi cán bộ điều tra, kiểm sát viên, thẩm phán chưa nắm vững quy định hoặc vận dụng pháp luật không thống nhất, không đúng căn cứ pháp lý, bản án sơ thẩm dễ mắc sai lầm cả về nội dung và thủ tục. Bên cạnh đó, ý thức pháp luật thấp của người dân và các bên tham gia tố tụng cũng là nguyên nhân khiến việc thực hiện hủy bản án sơ thẩm chưa đạt hiệu quả mong muốn. Nhiều bị cáo, bị hại, hoặc đương sự không hiểu rõ quyền khiếu nại, kháng cáo, không biết cách thu thập, cung cấp chứng cứ hoặc bảo vệ quyền lợi của mình trong quá trình tố tụng. Khi vụ án được đưa ra xét xử phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm, những thiếu sót này khiến cho việc xem xét lại bản án gặp khó khăn, dẫn đến tình trạng hủy án nhưng việc điều tra, xét xử lại vẫn không triệt để khắc phục sai lầm ban đầu. Ngoài ra, sự thiếu hiểu biết về ý nghĩa, bản chất của việc hủy bản án sơ thẩm cũng làm giảm hiệu quả thực hiện biện pháp này. Một bộ phận người dân, thậm chí một số cán bộ, còn cho rằng hủy án là biểu hiện của sai phạm, tiêu cực hoặc thất bại của cơ quan xét xử. Quan điểm sai lầm đó khiến cho các cơ quan ngại hủy án khi cần thiết, hoặc thực hiện hủy án một cách hình thức, thiếu quyết liệt.

Kết luận Chương 3

Từ thực trạng bản án bị hủy để điều tra lại, xét xử lại hoặc đình chỉ vụ án như trên cho thấy còn rất nhiều vi phạm nghiêm trọng trong các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ cũng như việc tuân thủ pháp luật của các CQĐT, VKS, Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử án hình sự. Có thể khái quát những vi phạm nghiêm trọng ở ba nhóm chính: Một là, vi phạm nghiêm trọng các qui định của BLTTHS gồm: Vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án; Vi phạm trong việc hỏi cung, lấy lời khai, đối chất, nhận dạng; Vi phạm tố tụng trong việc khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, khám xét, thực nghiệm điều tra, giám định; Việc điều tra, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để làm căn cứ kết luận hành vi phạm tội, người phạm

tội và các tỉnh tiết khách quan của vụ án; Vi phạm về giới hạn xét xử, việc xét hỏi, tranh luận, nghị án, ghi biên bản phiên tòa và phạm vi xét xử; Xác định sai tư cách người tham gia tố tụng hoặc không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng vào quá trình giải quyết vụ án. Hai là, vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng các quy định của BLHS gồm: Truy tố, xét xử không đúng tội danh; Bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; Xác định sai khung hình phạt, áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, cho hưởng án treo, quyết định hình phạt, áp dụng biện pháp tư pháp không đúng và xác định không đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Ba là, vi phạm nghiêm trọng qui định của các văn bản pháp luật khác có liên quan như Bộ luật dân sự, Luật xử phạt vi phạm hành chính…

Nguyên nhân để xảy ra tình trạng trên gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. *Nguyên nhân khách quan* là do số lượng án hình sự ngày càng tăng trong khi lực lượng cán bộ của các cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu so với yêu cầu. Bên cạnh đó, tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp gây khó khăn cho việc chứng minh tội phạm. Một số vụ án thu thập chứng cứ khó khăn do không có nhân chứng, dấu vết trên hiện trường bị xáo trộn, không còn nguyên vẹn, nhân chứng không hợp tác. Quy định của pháp luật hình sự và TTHS còn nhiều vấn đề bất cập, chưa cụ thể, không rõ ràng nhưng chưa được sửa đôi, bô sung kịp thời; công tác hướng dẫn, giải thích pháp luật của cơ quan có thẩm quyền chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ, dẫn đến việc áp dụng pháp luật thiếu thống nhất, làm cho việc giải quyết nhiều vụ án gặp khó khăn và trong một số trường hợp có sai sót. Quy định pháp luật về giám định chưa hoàn thiện về quy chuẩn, thời hạn thực hiện giám định, nhất là giám định chuyên ngành như xây dựng, tài chính, ngân hàng, văn hóa, giao thông, an toàn kỹ thuật phương tiện, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật của cơ quan tư pháp nhiều nơi còn chưa đáp ứng yêu cầu. *Nguyên nhân chủ quan* xuất phát từ nội tại của cơ quan tiến hành tố tụng: CQĐT, VKS, Tòa án còn có nhiều hạn chế, cần có biện pháp khắc phục, để đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn phòng, chống tội phạm cũng như yêu cầu của tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

Chương 4
YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VÀ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN CÁC TỈNH MIỀN TÂY NAM BỘ

4.1. Yêu cầu đối với hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Để bảo đảm hủy đúng bản án STHS cần phải đáp ứng rất nhiều yêu cầu, tuy nhiên nghiên cứu sinh tập trung phân tích một số yêu cầu sau:

4.1.1. Yêu cầu của cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay trong thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Sau gần 20 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Bộ Chính trị đã chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết, ban hành Kết luận số 84-KL/TW để xác định những nhiệm vụ tiếp tục cải cách tư pháp. Trên tinh thần đó, Nghị quyết số 27-NQ-TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới đã đề ra mục tiêu đến năm 2030 *"Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân"*. Đây là chủ trương của Đảng trong tình hình mới cần phải được nghiên cứu, tìm ra giải pháp đột phá để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện quyền tư pháp.

Thứ nhất, xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Áp dụng hiệu quả thủ tục tố tụng tư pháp rút gọn; kết hợp các phương thức phi tố tụng tư pháp với các phương thức tố tụng tư pháp. Đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại tòa án. Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật về khởi kiện vụ án dân sự trong trường hợp chủ thể các quyền dân sự là nhóm dễ bị tổn thương hoặc trường hợp liên quan đến lợi ích công nhưng không có người đứng ra khởi kiện. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền XHCN, trong đó, TAND thực hiện quyền tư pháp. Đồng thời bổ sung nội dung của nguyên tắc độc lập xét xử: *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm*

cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm" [87]. BLTTHS năm 2015 cũng đã bổ sung các quy định nhằm tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tố tụng trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tăng tính độc lập, khách quan cũng như tính liêm chính, minh bạch trong hoạt động tố tụng, đổi mới mô hình tố tụng kết hợp thẩm vấn với tranh tụng và cụ thể hóa các nội dung của nguyên tắc tranh tụng. Tòa án được quy định có quyền độc lập hơn thể hiện ở việc có quyền yêu cầu điều tra viên, Kiểm sát viên trình bày về các vấn đề có liên quan đến VAHS tại phiên tòa; xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; ra phán quyết về vụ án trên cơ sở kết quả tranh tụng trong quá trình xét xử vụ án. Tòa án còn có nhiệm vụ phát hiện và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cơ quan có thẩm quyền phải trả lời Toà án về việc xử lý văn bản pháp luật bị kiến nghị làm cơ sở để Toà án giải quyết vụ án.

Xây dựng nền tư pháp văn minh, tiến bộ, trong đó tòa án đóng vai trò trung tâm là nội dung quan trọng để không ngừng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN. Mỗi bản án phải thực sự "tâm phục, khẩu phục", khuất phục được tội phạm, thuyết phục được các bên, được công chúng đồng thuận, tạo ra được các chuẩn mực pháp lý, chuẩn mực đạo đức, có tác dụng giáo dục pháp luật và định hướng hoạt động của xã hội. Chính vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm của các Tòa án là nâng cao chất lượng xét xử; không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; hạn chế thấp nhất các bản án bị huỷ, bị sửa do lỗi chủ quan.

Trên cơ sở các quy định của các bộ luật, luật, pháp lệnh, các cơ quan tư pháp đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; kịp thời đấu tranh phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi vi ph ạm pháp luật và tội phạm; tích cực giải quyết các vụ án dân sự, hành chính và thi hành án, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Tuy nhiên, hoạt động của các cơ quan tư pháp vẫn còn nhiều hạn chế, như còn để xảy ra tình trạng oan sai trong điều tra, truy tố, xét xử, vẫn còn bỏ lọt tội phạm, người phạm tội. Do đó, để tạo chuyển biến căn bản trong cải cách tư pháp, đã đến lúc cần nghiên cứu tìm giải pháp đột phá về vấn đề này, đó là tiến hành cải cách ở khâu then chốt nhất, là nâng cao chất lượng hoạt động xét xử vì xét đến cùng, Toà án là nơi kiểm tra, giám sát toàn bộ các khâu

của quá trình tiến hành tố tụng và quyết định kết quả hoạt động của cả hệ thống tư pháp.

Thứ hai, nâng cao chất lượng kháng nghị và xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Về tăng cường công tác kiểm tra, giám đốc xét xử; tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác giải quyết đơn đề nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, công tác kiểm tra, giám đốc việc xét xử, luôn được lãnh đạo TAND quan tâm, tiến hành thường xuyên. Chú trọng nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ việc ngay từ cấp sơ thẩm, phúc thẩm để hạn chế nguyên nhân phát sinh đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; tăng cường công tác hòa giải, đối thoại; đề cao trách nhiệm của các Toà án trong việc phát hiện và kiến nghị các sai lầm nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án; làm tốt công tác hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, trao đổi nghiệp vụ; rút kinh nghiệm công tác xét xử; sửa đổi, bổ sung quy trình xử lý đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định; kiện toàn đội ngũ cán bộ cho bộ phận hành chính tư pháp tại TAND và các TAND cấp tỉnh, TAND khu vực…

Trong số các nội dung cải cách tư pháp liên quan đến Tòa án thì nâng cao chất lượng kháng nghị và xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm được đặc biệt nhấn mạnh khi mà chất lượng của hoạt động xét xử được bảo đảm ở ngay cả hoạt động xét xử đã diễn ra. Đây cũng là nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hệ thống Tòa án đã đề ra trong Chiến lược cải cách tư pháp. Bản án quyết định của Tòa án là văn bản kết thúc quá trình xét xử một vụ án. Do vậy, có thể nói bản án chính là tuyên ngôn công lý mà Tòa án thay mặt Nhà nước ban hành. Hơn nữa, bản án đúng đắn sẽ mang lại sự công bằng trong xã hội, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ công lý và bảo vệ quyền con người. Chính vì lẽ đó mà chất lượng bản án của Tòa án cần được bảo đảm. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân là những người ban hành bản án nhân danh Nước cộng hòa XHCN Việt Nam nên đòi hỏi ở họ bản lĩnh vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, lương tâm nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức trong sáng để độc lập xét xử theo pháp luật.

Có thể nói, xét xử phúc thẩm góp phần sửa chữa những sai lầm, thiếu sót trong việc giải quyết VAHS của Tòa án cấp sơ thẩm, qua đó bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Mặt khác, thông qua việc thực hiện công tác giám đốc xét xử, phát hiện và sửa chữa sai lầm của Tòa án cấp dưới, Tòa án cấp phúc thẩm có thể hướng dẫn Tòa án cấp dưới giải thích và vận dụng đúng pháp luật, và vì vậy, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng xét xử và bảo đảm áp dụng pháp luật TTHS được đúng đắn, thống nhất.

Việc pháp luật TTHS hiện hành quy định về giám đốc thẩm sẽ góp phần đáp ứng những đòi hỏi của nhà nước pháp quyền khi là một trong những cơ chế để đảm bảo việc kiểm tra, giám sát pháp luật, qua đó đảm bảo cho hoạt động xét xử được hợp pháp và hợp hiến. Bên cạnh đó, thủ tục giám đốc còn góp phần đảm bảo công bằng xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào hoạt động xét xử của Tòa án cũng như đảm bảo uy tín của các cơ quan tư pháp.

Thứ ba, việc hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng hình sự về hủy bản án sơ thẩm hình sự và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật cần đáp ứng yêu cầu thực tiễn cải cách tổ chức Tòa án tại Việt Nam. Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân sửa đổi số 81/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV, có hiệu lực từ ngày 1/7/2025, hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân đã được tinh gọn: loại bỏ cả Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân cấp cao, thay thế bằng mô hình gồm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh (TP trực thuộc TW), và Tòa án nhân dân khu vực. Sự thay đổi này ảnh hưởng không nhỏ đến việc hủy bản án sơ thẩm hình sự: *Đầu tiên là* việc tập trung thẩm quyền xét xử án sơ thẩm hình sự lên cấp tỉnh/khu vực. Nếu như trước đây, các vụ án hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, có khung hình phạt đến 15 năm thường được xét xử tại TAND cấp huyện, gần dân. Hiện nay, hệ thống mới yêu cầu TAND cấp tỉnh hoặc TAND khu vực (các huyện gộp vào một khu vực) chịu trách nhiệm xét xử. Ưu điểm của thay đổi này là thẩm phán cấp tỉnh/khu vực thường có trình độ chuyên môn cao hơn, năng lực chuyên sâu, có thể nâng cao chất lượng bản án. Nhưng nhược điểm là áp lực án dồn lên cấp tỉnh/khu vực sẽ tăng mạnh. Số lượng và độ phức tạp của án nhiều hơn có thể dẫn đến phải xử nhanh, đúng thời hạn nên dễ dẫn đến sai sót trong đánh giá chứng cứ hoặc áp dụng pháp luật không đúng từ đó làm tăng nguy cơ hủy bản án sơ thẩm. *Hai là,* thay đổi cơ chế xét xử phúc thẩm và giám đốc thẩm: nếu trước đây Tòa án nhân dân cấp cao (ví dụ như tại TP HCM) là nơi xét xử phản ánh bản án sơ thẩm từ tỉnh thông qua xét xử phúc thẩm và giám đốc thẩm, sau cải cách TAND tối cao hoặc TAND cấp tỉnh sẽ đảm nhận nhiệm vụ này, đặc biệt là phúc thẩm và giám đốc thẩm. Điều này có lợi thế là TAND tối cao và tỉnh có đội ngũ thẩm phán có năng lực cao, giúp đảm bảo pháp lý thống nhất và chuẩn mực. Nhưng cũng có hạn chế là khối lượng án có thể quá tải. Việc xét xử kéo dài, chậm tiến độ, làm chậm quá trình sửa sai bản án sơ thẩm. Ngoài ra, sự thiếu cấp trung gian (TAND cấp cao) giảm cơ hội phát hiện và sửa sai sớm, có thể dẫn đến việc hủy án chậm hoặc quá thời hạn Giám đốc thẩm. *Ba là,* với những thay đổi này sẽ là tăng áp lực lên Tòa án cấp tỉnh và TAND tối cao. Việc tinh gọn hệ thống, toàn lực

lượng nhân sự, cơ sở vật chất, thủ tục tố tụng chuyển lên cấp tỉnh và tối cao. Nếu nguồn lực không được tăng tương ứng (thẩm phán, thư ký, hỗ trợ pháp lý, cơ sở vật chất), chất lượng xét xử sơ thẩm sẽ suy giảm. Điều này sẽ làm tăng tỷ lệ hủy án do sai sót thủ tục, chứng cứ, áp dụng luật.

Như vậy, cần thấy rõ việc hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả thực hiện pháp luật về hủy bản án STHS phải đáp ứng yêu cầu cải cách tổ chức tòa án từ 01/07/2025, với việc loại bỏ TAND cấp huyện và cấp cao sẽ mang lại cả lợi ích (tập trung chuyên môn cao, chuẩn hóa, nâng cao chất lượng xét xử), nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức như: Áp lực quá tải, tăng nguy cơ sai sót, phát hiện chậm, từ đó dễ gây tăng tỷ lệ hủy bản án sơ thẩm hình sự, đặc biệt trong trường hợp thủ tục, chứng cứ, hoặc lỗi kỹ thuật được phát hiện muộn.

4.1.2. Yêu cầu về bảo đảm quyền con người trong hủy bản án sơ thẩm hình sự theo Hiến pháp 2013

Mọi người đều bình đẳng về quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một toà án độc lập và khách quan để xác định các quyền và nghĩa vụ của họ, cũng như bất cứ buộc tội nào đối với họ. Bởi vậy bảo đảm nguyên tắc xét xử công khai, kịp thời, công bằng là bảo đảm quyền con người.

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 quy định: *"Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một Tòa án có thẩm quyền độc lập… được xét xử mà không bị trì hoãn một cách vô lý"* [8]. Quyền tư pháp là một trong ba nhánh quyền lực. Xét xử trở thành một chức năng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, một hoạt động quyền lực nhà nước đặc thù. Hoạt động xét xử của Tòa án được tiến hành bằng thủ tục công khai, minh bạch, thuận tiện và dân chủ. Bản thân thủ tục tư pháp là một thủ tục dân chủ để mọi người dân có thể bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Các bên đều có thể biết về các thủ tục đó. Tòa án là cơ quan xét xử duy nhất của Nhà nước – là nơi biểu hiện tập trung của quyền tư pháp, nơi mà các kết quả hoạt động điều tra, truy tố, bào chữa, giám định – được xét xử một cách công khai dựa trên pháp luật và theo những thủ tục tố tụng chặt chẽ, nhằm đưa ra phán quyết mang tính quyền lực nhà nước. Thông qua hoạt động xét xử, bằng các quyết định, bản án nghiêm minh, công bằng, Tòa án tác động đến việc xác lập các chuẩn mực mới trong quan hệ xã hội, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân trong hoạt động tư pháp, tạo dựng niềm tin vào nền công lý, vào bộ máy nhà nước.

Một phiên tòa công bằng là yếu tố thiết yếu để bảo đảm các quyền cơ bản của con người như quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân

phẩm… Người bị buộc tội phải được xét xử bởi một phiên tòa mà ở đó họ được thực hiện các quyền của mình mà Hiến pháp và pháp luật quy định như được thông báo về phiên tòa, được biết mình bị xét xử về tội gì, được bào chữa hay nhờ người bào chữa, được tranh luận tại phiên tòa, đưa ra các chứng cứ và yêu cầu…

Các giai đoạn xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm đều mang tính công khai (trừ trường hợp pháp luật quy định xét xử kín). Mặc dù phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm thì mức độ công khai có hạn chế hơn do số chủ thể tham gia phiên tòa có giới hạn so với XXST và phúc thẩm. Không những thế, các quyết định giám đốc thẩm đều được công bố công khai dưới nhiều hình thức theo Luật Tổ chức TAND nên có ý kiến cho rằng việc xét xử công khai chỉ có ở cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là không hợp lý.

Có thể thấy xét xử công khai nhằm đảm bảo cơ chế kiểm tra và giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử. Sự kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước nói chung và hoạt động xét xử nói riêng, là đòi hỏi cấp bách của một xã hội dân chủ. Việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai, mọi công dân từ đủ 16 tuổi trở lên đều có thể tham dự và Tòa án phải công bố tất cả các quyết định được thông qua trong quá trình xét xử của vụ án. Tòa án xét xử công khai ở trụ sở tòa án nhưng trong một số trường hợp cần phát huy mạnh mẽ tác dụng giáo dục và phòng ngừa của công tác xét xử, thi Tòa án có thể tiến hành các phiên tòa xét xử lưu động tại nơi xảy ra tội phạm. Sau khi xét xử cần phải tuyên án công khai và bản án đó Tòa án có thể công bố trên báo chí, đài phát thanh hoặc bằng các phương tiện thông tin đại chúng khác để mọi người được biết.

4.1.3. Yêu cầu phòng, chống tội phạm và phòng, chống oan sai trong thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao để phạm tội diễn biến rất phức tạp. Đặc biệt, tội phạm lừa đảo, cưỡng đoạt tài sản, tín dụng đen và tổ chức đánh bạc, tội phạm ma túy. Trong những năm qua, trước những diễn biến nhanh, xuất hiện nhiều yếu tố phức tạp của tình hình thế giới và khu vực đặt ra nhiều khó khăn, thách thức mới, Chính phủ đã quán triệt, triển khai có hiệu quả các nội dung chỉ đạo của Trung ương Đảng và Quốc hội và triển khai toàn diện các biện pháp phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật đạt được kết quả tích cực. Cơ bản những nhiệm vụ, chỉ tiêu Quốc hội giao trong Nghị quyết số 96/2019/QH14 được thực hiện tốt, một số nội dung vượt chỉ tiêu, các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng được khẩn trương điều tra làm rõ; công tác phát hiện, điều tra án kinh tế, tham nhũng

tiếp tục đạt được kết quả quan trọng, có dấu ấn lan tỏa, cảnh tỉnh, răn đe; các phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm, nhất là liên quan đến không gian mạng đã được nhận diện và từng bước phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả; ngăn chặn ma túy từ sớm, từ xa đạt kết quả bước đầu. Chất lượng công tác điều tra từng bước được nâng cao, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp phòng ngừa và điều tra khám phá tội phạm; sai phạm, tiêu cực trong hoạt động điều tra được chấn chỉnh, xử lý nghiêm minh. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được tăng cường trên cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi trạng thái các mặt công tác từ "truyền thống" sang ứng dụng công nghệ khoa học hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị xã hội. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật được đẩy mạnh thực hiện theo chiều sâu, đạt nhiều kết quả quan trọng…

Bên cạnh đó, các cơ quan tư pháp trong những năm qua đã có nhiều cố gắng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, khắc phục tình trạng bỏ lọt tội phạm, đồng thời đáp ứng yêu cầu không làm oan người vô tội. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là vẫn còn xảy ra một số vụ án oan, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan tư pháp.

Xét xử là giai đoạn TTHS trung tâm và quan trọng để tăng cường pháp chế, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong toàn bộ hoạt động tư pháp hình sự của Nhà nước. Cùng với các giai đoạn TTHS khác, xét xử góp phần có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong toàn xã hội. Suy cho cùng, mục đích tồn tại của TTHS chính là vấn đề phát hiện tội phạm và xử lý tội phạm. Bộ máy các cơ quan tiến hành tố tụng, các thủ tục tố tụng được bố trí sắp xếp, kiện toàn cũng là để thực hiện tốt mục tiêu này. Việc xét xử đúng người, đúng tội, một mặt là không để lọt tội phạm, mặt khác là chống oan, sai trong TTHS.

Quốc hội đã có các chương trình giám sát hoạt động tư pháp. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động TTHS. Việc làm oan người vô tội luôn luôn là hệ quả của hành vi trái (sai) pháp luật, là hệ quả của chất lượng các hoạt động giải quyết VAHS của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa tốt. Qua các vụ án oan, sai một đặc điểm chung rất dễ nhận thấy là luôn có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; kết luận về vụ án luôn là kết quả của sự truy xét, áp đặt ý chí chủ quan của người tiến hành tố tụng và có dấu hiệu mớm cung, bức cung.

Phòng, chống oan sai là một chủ trương quan trọng, nhất quán của Đảng ta đặt ra cho công tác tư pháp. Yêu cầu phòng, chống oan sai luôn đặt ra đồng thời với yêu cầu chống để lọt tội phạm. Đảng ta luôn nhất quán quan điểm coi bảo vệ công lý, phòng chống oan, sai trong hoạt động tố tụng hình sự là nhiệm vụ trọng tâm của cải cách tư pháp, gắn liền với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: "Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; bảo vệ quyền con người, quyền công dân, không để xảy ra oan, sai" (Văn kiện Đại hội XIII, Tập I, Nxb CTQG Sự thật, 2021, tr. 180). Trên tinh thần đó, Nghị quyết số 59-NQ/TW (24/1/2025) về hội nhập quốc tế trong tình hình mới cũng nhấn mạnh yêu cầu kết hợp hài hòa giữa chủ động hội nhập và giữ vững độc lập, tự chủ trong lĩnh vực pháp luật, bảo đảm mọi hoạt động hợp tác quốc tế đều phục vụ mục tiêu tối thượng là bảo vệ công lý, quyền con người, qua đó góp phần giảm thiểu nguy cơ oan, sai trong xét xử hình sự. Đặc biệt, Nghị quyết số 66-NQ/TW (30/4/2025) về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đã đề ra nhiệm vụ: "Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, minh bạch, dễ tiếp cận, góp phần ngăn chặn, khắc phục tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm trong hoạt động tư pháp". Đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm [7].

4.1.4. Yêu cầu thúc đẩy hợp tác quốc tế trong hoạt động xét xử của Việt Nam bảo đảm thực hiện hiệu quả pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc thúc đẩy hợp tác quốc tế trong hoạt động xét xử ở Việt Nam không chỉ là nhu cầu khách quan mà còn là định hướng quan trọng nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực hiện pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực hủy bản án sơ thẩm hình sự. Văn kiện của Đảng ta nhiều lần khẳng định: xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân phải đi đôi với mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm tiến bộ của thế giới, bảo đảm vừa giữ vững độc lập, chủ quyền, vừa nâng cao chất lượng công tác tư pháp. Nghị quyết số 59-NQ/TW (ngày 24-1-2025) đề cao tinh thần "độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế" là nền tảng chính trị để Việt Nam tiếp tục chủ động mở rộng hợp tác cùng pháp luật quốc tế. Nghị quyết số 66-NQ/TW (ngày 30-4-2025) khẳng định: phải "hoàn thiện thể chế pháp luật hiện đại, minh bạch, dễ tiếp cận, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập sâu rộng". Đồng thời, nghị quyết này cũng định hướng "tăng tốc hội nhập

quốc tế toàn diện, chủ động, hiệu quả" – việc này không chỉ ở khía cạnh kinh tế, mà thiết thực với lĩnh vực tư pháp và xét xử.

Trong lĩnh vực xét xử, hợp tác quốc tế giúp các cơ quan tư pháp Việt Nam học hỏi được kỹ năng, phương thức tổ chức và tiêu chuẩn nghề nghiệp từ các quốc gia có hệ thống pháp luật tiên tiến, qua đó góp phần hoàn thiện cơ chế hủy bản án sơ thẩm hình sự theo đúng nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính khách quan, công bằng và quyền con người.

Có thể thấy, cùng với quá trình mở rộng quan hệ kinh tế, hội nhập quốc tế là sự di chuyển lao động giữa các quốc gia, theo đó tình hình tội phạm xuyên biên giới, các VAHS có người phạm tội là người nước ngoài hoặc người Việt Nam phạm tội ở nước ngoài có xu hướng ngày càng gia tăng. Điều này dẫn đến các loại tội phạm có yếu tố nước ngoài trở nên phức tạp, diễn ra ở các địa bàn rộng lớn, xuyên biên giới, đồng thời cũng xuất hiện nhiều loại tội phạm mới như tội phạm rửa tiền, tội phạm khủng bố, tội phạm sử dụng công nghệ cao… gây ra nhiều khó khăn cho các hoạt động tư pháp. Hơn nữa, các loại tội phạm ở trong nước cũng có xu hướng quốc tế hóa với sự tham gia cấu kết giữa người phạm tội trong nước và người nước ngoài.

Xu thế này cũng gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam thực hiện thẩm quyền của mình, đặc biệt là thẩm quyền của Tòa án trong hoạt động xét xử. Do đó, các Tòa án Việt Nam sẽ có xu hướng phải xét xử các VAHS có yếu tố nước ngoài nhiều hơn, phải sử dụng nhiều hơn các biện pháp tương trợ tư pháp trong quá trình xét xử, trong việc xem xét chứng cứ, đánh giá chứng cứ. Nó cũng đòi hỏi thẩm phán XXST phải có nhiều kỹ năng hơn trong việc đánh giá, phân tích chứng cứ. Vì vậy, có thể thấy, việc hạn chế sai sót trong các bản án STHS nâng cao chất lượng XXST VAHS là thực sự cần thiết để thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế về các hoạt động tư pháp giữa Việt Nam và các quốc gia khác.

Đây là yêu cầu tất yếu để các quyết định hủy bản án sơ thẩm hình sự không chỉ đúng về mặt pháp lý, mà còn phản ánh rõ tinh thần nhân văn, bảo vệ quyền con người, quyền công dân như Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định. Hợp tác quốc tế, do vậy, không phải là sự "nhập khẩu" cơ học mô hình pháp lý từ bên ngoài, mà là quá trình tiếp thu sáng tạo, gắn với đặc thù lịch sử, chính trị, pháp lý của Việt Nam, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Có thể khẳng định, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong hoạt động xét xử chính là giải pháp mang tính chiến lược, lâu dài nhằm hiện thực hóa chủ trương của Đảng về xây dựng nền tư pháp hiện đại, qua đó bảo đảm cho pháp luật về

hủy bản án sơ thẩm hình sự được thực hiện một cách hiệu quả, nhất quán và bền vững trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

4.2. *Giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về hủy bản án sơ thẩm hình sự*

Mặc dù BLTTHS năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, nhiều bất cập trong quy định của BLTTHS năm 2003 về hủy bản án của Tòa án đã được khắc phục nhưng qua thực tiễn nhiều năm làm công tác xét xử và như đã phân tích ở chuyên đề 2, tác giả đưa ra một số đề xuất về việc tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật về hủy bản án STHS của Tòa án.

4.2.1. Hoàn thiện quy định về hủy bản án sơ thẩm hình sự theo thủ tục phúc thẩm

4.2.1.1. Hoàn thiện căn cứ hủy bản án STHS theo thủ tục phúc thẩm

Thứ nhất, việc bổ sung qui định: *"Miễn TNHS, miễn hình phạt"* tại điểm d khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015 là căn cứ HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại là hoàn toàn hợp lý, vì nếu cho phép HĐXXPT có quyền sửa bản án sơ thẩm trong trường hợp này thì không đảm bảo cho bị cáo thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử, không đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo. Vấn đề là tại điểm d khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015 còn qui định trường hợp: *"Áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ"* là căn cứ để HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm là không hợp lý. Bởi vì, nếu Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp tư pháp không có căn cứ thì HĐXXPT sẽ căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm là không áp dụng biện pháp tư pháp khi có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hoặc căn cứ vào khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm: *"Không áp dụng biện pháp tư pháp"* cho những bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị. Theo tác giả, ý muốn của nhà làm luật là qui định HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại trong trường hợp: *"Không áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ"* chứ không phải: *"Áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ"*. Tác giả kiến nghị sửa đổi lại điểm d khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015 như sau: *"Miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc không áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ"*.

Thứ hai, tại điểm đ khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015 quy định căn cứ để HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại trong trường hợp: *"Bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp HĐXXPT sửa bản án theo qui định tại Điều 357 Bộ luật này"*. Qui định này mang tính chất loại trừ đối với những trường hợp sửa bản án sơ thẩm theo Điều 357

BLTTHS năm 2015. Đây là một quy định hoàn toàn mới, nhằm đảm bảo cho HĐXXPT có đầy đủ thẩm quyền hủy bản án trong những trường hợp cần thiết. Tuy nhiên, tác giả thấy rằng, các trường hợp sửa bản án sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015 được thực hiện trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, đối với những bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm thì HĐXXPT vẫn có thể căn cứ vào khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho cả những bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, các trường hợp có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp HĐXX sửa bản án" theo qui định tại điểm đ khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015 chỉ có thể là một trong các trường hợp theo hướng bất lợi cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015 nhưng VKS không kháng nghị và người bị hại không kháng cáo thì HĐXXPT sẽ hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Tác giả cho rằng, qui định tại điểm đ khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015 là một quy định hết sức vô lý, vô hình dung đã cho phép HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng: Tăng hình phạt, áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nặng hơn; áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp; tăng mức bồi thường thiệt hại; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nặng hơn; không cho bị cáo được hưởng án treo. Tất cả những trường hợp này đều theo hướng bất lợi cho những bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã mâu thuẫn với qui định hướng dẫn về phạm vi xét xử phúc thẩm. Do đó, tác giả kiến nghị bãi bỏ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015.

Thứ ba, quy định những căn cứ không được khởi tố VAHS quy định tại Điều 157 BLTTHS năm 2015 cũng chính là các căn cứ để HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án; Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án. Ngoài việc giữ nguyên 07 căn cứ như quy định tại Điều 107 BLTTHS năm 2003 thì khoản 8 Điều 157 BLTTHS năm 2015 quy định về căn cứ không khởi tố VAHS có bổ sung thêm quy định mới: *"Tội phạm quy định tại khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 266 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố".* Tác giả cho rằng, quy định tại khoản 8 Điều 157 BLTTHS năm 2015 không chỉ là căn cứ không khởi tố VAHS mà khi xét xử phúc thẩm hoặc xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật theo các thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm nếu phát hiện không có yêu cầu khởi tố của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại mà cấp sơ thẩm vẫn tiến hành khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì HĐXXPT, Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm cũng

phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Chính vì lẽ đó, tại Điều 392 BLTTHS năm 2015 đã quy định: *"Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp lực và đình chỉ vụ án nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này"*, tức là Hội đồng giám đốc thẩm sẽ hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật khi có một trong 8 khoản quy định tại Điều 157 BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, ở thủ tục xét xử phúc thẩm, khoản 2 Điều 359 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định: *"Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 157 Bộ luật này thì HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án"*.

Thứ tư, để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho Tòa án cấp phúc thẩm kịp thời khắc phục, sửa chữa những sai lầm, thiếu sót đối với phần bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, tránh vụ án phải kéo dài sang thủ tục giám đốc thẩm. Đồng thời, để phân định rõ những trường hợp không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm nhưng cần thiết phải giải quyết theo thủ tục phúc thẩm với những trường hợp không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm phải xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tránh tình trạng Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo hướng bất lợi cho cả những bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị, tác giả cho rằng, cần phải quy định rõ hơn về phạm vi xét xử phúc thẩm. Tại Điều 345 BLTTHS năm 2015 quy định về: *"Phạm vi xét xử phúc thẩm"* không khác gì so với Điều 241 BLTTHS năm 2003, do đó, tác giả kiến nghị sửa đổi lại Điều 345 BLTTHS năm 2015 như sau: *"Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Khi cần thiết thì Tòa án cấp phúc thẩm phải xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị. Trường hợp cần thiết là trường hợp phát hiện ở phần không có kháng cáo, kháng nghị có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc có căn cứ để giảm nhẹ TNHS cho bị cáo"*.

Thứ năm, để tránh sự trùng lặp giữa căn cứ sửa bản án sơ thẩm về *"áp dụng điều, khoản của Bộ luật Hình sự về tội nặng hơn"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015 và căn cứ hủy bản án sơ thẩm để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm" quy đinh tại điểm a khoản 1 Điều 358 BLTTHS năm 2015, đồng thời để phù hợp với các quy định về nguyên tắc hai cấp xét xử, đảm bảo quyền kháng cáo của bị cáo và để đảm bảo quyền con người trong các trường hợp chuyển sang điều, khoản của BLHS về tội nặng hơn có thể dẫn đến hình phạt tử hình. Tác giả kiến nghị bỏ căn cứ: *"Áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nặng hơn"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định quyền kháng cáo

của người bị hại mà chưa quy định cho người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng có quyền kháng cáo đối với các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 357 BLTTHS năm 2015 là thiếu sót, vì trong những trường hợp như: Người bị hại chết, người bị hại chưa thành niên… thì quyền kháng cáo sẽ do người đại diện hợp pháp cho người bị hại thực hiện. Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 2 Điều 357 BLTTHS như sau:

"Điều ... Sửa bản án sơ thẩm

2. Trường hợp VKS kháng nghị hoặc người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo yêu cầu thì HĐXXPT có thể:

a. Gia tăng hình phạt; áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp; Giữ nguyên các nội dung khác".

Như vậy, BLTTHS năm 2015 đã không quy định cho HĐXXPT có quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án khi có căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 157 BLTTHS năm 2015. Trong khi đó, nếu các trường hợp trên bị kháng nghị, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm thì Hội đồng giám đốc thẩm lại có quyền hủy bản án đã có hiệu lực pháp lực và đình chỉ vụ án. Như vậy, đã có một sự khập khiễng, không đồng bộ trong cách giải quyết đối với cùng một căn cứ giữa thủ tục phúc thẩm và giám đốc thẩm. Tác giả cho rằng, khi có các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 157 BLTTHS năm 2015 thì HĐXXPT cũng phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Do đó, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 359 BLTTHS năm 2015 như sau: *"Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 157 Bộ luật này thì HĐXXphúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án".*

4.2.1.2. Hoàn thiện quy định về thẩm quyền hủy bản án STHS theo thủ tục phúc thẩm

Thứ nhất, đối với quyền hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, tác giả cho rằng, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm các căn cứ: *"Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội"* và *"có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố"* quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều 358 BLTTHS năm 2015 để HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm điều tra lại là hết sức cần thiết, phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 vẫn chưa quy định cụ thể: Thế nào là điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ? Những vi phạm nào bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố? Nếu vi phạm thủ tục tố tụng trong giai đoạn truy tố thì phải hủy bản án để truy tố, xét xử lại hay chỉ hủy để

xét xử lại? Nên cần tiếp tục phải hoàn thiện để có sự nhận thức thống nhất, tránh tùy tiện khi áp dụng pháp luật.

Để có sự nhận thức, áp dụng pháp luật thống nhất về vấn đề: *"Điều tra không đầy đủ" và "Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố"*, tác giả kiến nghị bổ sung các điều luật quy định cụ thể về trường hợp *"Điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ"* và *"Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng"* vào BLTTHS năm 2015 như sau:

"Điều ... Việc điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ

1. Việc điều tra của cấp sơ thẩm bị coi là không đầy đủ nếu thuộc các trường hợp sau đây:

a. Kết quả điều tra chưa chứng minh được những vấn đề cần phải chứng minh trong VAHS được quy định tại Điều 85 BLTTHS.

b. Bỏ sót hoặc thu thập và bảo quản vật chứng không đúng theo quy định tại Điều 89, Điều 90 BLTTHS.

c. Không tiến hành trưng cầu giám định trong trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 206 BLTTHS.

d. Bỏ sót người tham gia tố tụng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ mà không thể khắc phục bổ sung được ở cấp phúc thẩm.

e. Không tiến hành đối chất khi lời khai của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có nhiều mâu thuẫn.

f. Chưa xác định hoặc xác định xác định không đúng tuổi của người bị hại.

g. Các yêu cầu điều tra bổ sung chưa được làm rõ.

h. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc điều tra về phần bồi thường dân sự.

Tòa án có thể xác định những trường hợp điều tra không đầy đủ khác, nếu những vấn đề chưa được điều tra đó sẽ ảnh hưởng hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án hoặc chưa đủ cơ sở để kết tội và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

2. Trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc HĐXXPT đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại những vấn đề tại khoản 1 Điều này nhưng CQĐT không thực hiện hoặc việc điều tra không thể thực hiện được thì không thuộc trường hợp điều tra không đầy đủ".

Điều … Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

1. Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định đã xâm hại nghiêm trọng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án.

2. Những trường hợp sau đây được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

a. Khởi tố VAHS nhưng không có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS;

b. Việc điều tra, thu thập chứng cứ quan trọng đối với vụ án không đúng trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS nên không có giá trị chứng minh trong VAHS;

c. Lệnh, quyết định của Cơ qua điều tra và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mà theo quy định của BLTTHS phải có sự phê chuẩn của VKS, nhưng đã không có phê chuẩn của VKS hoặc việc ký lệnh, quyết định tố tụng không đúng thẩm quyền;

d. Không chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo theo quy định tại Điều 76 của BLTTHS;

e. Thành phần HĐXX không đúng theo quy định của Bộ luật này;

f. Xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến xâm hại nghiêm trọng về quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

g. Nhập vụ án hoặc tách vụ án không có căn cứ và trái với quy định tại Điều 170 của BLTTHS;

h. Không giao các lệnh, quyết định tố tụng cho bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật xâm phạm đến quyền bào chữa của bị can, bị cáo;

i. Không có người phiên dịch, người dịch thuật cho người tham gia tố tụng trong trường hợp họ không sử dụng được tiếng Việt hoặc họ là người câm, điếc theo quy định tại Điều 70 của BLTTHS;

j. Không từ chối tiến hành tố tụng hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng trong các trường hợp quy định tại Điều 49, Điều 68, Điều 69 và Điều 70 của BLTTHS;

k. Chứng cứ, tài liệu quan trọng đối với vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nhưng không đưa vào hồ sơ vụ án hoặc bị sửa chữa, thêm bớt làm sai lệch hồ sơ vụ án;

l. Việc điều tra, truy tố, xét xử không đúng thẩm quyền, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền phân công giải quyết vụ án cụ thể;

m. Có căn cứ để xác định có việc mớm cung, bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành TTHS làm cho lời khai của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không đúng sự thật;

3. Trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ để khắc phục những vi phạm thủ tục tố tụng nhưng CQĐT lại không thực hiện hoặc không thể thực hiện được hoặc có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thì không bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Thứ hai, cần phải bỏ thẩm quyền hủy án sơ thẩm để điều tra lại của Tòa án cấp phúc thẩm khi việc điều tra ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ hay tuyên bố không đủ cơ sở để kết tội bị cáo khi chưa điều tra đầy đủ hoặc có vi phạm về tố tụng theo tác giả đều chưa phù hợp. Xuất phát từ nguyên tắc "Suy đoán vô tội" và nguyên tắc tổ chức, hoạt động trong TTHS giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đều trên cơ sở mối quan hệ phối hợp – chế ước. Chính vì vậy, cả CQĐT, VKS và Tòa án phải có trách nhiệm phối hợp với nhau trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm cho việc giải quyết đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong khi BLTTHS năm 2015 tiếp tục quy định cả CQĐT, VKS và Tòa án đều phải có trách nhiệm phối hợp trong việc chứng minh tội phạm, đồng thời còn bổ sung quy định tại Điều 252 BLTTHS năm 2015 về việc: *"Tòa án xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ"* thì việc bỏ quyền hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là chưa có sự đồng bộ so với các quy định trên. Do đó, tác giả cho rằng, khi xét xử phúc thẩm, nếu thấy việc điều tra của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ chưa đầy đủ hoặc có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp sơ thẩm không trả hồ sơ điều tra bổ sung thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là cần thiết. Tuy nhiên, một trong những nguyên nhân của các oan sai là do vi phạm, coi thường việc tuân thủ các thủ tục tố tụng nên cũng cần phải có những quy định mang tính chế ước nhằm nâng cao trách nhiệm của CQĐT, VKS đối với những chứng cứ buộc tội của mình, hạn chế tình trạng điều tra phiến diện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, theo tác giả, nên quy định trong trường hợp việc điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không bổ sung được hoặc có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì rõ ràng bản án khi ban hành sẽ không đảm bảo tính hợp pháp và tính có căn cứ, trong trường hợp này thì lỗi thuộc về Tòa án cấp sơ thẩm đã không đảm bảo giá trị chứng minh của chứng

cứ khi xét xử nên HĐXXPT sẽ hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Tuy nhiên, nếu Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung những vấn đề điều tra chưa đầy đủ, trả hồ sơ để yêu cầu khắc phục những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng CQĐT, VKS không thực hiện hoặc không thể thực hiện được thì không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm nên không thuộc trường hợp hủy án để điều tra lại. Trên cơ sở những chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXXPT xét thấy chứng cứ không đầy đủ, không hợp pháp để sử dụng chứng cứ chứng minh tội phạm thì phải hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án. Đồng thời, nếu những vi phạm thủ tục tố tụng xảy ra trong giai đoạn truy tố thì cũng cần phải hủy bản án sơ thẩm để truy tố, xét xử lại nhằm khắc phục những vi phạm xảy ra trong giai đoạn truy tố chứ không chỉ hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Theo đó, tác giả kiến nghị sửa đổi tên Điều luật và tiếp tục hoàn thiện khoản 1 Điều 358 BLTTHS năm 2015 như sau:

"Điều 358. Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, truy tố lại hoặc xét xử lại

1. HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc truy tố lại trong các trường hợp:

a) Giữ nguyên;

b) Giữ nguyên;

c) Giữ nguyên;

Nếu Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này nhưng CQĐT vẫn giữ nguyên kết quả điều tra, VKS giữ nguyên quyết định truy tố thì HĐXXPT không được hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại".

Đồng thời, bổ sung vào khoản 1 Điều 359 BLTTHS năm 2015 như sau: "*Điều 359. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án*

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 hoặc thuộc các trường hợp Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 358 của Bộ luật này nhưng CQĐT, VKS vẫn giữ nguyên kết quả điều tra, truy tố thì HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án.

2. Giữ nguyên".

Thứ ba, đối với quy định hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại trong trường hợp người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội, kiến nghị bổ sung vào điểm c khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015 việc giải thích trường hợp: *"Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố không có tội nhưng có căn*

cứ cho rằng người đó đã phạm tội", bao gồm: (1) VKS truy tố bị cáo một hành vi về một tội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội; (2) VKS truy tố nhiều tội, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên bị cáo phạm một hoặc một số tội; (3) VKS truy tố về nhiều hành vi phạm tội về nhiều hành vi khác nhau trong cùng một điều luật (tội ghép), Tòa án cấp sơ thẩm chỉ kết án bị cáo về một hoặc một số hành vi phạm tội về một hoặc một số tội; (4) VKS truy tố bị cáo về nhiều hành vi phạm tội trong cùng một tội danh, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không kết án bị cáo tất cả các hành vi mà VKS đã truy tố, mà chỉ kết án một hoặc một số hành vi mà VKS đa truy tố; (5) Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về khung hình phạt nhẹ hơn khung hình phạt mà VKS đã truy tố.

Thứ tư, để giới hạn một loại số loại quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không nên quy định *"quyết định khác của Toà án cấp sơ thẩm"* bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, kiến nghị sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 330 BLTTHS năm 2015:

"Điều 330. Tính chất của xét xử phúc thẩm

1. Giữ nguyên.

2. Quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị là quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo và quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm theo quy định của Bộ luật này. Đối với quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án và quyết định khởi tố vụ án của HĐXX sơ thẩm thì VKS không được quyền kháng nghị".

Thứ năm, để tạo điều kiện cho việc kháng nghị phúc thẩm đảm bảo chất lượng, hiệu quả, hạn chế tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ, đồng thời để có sự thống nhất trong việc Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị thực hiện quyền hủy, sửa bản án sơ thẩm có căn cứ đúng pháp luật, cần bổ sung vào BLTTHS năm 2015 điều khoản về kháng nghị phúc thẩm.

"1. Căn cứ để kháng nghị phúc thẩm là những sai lầm nghiêm trọng của Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án dẫn đến bản án hoặc quyết định sơ thẩm không hợp pháp hoặc thiếu căn cứ.

2. VKS cùng cấp hoặc VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị phúc thẩm khi có một trong các căn cứ sau đây:

a. Việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa phiến diện hoặc không đầy đủ.

b. Kết luận của bản án hoặc quyết định STHS không phù hợp với các tỉnh tiết khách quan của vụ án.

c. Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

d. Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng điều, khoản của Bộ luật Hình sự và pháp luật khác có liên quan.

e. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội.

3. Đối với những vi phạm khác ngoài các căn cứ nêu trên, VKS không kháng nghị mà chỉ kiến nghị để sửa chữa, khắc phục".

4.2.2. Hoàn thiện quy định về hủy bản án STHS theo thủ tục giám đốc thẩm

4.2.2.1. Hoàn thiện căn cứ hủy bản án STHS theo thủ tục giám đốc thẩm

Thứ nhất, BLTTHS năm 2015 chưa quy định căn cứ kháng nghị đối với trường hợp kháng nghị để hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án. Để có sự thống nhất về mối quan hệ giữa căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm với căn cứ áp dụng để hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị bổ sung thêm các trường hợp quy định tại Điều 157 của BLTTHS năm 2015 vào căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm để hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.

Thứ hai, khoản 1 Điều 371 BLTTHS năm 2015 quy định: *"Kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án"* là một trong các căn cứ kháng nghị để hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại là không phù hợp với bản chất của giám đốc thẩm vốn dĩ chỉ xem xét lại những vấn đề áp dụng pháp luật trong việc xử lý vụ án đã đúng pháp luật hay chưa, trong khi đó, nội dung của căn cứ trên liên quan đến việc sự thật khách quan của vụ án. Thực tiễn giám đốc thẩm cho thấy, kết luận trong bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án cũng chỉ dẫn đến hậu quả là sự sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Do đó, việc tiếp tục quy định căn cứ này là một trong các căn cứ kháng nghị để hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại theo thủ tục giám đốc thẩm là không cần thiết.

Để thực hiện đúng theo định hướng cải cách tư pháp mà Bộ chính trị đã đề ra tại Nghị quyết số: 49-NQ/TW ngày 02-6-2005, với nội dung: *"Từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng quy định chặt chẽ căn cứ kháng nghị"*, tác giả kiến nghị bỏ căn cứ kháng nghị để hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án để điều tra lại hoặc xét xử lại hoặc xét xử lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với trường hợp: *"Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án"* quy định tại khoản 1 Điều 371 BLTTHS năm 2015.

"Điều 371. Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

Bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi có một trong các căn cứ:

1. Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án.

2. Có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này.

3. Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật".

Thứ ba, quy định căn cứ: *"Không có sự việc phạm tội"* và *"Hành vi không cấu thành tội phạm"* tại điểm 1 và điểm 2 Điều 170 BLTTHS năm 2003 (hiện nay được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015) là các căn cứ để hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án là không hợp lý. Bởi vì, nếu như các căn cứ *"Không có sự việc phạm tội"* và *"Hành vi không cấu thành tội phạm"* được phát hiện tại giai đoạn XXST và phúc thẩm thì người bị kết án oan sẽ được minh oan bằng việc Tòa án ra bản án tuyên là vô tội, kèm theo việc họ được khôi phục lại các quyền và lợi ích của bản thân vì đã bị kết án oan, nhưng nếu được phát hiện, giải quyết ở thủ tục giám đốc thẩm thì người bị kết án oan không được minh oan mà chỉ ra quyết định hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án, điều đó đồng nghĩa với việc các quyền và lợi ích của người bị kết án oan không được khôi phục, không chỉ tạo ra một sự khập khiễng về quy định của pháp luật đối với cách giải quyết đối với các căn cứ này giữa thủ tục phúc thẩm và thủ tục giám đốc thẩm mà còn không đảm bảo sự công bằng cho người bị kết an oan. Do đó, tác giả kiến nghị, nếu có căn cứ xác định: *"Không có sự việc phạm tội"* và *"Hành vi không cấu thành tội phạm"* thì phải quy định đây là các trường hợp Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại và tuyên bố bị cáo không có tội chứ Hội đồng đồng giám đốc thẩm không được hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án. Theo đó, sửa đổi, bổ sung Điều 391 và Điều 392 BLTTHS năm 2015 như sau:

Điều 391. Hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại

Hội đồng giám đốc thẩm hủy một phần hoặc toàn bộ bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại đối với căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 157 hoặc nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 371 của Bộ luật này. Nếu hủy để xét xử lại thì tùy trường hợp, Hội đồng giám đốc thẩm có thể quyết định xét xử lại từ cấp sơ thẩm hoặc cấp phúc thẩm.

Điều 392. Hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án

Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án nếu có một trong các căn cứ quy định tại các khoản từ khoản 3 đến khoản 8 tại Điều 157 của Bộ luật này.

4.2.2.2. Hoàn thiện thẩm quyền hủy bản án STHS theo thủ tục giám đốc thẩm

Thứ nhất, kháng nghị giám đốc thẩm chính là cơ sở làm phát sinh quyền hạn của Hội đồng giám đốc thẩm nói chung, quyền hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm nói riêng nên phạm vi xem xét giám đốc thẩm chỉ nên giới hạn trong phạm vi của kháng nghị, nếu quy định như hiện hành sẽ dẫn đến tình trạng Hội đồng giám đốc thẩm sẽ hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại theo hướng bất lợi đối với cả các bị cáo không liên quan đến kháng nghị. Mặt khác, bản án đã có hiệu lực pháp luật về nguyên tắc phải được coi là chân lý và phải đảm bảo thi hành, việc quy định Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét lại toàn bộ vụ án mà không giới hạn bởi phạm vi của kháng nghị còn làm mất đi tính ổn định của bản án của Tòa án, công tác thi hành án không được tiến hành kịp thời. Do đó, tác giả kiến nghị sửa đổi Điều 387 BLTTHS năm 2015 về phạm vi giám đốc thẩm như sau: *"Hội đồng giám đốc thẩm chỉ xem xét nội dung kháng nghị".*

Thứ hai, về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, để đề cao tính độc lập khi xét xử của Tòa án, đảm bảo tính khách quan cũng như đảm bảo nguyên tắc chế ước trong TTHS giữa Tòa án và VKS, trong tình trạng VKS khi tham gia phiên tòa giám đốc thẩm mang tính hình thức trong trường hợp do Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tác giả kiến nghị bỏ thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án quy định tại Điều 373 BLTTHS năm 2015, chỉ quy định thẩm quyền kháng nghị cho Viện trưởng VKS.

Thứ ba, để đảm bảo việc thực hiện quyền hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại nhằm khắc phục những vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong các giai đoạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo như căn cứ kháng nghị: *"Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố hoặc xét xử"* quy định tại khoản 2 Điều 371 BLTTHS năm 2015, tác giả kiến nghị bổ sung cho Hội đồng giám đốc thẩm có quyền hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật không chỉ điều tra lại hoặc xét xử lại mà cả việc truy tố lại. Theo đó, khoản 3 Điều 388 BLTTHS năm 2015 sửa đổi lại là: *"Hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại, truy tố lại hoặc xét xử lại"*; sửa đổi tên Điều 391 của BLTTHS năm 2015 là: *"Hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại, truy tố lại hoặc xét xử lại".*

Thứ tư, đối tượng của thủ tục giám đốc thẩm là các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Các bản án, quyết định này được Hiến pháp, pháp luật hình sự và TTHS bảo vệ, đảm bảo thi hành. Do đó, việc kháng nghị và quyết định giám đốc thẩm cần phải hết sức thận trọng và đặc biệt là việc tuyên hủy bản án thì càng phải xem xét cẩn thận, có đầy đủ chứng cứ, chứng minh. Hội đồng giám đốc thẩm khi xem xét, đánh giá vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án mà không trực tiếp thực hiện các hoạt động chứng minh. Trên thực tế, trong vụ án có nhiều chứng cứ, tài liệu khác nhau, có những tài liệu thuộc nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau, không thuộc chuyên môn của Hội đồng giám đốc thẩm như y học, kinh tế học, tài chính kế toán, xây dựng… Vì vậy, trong một số trường hợp, cần phải mời người giám định hoặc những người có chuyên môn trong các lĩnh vực khoa học đến phiên họp để giải thích, làm rõ kết luận khoa học; triệu tập những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử để trả lời những vấn đề về việc thu thập chứng cứ, tài liệu, thực hiện các hoạt động điều tra. Trên thực tế, có những trường hợp, kháng nghị giám đốc thẩm là do vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong giai đoạn truy tố như truy tố sai thẩm quyền nhưng Tòa án không phát hiện ra, vẫn xét xử và ra bản án, quyết định. Trường hợp này mặc dù quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án để điều tra lại cũng có thể dẫn đến việc truy tố lại (trừ trường hợp đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án) nhưng việc quyết định điều tra lại không xác định chính xác giai đoạn có vi phạm, sai lầm nghiêm trọng. Mặt khác, thời hạn điều tra luôn dài hơn thời hạn truy tố. Nếu sai lầm ở giai đoạn truy tố mà phải điều tra lại sẽ dẫn đến việc kéo dài thời gian giải quyết vụ án, CQĐT phải thực hiện lại những việc đáng lẽ không cần phải làm. Vì vậy, quy định trên cần phải sửa đổi như sau: Hội đồng giám đốc thẩm có quyền "hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại, truy tố lại hoặc xét xử lại".

4.2.3. Hoàn thiện quy định về hủy bản án sơ thẩm hình sự theo thủ tục tái thẩm

4.2.3.1. Hoàn thiện căn cứ hủy bản án STHS theo thủ tục tái thẩm

Thứ nhất, để cụ thể hóa hơn nữa các căn cứ kháng nghị tái thẩm theo định hướng: *"Từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị …; khắc phục tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ"* tại Nghị quyết số 49/NQ-TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tái thẩm nói chung và việc thực hiện quyền hủy bản án đã có hiệu lực theo thủ tục tái

thẩm nói riêng, đồng thời để phù hợp với công tác thực tiễn, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung vào khoản 1 Điều 398 BLTTHS năm 2015 quy định lời khai của những người tham gia tố tụng khác không đúng sự thật, làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Khoản 1 Điều 398 BLTTHS năm 2015 quy định lại như sau: *"Có căn cứ chứng minh lời khai của những người tham gia tố tụng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời dịch của người phiên dịch, bản dịch thuật có những quan điểm không đúng sự thật".*

Thứ hai, đối với căn cứ: *"Có tình tiết mà điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm do không biết được mà kết luận không đúng làm cho bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không đúng sự thật khách quan của vụ án"* là quy định mới tại khoản 2 Điều 398 BLTTHS năm 2015, theo tác giả là chưa phù hợp. Bởi vì, tình tiết: *"Không biết được"* chỉ đặt ra cho Tòa án khi ra bản án chứ không đặt ra cho cả điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Do đó, nếu điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân cố ý kết luận không đúng làm cho Tòa án khi ra bản án, Tòa án không biết được thì vẫn thuộc trường hợp phải giải quyết theo thủ tục tái thẩm. Do đó, tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 2 Điều 398 BLTTHS năm 2015 như sau: *"Có tình tiết mà Tòa án khi ra bản án do không biết được nên kết luận không đúng làm cho bản án đã có hiệu lực pháp luật đó không đúng sự thật khách quan của vụ án".*

4.2.3.2. Hoàn thiện thẩm quyền hủy bản án STHS theo thủ tục tái thẩm

Thứ nhất, để cho hoạt động tái thẩm phát huy được hiệu quả, trong đó có quyền hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật của Hội đồng tái thẩm, cần hướng dẫn cụ thể nội dung thế nào là: *"Thay đổi cơ bản nội dung của bản án của Tòa án"* được quy định tại Điều 397 BLTTHS năm 2015. Theo tác giả, nếu xuất hiện những tình tiết mới mà những tình tiết này có thể làm thay đổi về việc xác định tội danh, quyết định hình phạt và giải quyết những vấn đề khác trong bản án đã có hiệu lực pháp luật thì được coi là thay đổi cơ bản nội dung của bản án của Tòa án. Ngoài ra, những tình tiết mới chỉ có giá trị làm thay đổi một nội dung nào đó không cơ bản của bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không cần thiết phải hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm để tránh việc lạm dụng kháng nghị tràn lan, làm mất tính ổn định của bản án mà theo tác giả là chỉ cần tổng kết, rút kinh nghiệm để tránh xảy ra trường hợp tương tự.

Thứ hai, khác với các quy định về quyền hạn của Hội đồng giám đốc thẩm có quy định cụ thể về căn cứ hủy bản án bị kháng nghị và đình chỉ vụ án, hủy bản án đã

có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại, quy định về thẩm quyền của Hội đồng tái thẩm lại không chỉ ra bất cứ căn cứ nào. Để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật trong việc quy định các căn cứ cho các chủ thể có thẩm quyền thực thi quyền hạn của mình, giống như trường hợp quy định căn cứ hủy bản án của HĐXXPT và Hội đồng giám đốc thẩm, tạo điều kiện cho việc áp dụng pháp luật được thống nhất và thuận tiện, tác giả kiến nghị quy định cụ thể về căn cứ để Hội đồng tái thẩm thực hiện quyền của mình tại Điều 402 BLTTHS năm 2015 như sau:

"Điều 402. Thẩm quyền của Hội đồng tái thẩm

1. Giữ nguyên.

2. Hủy bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại, truy tố lại hoặc xét xử lại khi có căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 hoặc có một trong các căn cứ quy định tại Điều 398 của Bộ luật này.

3. Hủy bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án khi có một trong các căn cứ quy định từ khoản 3 đến khoản 8 Điều 157 của Bộ luật này".

4.3. Giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

4.3.1. Tăng cường các biện pháp giám sát hoạt động xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm

Thứ nhất, cần tăng cườmg vai trò giám sát hoạt động xét xử của Hội đồng nhân dân các cấp.

Theo Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, HĐND là cơ quan giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân (Điều 113, Hiến pháp 2013), trong đó việc giám sát hoạt động của hệ thống TAND là một nội dung quan trọng của hoạt động giám sát.

Cụ thể, việc chất vấn các hoạt động tư pháp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân đối với Chánh án TAND cùng cấp phải được coi là một nội dung quan trọng, cần duy trì thực hiện thường xuyên, được phát thanh, truyền hình trực tiếp, thu hút sự chú ý của cử tri và nhân dân. Bên cạnh đó, cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân đối với các hoạt động tư pháp cùng cấp theo hướng giám sát không chỉ dừng lại ở việc nghe báo cáo, dựa trên cơ sở một vài ý kiến chung chung mà đòi hỏi phải rõ quan điểm, có lý lẽ xác đáng về những vấn đề nhất trí, không nhất trí với nội dung báo cáo đã nêu; sau khi nghe báo cáo, tổng

hợp thảo luận và trả lời chất vấn nếu thấy những vấn đề, lĩnh vực quan trọng cần thiết cũng ban hành nghị quyết về hoạt động tư pháp.

Kiến nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần xem xét có quy định thống nhất việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; nâng cao năng lực chủ thể thực hiện chức năng giám sát và bộ máy tham mưu, phục vụ của Hội đồng nhân dân các cấp; trong đó nghiên cứu cơ chế pháp lý về giám sát hoạt động tư pháp là yếu tố then chốt, kiện toàn cơ cấu tổ chức Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ giúp Hội đồng nhân dân cùng cấp giám sát hoạt động tư pháp, không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với hoạt động tư pháp ở địa phương. Hiện nay, tại Toà án hai cấp Đồng Tháp và một số tỉnh ĐBSCL đã có hệ thống camera giám sát trực tuyến các phiên toà xét xử của Toà án hai cấp trong tỉnh. Đây cũng là một bước tiến bộ trong công tác giám sát hoạt động xét xử của hệ thống Toà án.

Thứ hai, cần nhận thức lại chức năng kiểm sát xét xử của VKSND. Theo đó, cần xem xét chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND có cần thiết hay không. Nếu theo tinh thần cải cách tư pháp, VKS chuyển thành Viện công tố thực hiện chức năng truy tố buộc tội (công tố) như hiện tại và thêm chức năng chỉ đạo điều tra đối với CQĐT thì lúc này VKS lại trở thành đối tượng giám sát của Tòa án. Nếu chuyển VKS thành viện công tố thì chức năng chính của cơ quan này sẽ là thực hành quyền công tố và đảm nhận công tác chỉ đạo điều tra. Thực hành quyền công tố, về cơ bản, Viện công tố thực hiện bốn nội dung: khởi tố vụ án, khởi tố bị can; điều tra thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm; truy tố bị can (hoặc đình chỉ vụ án); buộc tội: đọc cáo trạng, tham gia xét hỏi, luận tội hoặc kháng nghị, kết luận về bản án bị kháng cáo, kháng nghị, tranh luận, đối đáp với các bên tham gia. Trong quyền công tố không có quyền giám sát đối với Tòa án như trước mà ngược lại bị đặt dưới sự kiểm soát của các thiết chế khác trong đó có chính Tòa án. Với những nội dung hoạt động này, rõ ràng Viện công tố sẽ thay đổi về bản chất mô hình tổ chức, quan hệ công tác với các cơ quan nhà nước khác so với VKS hiện hành.

Thứ ba, cần đổi mới các phương thức giám sát của nhân dân.

Để phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động XXST VAHS, một số giải pháp có thể được đặt ra trong thời gian tới gồm: cần xây dựng Luật Giám sát xã hội và hoàn thiện các đạo luật liên quan đến hoạt động tư pháp, cơ quan tư pháp theo hướng bảo đảm giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp. Hiện nay, các đạo luật có liên quan đến cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp bao gồm: Luật Tổ chức

TAND năm 2014, Luật Tổ chức VKSND năm 2014, Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015, BLTTHS năm 2015, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính 2015, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành án dân sự… đã có những quy định về bảo đảm vai trò của giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp nhưng chưa được toàn diện. Cần tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể xã hội trong việc giám sát hoạt động tư pháp. Cơ sở pháp lý hiện nay về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đạo luật về tố tụng. Tuy nhiên, trong các đạo luật này mới chỉ dừng lại ở các quy định chung chung về vai trò của Mặt trận tham gia trong các quan hệ pháp luật tố tụng. Để tạo cơ sở vững chắc hơn cho sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giám sát hoạt động tư pháp, cần tăng cường quan hệ giữa hai bên (Mặt trận và các cơ quan tư pháp) qua việc xây dựng, ký kết các quy chế phối hợp giám sát các lĩnh vực trong hoạt động tư pháp. Các quy chế này là cơ sở pháp lý tạo nên quan hệ phối hợp thường xuyên, bền vững giữa hai bên. Bên cạnh việc nâng cao hơn vai trò của Mặt trận, cần có biện pháp để tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các đoàn thể xã hội khác, như: Đoàn Luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lý, Hội Luật gia, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ… để tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức là thanh niên, phụ nữ, công nhân.

Cần tăng cường trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong các quan hệ tố tụng. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là giám sát mang tính chủ thể giám sát là nhân dân và sự hỗ trợ cho công tác giám sát là công tác kiểm tra, thanh tra của Nhà nước. Để tăng cường trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền của Mặt trận trong các quan hệ tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế phối hợp để Mặt trận Tổ quốc thực hiện việc giám sát.

Cần tăng cường trách nhiệm của các cơ quan báo chí, phương tiện thông tin đại chúng trong việc giám sát các hoạt động tư pháp. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khoá X) đã chỉ rõ: *"Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị xã hội và diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng của hoạt động báo chí".* Trong việc giám sát các hoạt động tư pháp, các phương tiện thông tin đại chúng phải

bám sát các hoạt động của cơ quan tư pháp, phản ánh trung thực, đưa tin đầy đủ, kịp thời về những mặt tích cực điển hình tiên tiến, kết quả đạt được trong hoạt động tư pháp, tránh việc chỉ đưa tin những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế.

Cần tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tư pháp trong việc trả lời dư luận xã hội. Thực chất là nhằm kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động của các cơ quan, cá nhân nắm giữ và thực thi quyền lực Nhà nước trong lĩnh vực tư pháp. Đồng thời, qua đó cũng phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót, những hành vi sai trái, những vấn đề bất hợp lý, lỗi thời, không phù hợp với định hướng và bản chất của xã hội trong hoạt động của các cơ quan tư pháp.

4.3.2. Nâng cao năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

TAND cấp tỉnh của các tỉnh miền Tây Nam Bộ và TAND khu vực cần phải luôn quán triệt đến mỗi Thẩm phán đề cao kỷ cương, kỷ luật, nâng cao trình độ… để tự hình thành trong mỗi Thẩm phán nguyên tắc độc lập trong xét xử, chỉ tuân theo pháp luật; thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng, các phán quyết của Toà án phải dựa trên kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, chú trọng việc tranh tụng tại phiên tòa theo hướng thực chất, không hạn chế thời gian tranh tụng, tôn trọng và đảm bảo cho các bên tham gia tố tụng đưa ra chứng cứ và trình bày hết các ý kiến của mình. Thường xuyên tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm trong kế hoạch lên lịch xét xử các vụ án và quán triệt đến mỗi Thẩm phán phải tổ chức được ít nhất 01 phiên tòa rút kinh nghiệm trong năm công tác, tăng cường tổ chức các phiên toà rút kinh nghiệm trực tuyến trong khu vực và trên toàn quốc. Các phiên tòa rút kinh nghiệm góp phần tạo điều kiện cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký viên nâng cao trách nhiệm, kỹ năng xét xử, rút kinh nghiệm áp dụng pháp luật, điều hành tranh tụng tại phiên tòa.

Bên cạnh đó, các TAND cấp tỉnh tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ cần phải thực hiện mỗi Tòa án cấp huyện, tỉnh tổ chức ít nhất 02 phiên tòa trực tuyến/1 năm, công khai tất cả các bản án, quyết định của Tòa án trên Cổng thông tin điện tử TAND để người dân có thể tiếp cận các bản án, quyết định của Tòa án một cách nhanh nhất, từ đó có thể phản hồi các quyết định của Tòa án, tạo tiền đề để các Thẩm phán tự nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc ban hành bản án, quyết định phải rõ ràng, đúng với

diễn biến quá trình tranh tụng theo đúng tinh thần cải cách tư pháp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong bối cảnh lượng vụ việc thụ lý rất lớn và gia tăng theo từng năm nên yêu cầu đặt ra trong công tác quản lý ngày càng cao, giải pháp này là tối ưu trong công tác quản lý, theo dõi quá trình giải quyết các loại vụ việc….đặt nền móng cho việc xây dựng Tòa án điện tử trong tương lai.

Đổi mới quy trình giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, đơn khiếu nại tố cáo bằng việc áp dụng hệ thống tin học hóa thông qua quy trình tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn, công văn kiến nghị được phân cấp: Phòng hành chính tư pháp thuộc Văn phòng TAND cấp tỉnh cần chịu trách nhiệm tiếp nhận, xử lý đơn, cấp số và phát hành kết quả giải quyết đơn. Các bộ phận thực hiện trong phòng hành chính tư pháp bao gồm: bộ phận văn thư; bộ phận tiếp nhận, xử lý đơn; bộ phận thống kê tổng hợp. Sau khi kết thúc việc trình tham mưu trình lãnh đạo ký các văn bản xử lý đơn, bộ phận xử lý đơn phát hành văn bản cần đồng thời chuyển các tiểu hồ sơ đối với vụ việc đã đủ điều kiện thụ lý và các đơn trùng đối với các vụ việc đang được nghiên cứu, giải quyết đến các phòng giám đốc kiểm tra theo các loại vụ án thuộc thẩm quyền của các phòng đã được phân công. Việc giao nhận giữa phòng hành chính tư pháp và các phòng giám đốc kiểm tra đều được thực hiện trên hệ thống phần mềm và ký nhận trên danh sách được in ra từ hệ thống phần mềm.

Trước hết, cần có sự thay đổi về thái độ của Lãnh đạo ngành Tòa án và VKS về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm trong TTHS.

Chăm lo công tác xây dựng Đảng; quan tâm làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ có chức danh tư pháp nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án thanh liêm, chính trực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật và có tấm lòng nhân ái.

Tiếp tục thực hiện nghiêm Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện *"tự diễn biến", "tự chuyển hóa".* Quán triệt thực hiện nghiêm Quy định về xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án và Chỉ thị số 03/2023/CT-TA ngày 12/12/2023 của Chánh án TAND về

việc tăng cường thực hiện kỷ cương, kỷ luật công vụ gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong các TAND.

Sắp xếp bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; rà soát, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế trong công tác tổ chức cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ phù hợp với quy định mới của Đảng, Nhà nước. Thực hiện hiệu quả việc đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động trong TAND. Làm tốt công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác để bổ sung nguồn nhân lực cho các đơn vị có số lượng công việc nhiều; đồng thời bồi dưỡng, rèn luyện đối với cán bộ thuộc diện quy hoạch các chức vụ lãnh đạo và Thẩm phán TAND các cấp. Phối hợp với cấp ủy địa phương để chuẩn bị nhân sự của Tòa án giới thiệu bầu tham gia cấp ủy cùng cấp (nhiệm kỳ 2025 – 2030) đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát Thẩm phán; siết chặt kỷ cương, kỷ luật công vụ; thực hiện nghiêm Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán; Quy định số 120/QĐ-Tanhân dân tối cao ngày 19/6/2017 của Chánh án TAND về xử lý trách nhiệm của người giữ chức danh tư pháp trong TAND; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm.

Thứ nhất, cần phải rà soát, đánh giá khối lượng công việc của từng cơ quan, từng đơn vị theo từng giai đoạn, đối chiếu với số lượng cán bộ hiện có để kịp thời điều chỉnh biên chế của từng cơ quan, từng đơn vị cho phù hợp với các nhiệm vụ của ngành Tòa án, kiểm sát và điều tra.

Thứ hai, đẩy mạnh việc bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Thẩm phán, kiểm tra viên, Kiểm sát viên, thẩm tra viên trong công tác phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm là rất cần thiết và cấp bách. Nội dung, phương pháp đào tạo phải thường xuyên đổi mới, liên tục cập nhật các kiến thức về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội.

Việc đào tạo có thể tiến hành dưới hai hình thức: mở những lớp tập huấn theo từng chuyên đề hoặc bồi dưỡng thường xuyên thông qua công việc. Việc bồi dưỡng theo chuyên đề cần kết hợp cả lý luận và thực tiễn, tập trung vào các kỹ năng phát hiện vi phạm trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, chẳng hạn: phương pháp nghiên cứu hồ sơ, những vấn đề chuyên sâu về thủ tục tố tụng, phân biệt giữa các tội phạm trong BLHS;

xác định các tỉnh tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, việc áp dụng trong mỗi trường hợp cụ thể.

Việc bồi dưỡng thường xuyên được thực hiện thông qua việc báo cáo án. Lãnh đạo Tòa án, VKS phải dành thời gian trực tiếp nghe cán bộ, kiểm tra viên, Kiểm sát viên, thẩm tra viên, thẩm phán báo cáo án vừa để kiểm tra việc thực hiện đúng các thao tác nghiệp vụ vừa phát hiện ưu điểm, hạn chế từ đó có cách thức, biện pháp phát huy hết khả năng, bồi dưỡng, khắc phục khuyết điểm phù hợp với từng người.

Thứ ba, cần phải xây dựng lại các tiêu chí, điều kiện tuyển chọn, ngạch, bậc Kiểm sát viên, Thẩm phán theo hướng nâng cao trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm; tăng thời hạn hoặc không có thời hạn bổ nhiệm để đảm bảo tính độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, nếu không đáp ứng được yêu cầu của công việc thì miễn nhiễm, trường hợp có vi phạm pháp luật thì xử lý bằng các hình thức tương ứng. Tiêu chuẩn hóa về trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm và kiến thức xã hội.

Thứ tư, đổi mới chế độ tiền lương phù hợp, hài hòa giữa những người công tác chuyên môn và những người không làm công tác nghiệp vụ; khen thưởng kịp thời. Xác định chế độ đãi ngộ thỏa đáng, cơ chế thu hút, tuyển chọn khách quan, công bằng đối với những người có năng lực, trình độ, tâm huyết, có đức, có tài.

4.3.3. Tăng cường phối hợp liên ngành trong tố tụng hình sự nhằm đảm bảo thực hiện pháp luật về hủy bản án sơ thẩm hình sự

Thực tiễn cho thấy việc hủy bản án sơ thẩm hình sự ở nước ta còn diễn ra với tỷ lệ tương đối cao, trong đó có nhiều trường hợp do sự phối hợp thiếu chặt chẽ, thiếu hiệu quả giữa các cơ quan tiến hành tố tụng như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Do đó, việc tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong tố tụng hình sự là một giải pháp mang tính then chốt, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng pháp luật, nâng cao chất lượng xét xử, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng hủy án sơ thẩm không cần thiết.

Thứ nhất, cần xác định rõ rằng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án là các giai đoạn có mối liên hệ chặt chẽ, kế thừa và tác động lẫn nhau trong tiến trình tố tụng hình sự. Khi một trong các giai đoạn này thực hiện không đúng quy định, không khách quan, hoặc thiếu sự phối hợp thì rất dễ dẫn đến hậu quả là bản án sơ thẩm bị hủy do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc do sai lầm trong việc áp

dụng pháp luật. Chính vì vậy, giải pháp đầu tiên là thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên, chặt chẽ và minh bạch giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Cơ chế này cần được thể chế hóa bằng các quy chế liên ngành, hướng dẫn phối hợp cụ thể giữa ba cơ quan: Công an, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân các cấp. Trong đó, cần xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong việc trao đổi thông tin, cung cấp chứng cứ, thống nhất nhận thức về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết định khung. Việc phối hợp phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng chức năng độc lập của từng cơ quan, song đồng thời đảm bảo tính liên kết, hỗ trợ lẫn nhau vì mục tiêu chung là xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Thứ hai, tăng cường phối hợp giữa Viện kiểm sát và Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Khi nhận được hồ sơ vụ án từ Viện kiểm sát, Tòa án cần chủ động phối hợp, trao đổi với Viện kiểm sát nếu thấy có dấu hiệu sai sót, mâu thuẫn trong chứng cứ hoặc chưa đủ căn cứ để xét xử. Thay vì vội vàng mở phiên tòa, việc phối hợp kiểm tra hồ sơ kỹ lưỡng giúp hạn chế tình trạng phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc sau đó bị cấp phúc thẩm hủy án do lỗi về đánh giá chứng cứ. Viện kiểm sát, với vai trò là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, cần có sự trao đổi cởi mở, mang tính xây dựng với Tòa án, cùng thống nhất cách hiểu và áp dụng pháp luật trong những trường hợp phức tạp, mới phát sinh hoặc chưa có án lệ hướng dẫn.

Thứ ba, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động phối hợp liên ngành. Hiện nay, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định tương đối rõ ràng chức năng, quyền hạn của từng cơ quan tiến hành tố tụng, song chưa có quy định cụ thể về cơ chế phối hợp liên ngành. Do đó, cần ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế liên ngành giữa Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao để thống nhất quy trình phối hợp, quy định rõ trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin, trả hồ sơ, điều tra bổ sung, cũng như thời hạn xử lý khi có kiến nghị hoặc kháng nghị hủy án. Cơ sở pháp lý rõ ràng sẽ giúp việc phối hợp mang tính bắt buộc, đồng bộ và hiệu quả hơn.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông trong tố tụng hình sự cũng là một hướng đi cần thiết. Một hệ thống quản lý hồ sơ điện tử liên ngành cho phép chia sẻ thông tin, chứng cứ, tiến độ giải quyết vụ án giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án sẽ giúp giảm thời gian, tránh thất lạc hoặc trùng lặp tài liệu, đồng thời nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm trong từng khâu

tố tụng. Việc phối hợp qua nền tảng số còn tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan cấp trên giám sát, kiểm tra, phát hiện sớm sai sót để kịp thời chấn chỉnh trước khi vụ án bị đưa ra xét xử, qua đó hạn chế nguy cơ bản án bị hủy ở cấp phúc thẩm.

4.3.4. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của người dân

Thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm được tiến hành sau khi bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (trong khi đó, thủ tục phúc thẩm được tiến hành khi bản án STHS chưa có hiệu lực) có tính chất đặc biệt nên không phải ai cũng hiểu được bản chất và nắm rõ những quy định về phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Bên cạnh đó, việc phát hiện vi phạm pháp luật, đánh giá vi phạm trong các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đòi hỏi phải có trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm nhất định, những yếu tố mà không phải người dân nào cũng có. Vì vậy, việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý cho người dân, giúp họ nâng cao hiểu biết pháp luật, chấp hành tốt các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, hạn chế những đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm có tính chất "cầu may", khiếu nại nhiều lần, nhiều cấp, kéo dài, gây quá tải, tồn đọng đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, ảnh hưởng đến chất lượng việc phát hiện vi phạm.

Từ thực tiễn cho thấy, việc hủy án thường cho thấy còn tồn tại những hạn chế nhất định trong nhận thức và thực hiện pháp luật của các chủ thể tiến hành tố tụng, cũng như trong ý thức pháp luật của người dân. Do đó, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật chính là một giải pháp mang tính nền tảng, lâu dài để khắc phục những hạn chế đó. Tuyên truyền và giáo dục pháp luật không chỉ là một hoạt động mang tính nhận thức, mà còn có cơ chế tác động toàn diện đến quá trình thực thi pháp luật hình sự nói chung và hoạt động hủy bản án sơ thẩm nói riêng. Cơ chế đó thể hiện qua ba cấp độ: (1) Nâng cao tri thức và ý thức nghề nghiệp của cán bộ tiến hành tố tụng; (2) Nâng cao hiểu biết và khả năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân; (3) Hình thành môi trường pháp lý và văn hóa pháp quyền lành mạnh trong xã hội. Khi cả ba cấp độ này được thực hiện đồng bộ, việc hủy án sơ thẩm chỉ còn là biện pháp sửa sai cần thiết trong những trường hợp đặc biệt, chứ không phải là hệ quả phổ biến của sai phạm trong xét xử. Cụ thể:

Thứ nhất, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật có tác động trực tiếp đến đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng – những người có vai trò trung tâm trong việc ban hành và thực thi bản án hình sự. Khi được trang bị đầy đủ kiến thức pháp lý, được rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, cán bộ điều tra, kiểm sát viên, thẩm phán sẽ có khả năng nhận thức đúng đắn bản chất vụ án, vận dụng pháp luật chính xác và khách quan, tránh tình trạng áp dụng sai quy định hoặc vi phạm thủ tục tố tụng dẫn đến việc bản án bị hủy. Cơ chế tác động ở đây chính là từ tri thức đến hành vi pháp lý chuẩn mực: khi cán bộ được nâng cao nhận thức về vai trò và hậu quả pháp lý của mỗi hành động nghiệp vụ, họ sẽ tự giác tuân thủ quy trình, hạn chế sai sót chủ quan. Tuyên truyền, bồi dưỡng và giáo dục pháp luật còn giúp cán bộ hiểu rõ hơn ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc tranh tụng, và tôn trọng quyền con người trong tố tụng hình sự, từ đó xây dựng được văn hóa pháp lý nghề nghiệp chuẩn mực, tạo ra những bản án đúng pháp luật, hạn chế phải hủy án vì lỗi chủ quan.

Thứ hai, giáo dục pháp luật cũng có tác động mạnh mẽ đến người dân và các chủ thể tham gia tố tụng, như bị can, bị cáo, người bào chữa, người bị hại hay nhân chứng. Khi người dân có hiểu biết pháp luật, họ sẽ nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình tố tụng, biết cách khiếu nại, kháng cáo hoặc yêu cầu xem xét lại bản án theo đúng quy định pháp luật. Nhờ vậy, hoạt động giám sát, kiểm tra bản án sơ thẩm của cấp phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm trở nên hiệu quả, khách quan hơn. Đồng thời, người dân có hiểu biết pháp luật cũng sẽ hợp tác tích cực hơn trong quá trình điều tra, xét xử, cung cấp lời khai trung thực, đầy đủ – điều này giúp Tòa án có căn cứ chính xác để ra bản án đúng pháp luật, giảm thiểu nguy cơ sai sót dẫn đến việc phải hủy án. Mặt khác, khi hiểu rằng việc hủy bản án sơ thẩm không phải là một hình thức "phủ định công lý" mà là biện pháp pháp lý cần thiết để khôi phục công lý và bảo vệ quyền con người, người dân sẽ tin tưởng hơn vào cơ quan tư pháp, góp phần củng cố niềm tin vào pháp luật và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, tuyên truyền và giáo dục pháp luật còn tác động đến môi trường pháp lý và văn hóa pháp quyền trong xã hội. Một xã hội có trình độ hiểu biết pháp luật cao sẽ hình thành dư luận xã hội tích cực, có khả năng giám sát hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng. Dư luận tiến bộ và hiểu biết pháp luật sẽ tạo ra áp lực xã hội tích cực, buộc cán bộ tư pháp phải làm việc cẩn trọng, khách quan và tuân thủ quy định của pháp luật. Khi đó, mỗi bản án được ban hành không chỉ là kết quả của việc áp

dụng quy phạm pháp luật, mà còn là sản phẩm của trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp. Chính cơ chế này góp phần ngăn ngừa các hành vi thiếu trách nhiệm, định kiến, áp đặt trong xét xử – những nguyên nhân thường gặp khiến bản án sơ thẩm bị hủy. Bên cạnh đó, công tác giáo dục pháp luật còn giúp thống nhất nhận thức và cách hiểu pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là giữa cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Thực tế cho thấy, nhiều trường hợp hủy bản án sơ thẩm bắt nguồn từ việc đánh giá chứng cứ không thống nhất hoặc hiểu khác nhau về quy định pháp luật. Thông qua các lớp tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn pháp lý, việc tuyên truyền và trao đổi kiến thức sẽ giúp các cơ quan này có cách hiểu thống nhất, đồng bộ, bảo đảm việc giải quyết vụ án đúng căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Kết luận Chương 4

Việc quy định về huỷ bản án sơ thẩm trong pháp luật TTHS Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đảm bảo công tác xét xử của Toà án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội bằng việc Toà án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm phát hiện và khắc phục kịp thời những sai lầm trong công tác giải quyết vụ án mang tính chất tiên quyết. Nhà nước ta đặc biệt chú trọng tới công tác cải cách tư pháp để nâng cao hoạt động của hệ thống tư pháp nói chung và hệ thống TAND nói riêng. Tuy nhiên, quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật TTHS về huỷ bản án sơ thẩm trong thời gian qua vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, vướng mắc cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hơn, nhất là khi BLTTHS năm 2015 vừa có hiệu lực.

Thực tiễn thực hiện quyền huỷ bản án sơ thẩm của Toà án trong thời gian qua đã nảy sinh các vấn đề cần giải quyết như: Quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm đối với những phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị chưa cụ thể, rõ ràng dẫn đến việc Toà án cấp phúc thẩm không tiến hành xét xử trong những trường hợp cần thiết hoặc đã xét xử cả những phần của bản án lẽ ra phải xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Hay các căn cứ để huỷ bản án sơ thẩm chưa được quy định một cách chi tiết, rõ ràng nên vẫn bị phụ thuộc vào ý chí chủ quan của cơ quan, người tiến hành tố tụng mà chưa được áp dụng một cách thống nhất. Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 được ban hành đã lâu, vì vậy sẽ có nhiều quy định cần được xem xét, sửa đổi để hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Với nguồn tài liệu ít ỏi do đề tài viết về vấn đề trong BLTTHS năm 2015 vừa có hiệu lực, đồng thời thời gian nghiên cứu cũng có hạn nên tác giả chỉ đi sâu vào việc nghiên cứu, phân tích pháp luật và so sánh với BLTTHS cũ trên cơ sở phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, từ đó kiến nghị một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật Việt Nam. Tác giả mong muốn đóng góp những quan điểm của mình về vấn đề này và mong sẽ có nhiều quan điểm cũng như bài nghiên cứu mới để góp phần hoàn thiện pháp luật TTHS nước ta nói chung và quy định về huỷ bản án sơ thẩm trong pháp luật TTHS Việt Nam nói riêng.

KẾT LUẬN

Hủy bản án STHS là hoạt động của các tòa án có thẩm quyền nhằm đảm bảo cho quá trình giải quyết VAHS theo thủ tục TTHS đảm bảo chính xác, khách quan nhằm đạt được mục đích của TTHS. Với tầm quan quan trọng như vậy, Luận án đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về hủy bản án STHS như xây dựng khái niệm, chỉ ra đặc điểm, bản chất, ý nghĩa, các căn cứ và các biện pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về hủy bản án hình. Trên cơ sở đó, Luận án đã đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hủy bản án hịnh sự tại địa bàn cụ thể là các tỉnh Tây Nam Bộ rút ra được các hạn chế, chỉ ra được hạn chế trong thực hiện pháp luật về vấn đề này.

Từ việc làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về hủy bản án STHS, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hủy bản án STHS tại các tỉnh miền Tây Nam bộ cho thấy nhu cầu cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hủy bản án hình sự. Công việc này dựa trên những yêu cầu nhất định với tư cách là những quan điểm chỉ đạo định hướng cho việc hoàn thiện và thực hiện pháp luật về hủy bản án hình sự. Đó là: đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp trong bối cảnh tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền trong đó nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nền tư pháp trong sạch, hiện đại bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người.

Với những định hướng đó, vấn đề đầu tiên là cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật TTHS nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc hủy bản án hình sự trên thực tiễn. Đó là là hoàn thiện các quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm; thẩm quyền hủy bản án; các quy định về căn cứ hủy bản án, các quy định về hủy bản án của tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục có giải pháp về tổ chức nhằm đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật về hủy bản án hình sự trong thực tiễn như tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các chủ thể giám sát khác trong xã hội đối với hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động hủy bản án hình sự nói chung; nhận thức và thực hiện đúng vai trò của VKSND trong tố tung hình sự; nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân lực tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp nói chung và xét xử các VAHS nói riêng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TIẾNG VIỆT

1. Hồ Đức Anh (2008), *Bàn về thẩm quyền của toà án phúc thẩm trong việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng nặng đối với bị cáo,* Tạp chí Kiểm sát. Số 7/2008, tr. 35-39.
2. Nguyễn Ngọc Anh, Phan Trung Hoài đồng chủ biên (2018), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Phạm Văn An (2021), *"Thay đổi trong quan điểm chỉ đạo của Đảng về tổ chức xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm VAHS",* Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 16, Hà Nội.
4. Nguyễn Mai Bộ và cộng sự (2021), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới,* Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 89-NQ/TW ngày 26/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020,* Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020,* Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến hết năm 2020,* Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khoá IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020,* Hà Nội.
10. Vương Văn Bép (2014), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định chứng cứ trong Luật TTHS Việt Nam,* Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

11. Nguyễn Hòa Bình (Chủ biên) (2016), *Những nội dung mới trong BLTTHS năm 2015,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Lê Cảm (2005), *Bàn về tổ chức quyền tư pháp - Nội dung cơ bản của chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Tạp chí Kiểm sát (23).
13. Lê Cảm (2006), *Các yêu cầu bảo đảm cho hoạt động của hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền,* Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (9).
14. Phạm Văn Cảnh (2018), *"Thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử phúc thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam",* Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Cừ (2015), *Chứng cứ trong Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. Nguyễn Văn Chạm (2017), *"Hoạt động thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ trong điều tra theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước",* Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Lê Tiến Châu (2008), *Chức năng xét xử trong TTHS Việt Nam",* Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
18. Hồ Thị Kim Chi (2020), *"Hủy bản án sơ thẩm VAHS của TAND cấp huyện từ thực tiễn TAND TP.HCM",* Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Nguyễn Ngọc Chí và Lê Lan Chi đồng chủ biên (2022), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam,* Nxb Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
20. Nguyễn Văn Chung (2015), *"Thủ tục tố tụng tại phiên tòa XXST theo luật TTHS Việt Nam trước yêu cầu của cải cách tư pháp",* Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Nguyễn Huy Du (2012), *"Thực trạng giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm tại TAND- Những vướng mắc và kiến nghị"*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Tư pháp.

22. Nguyễn Đăng Dung (2012), *Tòa án Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
23. Hoàng Đình Dũng, Hoàng Tuấn Tú (2020), *Căn cứ hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại,* Tạp chí Kiểm sát. Số 20/2020; tr. 21-26, 39
24. Hoàng Đình Dũng (2021),*"Quyền hủy bản án sơ thẩm để điều tra và đình chỉ vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm",* Tạp chí Tòa án Số 23, Tháng 12-2021.
25. Giáp Bá Dự (2016), *"Hủy bản án HSST theo pháp luật TTHS Việt Nam - từ thực tiễn tỉnh Gia Lai",* Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII,* Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
27. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII,* Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
28. Trần Văn Độ (2001), *Một số vấn đề về hoàn thiện thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp,* TAND (6).
29. Trần Văn Độ (2004), *Từ nguyên tắc hai cấp xét xử đến tổ chức của Toà án,* TAND (12).
30. Trần Văn Độ (2007), *Nguyên tắc hai cấp xét xử và việc áp dụng nguyên tắc đó vào việc tổ chức Tòa án các cấp,* Tạp chí Nhà nước và pháp luật (5).
31. Nguyễn Minh Đoan (2011), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Thái Văn Đoàn, Trần Hạnh Thảo (2022), *Rút kinh nghiệm qua một số bản án, quyết định kinh doanh, thương mại bị hủy, sửa,* Tạp chí Kiểm sát.- Số 17 (2022) - tr 15-23
33. Phạm Hồng Hải (2003), *Mô hình lý luận BLTTHS Việt Nam,* Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Phạm Thị Minh Hải (2020), *Về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm VAHS,* Tạp chí Kiểm sát, số 17/2020, Hà Nội.

35. Lê Thị Hồng Hạnh (2009), *"Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử- Những vấn đề lý luận và thực tiễn",* Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
36. Trần Văn Hậu (2017), *Chất lượng XXST VAHS từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng,* Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Việt Nam.
37. Phan Chí Hiếu (Chủ nhiệm) (2012), *Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ: Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp đến năm 2020,* Hà Nội.
38. Hoàng Thị Hiền (2022), *"Hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS về thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại của HĐXXPT",* Tạp chí Công thương, số 12, tháng 5 năm 2022.
39. Nguyễn Văn Hiển (2011), *"Về nguyên tắc tranh tụng trong TTHS"*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Mai Thanh Hiếu (2012), *Thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong TTHS Việt Nam,* Tạp chí Luật học (10).
41. Mai Thanh Hiếu (2019), *Quyền sửa bản án sơ thẩm của toà án cấp phúc thẩm trong TTHS Việt Nam,* Tạp chí Luật học (10).
42. Bùi Ngọc Hòa (2020), *"Phạm vi xét xử phúc thẩm và thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam",* Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
43. Tô Văn Hòa chủ biên (2012), *Những mô hình TTHS điển hình trên thế giới,* Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
44. Phan Trung Hoài (2017), *"Địa vị và vai trò người bào chữa nhằm thực hiện chức năng gỡ tội trong TTHS",* Chuyên đề thuộc Đề tài Khoa học cấp Bộ của VKS nhân tối cao.
45. Phạm Minh Huấn (2022), *"Thẩm quyền của HĐXXPT đối với bản án sơ thẩm theo quy định của BLTTHS năm 2015",* Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Hoàng Mạnh Hùng (2010), *Hiệu quả của hoạt động xét xử trong TTHS,* Luận án Tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.

47. Nguyễn Mạnh Hùng (2022), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về kháng nghị phúc thẩm án hình sự của VKSND thành phố Hà Nội hiện nay,* Luận văn thạc sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

48. Phạm Mạnh Hùng (2018), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

49. Trần Văn Hùng (2018), *"Giới hạn xét xử theo quy định của BLTTHS năm 2015",* Tạp chí TAND điện tử.

50. Trần Văn Hùng (2023), *"Hủy bản án HSST theo quy định của BLTTHS, bất cập và kiến nghị hoàn thiện"*, Tạp chí Tòa án Số 2, Tháng 1-2023.

51. Nguyễn Văn Huyên (Chủ nhiệm) (2011), *Xây dựng cơ chế thi tuyển tư pháp quốc gia đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, Hà Nội.

52. Vũ Thị Thanh Hương (2022), *Thẩm quyền sửa bản án sơ thẩm của HĐXXPT trong TTHS Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

53. Trần Thị Quốc Khánh chủ biên (2014), *Hoàn thiện quy định của pháp luật để bảo đảm cho các cơ quan Nhà nước thực hiện tốt hơn chức năng điều tra, truy tố, xét xử trong TTHS,* Đề tài khoa học cấp bộ, Viện nghiên cứu Lập pháp thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hà Nội.

54. Vũ Đức Khiển (chủ nhiệm đề tài) (2005), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân,* Báo cáo phúc trình đề tài KX04.05 thuộc chương trình KX-04, Hà Nội.

55. Đoàn Trung Kiên (2019), *"Đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư tại Học viện Tư pháp - Thực trạng và triển vọng",* Tạp chí Nghề luật, số 1, tr.73-75.

56. Nguyễn Trung Kiên (2020), *Giám đốc thẩm trong TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật hình sự và TTHS, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội

57. Trần Thị Quốc Khánh (2014), *Hoàn thiện quy định của pháp luật để bảo đảm cho các cơ quan Nhà nước thực hiện tốt hơn chức năng điều tra, truy tố, xét xử*

trong TTHS, Đề tài khoa học cấp bộ, Viện nghiên cứu Lập pháp thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hà Nội.

58. Võ Minh Kỳ (2020), *"Các yếu tố tranh tụng trong mô hình tố tụng thẩm vấn truyền thống của Việt Nam"*, Tạp chí tòa án, Hà Nội.

59. Vũ Gia Lâm (2012) *"Về quyền hủy bản án HSST để điều tra lại hoặc xét xử lại của Tòa án cấp phúc thẩm",* Tạp chí Luật học, số 11;

60. Vũ Gia Lâm (2018), *"Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS Việt Nam"*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

61. Trần Thị Hương Lan (2020), *Thẩm quyền của HĐXXPT đối với bản án HSST và thực tiễn thi hành tại TAND thành phố Hà Nội,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

62. Hoàng Thị Liên (2015), *"Xử lý thế nào trong trường hợp tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra lại theo hướng nặng hơn đối với bị cáo",* Tạp chí dân chủ và Pháp luật, số 5.

63. Đàm Cảnh Long (2012), *Áp dụng pháp luật hình sự của TAND qua thực tiễn tỉnh Thanh Hóa,* Luận văn Thạc sĩ luật học, Khoa Luật, ĐH Quốc gia Hà Nội.

64. Phạm Văn Lợi chủ biên (2004), *Chế định thẩm phán - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nhà xuất bản tư pháp, Hà Nội.

65. Nguyễn Thị Hiền Lương (2019), *Thẩm quyền xét xử phúc thẩm VAHS của TAND và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Lào Cai,* Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

66. Trương Công Lý (2016), *Việc xem xét lại quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật của TAND các cấp trong những năm qua - Thực trạng và giải pháp,* Tạp chí dân chủ và pháp luật, link: https://danchuphapluat.vn/viec-xem-xet-lai-quyet-dinh-ban-an-da-co-hieu-luc-phap-luat-cua-toa-an-nhan-dan-cac-cap-trong-nhung-nam-qua-thuc-trang-va-giai-phap-1557.html

67. Trần Công Lý (2022), *Cấp độ vi phạm tố tụng,* Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, link: https://hcmcbar.org/NewsDetail.aspx?CatPK=4&NewsPK=111

68. Jay M.Feiman (2014), *Luật 101, mọi điều bạn cần biết về pháp luật Hoa Kỳ,* do Nguyễn Hồng Tâm, Trần Quang Hồng, Nguyễn Thị Thanh dịch, Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao hiệu đính, Nxb. Hồng Đức.
69. Nguyễn Đức Mai (2004), *"Phúc thẩm trong TTHS"*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
70. Phạm Thị Thanh Mai (2000), *"Giám đốc thẩm trong TTHS Việt Nam",* Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
71. Lâm Thị Thanh Nhàn (2014), *"Hoàn thiện pháp luật về quy định nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán nhằm nâng cao chất lượng xét xử VAHS trước yêu cầu cải cách tư pháp"*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
72. Võ Thị Kim Oanh (2012), *Giáo trình Luật TTHS*, Nxb Hồng Đức, TP. HCM.
73. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), *"Hoàn thiện pháp luật TTHS nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp",* Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
74. Nguyễn Như Phát (2014), *Một số ý kiến về cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay,* Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (3).
75. Hoàng Phê (1992), *Từ điển Tiếng Việt,Hà Nội,* Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
76. Lê Thanh Phong (2018), *XXST hình sự từ thực tiễn TP.HCM,* Luận án Tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
77. Nguyễn Trọng Phúc (2010), *Chế định các biện pháp ngăn chặn theo luật TTHS Việt Nam,* Luận án tiến sĩ, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.
78. Dương Thanh Quang (2021), *Về thẩm quyền kiến nghị của VKS trong công tác kiểm sát hoạt động tư pháp và thẩm quyền đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm,* Tạp chí Kiểm sát, số 09, Hà Nội.
79. Phạm Anh Quân (2020), *"Hủy bản án sơ thẩm hình sự từ thực tiễn TAND cấp cao tại TP.HCM",* Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.
80. Đinh Văn Quế (2003), *"Một số vấn đề về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm VAHS"*, Tạp chí Tòa án, số 9/2003.

81. Đinh Văn Quế (2004), *"Những trường hợp toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm",* Tạp chí TAND, Số 17/2004.
82. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận án và một số vấn đề thực tiễn áp dụng trong Bộ luật hình sự và BLTTHS*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, TP.HCM.
83. Đinh Văn Quế (2008), *Bình luận khoa học BLTTHS 2003 về XXST, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm,* Nxb Tổng hợp TP.HCM, TP.HCM.
84. Đinh Văn Quế (2013), *"Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng có tội - những vấn đề lý luận và thực tiễn",* Tạp chí Tòa án, số 8;
85. Quốc hội (1999), *BLHS năm 1999;.*
86. Quốc hội (2003), *BLTTHS năm 2003;.*
87. Quốc hội (2013), *Hiến pháp Việt Nam năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025)*
88. Quốc hội (2015), *Nghị quyết số 96/2015/QH13 về Tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động TTHS.*
89. Quốc hội (2015), *BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).*
90. Quốc hội (2015), *BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).*
91. Nguyễn Ích Sáng (2013), *Thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm của HĐXXPT theo quy định của BLTTHS năm 2003 và một số kiến nghị hoàn thiện,* Tạp chí Dân chủ & Pháp luật Số 7/2013, tr. 16-22.
92. Vũ Thị Thanh Tâm (2021), *"Hủy bản án sơ thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn TP.HCM",* Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.
93. Nguyễn Thị Thủy Tiên (2023), *"Quyền sửa bản án sơ thẩm của HĐXXPT theo Luật TTHS Việt Nam",* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP.HCM.
94. Nguyễn Huy Tiến (2010), *Hoàn thiện quy định của BLTTHS về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của VKS trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các VAHS,* Tạp chí Nhà nước và Pháp luật. Số 1/2010, tr. 65 - 74.

95. TAND tỉnh An Giang, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ... (2023), *Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2015-2020, 2021, 2022.*

96. TAND Tối cao (2006), *"Thực trạng hoạt động xét xử phúc thẩm và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm của các Tòa phúc thẩm TAND"*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

97. Trịnh Quốc Toản (2018), *"Nghiên cứu một số quy định đặc thù về thủ tục TTHS đối với pháp nhân trong BLTTHS năm 2015",* Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 34, Số 3 (2018) 11-25.

98. Nguyễn Thị Thanh Tú (2007), *Kháng nghị phúc thẩm hình sự của VKSND trong quá trình giải quyết VAHS,* Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, ĐH Quốc gia Hà Nội.

99. Phạm Văn Tuyển (2021), *Chất lượng XXST VAHS từ thực tiễn tỉnh Hải Dương,* Luận án tiến sĩ Luật Hình sự và TTHS, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

100. Nguyễn Thị Tuyết (2015), *Một số vướng mắc, bất cập trong truy tố và xét xử VAHS*, Tạp chí TAND, (9).

101. Hoàng Thị Giang Thanh (2020), *"Quyền sửa bản án sơ thẩm của Tòa án phúc thẩm theo BLTTHS năm 2015",* Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

102. Trần Trung Thành (2011), *"Huỷ bản án HSST ở cấp phúc thẩm - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

103. Phạm Phương Thảo (2018), *"Hủy bản án sơ thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn TP.HCM",* Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

104. Lê Xuân Thân (2003), *"Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của TAND ở Việt Nam hiện nay"*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

105. Lê Hữu Thể chủ biên (2010), *Các giai đoạn của TTHS Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn,* Đề tài khoa học cấp bộ, VKSnhân dân tối cao, Hà Nội.

106. Lê Hữu Thể, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy đồng chủ biên (2013), *"Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp",* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Đặng Thị Thơm (2017), *"TAND cấp cao tại Hà Nội nâng cao chất lượng xét xử phúc thẩm và giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm góp phần xây dựng chiến lược cải cách tư pháp tại TAND",* Tạp chí TAND, số 6, Hà Nội.
108. Nguyễn Văn Thuân (2016), *Quy định mới về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong BLTTHS năm 2015,* Tạp chí kiểm sát (7)
109. Nguyễn Thị Thủy (2014), *"Mô hình TTHS Việt Nam và vấn đề áp dụng tố tụng tranh tụng",* Luận án tiến sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
110. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
111. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Luật Hình sự,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
112. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020) *Giáo trình Luật TTHS,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
113. Nguyễn Văn Trượng (2018), *"Hoàn thiện một số quy định của BLTTHS về xét xử phúc thẩm theo tinh thần cải cách tư pháp",* Tạp chí kiểm sát (7).
114. Đào Trí Úc (2011), *"Các nguyên tắc của TTHS Việt Nam",* Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, số 2, tr.15-18.
115. Đào Trí Úc (2012), *"Xác định Tòa án có vị trí trung tâm xét xử là hoạt động trọng tâm"*, Tạp chí Kiểm sát, số 21, tr.23-26.
116. Ủy ban nhân dân các tỉnh miền Tây Nam Bộ (2024), *"Tổng hợp các Báo cáo Kinh tế - xã hội hàng năm"*.
117. Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh miền Tây Nam Bộ (2024), *Tổng hợp các Báo cáo về xét xử các cấp*.
118. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển Tiếng Việt,* Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
119. Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2004), *Bình luận khoa học BLTTHS,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

120. Nguyễn Vĩnh (2008), *Án treo - vướng mắc về thẩm quyền xét xử phúc thẩm theo quy định tại điều 249 BLTTHS,* TAND. Số 19/2008, tr. 11, 24.

121. Đặng Hoài Vũ (2021), *"Quyền bào chữa trong pháp luật Việt Nam",* Báo Công lý, số 12, tr.03-05.

B. TIẾNG ANH

122. Hamilton A (1948), *The Federalist No. 78,* Oxford: Basil Blackwell.

123. Robert A. Baruch Bust (1989), *Defining Quality in Dispute Resolution: Taxonomies and Anti-Taxonomies of Quality Arguments,* Denver University Law Review, số 66:3, tr. 336-380.

124. Benjamin L Berger (2005), *"Criminal Appeals as Jury Control: An Anglo-Canadian Historical Perspective on the Rise of Criminal Appeals",* Canadian Criminal Law Review.

125. Chief Justice Robert Fench AC (2011), *"Legal Education in Autralia - A Never Ending Story"*, Australian Law Teachers' Association Conference, Brisbane.

126. Francesco Contini và Davide Carnevali (2010), *The Quality of justice in Europe: conflict, dialogue and Politics,* Italian National Research Council.

127. Piter. D Marshall (2011), *"Comperative anlysis of the right to appeal",* Duke Journa of Comparative & International Law 1-46.

128. Etienne Vergès (2007), *"Procédure pénale, 2e éd., Litec, Paris".*

129. James H. McCord (2005), *"Crimnal Law an Procedure For the Paralegal-A systems aproach, 3rd Edition".*

130. J.A. Jolowicr (2009), *"Appeal, cassation, amparo and all that: what and why? Cambridge University Press".*

131. John N. Fedico, Henry F. Fradella, Christopher D. Totten (2008), *Criminal Procedure for the Criminal Justice Professional*, , 10th Edition, 2008.

132. Samer Skaik, Jemery Coggins, và Anthony Mills (2015), *Investigating the factors influencing the quality of adjudication of complex payment disputes in*

Australia, Procs 31st Annual ARCOM Conference, Association of Researchers in Construction Managment, Lincoln, UK, tr. 83-92

133. Y.Cai& J.Pottenger (2005), "*The Chinese Characteristics' of Clinical Legal Education",* in the global Clinicai movement, 89 (F.S. Bloched, 2011); P.Phan, Clinical Legal Education in China; In Pursuit of a Culture of Law and a Mission of Social Jusstice, 8 Yale Hum. Rts & Dev.L.J.117, 127.

134. Y.Cai& J.Pottenger (2009), *"The Chinese Characteristics' of Clinical Legal Education",* in the global Clinicai movement, 89 F.S. Bloched; S.L.Zhu, An Institutional Inquiry into Legal Skills Education in China, 20 Pac. McGeorge Global Bus & Dev. L.J.75, 81.